HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Số 40, tháng 5 & 6 / 1998





TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA

Tel: (714)537-5229 • E-mail: tchl@aol.com

Phát hành hai tháng một kỳ • Số 40, tháng 4&5/1998

Đại diện tại Florida: Triều Hoa Đại / Tel: (904)282-2419 • *Đại diện tại Houston, TX*: Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 • *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408)294-2413 • *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013 Paris. France / Tel: 33 (0) 1 45.83.19.12 • *Đại diện tại Na Uy:* Hoài Mỹ / Olsvikaasen 138. N-5079 Olsvik, Norway • *Đại diện tại Canada*: Trân Sa / Tel: (416)762-4659 &Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514)342-8018 • *Đại diện tại Australia*: Thường Quán / Tel: 61.3/ 8071.797 • *Đại diện tại Đông Âu*: Yên Phong / PSF-21. 37284 - Waldkappel. Germany

Chủ trương

Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Phạm Việt Cường, Hồ Minh Dũng, Triều Hoa Đại, Đào Trung Đạo, Phan Tấn Hải, Như Hạnh, Trần Diệu Hằng, Luân Hoán, Vũ Quỳnh N.H, Đỗ Kh., Nguyễn Trọng Khôi, Thụy Khuê, Thân Trọng Mẫn, Hồ Đình Nghiêm, Chân Phương, Thường Quán, Trân Sa, Hoàng Xuân Sơn, Đỗ Hữu Tài, Kiệt Tấn, Đặng Tiến, Tường Vũ Anh Thy, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Quốc Trung, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Tiến Văn, Lê Thị Thấm Vân, Trần Vũ, Trương Vũ

chủ biên

Khánh Trường

Thể lệ gửi bài

Kèm theo bài xin ghi địa chỉ, số điện thoại. Bài gửi cho *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trong trường hợp đã phổ biến, phải cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng, tránh bôi xóa quá nhiều. Nếu đánh máy xin chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết bằng computer xin gửi bài kèm đĩa (ghi rõ nhu liệu đang sử dụng: VNI, VNU, VPS..., và ký hiệu của bài). Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau ba số không thấy xuất hiện, tác giả tùy nghi sử dụng. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại. Có thể gửi bài qua E-mail.

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa KỳL ISSN: 1065-9323



Tranh Đinh Cường

Số 40, tháng 4 & 5 / 1998



MỤC LỤC

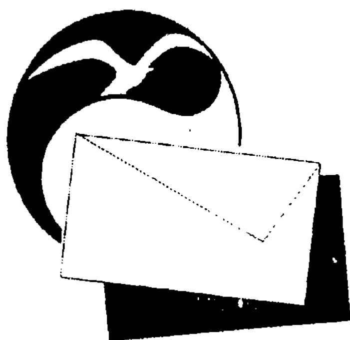
Tranh bìa:

Khương Huỳnh: Mênh mông (*thuốc nước*)





THƯ TÒA SOẠN



Chúng ta đều biết, sinh hoạt sách báo luôn chậm lại vào những tháng đầu năm. Các nhà xuất bản chưa vội in tác phẩm mới, mãi lực tại các nhà sách sút giảm đáng kể. Tình trạng này sẽ còn kéo dài đến hết tháng Tư.

Qua khỏi tháng Tư, độc giả lại có cơ hội nhìn thấy những đầu sách mới nằm trang trọng trên các kệ sách, với những mẫu bìa càng ngày càng đẹp. (Phương tiện máy móc hiện đại đã giúp rất nhiều cho các họa sĩ trình bày bìa.)

Tuy nhiên, điều chúng tôi vừa nói chỉ xảy ra vào những năm "phồn vinh" của thị trường chữ nghĩa hải ngoại. Một hai năm trở lại đây hình như các nhà xuất bản đã "thấm mệt". Hai nhà xuất bản lớn là Đại Nam và Xuân Thu thỉnh thoảng lắm mới nhận in sách mới. Nghĩa là họ chỉ chú tâm "tái bản" những cuốn nào bán chạy. Nhưng, như từ bao giờ đến bây giờ, và mãi mãi, các cuốn sách bán chạy đều thuộc lĩnh vực giải trí (*Chuyện thâm cung bí sử; Trinh thám; Gián điệp; Kiếm hiệp...*), hoặc thuộc lĩnh vực tình dục (*Đòi hỏi của tuổi dậy thì; Bí quyết gối chăn; Phòng the cẩm nang...*), hoặc thuộc lĩnh vực huyền bí (*Gọi hồn; Đồng bóng; Bói toán; Tử vi...*) Một loại nữa, bán chạy không kém, đó là các Hồi ký Chính trị của các "nhân vật quan trọng" (hay tưởng mình quan trọng) thuộc mọi phe pnái. Xuân Thu có nhà in riêng, chủ động được khâu án loát, nhan sách nào cạn, họ cho in lại vài trăm cuốn, bán hết mới in tiếp. Đại Nam cũng theo công thức trên, tuy không có nhà in riêng nhưng có hợp đồng với một cơ sở ấn loát ở Đài

Loan, chỉ cần một cú điện thoại là nửa tháng sau các đầu sách cạn lại đầy ắp trong kho.

Chỉ một nhà xuất bản nhỏ hơn, nhưng có uy tín lớn, là nhà Văn Nghệ, hầu như tháng nào cũng có nhan sách mới, và hầu như tất cả mọi tác phẩm do nhà này xuất bản đều được đánh giá cao.

Ngoài ra, một vài nhà xuất bản khác như Thanh Văn, Tân Thư, Văn Mới, Minh Văn...chỉ in ấn lai lai, cầm chừng.

Nhìn chung, tình hình xuất bản vài năm nay không khả quan.

Điều ấy khiến chúng ta băn khoăn. Nhưng hình như vẫn còn quá sớm để có thể có được một kết luận chính xác.

Trở lại với nội dung *Hợp Lưu* số này. Ngoài phần biên khảo rất phong phú với các bài nghiên cứu ngữ học của Nguyễn Bạt Tụy, Đoàn Xuân Kiên, Đặng Mi Lộc, các bài biên khảo, lý luận văn học của Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Vy Khanh, Nguyễn Hữu Lê, và một bài nghiên cứu sử học của Vĩnh Sính, *Hợp Lưu* trân trọng gửi đến độc giả các sáng tác thơ văn mới nhất của các tác giả trong, ngoài nước: Diễm Châu, Phạm Mạnh Hiên, Đỗ Quang, Lê Minh, Hồ Phổ Lại, Thận Nhiên, Thường Quán, Ngô Thế Vinh, Nguyễn Mạnh Trinh, Lê Thị Thấm Vân, Ngô Thị Kim Cúc, Nguyễn Nam An, Trần Long Hồ, Hoàng Xuân Sơn, Trần Thị Ngh., Đỗ Quyên, Võ Thị Hảo, Ngu Yên, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Bắc Sơn, Phan HuyềnThư, Miêng, Tadeusz Borowski, Jim Phelan, Nguyễn Mai Ninh, Phạm Việt Cường, Lâm Chương, Tường Vũ Anh Thy, Thiên Yên, Võ Đình, Hoàng Phủ Cương...

Đặc biệt mục *Ngày... Tháng* sẽ do Nghi Lâm - một bút hiệu khác của nhà thơ Phạm Việt Cường - viết thay cho Kim Thi một kỳ.

HỢP LƯU

này trình bày luộm thuộm, người viết đã tỏ ra chịu khó quan sát và đáng tin cậy, nên tôi đã không ngần ngại dùng làm tài liệu cho các mục 2.1 và 2. 2.1, mà bài đã đăng trong tập san Cao nguyên *không có.*

Ngoài chủ trương của tôi, cốt ở sự tôn trọng tinh thần nòi giống trong cách hành văn và loại trừ dần dần những tiếng mà các nhà trí thức của ta đã mượn của Tàu một cách thiếu suy xét hay đã rập khuôn theo Tàu một cách lố lăng, tôi cần nhấn mạnh ở đây vào phép phiên âm các tên miền Thượng. Phép này khác phép thông thường do người Pháp để lại và còn dấu vết trên các bản đồ của ta. Vì thiếu chỗ, tôi xin dành việc dẫn giải phương pháp của tôi cho một dịp khác, nhưng những nguyên tắc khái quát có thể thấy ở quyển Ngôn ngữ học Việt Nam *của tôi.(4)*

Sự hiểu biết ngôn ngữ một giống dân rất cần thiết cho sự tìm hiểu nếp sống cùng những khả năng tinh thần của giống dân ấy. Ở nước ta, ngoài người Việt Nam, các sắc dân thiểu số rất nhiều, nên sự tìm hiểu ấy càng phức tạp, khó khăn. Bởi vậy ta không lấy làm lạ thấy từ bao nhiêu năm nay sự nghiên cứu ngôn ngữ và văn hoá các sắc dân trên đất ta vẫn ở trong tay người nước ngoài: trước kia thì người Pháp, ngày nay thì người Mĩ.

Các lí do của sự bất lực của ta rất giản dị: thứ nhất là thiếu một tổ chức cần thiết cho những cuộc tìm tòi sâu rộng, thứ nhì là có một vài người tạm gọi là chuyên môn ở nước ngoài về thì chưa đủ tư cách làm những công việc thuộc loại này, vốn đòi hỏi nhiều đức tính cần cù, hi sinh, nhất là những hiểu-biết chính-xác về âm-thanh, thứ ba là các sách soạn ra không có cơ-quan nào sẵn-sàng đảm-nhận việc ấn-hành, chớ chưa nói gì đến việc tìm cho được một số ít người biết thưởng-thức.(5)

Nhưng nếu sự tiến-bộ của loài người nói chung chính là sự khắc-phục những khó-khăn để vươn mình tới chỗ hay hơn, đẹp hơn, thì sự phát-triển

---

(3) Quen mượn của Tàu và dịch ở tiếng Pháp *question* mà nói *vấn đề*. Thực ra *vấn đề* chỉ là một 'đề hỏi' bao gồm một hay nhiều 'câu hỏi' mà mình cần giải đáp; hay đặt ra để người ta giải đáp. Ta không thể theo đuôi Tàu như một con vẹt mà cũng nói *vấn đề* để dịch một nghiã khác của *question*, khi đó là một 'đề đang xét hay cần phải xét',nghiã là một *đề xét*.

(4) Nay chỉ còn để bán ở số 150 đường Cống Quỳnh, Sài Gòn, và một ít ở số 20 đường Huyền Trân công chuá, Huế. Xin để ý nhất là *â* đã thay cho *ơ* ở các tên liên quan đến miền Thượng.

(5) Thí-dụ quyển *Học-âm-lời Việt-Nam* rất công phu của tôi, dịch ở quyển *Phonologie vietnamienne* (chưa xb,)và đã viết theo lời yêu-cầu của Viện Đại-học Huế, rồi đã bị bỏ rơi từ 5 năm nay.



NGUYỄN BẠT TỤY

CÁC NGỮ Ở VIỆT-NAM*



Vài lời nói đầu

Từ khi hai loạt bài nghiên-cứu cuả tôi bị nhận chìm ở nửa chừng cách đây 5 năm, do tay một số người không hiểu trách-nhiệm đối với văn-hóa nòi-giống là gì: bài 'Ngữ Việt trên đất Việt' ở tờ Văn hoá nguyệt san sau khi có sự thay đổi giám-đốc, và bài 'Ngữ Việt ở Quảng Trị' ở tờ Đại học, tôi đã quyết-định không viết gì nữa mà để hết thì giờ vào việc sưu-tầm.

Nay Ông Lê văn Hảo, chủ-trương tập Nghiên cứu Việt Nam, có lòng yêu, mời tôi góp phần vào sự tìm hiểu đất nước mà không nệ những ý kiến khác biệt, tôi thấy đã đến lúc lần lượt công bố các tài liệu để những kẻ vô trách nhiệm hiểu rằng trong năm năm qua lẽ ra những tài liệu ấy đã giúp ích ra sao cho nền học vấn và giáo dục trong nước.

Bài sau đây tôi đã viết theo lời yêu cầu cuả Nha Đặc trách Thượng vụ(1) và đã đăng trong tập san Cao nguyên. Vì việc ấn loát tập ấy không cẩn thận lại nhân đọc một thiên khảo cứu cuả Vương Hoàng Tuyên về các sắc dân ngoài Bắc, nhan đề Các dân tộc nguồn gốc Nam Á miền bắc Việt Nam*(2), tôi thấy cần bổ túc cho đề xét(3) đầy đủ hơn. Mặc dầu quyển sách*

---

* Đã đăng lần đầu trong tập san *Nghiên cứu Việt Nam* số 2 , Huế (hè 1966), tr. 2-24.

(1) Nay đổi thành Phủ Đặc trách Thượng vụ.

(2) Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1963.

của văn hóa dân ta nói riêng phải là sự cố-gắng không ngừng, mặc dầu mọi trở-lực để tự làm cho mình, tìm-hiểu lấy mình. Huống chi, trong giai-đoan hiện-tại, bên cạnh phương-diện văn-hoá thuần-tuý trong đó danh-dự nòi-giống có liên-quan mật-thiết với những thực-hiện văn-hoá, còn có khía-cạnh hội-sống trong đó có sự hiểu-biết tương-hỗ là điều-kiện tất-yếu cho sự đồng-tiến hội-sống.(6)

Hơn nữa, dân ta từ bao nhiêu đời nay vốn có cái mặc-cảm tự-ti: tự-ti trước nền văn-hóa Trung hoa, thứ văn-hóa đã dựa vào thế-lực binh-bị mà chi-phối cả đời sống tinh thần của ta trong bao nhiêu thế-kỉ; tự-ti trước ánh sáng văn-minh Âu-Mĩ, loại văn-minh tưởng như toàn-thiện toàn-mĩ, đáng làm khuôn vàng thước ngọc cho ta nhắm mắt theo liều. Bởi vậy ta chỉ có bắt-chước, và riêng trong hạt văn-hóa, thường chỉ có *dịch, chép*, mà quên rằng chính ta mới có-thể hiểu rõ ta và những gì hiện có hiện còn trên đất ta.

Muốn chứng-tỏ khả-năng nghiên-cứu của người Việt-Nam muốn phủ-nhận quan-niệm rằng những người nghiên-cưú của ta chỉ có 'chép' và 'dịch', nhất là muốn nêu một phong trào 'nghiên cứu cho ra nghiên cứu', tôi đã theo đuổi công-cuộc khảo-sát văn-hóa và ngôn-ngữ từ nhiều năm nay. Riêng trong gần 6 năm vừa qua, tôi đã để chân trên gần khắp mảng đất miền Nam thân-yêu này, đã tiếp-xúc với hầu hết các sắc dân và đã ghi-nhận biết bao nhiêu nếp sống từ miền Kinh tới miền Thượng.

Để giới-thiệu một cách thật tóm-tắt phạm-vi khảo-sát của tôi về mặt ngôn-ngữ, và để giúp bạn đọc có một cái nhìn khái-quát về tình-trạng các ngôn-ngữ trên đất ta, tôi chỉ trình-bày dưới đây cái 'dàn bài' của một đề-xét to-rộng mà rồi-đây tôi sẽ khai-triển trong một quyển đầy-đủ hơn và trong những công-trình nghiên-cứu khác.(7)

Vậy nói đến 'các ngữ ở Việt-Nam' là nói đến cả ngữ Kinh, tức ngữ "Việt", lẫn các ngữ thiểu-số. Đại-khái thì ngữ Kinh nói ở miền đồng-bằng, là phạm-vi hoạt-động của người "Việt", còn các ngữ thiểu-số nói ở các miền Thượng, tức miền núi, một phần lớn, và cả ở miền đồng-bằng, như các vùng đồng-bào "Việt" gốc Miên, "Việt" gốc Chàm, là những vùng không thể gọi là vùng Thượng được. Thật ra, ngày nay người Kinh đã ở len-lỏi

---

(6) Tức *xã-hội*. Ta có thể nói *hội-sống loài người, hội-sống loài vật.*

(7) Xin đón xem chẳng hạn: *Le voyelles viêtnamiennes: Etude synchronique et diachronique* do Viện Khảo-cổ Viễn-Đông Pháp (Ecole Francaise d'Extrême-Orient) đang in; Les/1/d*ans les langues nesiennes du Việt-Nam*, sắp in; *Nos recherches linguistiques au Việt-Nam*, đang soạn.

khắp nơi, từ biển đến núi, và chẳng bao lâu nữa sự phân-biệt trên đây cũng chỉ có một giá-trị tương-đối.

Trái lại, xét về đặc-tính của các ngôn-ngữ trên đất ta, ta có-thể chia ra 6 nhóm lớn:

1. Nhóm .*Giao-Thái*
2. Nhóm *Mon-Khâme*
3. Nhóm *Nê*
4. Nhóm *Mán-Mèo*
5. Nhóm *Miến-Tạng*
6. Nhóm *Hoa*

1. Nhóm Giao-Thái

Nhóm này quan-trọng nhất và bao-quát hết Bắc-phần, miền ven-biển Trung-phần và vùng đồng-bằng Nam-phần. Nhóm này gồm có hai họ: họ *Giao* và họ *Thái*, là hai họ ngữ có những đặc-tính gần-gũi nhưng không thể kể chung làm một được, vì thuộc hai hệ-thống cấu-tạo khác nhau.

1.1. Họ *Giao* thuộc tiếng nói của giống người xưa gọi là Giao-chỉ(8), nay một phần chậm-tiến ở lại miền núi, quen gọi là Mường; và một phần đã bành-trướng từ Bắc chí Nam, quen gọi là Việt.

1.1.1. Ngữ Mường, hay đúng hơn, ngữ-Giao-Mường, là ngôn-ngữ của một số ít người Giao xưa, chưa chịu ảnh-hưởng văn-hóa Tàu, còn giữ được nhiều tiếng xưa, giọng xưa. Những người Giao này tự gọi mình là *mọl Mường* 'người ở các mường', gọi người miền xuôi là *mọl chợ* 'người ở dưới chợ', nếu không dùng danh-từ *mọl Tảo*, là tiếng họ tránh nói, vì sợ làm mích lòng người Kinh.

Ngược lại, khi người miền xuôi nói *người Mường* thì thoạt đầu cũng hiểu là 'người ở các mường', cũng như họ tự xưng là *người Chợ, người Kinh*. Dần dà, vì ít tiếp xúc với các mường, tức những làng trên miền núi ấy, họ đã

---

(8) Tên Giao-chỉ chỉ giống người có 2 ngón-chân cái giao nhau. Cách giải-thích này đã bị những lí-luận rất khoa-học bác bỏ, chứng-minh rằng nhiều chủng-tộc khác cũng có ngón chân cái giao nhau. Nhưng chúng ta, phải tự đặt mình vào địa-vị một người Trung-hoa của thời xưa, nghe không được xa, nhìn không được rộng, để hiểu rằng không có gì là lạ, khi họ gọi ta bằng những đặc-tính dễ thấy đó. Giọng xưa của Giao là /kaw/ rồi thành /kew/, và tiếng sau này người Thái còn dùng để gọi người 'Việt' ta. (xth, bài 'Ngữ-Việt trên đất Việt' trong *Văn-hó a nguyệt-san* số 64 và 67 (1961) và 68 (1962).

dùng tiếng *Mường* theo nghĩa một dân tộc.

Hiện nay ngữ-Mường còn nói ở vài vùng trong các tỉnh Phú-Thọ, Sơn-Tây, Hà-Đông, Hà-Nam, Ninh-Bình, khắp tỉnh Hòa-Bình, một phần tỉnh Thanh-Hóa, Nghệ-An, Quảng-Bình và ngay ở tỉnh Khăm-Muộn (Cammon) bên Lào, nghĩa là từ sông Đáy ở phía Bắc đến sông Gianh ở phía Nam.

Một số người Mường đã di-cư vào Nam và tập-trung tại vài điểm: làng Hoàng-Ân ở Plêy-Ku, hai làng Hòa-Bình và Phú-Đức ở Đạg-Lắk, làng Tân-Lập ở Long-Khánh. Các ngữ-miền Mường sẽ được đề-cập ở một dịp khác(9).

1.1.2. Ngữ Việt, hay đúng hơn ngữ-Giao-chợ, là ngôn ngữ của những người Giao đã chịu ảnh hưởng Tàu mạnh đến nỗi quên mất nhiều tiếng Giao xưa, mà quay ra mượn rất nhiều tiếng của Tàu. Một số tiếng mượn hợp với tinh thần Giao đã được quần chúng bình-dân thừa-nhận, nhưng còn không biết bao nhiêu 'tiếng Tàu' do giới trí-thức xưa và nay đem vào bộ-tiếng Giao-chỉ là những vá-víu đầy tinh-thần ỷ-lại làm suy-đồi ngôn-ngữ nòi-giống đi thôi.

Chính giới trí-thức ấy phải chịu trách-nhiệm về sự gán cho dân ta cái tên Việt, và tôi đã có lần giải-thích rằng tên ấy là do óc sính-Tàu của ta: Tàu mới hay, Tàu mới giỏi, gốc ở Tàu mới sang và nghĩ như Tàu mới là 'văn-chương', mới là 'hợp công-thức'.(10)

Các ngữ miền Giao-chợ sẽ được đề cập ở một dịp khác.(11)

1.2. Họ *Thái* gồm có:

1 Ngữ-Thái thông dụng tại miền thượng-du Bắc-phần, và chia ra ba ngữ-miền chính: Thái-trắng, Thái-đen, Thái-đỏ. Ngoài ra, tuỳ gốc tích của mỗi sắc dân Thái, ta còn phân biệt:

- ngữ-Lự, nói ở Mường-Lự (Phong-sa-lị)
- ngữ-Tày-một, nói ở Mường-Một (Thanh-Hoá)
- ngữ-Tày-đeng, nói ở Mường-Đeng (Thanh-Hoá),v.v...

2 Ngữ-Thổ, hay ngữ-Thổ-Tày, hoặc Thổ-áo-dài, nói ở các vùng Cao-Bằng, Lạng-Sơn và Hà-Giang.

3 Ngữ-Nùng, hay Thổ-áo-ngắn, chịu ảnh-hưởng Tàu sâu hơn, nói ở các

(9) Xin xem ở: *Nos recherches linguistiques au Việt-Nam,* dtr.

(10) X. Nguyễn Bạt-Tụy 'Ngữ-Việt trên đất Việt', dtr.

(11) Xin xem ở :*Les voyelles viêtnamienne: Etude synchronique et diachronique,* dtr.

vù ng Lạ ng-Sơn, Đồ ng-mỏ , Hả i-Ninh.
4 Ngữ-Nhắng, nói ở Bảo-Lộc, chỗ giáp ranh nước Tàu.
5 Ngữ-Ngạn, nói ở Cao-Bằng.
6 Ngữ-Dioi,(12) thông-dụng tại một vài thôn ở Hà-Giang.
7 Ngữ-Lào, nói ở huyện Tương-Dương, tỉnh Nghệ-An, ở Bản-Phường, một làng nhỏ trên bờ hưũ sông Chê-Pôn, ở phía Tây tỉnh Quảng-Trị và Ban-Đon, một vùng phía Tây tỉnh Đag-Lắk.

2. Nhóm Mon-Khâme

Nhóm này, xét một cách tổ-quát, có tính-cách những ngữ-Mon ở Miến-Điện hay ngữ-Khâme ở Cambốd, nên thành tên ấy. Nó chiếm một vùng rộng lớn, xưa tới tận Bắc-phần mà lan xuống suốt miền Nam, đông tràn qua dẫy Tràng-Sơn, tây lấn sang đất Lào. Nó gồm có 6 khối: khối Bắc, khối Trung-trên, khối Trung-giữa Đông, khối Trung-giữa Tây, khối Trung-dưới và khối Nam.

2.1 Khối Bắc chiếm một vùng ở tây-nam sông Hồng và gồm có hai ngữ chính: Mang và Kháng.

1 Ngữ-Mang, cũng gọi là Mạng-ư, nói ở Sình-hồ, Mường-Lai, Phong-Thổ (Lai- Châu)
2 Ngữ-Kháng, cũng gọi là Xá, nói ở một vùng rộng gồm nhiều châu: Mộc, Yên, Thuận, Mai-sơn,vv. và chia ra vài ngữ-vùng:
Kháng Klậu ở Tuần-Giáo, cũng gọi là Xá Cẩu
Tềnh ở châu Mộc
Puộc ở các châu Yên, Mộc và Phủ-Yên
Kháng-Ái ở châu Lai, châu Thuận, cũng gọi là Xá Khao.

2.2. Khối *Trung-trên* chiếm một vùng từ Nghệ-An xuống tới đèo Hải-vân, trong phạm-vi 5 tỉnh: Nghệ-An, Hà-Tĩnh, Quảng-Bình, Quảng-Trị và Thừa-Thiên. Khối này gồm có 3 chi: Trung-trên Thượng, Trung-trên Giữa và Trung-trên Hạ.

2.2.1. Chi Trung-trên Thượng thuộc về phần đất Nghệ-An và có ba

---

(12) Tôi đã có dịp quan-sát tất cả các ngữ-Thái vừa kể, trừ ngữ-Dioi này mà tôi không có cách gì hơn là, căn cứ vào các tài-liệu của người Âu để gọi tên. Nên nhớ rằng người Âu không mấy khi diễn-tả đúng tên các dân-tộc và ngôn-ngữ ở đây, và riêng vần ioi đủ để ta nghi-ngờ giá-trị của tên ấy rồi.

ngữ-vùng cùng là ngữ-Kháng cả, nhưng gọi bằng tên khác:

1 Tày Hạy, còn gọi là Xá-Cẩu, nói ở chỗ giáp giới Lào.

2 Tày Hạt, nói ở Tà-Cạ, vốn là ngôn-ngữ của một bộ-lạc Kháng từ Lào di-cư sang.

3 Thèng, nói ở Cửa-Rào.

Còn một ngữ-vùng quen gọi là Tày Poọng thì đó là một ngữ-Giao-mường ở tình-trạng rất sơ-khai mà chúng tôi sẽ đề-cập ở một dịp khác.

2.2.2. Chi Trung-trên Giữa thuộc về phần đất hai tỉnh Quảng-Bình và Quảng-Trị, và gồm có 4 ngữ-vùng gần giống nhau:

1 Ngữ-Khùa ở huyện Tuyên-Hoá, tỉnh Quảng-Bình.

2 Ngữ-Trì ở huyện Quảng-Ninh, tỉnh Quảng-Bình.

3 Ngữ-Mănk-kong ở huyện Quảng-Ninh, tỉnh Quảng-Bình và một ít ở tỉnh Quảng- Trị.

4 Ngữ-Bru(13) còn gọi là Vân-Kiều, ở huyện Lệ-Thuỷ, tỉnh Quảng-Bình, và các quận Gio-Linh, Cam-Lộ, Ba-Lòng và Hướng-Hoá, tỉnh Quảng-Trị. Riêng ở Quảng-Trị, ngữ-Bru còn chia ra ba ngữ-vùng không khác nhau là bao:

Bru Kaney ở Gio-Linh, Cam-Lộ, Ba-Lòng và miền bắc Hướng-Hoá.

Bru Kađô ở miền nam Hướng-Hoá.

Bru Ưna ở vùng dọc sông Chê-pôn sát ranh Lào-Việt.

Cũng như các ngữ-Nguồn, ngữ-Sách, vài ngữ gọi là A-rem, Mèy, Rục ở Quảng-Bình chỉ là những-ngữ-Giao-Mường mà ta không nói đến ở đây.

2.2.3. Chi-Trung-trên Hạ thuộc về phần đất tỉnh Thừa-thiên gồm có 3 ngữ:

1 Ngữ-Pakoh/pakôh/ với các ngữ-vùng của nó ở quanh-quẩn vùng sông

Bồ là các xã Thượng-Lương, Thượng-Điền, Thượng-Ninh.

2 Ngữ-Pahi/Pahi/ có tính-cách hơi khác ngữ-Pakoh, ở vùng Hòa-Mĩ.

3 Ngữ-Phương / phuaP/ hơi khác hai ngữ trên, ở vùng Nam-Đông.

Người ta quen nhắc nhở đến ngữ-Tồi-ôi, nhưng ngữ này nói ở phía Lào, chớ ở bên này ranh không có một bộ-lạc Tồi-ôi nào.

---

(13) Bru vốn nghiã là 'người Thượng', và người ta nói / bru taôy / 'người Tồi-Ối' cũng như /bru mọnkơn/ 'người Măng-Koọng'. Đó cũng là trường-hợp của nhiều tên mà ta gán cho các bộ-lạc Thượng: Pakoh, Sâđiêng, v.v...

2.3. Khối *Trung-giữa Đông* chiếm các vùng ở phía đông Tràng-sơn trong phạm-vi các tỉnh Quảng-Nam, Quảng-Tín và Quảng-Nghĩa. Nó gồm có 4 ngữ chính: Katu,Lala, Kor, và Hrê.

1 Ngữ-Katu /Katu/ ở cực-nam Thừa-Thiên và phần bắc Quảng-Nam, ngoài ba giọng chính ở Nam-Đông, Hiếu-Đức và Thường-Đức, còn chia ra loại Katu Yal (Katu cao, ở vùng núi) và Katu Êb (Katu thấp, ở vùng thấp).

2 Ngữ Lala /Lala/ ở Quảng-Tín, với các ngữ-vùng ở các xã Tu, Đốc, Bầu thuộc quận Hậu-Đức (vốn là Trà-Mi).

3 Ngữ-Ve ở Hậu Đức.

4 Ngữ-Kor /kor/ ở Quảng-Tín với ngữ-miền Kol ở vùng Tam-Kì; ở Quảng-nghĩa với các ngữ-miền Kol vùng Bình-Thượng, Kor hay Kol ở vùng Trà-Bồng, Kuô vùng Sơn-Hà.

5 Ngữ-Hrê /hrê/ ở Quảng-Nghĩa gồm có 3 ngữ-miền không khác nhau là bao, thuộc ba bộ lạc lớn mà tên đặt theo tên sông chảy qua mỗi vùng:

- Hrê ở Ba-Tơ, do tên sông Hrê /hrê/
- Krế ở Sơn-Hà, do tên sông Krế /krế/
- Râbah ở Minh-Long ta xưa quen gọi là Mọi Đá-Vách và đồn rằng họ có đuôi, nhưng sự thực không phải thế. Ngoài ra ở vùng Đồng Ké, phía dưới quận Sơn-Hà, bên bờ sông /Krê/ do đó có tên Đồng-Ké. Có một số người Krế đã chịu ảnh hưởng của ta khá lâu,tự nhận là Chòm. Có lẽ vì tiếng *Chòm* này, phát âm theo giọng Quảng-Ngãi nghe gần như Chàm nên trên bản-đồ dân ngữ của Viện Khảo-Cổ Viễn-Đông Pháp (Carte ethno-linguistique de l'Ecole Francaise d'Extrême-Orient) ta thấy một vùng kẻ sọc xanh tỏ là vùng Ngữ-Nê (tức Malayo-Polynésien) bao-gồm cả ba quận Sơn-Hà, Ba-Tơ và Minh-Long. Đó là một sai lầm cần phải sửa, vì phạm-vi của ngữ-Nê chỉ tới quận Văn-Canh tỉnh Bình-Định với ngữ-Haroy mà thôi (x. 3.1.).

2.4. Khối *Trung-giữa Tây* chiếm các vùng phía tây Tràng-Sơn riêng trong phạm-vi tỉnh Kon-Tum. Kể từ bắc xuống nam nó gồm có 10 ngữ:

1 Ngữ-Đuôn ở cực-bắc quận Đạg-Súđ(14)

2 Ngữ-Gié /jeh/ ở quanh vùng Đạg-Sút với hai ngữ-miền: Gié Bắc và Gié Nam

3 Ngữ-Hâlank /hâlaP/ với hai ngữ-miền: một ở Đạg-Sút, một ở Kon

---

(14) Tất cả những ngữ kể đây tôi đều đã quan-sát tận-nơi, trừ ba ngữ có số thứ-tự để trong ngoặc mà tôi xin nêu ra với tấ-cả dè-dặt: 2.3(3) Ve; 2.4(1) Đuôn; (6) Kâtuô.

-Tum, và riêng ngữ-miền sau này còn chia ra hai giọng.

4 Ngữ Sâ-Đang /sâdaP/ với các ngữ miền ở Đạg-Tô, Đạg-Mót, nhất là Tumronk, gọi là Htêạ /htêa;/ (do tiếng *Sadang* nói biến giọng đi).

5 Ngữ-Kayonk /kayoP/ ở Đag-Wang, phiá tây quận Đạg-Sút, có lẽ là một ngữ- miền của ngữ-Kayonk vùng Sơn-Hà (Quảng-Ngãi). Chúng tôi chưa có dịp quan-sát giọng Kayonk sau này, vì nó ở vào một vùng rất hẻo-lánh.

6 Ngữ-Kâtuô ở Mank Buk.

7 Ngữ-Manâm /mânâm/ ở quận Chương-Nghĩa, với hai giọng-vùng khác nhau, và còn gọi là Bânâm /bânâm/ ở các bộ-lạc khác.

8 Ngữ-Rângaw /râPaw/ ở quận Kon-Tum.

9 Ngữ-Bahnar /bahnar/ ở Kon-Tum và Pley-Ku với cá ngữ-miền: ở Kon-Tum, ở đông-bắc Kon-Tum (Jâlânk), ở Plêy-Ku (Gâlar /gâlar/), ở Plêy-Bonl, và ở An- Khê (Alakông /alakôP/ 'dưới núi').

2.5. Khối *Trung-dưới Tây* chiếm từ vùng nam tỉnh Đạg-Lák (Darlac) xuống các tỉnh Quảng-Đức, Phước-Long, Bình-Long, Tuyên-Đức, Lâm-Đồng, Bình-Tuy. Nó gồm có 5 ngữ chính:

1. Ngữ-Mânông /mânôP/ ở quận Lạc-Thiện (Đag-Lák) và quận Đức-Xuyên (Quảng-Đức), với các ngữ-miền:

- Râlăm /râlam/ ở ngay Lạc-Thiện và bắc Đức-Xuyên.
- Gar /gar/ ở tổâng Đag-Phoy (phía đông-nam).
- Hâmôn /hâmôn/ ở tổng Krônk Bônk (phía cực-đông).
- Kôênh /kôêp/ ở xã Yang Bam (phía cực đông-nam).

2. Ngữ-Bunong /bunoP/ ở Quảng-Đức và Phước-Long, ới các ngữ-miền:

- Preh /preh/ ở quận Đức-Lập.
- Đibri /dibri/ ở phía đông Đức-Lập.
- Prânk /prâP/ ở quận Đức-Xuyên.
- Không tên riêng ở quận Kiến-Đức.
- Buđib /bBib/ ở quận Đức-Phong (Phước-Long).

3. Ngữ-Sadiêng /sadiêP/ ở Phước-Long và Bình-Long, với những ngữ-miền chẳng những đặc-biệt cho từng vùng, mà còn cho từng quận, nhất là ở Bình-Long.

4. Ngữ-Kâho /kâho/ ở Tuyên-Đức, Lâm-Đồng, Quảng-Đức, Bình-Tuy và Khánh- Hòa, với các ngữ-miền:

- Mạ /ma;/ ở Lâm-Đồng, Hoài-Đức (Bình-Tuy), Định-Quán (Long-Khánh), Đức-Xuyên (Quảng-Đức), Đơn-Dương (Tuyên-Đức).

- Srê /srê/ ở Jirink (Lâm-Đồng) và Đức-Trọng (Tuyên-Đức).

- Chil /cil/ ở Đơn-Dương và Lạc-Dương (Tuyên-Đức).

- Tàlốp /talôp/ là thứ ngữ-Mon-Khâme đã chịu ảnh-hưởng khá mạnh của ngữ-Chàm, trên đường Jirink-Phan-Thiết.

- Tring /triP/ ở Hoài-Đức (Bình-Tuy) và Đơn-Dương (Tuyên-Đức).(15)

5. Ngữ-Chraw /craw/ ở Long-Khánh,Bình-Tuy, Tây-Ninh và Bình-Long với các ngữ-miền ở Xuân-Lộc, Túc-Trưng (Jro /jro/), Bà-Giêng, Tánh-Linh (Ro), Minh- Thạnh và Tây-Ninh (Tamun).

2.6. Khối *Nam* gồm có 3 ngữ-miền Khâme do những người Việt gốc Miên nói ở 3 điểm khác nhau trong phạm-vi Nam-phần:

- Ngữ-miền Nam-trên ở Phước-Long, Bình-Long, Phước-Thành, nơi mà người Miên có tên gọi là Sray /sray/

- Ngữ-miền Nam-giữa ở các tỉnh sát ranh Cambôd: Rạch-Gía, HàTiên, Long-Xuyên, Châu-Đốc.

- Ngữ-miền Nam-dưới ở các tỉnh Cần-Thơ, Sóc-Trăng, Vĩnh-Long, Vĩnh- Bình.

3. Nhóm Nê

Nhóm này vốn là một chi cuả họ ngũ-Nê ở miền Nam-Dương mà người Âu quen gọi là Mãlai-Nê-nhiều (malayo-polynésien) và nhà ngôn-ngữ W. Schmidt người Đức đã đặt tên cho là Nê-nam (austronésien). Trong thiên khảo-cứu *Les /l/ dans les langues nésiennes du Việt-Nam* đã dẫn thiếu-sót vì họ ngữ này phải gồm cả các ngữ-Nê-Đen (mélanésien) và ngữ-Nê-vi (micronésien). Tôi cũng nhận-xét rằng tiếng *austronésien* không ổn, vì như ta đã thấy, 'Nê-nam' không thể chỉ gồ được 'Nê-nhiều', 'Nê-vi', vv., khi mà còn có những ngữ-Nê ở Mađagáđka về phía tây, ở Đài-Loan về phía bắc. Vì vậy, với các nhà-khảo-cứu Âu-Tây tôi đã đề-nghị tiếng *nésien* làm tiếng chung, và đây tôi cắt thêm một lần nữa mà chỉ giữ lại tiếng Nê trong ngữ ta thôi.

Riêng ở đất ta các ngữ-Nê chia ra làm 2 khối: khối Chàm và khối Thượng.

3.1. Khối *Chàm*, chính là Chăm / cam /, chiếm một vùng ven biển miền

---

(15) Gần 800 người Tring ở đây vốn từ quận Diên-Khánh (Khánh-Hòa) chạy về.

Trung, từ Ninh-Thuận đến Bình-Tuy, và một vùng giáp ranh Cambốđ, ở tỉnh Châu-Đốc, và lẻ-tẻ một ít ở Tây-Ninh và Lộc-Ninh. Do đó ta lại phân-biệt 2 chi: chi Trung và chi Nam.

A. Chi Trung là một ngữ-miền đã qua nhiều biến-đổi khiến ngôn-ngữ người già và ngôn-ngữ người trẻ khác nhau đã đành, mà ngôn-ngữ mỗi vùng cũng khác nhau. Ta có 3 ngữ-vùng ở chi Trung:

- Ngữ-vùng Ninh-Thuận
- Ngữ-vùng Bình-Thuận
- Ngữ-vùng Bình-Tuy

B. Chi Nam là một ngữ-miền gần với ngữ-Chàm xưa hơn, nhưng không còn giữ được âm / r / cuối mà đã hoặc bỏ hẳn âm ấy ở cuối tiếng, hoặc đổi nó thành / w / mà phân ra 2 ngữ-vùng ở Châu-Đốc:

- Ngữ-vùng Châu-giang(16), Châu-phong, Cồn-Tiên.
- Ngữ-vùng Lama, Đồng-Ki, Phú-Hữu, Katămbong (xã Khánh-Hoà).

3. 2. Khối *Thượng* gồm các ngôn-ngữ của các sắc-dân ở những vùng cao hơn, xa hơn mà không có chữ-viết như người Chàm. Đó là những người Chàm có-lẽ đã pha-trộn với vài sắc-dân Thượng khác, và tùy vị-trí của từng sắc-dân, ta phân-biệt một chi Đông và một chi Tây.

A. Chi Đông chiếm một miền chạy dài dọc ven biển từ Bình-Định xuống đến Bình-Tuy, và gồm có 3 ngữ: Churu, Râglay và Haroy.

1. Ngữ-Churu / cru / nói ở quận Đơn-Dương (Tuyên Đức) và quận Jirink (Lâm Đồng), chia làm 3 ngữ-vùng hơi khác nhau, trong đó có ngữ-vùng Lawang là đặc biệt

2. Ngữ-Râglay / râglay / nói ở 4 tỉnh Bình-Tuy (Ray), Bình-Thuận, Ninh-Thuận, Khánh-Hoà, và ở mỗi tỉnh lại có một giọng-vùng khác nhau

3. Ngữ-Haroy / haroy /, cũng gọi là Chăm, ở Phú-Yên và Bình-Định, với 3 giọng - vùng hơi khác nhau ở ba quận: Văn-Canh (Bình-Định), Sơn-Hoà và Đồng Xuân (Phú-Yên).

B. Chi Tây chiếm khu-vực các tỉnh Kon-Tum, Phú-Bổn, Plêy-Ku và Đạg-Lắk (Darlac) và gồm có 2 ngữ chính:

1. Ngữ-Jâray / jâray/ nói ở phần bắc Đag-Lắk, cùng các tỉnh Phú -Yê n, Phú -Bổ n, Plê y-Ku và Kon-Tum vớ i cá c ngữ -miề n:

Hârway / hâway/ ở Phú-Bổn và Đạg-Lắk: vốn ở gần

---

16 Ngay bến đò lên Châu-giang là khu-vực người Chà-Miên / jwa ku / là những người Mã-lai ở Cambốđ lâu năm không nói ngữ-Chàm mà nói được hai thứ , ngữ-Mã-lai và ngữ-Miên. Phải đi quá vào phía trong mới có người Chàm.

người Haroy nên có tên ấy.

Tâbwan / tâbwan / ở Lệ-Thanh (Plêy-Ku).

Hâ grô ng / hâ grô P/ ở Lệ -Trung (Plê y-Ku): cũ ng gọ i là Hâđrông /hâdrôâP/ theo giọng các bộ-lạc Jâray khác.

- Arab ở Kon-Tum: vì ở về phía bắc.

2. Ngữ-Êđê /ëđê/, cũng gọi là RDê theo cách phát-âm của các bộ-lạc khác, ở Quảng-Đức, Đạg-Lăk, Khánh-Hoà, và gồm 11 ngữ-miền chính:

-Dham /dham/ ở vùng bắc và tây Ban-mê-thuột (Đạg-Lắk).

-Kâpạ /kâpaô/ ở vùng Ban-mê-thuột.

-Krunk /kruP/ ở Buôn-Hô (Đạg-Lắk).

- Mâdhur /mâdhur/ ở Buôn-Hô (Đạglắk) và Ninh-Hoà (Khánh-Hoà).

- Kâtul /kâtul/ ở Ban-mê-thuột và Phước-An (Đạg-Lắk).

- Điiê /diiê/ ở Lạc-Thiện (Đạg-Lắk).

-Kâđunk /kâduP/ ở Lạc-Thiện và Đức-Xuyên (Quảng-Đức).

-Kâđraw /kâdraw/ ở Lạc-thiện và Đức-Xuyên.

-Huinh /huiP/ ở Khánh-Dương (Khánh-Hoà).

-Êpan /êpan/ ở Khánh-Dương.

-Blô /blô/ ở Ninh-Hoà (Khánh-Hoà).

4. Nhóm Mán-Mèo.

Nhóm này ở các vùng núi cao miền Bắc, rải rác theo từng làng mà chia ra hai họ: họ Mán và họ Mèo.

4. 1. Họ *Mán* gồm có nhiều ngữ ở miền Bắc không khác xa nhau lắm, gọi chung là ngữ-Mán hay ngữ-Dao và chia ra tám ngữ-miền chính, mà tên gọi thường căn cứ vào cách phục-sức của mỗi giống dân:

1. Ngữ-Mán-tiền, ở khoảng giữa sông Lô và sông Cầu.(17)
2. Ngữ-Mán-cóc, xen kẽ với ngữ-Mán-tiền.(18)
3. Ngữ-Mán-đỏ, ở Cao bằng, hơi khác ngữ-Mán-tiền một chút.(19)
4. Ngữ-Mán-quần-đen, ở vùng Yên-Bái.(20)
5. Ngữ-Mán-quần-trắng, ở vùng Tuyên-Quang.(21)
6. Ngữ-Mán-quần-cộc.(22)

---

(17) Còn gọi là Mán-tiểu-bản vì phụ-nữ có mang một tấm khăn nhỏ trên đầu. Ta căn-cứ vào 7 đồng tiền họ đeo mà gọi là Mán-tiền.

(18) Còn gọi là Mán-đại-bản vì phụ-nữ có mang một tấm khăn lớn trên đầu.

(19) Vì phụ-nữ đội khăn đỏ và đeo nhiều bông hoa đỏ trước ngực.

(20) Vì phụ-nữ mặc quần đen.

(21) Vì phụ-nữ mặc quần trắng khi đi làm dâu.

(22) Vì phụ-nữ mặc quần ngắn bó chẹt lấy chân. Không giống các ngữ-miền Mán khác, ngữ này mượn rất nhiều tiếng của Tàu.

7. Ngữ-Mán-lam-điện.(23)
8. Ngữ-Mán-thanh-y.(24)

4. 2. Họ *Mèo* gặp ở miền Bắc (Hà-Giang, Lào-Kai, Điện-Biên) và miền Thanh-Nghệ. Nó gồm có 5 ngữ-miền chính:

1. Ngữ-Mèo-trắng.
2. Ngữ-Mèo-đen.
3. Ngữ-Mèo-đỏ.
4. Ngữ-Mèo-hoa.
5. Ngữ-Mèo-sua, vốn pha lẫn nhiều tiếng Tàu hơn cả.

Nhóm nghiên cứu dân-tộc Lã văn Lô, Nguyễn hữu Thâu , Mai văn Trí, Ngọc Anh, Mạc như Đường, trong quyển *Các dân tộc thiểu số ở Việt-Nam*(25), tr. 136, có nói đến *Mống-đấu* (Mèo trắng), *Mống đú* (Mèo đen), *Mống si* (Mèo đỏ), *Mống lình* (Mèo hoa) và *Mống sua. "Mống"* là tiếng ta nói trại ở tiếng / hmun /, nghiã là "Mèo" (/tồ hmun /: người Mèo), nên không thể gọi là *Mèo Mống* sua như các tác giả ấy đã viết.

5. Nhóm Miến-Tạng.

Nhóm này do một ít người Lô-lô nói ở giáp ranh nước Tàu (Bảo-Lộc, Hoàng-su-phì, Phong-thổ).

6. Nhóm Hoa.

Nhóm này là ngôn ngữ cuả một số người Hoa ở Tàu sang lập-nghiệp từ lâu, và gồm có 5 ngữ chính:

1. Ngữ-Quí-châu, nói ở vùng Bảo-Lạc (Cao-Bằng), Phong-Thổ.
2. Ngữ-Sán-chỉ, nói ở vùng Quảng-Yên, Hải-Ninh.
3. Ngữ-Sán-dìu, nói ở Thái-Nguyên, Tuyên-Quang, Hòn-Gay, Hải-Ninh.
4. Ngữ-Xạ-phang, nói ở vùng Sình-hồ, Mường-Tè, Lào-Kay, Hà-Giang, và gốc ở Vân-Nam.
5. Ngữ-Ngái, nói ở Hải-Ninh, Quảng-Yên, Hòn-Gay, Cao-Bằng.

Đó là không kể các dân Minh-hương ở miền Trung, miền Nam, nay đã thành người "Việt" hay các người Triều-châu, Phúc-kiến, Quảng-đông, Hải-nam chuyên về thương mại ở khắp nơi, nhất là ở miền Nam.

Ngoài 6 nhóm ngữ trên đây mà ta định được rõ tính-cách, còn vài ngữ lẻ-tẻ

---

(23) Vì phụ-nữ mặc aó màu chàm.
(24) Vì phụ-nữ mặc aó màu xanh.
(25) Nhà xuất bản Văn-hoá, Hà-nội, 1959.

mà chúng tôi chưa gặp để quan sát, và các tài-liệu hoặc thiếu-sót, hoặc không có hẳn, chưa cho phép ta quyết-định xem đáng ở vào một nhóm nào. Ta có-thể kể:

-Ngữ-La-chi ở Hoàng-su-phì (Hà-Giang) và ở Bắc-Hà (Lào-Kay).(26)

- Ngữ-La-kwả ở Đông-Quang (Tuyên-Quang).(27)

- Ngữ-Kâ-law ở Hoàng-su-phì (Hà-Giang).

- Ngữ Úní.

Dưới đây, tôi tạm trình-bày một bản-đồ tổng-quát các ngữ chính trên đất Giao, với một bản chú-thích đánh số từ 1 đến 59 theo thứ-tự đã thấy trên kia, về họ ngữ cũng như về loại ngữ.(28)

---

26 X. Bonafacy,' Étude sur les coutumes et la langue des La-ti', *Bull. Ec. Fr. Ext.-Ori.*, t. VI, 1906, tr. 271- 78.

27 X.Bonafacy, ' Étude sur les coutumes et la langue des Lolo et des La-qua du Haut-Tonkin', *Bull. Ec. Fr. Ext.-Ori.*,t.VIII, 1908, tr. 521-58.

28 Các người viết quyển *Các dân tộc thiểu số ở Việt-Nam*, dtr., tr. 248, có ghi là "Các dân tộc trong toàn quốc gồm 63 dân tộc". Nếu xét từ tr. 241 ở quyển ấy, đây là những giống dân mà chúng tôi không kể ra vì chưa được tiếp-xúc với. Số thứ-tự đề bên là số trong quyển ấy:

2. Cò-sung (1511 người) ở Mường-Tè (Khu tự-trị Thái-Mèo).
3. Khả-Pẹ, Khả-Tỏ (189) ở Mường-Tè (Khu tự-trị Thái-Mèo).
6. Co-cho (118) ở Mường-Tè (Khu tự-trị Thái-Mèo).
7. Chi-la (64) ở Mường-Tè (Khu tự-trị Thái-Mèo).
9. Pu-piao (359) ở Đồng-văn (Hà-giang).
17. Pa-di (533) ở Mường-khương (Lào-cai).
18. Tu-dí (663) ở Mường-khương, Bắc-hà (Lào-cai).
19. Thu-lao (528) ở Mường-khương, Bắc-hà (Lào-cai).
20. Chung-tra (180) ở Vị-xuyên (Hà-giang).

Ngoài 9 tên dân-tộc trên đây, trong đó có những tên số 6, 7, 18, 20, có chua-dưới là "cần nghiên- cứu và xác-minh thêm", nhiều tên khác chỉ là tên những chi-nhánh dân-tộc:

12. Lự (chúng tôi đã kể qua ở 1.2.)
32. Đan-lai (chỉ là một nhóm Giao-chợ lấy tên theo vùng ở cũ)
34. Mày
37. Rục (chỉ là những nhóm Giao-mường, đã đề-cập ở 2.2.2.)
48. Lat (chỉ là một dòng Kâho, đã kể ở 2.4.4.)
58. Bih (chỉ là một dòng Êđê, đã kể ở 3.2. B.2.)
62. La-oang (chỉ là một dòng Râglay ở tổng Lawang, đã kể ở 3.2.A.2.)

Ngoài ra có tên Tôi-ôi (số 39), thường bị lẫn với tên Pakoh đã kể ở 2.2.3., vì người Tôi-ôi chỉ có ở Lào. Lại có tên như Chăm-Rê (số 44) thật ra chỉ là tên một giống Hrê, và đã giải-thích ở 2.3.4.

Còn về các ngữ miền Nam nói chung, các người viết quyển sách chưa có những hiểu-biết chắc-chắn và đầy-đủ.

Xin chú-ý đến hai điểm sau đây:

1 Chỉ Ngữ-Giao-chợ, nhưng không chua trên bản-đồ, và chỉ cần hiểu ngầm là phạm-vi cuả nó ở khắp ven-biển và các vùng đồng-bằng.

2 chỉ Ngữ-Giao-mường, còn nhận thấy thêm ở vùng Ban-mê-thuột và Túc-trưng, là hai chỗ tập-trung dân Mường di-cư quan-trọng.

BẢNG CHÚ THÍCH

1	Giao-chợ		
		Giao	
2	Giao-mường		
3	Thái		
4	Thổ		Nhó m Giao-Thá i
5	Nùng		
6	Nhắ ng	Thá i	
7	Ngạn		
8	Đioi		
9	Lào		
10	Mang		
11	Khá ng (Xá)	Trung-trê n	
12	Tà y Hạ y	Thượ ng	
13	Thèng		
14	Khùa		
15	Trì	Trung-trê n	
16	Mă nk-kong	giữ a	
17	Bru		
18	Pakoh		
19	Pahi	Trung-trê n Hạ	
20	Phương		
21	Katu		
22	Lala		
23	Ve	Trung-giữ a Đô ng	

24 Kor, Kol, Kuô		
25 Hrê		Nhó m Mon-Khâ me
26 Đuô n		
27 Gié		
28 Hâ lank		
29 Sâ đang		
30 Kayonk	Trung-giữ a Tâ y	
31 Kâ tuô		
32 Mâ nâ m		
33 Râgaw		
34 Bahnar		
35 Mâ nô ng		
36 Bunong		
37 Sâ điê ng		
38 Kâ ho	Trung-dướ i	
39 Tà lố p	Tâ y	
40 Tring		
41 Chraw		
42 Miê n		
43 Chà m		
44 Churu		
45 Râ glay	Chi Đô ng	
46 Haroy		Nhó m Nê
47 Jâ ray		
48 Ê đê	Chi Tâ y	
49 Má n		
50 Mè o		Nhó m Má n-Mè o
51 Lô lo		Ngữ Miế n-Tạ ng
52 Quí-châ u		
53 Sá n-chỉ		
54 Sá n-dìu		Nhó m Hoa
55 Xạ -phang		
56 La-chi		

57 La-quả
58 Kâ law (chưa xếp loại)
59 Ú ní

Xem vậy, không kể những ngữ-miền, các ngữ ở đất ta đã tới con số 60. Từ trước đến giờ, sự nghiên-cứu một ít trong số các ngữ ấy còn rất sơ-sài và không tránh được những sai-lầm vì sự hiểu-biết về âm-thanh Á-đông của người Âu còn chưa đầy-đủ. Rồi đây những tài-liệu về học-ngữ(29) và học-dân(30) mà tôi sắp lần-lượt công-bố sẽ có nhiều tác-dụng:

● Giúp chúng ta hiểu-biết cách ăn-nói, cùng nếp-sống của từng giống dân trên đất ta, nhất là dân Giao ta ở từng miền, để chúng ta thông-cảm với nhau và yêu-mến nhau hơn.

● Vạch một đường-lối mới cho môn nghiên-cứu học-ngữ, nhất là ngành đối-chiếu, qua khoảng-thời cũng như qua khoảng-không, để đặt nền-móng cho ngành học-văn-tự tới nay vẫn chưa thành hình.

● Định rõ được nguồn-gốc dân ta với những bằng-chứng hiển-nhiên mà bác bỏ những thuyết-giả vu-vơ chỉ biết dựa vào những tài-liệu sách-vở nhiều-khi không nên quá tin-cậy.(31)

● Nhân đó làm nổi-bật tinh-thần nòi-giống ta và chứng-tỏ rằng cái óc sính-Tàu của một số người đời nay còn tệ hơn ở bất cứ thời-kì thuộc-Tàu nào trước kia- đã hạ thấp giá-trị ngôn-ngữ chuyên môn xuống đến một mức đáng lấy làm hổ thẹn.

● Nhất là giới-thiệu với các sinh-viên, cùng những người tìm học, những chân-trời mới, để họ nhận-thức rằng trên đất-nước họ còn nhiều cái đáng quan-sát, rằng nền giáo-huấn liên-quan đến nòi-giống, mà họ hấp-thụ

---

(29) Tức *linguistique*, quen dịch là ngữ-học theo công thức "x-học" của Nguyễn đình Hoà.

(30) Tức *ethnologie*, nay quen dịch là *dân-tộc-học*, và trước kia là *nhân-chủng-học*. *Học-dân* là môn học về từng sắc dân qua hội-sống của họ, khác *học-người* (anthropologie) có phạm-vi rộng hơn.

(31) Chẳng hạn thuyết của L.m. Nguyễn Phương, trong *Việt-nam thời khai-sinh* (Phòng nghiên-cứu Sử, Viện Đại-học Huế xb., 1965), rằng người "ta" là người "Tàu". Khám-phá này, L.m Nguyễn Phương còn đem phổ biến ở tận Tàu, trong một hội-nghị quốc-tế về sử châu Á, năm 1964, với bài thuyết trình: "Chinese Origin of the Vietnamese People". Lẽ ra L.m Nguyễn Phương phải tìm-hiểu thêm về nòi-giống Giao, Giao-mường và Giao-chợ, trước khi làm cái việc lập-ngôn nguy-hiểm này. Và tìm-hiểu đây, không phải là trong bốn bức tường, qua những nhận-xét mập-mờ của kẻ khác, mà bằng cách 'tai nghe mắt thấy'. Nếu không được như thế thì

ở các viện đại-học, còn quá nghèo-nàn, nếu không nói là hoàn-toàn sai-lầm về phương-diện ngôn-ngữ.

NGUYỄN BẠT TỤY
Huế, ngày 10.3.1965

BIỂU-DẪN TÊN CÁC NGỮ Ở VIỆT-NAM
theo thứ-tự bộ-chữ (số sau tên ngữ là số của bản-đồ dân-ngữ và bản chú-thích) các tiếng viết tắt: GT: Giao-Thái ; H: Hoa ; MK: Mon-Khâme ; MM: Mán-Mèo MT: Miến-Tạng ; N: Nê ; O: chưa xếp loại)

Bahnar 34	MK	Má n 49	MM
Bru 17	MK	Mâ nâ m 32	MK
Bunong 36	MK	Mã nk-kong 16	MK
Chà m 43	N	Mâ nong 35	MK
Chraw 41	MK	Mè o 50	MM
Churu 44	N	Miê n 42	MK
Đioi 8	GT	Ngạ n 7	GT
Đuô n 26	MK	Nhắ ng 6	GT
Ê đê 48	N	Nù ng 5	GT
Giao-chợ 1	GT	Pahi 19	MK
Giao-mườ ng 2	GT	Pako 18	MK
Gié 27	MK	Phương 20	MK
Halank 28	MK	Qú i-châ u 52	H
Haroy 46	N	Râ glay 45	N
Hrê 25	MK	Râ ngaw 33	MK
Jâ ray 47	N	Sâ đang 29	MK
Kaho 38	MK	Sađiê ng 37	MK
Kâ law 58	B	Sá n-chỉ 53	H
Katu21	MK	Sá n-dìu 54	H
Katuo 31	MK	Tà lố p 39	MK
Kayonk 30	MK	Tà y-hạ y 12	MK
Khá ng (Xá) 11	MK	Thá i 3	GT
Khù a 14	MK	Thè ng 13	MK
Kor, Kol, Kuô 24	MK	Thổ 4	GT
La-chi 56	B	Trì 15	MK
Lala 22	MK	Tring 40	MK
Là o 9	GT	Ú ní 59	O
La-quả 57	B	Ve 23	MK
Lô lô 51	MT	Xạ -phang 55	H



ĐOÀN XUÂN KIÊN

MỘT ĐẶC ĐIỂM NGỮ NGHĨA CUẢ TỪ LÁY TRONG PHƯƠNG NGỮ LỤC TỈNH

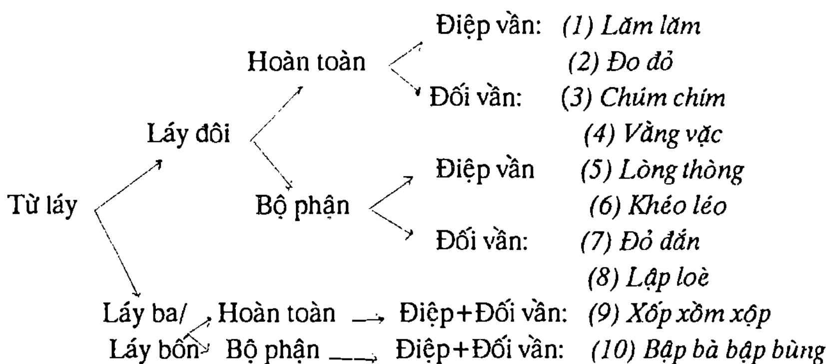


1 Tiếng Việt có một số lượng từ vựng khá lớn mà các nhà ngữ pháp thường xếp vào loại "từ láy". Đặc điểm chung cuả loại từ láy là chúng thường diễn tả những sắc thái tình cảm cuả người nói, về ý nghiã thì từ láy thường là khúc xạ khỏi ý nghiã cuả các từ phái sinh ra nó. Ai cũng biết là trong kho từ vựng tiếng Việt có từ *thấp* và *héo*. Nhưng khi Nguyễn Du viết "*Sè sè* nấm đất bên đường, *Dàu dàu* ngọn cỏ nưả vàng nưả xanh" thì *sè sè* không chỉ là "thấp", và *dàu dàu* còn ngụ ý gì khác hơn là chỉ diễn ý "héo". Nói chung thì từ láy tận dụng những phương pháp diễn đạt qua âm thanh để chuyên chở những ấn tượng, cảm xúc, hay ý nghĩ chủ quan cuả người nói. Vì sắc thái diễn cảm cuả từ láy mà một học giả đã gọi chúng là những "cảm từ" (impressifs). Phương thức diễn tả ý nghiã từ bằng những ấn tượng gợi ra từ chính âm thanh cuả nó, thường được gọi là phương pháp biểu trưng hoá ngữ âm.

Từ láy là một loại từ vựng đặc biệt cuả loại hình ngôn ngữ cách thể như tiếng Việt. Vì một đặc điểm loại hình cuả nó, từ láy tiếng Việt là một phương thức tạo từ mới từ những từ đã có sẵn, mà các nhà ngữ pháp gọi là phương thức tạo từ phái sinh. Khả năng phái sinh cuả từ láy khá mạnh: từ

một từ đơn có thể tạo ra những từ láy đôi, láy ba, bốn âm tiết. Chẳng hạn: *bùng bập bùng bập bà bập bùng.* Các sách giáo khoa về từ vựng tiếng Việt đã nói nhiều về các phương thức láy từ của tiếng Việt. Chuyên luận của Hoàng Văn Hành gần đây có thể xem là một nghiên cứu khá cặn kẽ về hiện tượng láy từ trong tiếng Việt.(1) Hoàng Văn Hành phân loại các lối kết cấu từ láy qua mười dạng như sau (Hoàng, 1985:40):

Bảng 1: Các kiểu láy từ



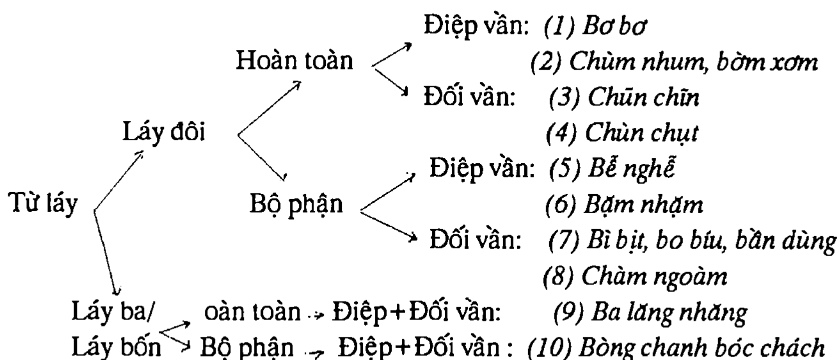
Các tài liệu tìm hiểu về từ láy tiếng Việt thường chỉ để ý đến các phương thức láy từ "cổ điển" trong tiếng Việt phổ thông và thường được ghi trong từ điển. Chẳng hạn, *dịu* cho ta các từ láy *dịu dàng, dìu dịu*,(2) nhưng một từ láy như *dịu nhiều, dịu oặt* thì chỉ tìm thấy ở phương ngữ "đàng trong"(3). Do đó mà tìm hiểu cơ chế láy của các từ láy thường gặp ở phương ngữ đàng trong cũng là một điều đáng làm.

2 Bảng 1 trên kia cho thấy những kiểu kết cấu về mặt ngữ âm của từ láy, hay nói cách khác là những cơ chế láy của từ láy tiếng Việt. Nếu nhìn từ láy trong phương ngữ lục tỉnh theo những mô hình kể trên thì chẳng có gì đáng nói, vì từ láy đàng trong cũng theo những phép láy như trong các phương ngữ khác mà thôi. Đáng nói chăng là ở sự kiện này: phương ngữ "lục tỉnh" có nhiều từ láy mà người đàng ngoài thấy "lạ tai", "ngộ nghĩnh". Các từ láy này tạo nên sắc thái riêng của chúng, nếu so sánh với toàn bộ hệ thống từ láy của tiếng Việt. Trước hết, chúng tôi nhặt ra một số từ láy trong mục từ B và C của *Việt Nam Tự Điển* của Lê Văn Đức, và dùng lại chính bảng phân loại kết cấu láy của Hoàng Văn Hành ở Bảng 1 trên kia:

---

(1) Xem Hàng Văn Hành (1985) *Từ láy trong tiếng Việt.* Hà Nội. NXB KHXH

Bảng 2: Một số từ láy trong phương ngữ lục tỉnh



Xem thế thì từ láy đàng trong không có gì khác lạ nếu xét từ kiểu kết cấu ngữ âm. Cùng lắm thì chúng ta chỉ thấy là từ láy đàng trong hay dùng kết cấu *Cà - X* mà chúng ta ít thấy xuất hiện ở các phương ngữ khác: *Cà xóc, cà tửng.*

Điểm đặc sắc cuả từ láy lục tỉnh nằm ở cơ chế ý nghiã cuả chúng. Rất nhiều từ láy nghe rất "lạ tai", nhưng không làm chúng ta ngỡ ngàng, vì chúng vẫn bộc lộ giá trị ngữ nghiã từ ngữ ngay lập tức. Đây cũng là điều mà công trình nghiên cứu từ láy cuả Hoàng Văn Hành đã nêu lên khi bàn về cơ chế láy: ông cho là "phép biểu trưng hoá ngữ âm" đã làm bật ra những tính cách riêng cuả từ láy: có tương quan giữa âm và nghiã cuả từ láy, có liên hệ đến ngữ nghiã cuả từ gốc, và có làm bộc lộ ý nghiã các kiểu từ láy khác nhau (Hoàng, *op. cit.,* tr. 73). Theo phép biểu trưng hoá ngữ âm thì các từ láy có thể gồm ba loại:

(a) từ láy biểu trưng hoá ngữ âm đơn giản: *kính coong, thùng thùng, lộc cộc, ái ái, oái oái, ť ởi, nhéo nhéo;*

(b) từ láy biểu trưng hoá ngữ âm cách điệu: *đăm đăm, chồm hổm, lổm ngổm, bâng khuâng;*

---

(2) Bên cạnh các từ láy có thể có các từ ghép, chẳng hạn mục từ *dịu* trong *Từ Điển Tiếng Việt* (Hà Nội: Nxb. KHXH,1988) có ghi *dịu ngọt, dịu hiền, êm dịu.* Nhưng loại từ ghép không thuộc phạm vi bài này.

(3) Tên gọi "Đàng trong" dùng ở đây là một tên gọi đã từ lâu đời, từ thời kì Nam Bắc phân tranh dưới thời các chuá Trịnh và Nguyễn. Tên gọi này về sau chỉ vùng đất Nam Bộ ngày nay. Vùng đất này còn một tên gọi khác nưã, là "Nam Kì Lục Tỉnh" (sáu tỉnh ở miền nam) như cách gọi trong sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* soạn dưới đời Tự Đức.

(c) từ láy vừa biểu trưng hoá ngữ âm vừa chuyên biệt hoá về nghiã: *chim chóc, hỏi hè, cây cối, nước nôi.*

Chúng tôi thử áp dụng các mô hình biểu trưng hoá ngữ âm nêu trên cuả tác giả, để tìm hiểu đặc sắc cuả từ láy lục tỉnh. Thử dùng lại các dữ kiện tài liệu trong *Việt Nam Tự Điển* cuả Lê Văn Đức nói trên kia, nhưng sắp xếp lại thành ba nhóm, theo mô hình cuả Hoàng Văn Hành:

Bảng 3

Nhóm:	(a)	(b)	(c)
	Bãi bãi	Cà tửng	Bẻ bai
	Bơ bơ	Cà xóc	Bãi hãi
	Bõm bõm	Bo bíu	Bì bịt
	Bịch bịch	Bễ nghễ	Băm nhăm
	Bí beng	Bờm xơm	
		Bòng chanh bóc chách	
		Bần dùng	

Qua bảng trên, chúng ta thấy:

Nhóm (a) là những từ đơn được lặp lại hoàn toàn, hoặc chỉ thay đổi thanh điệu theo luật bổng trầm cuả thanh tiếng Việt 4. Do đó mà chằng *chằng chằng, cụp cụp cụp* hoăc *cùm cụp...*;

Nhóm (b) là nhóm đăc trưng nhất cuả từ láy "lục tỉnh", vì gồm những từ khá "lạ tai", không tìm thấy trong các từ điển tiếng Việt phổ thông. Các từ này chỉ có thể thấy ghi trong các từ điển tiếng địa phương miền nam, như bộ *Đai Nam Quấc Âm Tự Vị* cuả Huình Tịnh Paulus Cuả, và *Việt Nam Tự Điển* cuả Lê Văn Đức: *hì hơm, quần quên, bí beng...*

Nhóm (c) gồm những từ nguyên là một từ đơn nhưng được láy bằng cách thêm một tiếng thứ nhì có âm thanh gần gũi với nó. Đăc biệt là phương ngữ nam rất thường dùng các âm tiết *cà*, hoặc âm đầu / l- / : *rà cà rà, thot cà thot, bã bã chã, bịt bì bịt, vụn lụn vụn, sượng lượng sượng... Nhóm này cũng có* thể bao gồm những từ láy trong tiếng Việt phổ thông nhưng được biến đổi một yếu tố. Chẳng hạn, chập chựng *chập chững, chầm hầm hầm hầm, rũ riệt rũ liệt, bãi buôi đãi bôi...*

Đến đây thì có lẽ đã có thể kết luân là từ láy trong phương ngữ lục tỉnh cũng không ra ngoài quy luật chung cuả từ láy tiếng Việt, vì chúng đã khớp với ba mô hình ngữ nghiã cuả từ láy kể trên. Nhưng nhìn kĩ lại nhóm (b) thì dường như vẫn còn một tính cách nào đó chưa được nêu lên, vì những từ láy cuả phương ngữ lục tỉnh, khi đưa vào nhóm này vẫn không

hoàn toàn trùng khít với mô hình ngữ nghiã các từ láy đàng ngoài.

Chính nhóm (b) này đã khiến chúng tôi nghĩ nên chọn hướng phân tích sao cho nổi lên tính cách đặc sắc cuả loại từ láy "lục tỉnh", chứ không theo lối phân tích quen thuộc trong các sách giáo khoa mà nhìn chúng theo phương thức cấu tạo ngữ âm. Thật vậy, về mặt phương thức láy thì từ *quần quện* chẳng hạn, không khác gì từ *vằn vện* cả, vì cùng láy theo phương thức lặp lại âm đầu / *q* / , âm cuối / *n*/ và thanh láy theo luật bổng trầm (thanh huyền hoà phối với thanh nặng); chỉ khác nhau ở âm chính, một từ có nguyên âm chúm môi / *uă* /, từ kia có nguyên âm / *uê*/. Cũng thế, từ *bí beng* có cấu trúc láy hệt như *líu lo* , vì cùng lặp lại âm đầu và thanh, chỉ khác nhau phần còn lại cuả âm tiết. Nhóm (b) trong bảng trên nói lên tính cách riêng cuả từ láy miền nam, là đều láy theo *phương thức liên tưởng ngữ âm,* và từ chính cơ chế liên tưởng ngữ âm mà *gợi lên ý nghiã cuả từ* theo phép biểu trưng hoá ngữ âm quen thuộc. Nói khác đi, đặc sắc cuả từ láy miền nam là ở mặt ngữ nghiã cuả chúng. Chúng tôi ằng liên tưởng ngữ âm chính là một nét riêng cuả từ láy phương ngữ miền nam.

Ba mô hình từ láy trên đây là những kiểu láy từ phổ biến trong phương ngữ miền nam. So sánh với những từ láy mà Hồ Biểu Chánh - một nhà văn có phong cách hành văn đặc sắc nam bộ, qua cách dùng khẩu ngữ rặt nam bộ. Những từ xếp trong bảng dưới đây là một số từ láy rút từ chương đầu tiên cuả tiểu thuyết *Ngọn Cỏ Gió Đùa* cuả ông:

Bảng 4

(a)	(b)		(c)
Lom lom	Lụt thụt	Dụ dự	òi ọp
Hù hù	Lấn quấn	Húng hiếp	Hầm hừ
Vặc vặc	Xẵng xớm	Hì hợm	
Lúp lúp	Xẽn lẽn	Xồm xàm	
	Cóm róm		

Có lẽ phép tạo sinh từ láy theo liên tưởng ngữ âm đã thành một nét cá tính ngôn ngữ điạ phương. Những từ láy trên đây có thể bắt gặp lại đây đó trong các bản văn viết ra tại các điạ phương miền nam. Chẳng hạn, một số từ dưới dây trích ra từ quyển tiểu thuyết *Ven Rừng Tràm* cuả Anh Động xuất bản tại Cà Mau (1978), cũng viết dựa trên ngôn ngữ hằng ngày tại miệt vườn:

Bảng 5

(a)	(b)	(c)
Trì trì	Băm hăm bó hó	Lúp xúp
Lam nham	Rời rợi	Tèm lem
Chằng chằng	Vút vắt	Lượng sượng
Cum cum	Dập dữi	Chầm hầm
Ngoay ngoay	Lất tất	Bải oải
Bầu bậu	Bìu rịn	Cúm núm
Rần rần	Lương ương	Chèm nhem
Cụp cụp	Lướt khướt	Bãi buôi
Bơ lơ bảng lảng	Bòng chanh bóc chách	Lúm luyến
	Nhũn nhượi	Băng xiên băng nai
	Lăng líu	
	Hệch hạc	
	Lình bình	

Số lượng các từ láy kiểu (a) và (b) chiếm số lượng nhiều hơn cả. Bảng dưới đây cho thấy tỉ lệ số từ giữa bốn nhóm:

Bảng 6

Tài liệu trích	Tổng số từ	Nhóm (a)	Nhóm (b)	Nhóm (c)
Việt Nam Tự Điển	83	19 (23%)	39 (47%)	25(28%)
Ngọn Cỏ Gió Đùa	34	7 (21%)	17 (49%)	10 (30%)
Ven Rừng Tràm	117	26 (22%)	56 (49%)	35(29%)

Nhóm (a) được ưa chuộng thì đã đành, vì láy lại nguyên vẹn một âm tiết, hoặc là dùng một tiếng tượng thanh để nhại theo âm thanh tự nhiên. Đây là một phương thức láy cổ điển, vì văn bản cũ còn lại cho thấy kiểu láy này đã có từ rất sớm, có thể là từ thế kỉ XIII. Các từ láy trong một số văn bản các thời kì xa xưa cho thấy kiểu láy (1) chiếm khối lượng hầu như tuyệt đối:

..."*Nhận biết* làu làu *lòng bản, chẳng ngại bề thì tiết nhân duyên;*
Chùi cho vặc vặc *tính gương, nào có nhiễm căn trần huyên náo.*
...Lơi ý thức chớ chấp trừng trừng;
Nén niềm võng mưa còn xốc xốc."...

(Trần Nhân Tông, *Cư Trần Lạc Đạo Phú*)

..." Ngàn cây phơi cánh phượng, vườn thượng uyển dặng tốt rờn rờn;
Hang nước miệng hàm rồng, rã li châu hạt san mộc mộc.
Gác vẽ tiếng bồ lao thúc,gió vật đình đình;
Điện ngọc phiến bối diệp che, mưa tuôn tốc tốc."
(Huyền Quang, *Vịnh Hoa Yên Tự Phú*)(5)

Đến các từ láy kiểu (b) cũng có thể là đã có mặt từ rất lâu rồi. Có bằng chứng cho thấy là tiếng Việt thời Nguyễn Trãi (thế kỉ XV) có sử dụng các từ láy loại này:

"Cửa quyền hiểm hóc ngại chon chăn " (Bài 27)
"Dương trường đường hiểm khúc co que" (Bài 73)
"Ý còn bìu rịn *lấy chi vay "* (Bài 75)
"Khong khảy *thái bình đời thịnh trị "* (Bài 188)
(Nguyễn Trãi, *Quốc Âm Thi Tập*)(6)

3 Có thể có mối liên hệ nào giưã những hiện tượng ngôn ngữ ở hai vị trí quá xa nhau trong không gian (tiếng Việt ở đàng ngoài và đàng trong), cũng như trong thời gian (tiếng Việt ở thời trung cổ và tiếng Việt hiện đại) ? Chúng tôi nghĩ là có. Ngược lại lịch sử, có thể thấy dấu vết cuả cuộc di chuyển ngôn ngữ theo bước nam tiến cuả người Việt. Thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII có những biến động xã hội có tầm quyết định đến những thay đổi nhiều mặt trong xã hội nói chung và trong sinh hoạt ngôn ngữ nói riêng. Những đợt di dân từ đàng ngoài vào vùng đất phiá nam trong thời kì này đã di chuyển theo những tập quán ngôn ngữ cuả đàng ngoài vào, và được quần chúng duy trì cho đến ngày nay. Có quan tâm đến sự kiện di chuyển ngôn ngữ này mới hiểu được là tại sao ngày nay ở nhiều nơi người dân lục tỉnh hãy còn nói "cái *gổ*", "đi *ga*", trong khi trên khắp nước chúng ta nói "cái rổ", "đi ra". Lí do là đồng bào ở những nơi đó vốn là những hậu duệ cuả lớp người di dân từ Nghệ Tĩnh vào lập nghiệp ở đ bằng sông Cửu Long, theo kế

---

(4) Luật bổng trầm cuả thanh tiếng Việt là: các thanh hoà phối với nhau theo bậc bổng (thanh *ngang - hỏi - sắc*) hoặc bậc trầm (thanh *huyền - ngã - nặng*). Do đó một từ láy có một từ ở̉u thanh *sắc* thì từ còn lại phải là thanh *ngang* hay thanh *hỏi,* vì cùng ở bậc bổng.
(5)Trích theo Đinh Gia Khánh et al.(1976) Hợp *Tuyển Thơ Văn Việt Nam - thế kỷ X-thế kỷ XVII.* (Bản in lần thứ nhì). Hà Nội: Nxb. KHXH. Chúng tôi có sưả vài chỗ.
6Theo bản phiên âm cuả Paul Schneider (1987) trong *Nguyen Trai et son Receuil de Poèmes en Langue Nationale.* Paris: Centre National de la Recherche Scientifique.

sách trồng người cuả chính quyền chuá Nguyễn thời bấy giờ. (7)

Hiện tượng từ láy trong phương ngữ lục tỉnh cũng có thể là một dấu vết cuả hiện tượng di chuyển ngôn ngữ vưà nói ở trên. Người miền nam có thể đang giữ gìn những từ láy mà tổ tiên họ đã đem theo trên bước đường di dân, hoặc giả họ đã tạo ra những từ láy mới theo những mô hình có sẵn mà họ thưà kế từ tập quán ngôn ngữ cha ông. Như đã nói ở trên, cấu tạo từ láy trong phương ngữ lục tỉnh không ra ngoài những quy cách chung cuả từ láy tiếng Việt. Vậy thì bản sắc cuả những từ láy lục tỉnh nằm ở đâu?

Trước hết là xu hướng. Trong khi phương ngữ đàng ngoài nói chung có khuynh hướng bảo thủ các từ láy đã được ổn định, thì phương ngữ đàng trong có khuynh hướng ưa chuộng loại từ láy mới mẻ, "lạ tai", lắm khi được tạo ra tức thì trong lời nói. Từ láy trong phương ngữ lục tỉnh thường tạo nên những ấn tượng thú vị vì những nét bất ngờ và tươi tắn cuả nó. Trong các từ điển tiếng Việt phổ thông có ghi từ láy *phập phồng, phập phều*, nhưng *phập phòm, phập phềnh* thì phải tìm trong từ điển của Lê Văn Đức là bộ từ điển có ghi rất nhiều tiếng điạ phương miền nam. Cũng tân kì như vậy là kiểu cắt bỏ một thành tố cuả từ láy quen thuộc để tạo thành một từ đơn: *hau háu hau* (mắt), *bon bon bon* (đi). Lối tạo từ như vậy kể là khoáng đạt, thoát sáo - hiểu theo nghiã là không đi theo những khuôn phép tạo từ đã thành "cổ điển" trong tiếng Việt.

Trên kia đã nhắc đến phương pháp liên tưởng ngữ âm dùng để tạo ra từ láy mới trong phương ngữ miền nam. Đây cũng có thể gọi là một bản sắc khác cuả từ láy lục tỉnh. Khi đọc từ láy lục tỉnh *rúng rẩy* để làm trắc nghiệm với một nhóm người nghe, chúng tôi ghi nhận hai lối hiểu nghiã cuả từ này như sau: (a) sợ hãi + run rẩy; (b) rung động, không vững. Lối hiểu (a) đã dưa trên liên tưởng ngữ âm với từ láy *run rẩy*, trong khi lối hiểu thứ hai đã dựa theo từ ghép rung động và từ láy *lẩy bẩy*. Cả hai lối hiểu đều không xa với ý người nói, vì *rúng rẩy* trong ngữ cảnh cuả câu nói có ý chỉ dáng đi tung tẩy như chim ! Một trắc nghiệm khác với từ *hệch hạc* cho thấy rằng người nghe liên tưởng ngữ âm với *hềnh hệch, càng cạc, nhếch nhác*; và "*cười hệch hạc* " là cười toác miệng, cười dòn dã.

---

(7)Người dân ở một số nơi vùng Nghệ Tĩnh hãy còn nói âm / *g* / trong những trường hợp chúng ta nói / *r* /. Bản *Chinh Phụ Ngâm* cuả Phan Huy Ích ra dời đầu thế kí XIX còn viết *"Hà Lương chia ghẽ đường này "* (Chữ nôm viết chữ hán *kĩ* đọc là *ghẽ*, theo quy tắc chuyển âm */k/* (hán việt) */g/*(nôm), như *kỉ ghế, các gác*... Chúng tôi đã nói đến một vài hệ quả về mặt văn hoá cuả hiên tượng di dân này trong bài " Ca dao miệt vườn - sản phẩm cuả hoàn cảnh lich sử đặc biệt". Cf: Thế Kỷ 21 số 32 (th.12.1991), tr. 10-15.

Vài thí dụ kể trên cho thấy hiện tượng liên tưởng ngữ âm qua một số sự gần gũi, quen thuộc giưã các bộ phận cuả âm tiết cuả mỗi từ. Ta biết rằng mỗi âm tiết tiếng Việt gồm bốn thành phần: âm đầu + âm chính + âm cuối + thanh điệu. Mỗi thành tố này đều có thể gợi liên tưởng: *bí beng* có âm / *b* / và thanh điệu gợi liên tưởng với từ *bí bô* và khuôn vần /*eng*/ gợi liên tưởng với từ *leng keng*. Những hiện tượng lặp đi lặp lại khiến chúng ta nghĩ đến một mô hình nào đó cuả mối tương quan ngữ âm - ngữ nghiã cuả một từ.

Dựa trên sự liên tưởng ngữ âm, chúng ta có thể lập mối quan hệ ngữ nghiã cuả một số từ láy dưới đây qua sự liên hệ với âm thanh cuả các từ láy gợi lên:

nhóng nhảnh [đỏng đảnh + nhí nhảnh] *phập phều* [phập phồng + lều bều]
hụp hưởi [tức tưởi + hì hụp] *rờu rợu* [rờn rợn + rào rạo]
nhũn nhượi [(mềm) nhũn + rũ rượi] *dập dữi* [dập, đập + tức tưởi]
bể nghể [ê ẩm + bải hoải] *quắn quíu* [quấn quýt + xoắn]
lấp ngấp [lóng ngóng + lập cập] *lúm luyến* [lúm + lúng liếng]

Tóm lại, trường hợp những từ láy trong phương ngữ lục tỉnh cho thấy một phong cách riêng về lối tạo từ cuả một vùng đất. Khuynh hướng sử dụng phương thức liên tưởng ngữ âm đã tạo nên sắc thái riêng về mặt tạo từ láy. Tất nhiên là láy từ trong tiếng Việt đã hình thành những quy tắc ổn định dựa trên những quy tắc biến âm mà mọi phương ngữ đều phải tuân theo. Nhưng cách thức biến âm một số từ để tạo từ mới trong phương ngữ lục tỉnh đã không chịu đi theo con đường quen thuộc là chỉ biến đổi âm thanh một từ đơn, mà còn triệt để khai thác âm hưởng do liên tưởng ngữ âm đem lại. Từ đó dẫn đến hệ quả đặc sắc là từ láy trong phương ngữ lục tỉnh rất nhiều khi là những từ hoàn toàn mới lạ, chưa hề được đưa vào từ điển. Chúng ta có thể đã nghe quen *bẽn lẽn* hoặc *e thẹn, thẹn thùng, thẹn thuà;* nhưng *xẻn lẻn* là một từ cũng có nét nghiã gần như những từ kể trên, thì có lẽ chỉ mới được nghe, được biết trong tự vị cuả Huình Tịnh Paulus Cuả, hay trong văn Hồ Biểu Chánh.

4 Cũng qua trường hợp từ láy trong phương ngữ lục tỉnh, chúng ta có thêm một chứng cứ để làm sáng tỏ điều này: từ láy không chỉ là một cấu trúc cuả những yếu tố có quan hệ thuần tuý ngữ âm, mà các thành phần từ láy có thể là những yếu tố tự thân nó có mang một nét nghiã cuả từ láy đó.

Trước nay đã có nhiều đề thuyết về nét nghiã cuả các bộ phận cấu tạo từ láy nói riêng và các từ diễn cảm nói chung. Chẳng hạn, Maurice

Durand cho rằng những bộ phận cuả âm tiết tiếng Việt có thể có một số nét nghiã nào đó; ông tìm thấy rằng những từ có âm đầu / *k* / chẳng hạn thường mang nét nghiã "cong cong", "uốn lượn": *cung, cong, cõng, co, cò, còm cọm, còm cõi...,* và những khuôn vần như ép/ẹp chẳng hạn thường mang nét nghiã bị nén xuống, bị đè bẹp xuống... (8) Những gợi ý như thế đã dẫn đến những ý kiến cuả Trương Văn Chình & Nguyễn Hiến Lê trong thiên khảo luận về ngữ pháp tiếng Việt cuả các vị, như sau: " Những điều nhận xét trên (về nét nghiã cuả các âm tiếng Việt) tuy không phải là luôn luôn đúng, như ng cũng đủ làm cho ta phải suy nghĩ để nghiên cứu thêm."(9)

Trong số các tác giả Việt Nam thì có Đàm Quang Hậu và Lê Văn Siêu có lẽ đã để tâm tìm hiểu các nét nghiã cuả các bộ phận cuả âm tiết tiếng Việt. Chẳng hạn, ý kiến cuả Đàm Quang Hậu được tác giả Khảo Luận Ngữ Pháp Việt Nam trích và nhận xét dè dặt ở trên. Còn Lê Văn Siêu tìm hiểu những nét nghiã cuả âm chính trong các từ diễn cảm cuả tiếng Việt. Ông cho rằng "âm U chỉ những gì đương bằng phẳng mà vồng lên. U đầu là có một miếng thịt ở đầu lồi lên. Cái mu ruà hình giống như miếng thịt u ở đầu người ta. Đương khi không mà khóc to lên như làm lồi tiếng khóc ấy trên cái yên lặng, gọi là khóc chu lên. Lộc non trên một cái cây mới đội vỏ sắp trồi ra là nhu nhú ra..."(10)

Mấy trang viết cuả hai tác giả về những nét nghiã cuả một số "khuôn âm" tiếng Việt như thế có lẽ đã là đề tài để một tác giả khác phê phán là "đặt vấn đề theo chiều hướng ấn tượng và công dụng cuả nó có chăng cũng chỉ làmột phần nào đó trong lãnh vực thơ văn" (11) Nhưng một tác giả khác lại nhìn những trường hợp như thế dưới khiá cạnh dạng vị học (morphology) và cho rằng tiếng Việt có những yếu tố dưới âm tiết mang ý nghiã. Chẳng hạn, dạng vị /s-/ trong sẽ và sắp, dạng vị / ch-/ trong chẳng, chả, chưả/chưa, chỉ, chớ, dạng vị /t-/ trong tao, tôi, tớ, ta có lẽ là những yếu tố nào đó trong một hệ thống dạng vị chứ không phải là tình cờ, vì tác giả cho rằng có dấu vết như thế trong một vài hiện tượng lặp đi lặp lại trong

---

(8) M. Durand " Les impressifs en vietnamien " *Bulletin de la Société des Études Indochinoises*. T. XXXVI, N: 1 (1er Trimestre 1961), pp 8 & 6.

(9) Trương Văn Chình &Nguyễn Hiến Lê (1963) *Khảo Luận về Ngữ Pháp Việt Nam*. Huế: Nxb. Đại Học, tr. 115.

(10) Lê Văn Siêu (1964) *Văn Minh Việt Nam*. Sài Gòn: Nam Chi Tùng Thư, tr. 318.

(11) Nguyễn Phú Phong (1977) "*Vài chuyển biến trong phụ âm đầu tiếng Việt và các hiện tượng láy từ liên hệ*" in trong Tập San Khoa Học Xã Hội số 3 (th. 11.1977), tr. 80.

tiếng Việt, như dạng vị tiếp đầu /b-/ chỉ sự chủ quan: bẻo lẻo, bồn chồn, bần thần, bộp chộp, dạng vị tiếp đầu / l-/ chỉ sự giảm thiểu: lơ thơ, lẩn thẩn, lẩm cẩm, lộn xộn.(12)

Các soạn giả tập Ngữ Pháp Tiếng Việt cũng thừa nhận là từ láy có những yếu tố mang nét nghiã, mà tác giả gọi là có giá trị hình tượng. Ví dụ: khuôn vần *um* mang nét nghiã "thu nhỏ lại, tụ lại": *xúm xít, chúm chím, khúm núm...;* khuôn vần *âp* biểu thị trạng thái không ổn định, trạng thái chuyển động có tính cách chu kì: *thập thò, thấp thỏm, khập khiễng, hấp háy...*(13)

Đi tìm nét nghiã cuả các bộ phận âm tiết thực chất là tìm hiểu hình vị trong tiếng Việt, tức là những yếu tố cuả âm tiết mang nét nghiã. Có hay không những hình vị ở cấp dưới âm tiết thì hãy còn tranh luận, nhưng các tác giả đều có khuynh hướng thừa nhận giá trị biểu đạt ý nghiã cuả những thành tố trong từ láy, và xem là một hiện tượng đặc thù cuả ngữ hệ Nam Á. Hiện tượng liên tưởng ngữ âm mà có tác giả gọi là "suy phỏng ngữ âm" đã được ghi nhận đó đây trong những công trình nghiên cứu cấu tạo từ tiếng Việt. Đỗ Hữu Châu cho rằng " có thể miêu tả các từ láy suy phỏng như sau: người nói hoặc người viết căn cứ vào hiện tượng ngữ nghiã mà các từ láy để lại trong các bộ phận trong âm thanh cuả chúng, lấy bộ phận ngữ âm cuả từ láy này ghép với âm thanh cuả từ láy kia nhưng vẫn theo kiểu láy để diễn đạt cái hiệu quả ý nghiã mong muốn." Ông có dẫn một vài thí dụ trong văn học hiện đại và có đưa ra một cách suy phỏng về ý nghiã cuả những lối dùng từ độc đáo cuả nhà văn: " (Những cánh *tua nhuá"* (Tô Hoài) là do / *nh-* / cuả *nhộn nhịp, nhốn nháo, nháo nhào...* ghép với / *ua* / như trong *tua tuả*. Từ *vậm vạp* trong ngữ đoạn" một ông lão *vậm vạp*" (Nguyên Hồng) là do /*v-*/ trong *vạm vỡ* ghép với vần /*-âm*/ và /*-ap*/ trong *mập mạp.* (14)

Trong một số sách ngữ pháp, có một loại từ láy cấu tạo theo kiểu *cum cum, ngoay ngoay, lúp lúp,* thường được xem là những từ ghép nên từ những ngữ tố "rỗng" - nghiã là những âm tiết vô nghiã. Nhưng như thế thì người dựa vào đâu để liên tưởng hay suy phỏng- để tạo ra những từ mới và hiểu được từ mới ấy? Lấy lại những từ láy ở nhóm (1) trên kia, những từ đơn được lặp lại nguyên vẹn ấy có thể là những từ có ý nghiã thực (nghiã là chỉ

---

(12) Trần Ngọc Ninh (1974) *Cơ Cấu Việt Ngữ* t. 2. Sài Gòn: Lửa Thiêng, tr. 149-150.
(13) Uỷ Ban Khoa Học Xã Hội (1983) *Ngữ Pháp Tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb. KHXH, tr. 54.
(14) Đỗ Hữu Châu (1986) *Các Bình Diện Cuả Từ và Từ Tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb. KHXH, tr. 197.

một sự vật, một trạng thái hay động tác cụ thể) như *vòng* (chỉ hình tròn), *bõm* (tiếng nước rơi xuống), *hầm* (trạng thái giận dữ).

Nhưng cũng có thể là những từ có ý nghiã tiềm tàng (nghiã là những yếu tố có ý nghiã chỉ hiện rõ lên trong một tổ hợp từ nhất định). Chẳng hạn, từ *cum* hàm chứa ý nghiã co *cụm*, thu tròn lại (như là các từ *khúm núm, lum cum, lụm cụm* đều có ý nghiã này), *ngoay* diễn tả ý nghiã một chuyển động đường cong không ổn định (*ngọ ngoạy, loay hoay, quay quắt...* có nét nghiã như thế), và *lúp* lại diễn tả một nét nghiã thu kín lại (*lúp xúp, chùm hụp, lụp xụp* đều diễn tả những ý gần nhau). Để hiểu từ láy tiếng Việt, không thể bỏ quên hoạt động liên tưởng ngữ âm. Điều đó nói lên tính cách biểu đạt ý nghiã của những ngữ tố trong một từ láy. Cho nên *rụp rụp* cho ta hình dung một động tác nhanh và gọn như một tiếng động khô khốc như tiếng *cắc bụp* của viên đạn, hay tiếng rung bật lưỡi khi phát âm / *r* /. Cũng thế, *oặt oà oặt oại* cho ta ấn tượng gần gũi với "*quằn quại*", "*uể oải*", "*bải hoải*". Và khi nhà văn viết "con sóng *dập duạ,* vật nhào" thì người đọc có thể hình dung con sóng tung bọt trắng xoá khi ập vào bờ đá, và tung bọt *dãy duạ* trên điểm sóng vỡ trước khi tan đi.

Nhìn chung thì những tìm hiểu về những nét nghiã của từ láy chưa phải là đã được nghiên cứu cặn kẽ, mà mới chỉ ở những bước đầu. Các tác giả đi sau vẫn chỉ bằng lòng lặp lại những gợi ý của những người tiên phong từ những năm 60 mà thôi. Từ cách đánh giá rằng lối đặt vấn đề như thế là mang màu sắc "duy tâm", "chiều hướng ấn tượng". "chủ quan" đến sự thừa nhận rằng có hiện tượng "suy phỏng ngữ âm","liên tưởng ngữ âm", đã là một bước tiến dài. Nhưng để có thể nhìn rõ hơn hiện tượng liên tưởng ngữ âm, thiết tưởng còn cần đến việc mô hình hoá những phương thức liên tưởng ngữ âm trong phạm vi các từ láy nói riêng và các cảm từ nói chung.

5 Bài viết này không nhằm mục đích mô tả các phương thức tạo từ láy của phương ngữ miền nam, mà chỉ cốt nêu lên một phong cách đặc sắc của các từ láy này để chứng minh rằng có hiện tượng biểu đạt ngữ nghiã qua lối "biểu trưng hoá ngữ âm" . Bình thường thì mỗi một âm tiết tiếng Việt là một tín hiệu âm thanh về một khái niệm nào đó liên quan đến một đối tượng (sự vật hay một sự trạng). Nhưng cũng có những âm tiết là những tín hiệu âm thanh gợi lên ý nghiã từ bản thân chúng. Thử so sánh từ *ao* (chỉ khoảnh đất trũng sâu ở làng quê có chưá nước) và từ *áo* (đồ vật mặc ở phần trên mình) không có quan hệ ngữ âm với nhau, vì lẽ hai âm tiết này chỉ là những vỏ âm thanh của một khái niệm bên ngoài chúng. Nhưng *ào ào, lao xao, rào rào, xì xào*, cũng có khuôn *âm ao,* nhưng không biểu thị một sự vật, một hiện tượng nào; trái lại khuôn âm này gợi tả ý nghiã tiềm ẩn trong

chính nó (tiếng động nhỏ nhưng dồn dập không ngừng, không có gì chận lại).

Xem vậy thì, trái với cách luận giải của một số tác giả trước đây, chúng tôi nghĩ là không có những "từ láy nghiã" và "từ láy âm" hiểu như hai loại từ láy riêng rẽ, vì tự thân mỗi từ láy tiếng Việt đã có ý thức rõ ràng đó là biện pháp dùng âm thanh để diễn đạt ý nghiã biểu hiện của từ. Nhà thơ đã "chơi" âm thanh để thể hiện tính cách gian nan vất vả của con đường đoạn trường:

Vó câu khấp khểnh *bánh xe* gập ghềnh.
(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

hoặc là ý nghiã lâng lâng bay bổng trong lòng riêng, khi lạc trong không gian sương mờ lãng mạn:

Sương nương theo trăng ngừng lưng trời
Tương tư nâng lòng lên chơi vơi
(Xuân Diệu, *Tương tư chiều*)

Ý nghiã biểu trưng của âm thanh trong những trường hợp trên đây không khác gì nhau: dù là từ láy hay không, âm thanh của các từ đã thể hiện ý nghiã của chúng. Khi nói *lụn vụn* thì người nói không chỉ có ý thông báo cho ta ý"*vụn*" (nát, nhỏ), mà còn muốn thêm sắc thái tình cảm của người nói vào trong từ này, có thể hàm ý miả mai, hoặc là chê trách. Đó là ấn tượng ghi nhận được qua sự truyền thông ngôn ngữ của người bản ngữ mà một người nước ngoài khó cảm nhận được hết.

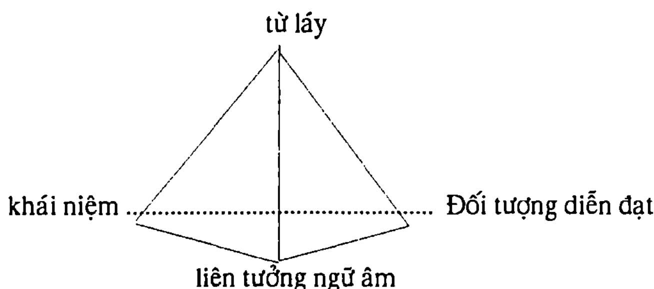
Từ láy trong phương ngữ lục tỉnh đã được cấu tạo theo quy tắc nào để người lục tỉnh chấp nhận sử dụng, và người đọc người nghe các vùng khác vẫn nhận hiểu được? Như đã trình bày, về mặt cấu tạo, những từ láy ghi trong các bảng trên kia đều theo đúng các phương thức láy âm chung của tiếng Việt, nghiã là chúng tuân theo những nguyên tắc hoà phối ngữ âm "có ý nghiã", "hợp quy luật" mà hệ thống từ tiếng Việt cho phép. Thảng hoặc, có những trường hợp biến âm một từ láy, thì vẫn đòi hỏi các thể biến trại cũng phải "hợp quy luật", "có ý nghiã". Ví dụ: từ láy *trọc lóc* của ta hiện nay có thể là thể biến của từ *trọc lốc* (nghiã là đầu tròn nhẵn như hòn lốc, theo *Việt Nam Tự Điển* của Hội Khai Trí Tiến Đức), nhưng cách nói *trọc lóc* vẫn được chấp nhận mặc dù nó đã làm thay đổi cấu trúc của từ (*trọc lốc* là một từ ghép, trong khi *trọc lóc* là một từ láy), và cũng làm thay

(15) Nguyễn Phú Phong, bài đã dẫn, tr. 79.

đổi ý nghiã ban đầu cuả từ; vì dù sao thì lóc cũng biến âm theo nguyên tắc thuận thanh âm với *trọc*. (15)

Một từ láy "lạ tai" bao nhiêu đi nưã cũng cần phải phù hợp với những phép kết hợp có ý nghiã, nghiã là "hợp quy luật" láy từ. Nhưng điều đáng kể hơn là ý nghiã những từ láy này. Ý nghiã cuả chúng không gãy gọn ở dạng từ điển mà đòi hỏi ở cảm quan bén nhạy do tập quán liên tưởng ngữ âm. Nói cách khác, trong mỗi từ láy lục tỉnh nói riêng và trong từ láy tiếng Việt nói chung, quan hệ âm thanh và ý nghiã là mối quan hệ gắn bó.

Từ đó, có thể nói thêm rằng từ láy tiếng Việt là một minh hoạ cho tính cách điệu âm thanh trong ngôn ngữ. Không bao giờ ngôn ngữ là sự bắt chước máy móc tiếng động tự nhiên. Nếu ghi âm thật chính xác thì tiếng gà gáy không phải là *ò ó o o,* tiếng chim cu không kêu *cúc c*u, tiếng suối không *róc rách*, tiếng gió không *rì rào*. Từ tượng thanh chỉ là những từ gợi lên một cách tượng trưng những âm thanh cuả tự nhiên mà thôi, như ý nghiã cuả tiếng "tượng thanh" đã nói đủ. Xem thế, trong cơ cấu ý nghiã các từ láy cuả ta không thiếu vai trò cuả hoạt động liên tưởng ngữ âm, hiểu như một yếu tố thứ tư thêm vào trong một sơ đồ chỉ mối quan hệ ngữ nghiã mà trước nay chúng ta chỉ lưu ý đến ba yếu tố mà thôi.



Hình 1: tứ giác ngữ nghiã cuả từ láy

Biểu trưng hoá ngữ âm trong từ láy là một hoạt động tâm lí gần gũi với tâm lí sáng tạo cuả nhà thơ khi chắt lọc ý nghiã cuả sự vật vào hệ thống hình tượng thơ, vào ngôn ngữ thơ. Đó là một hoạt động sáng tạo. Điều đó cắt nghiã tại sao khó phiên chuyển ý nghiã hàm súc cuả những từ láy sang tiếng nước ngoài. Nét tế nhị cuả tiếng Việt trong trường hợp này xem ra khó tìm được người đồng hành. Không lạ, vì tính cách điệu âm thanh trong ngôn ngữ Ấn-Âu không được triệt để so với loại hình ngôn ngữ đơn lập như tiếng Việt hay các ngôn ngữ Môn-Khmer khác trong họ ngôn ngữ Nam Á, cho nên loại từ gợi tả bằng âm thanh như từ láy là một dặc trưng cuả ngôn



NGUYỄN TÔN NHAN

lục bát ba câu

139.
Nhớ người hay là quên người
Tóc mai em lệch đường ngôi dậy thì
đôi bờ nguồn lạch mê si

140
Trời ơi. Cái ấy cái gì?
Mà tay anh nắm với ghì cũng buông
Mới hay thế giới luông tuồng

141
Tả tơi suốt ngày uống tràn
Một mình như có chín ngàn hóa sinh
Thảnh thơi trong cõi Vô tình

NGUYỄN TÔN NHAN

ngữ đơn lập vậy.

6 Từ láy trong phương ngữ lục tỉnh cũng như bao nhiêu di sản văn hoá khác của vùng đất mới này, hiện đang cần được quan tâm tìm hiểu. Có nhiều tứ láy nghe khá "lạ tai", vì có thể những từ này là tiếng địa phương, vì vậy chúng chưa xuất hiện trong các từ điển tiếng Việt phổ thông. Nhưng có một điều đáng nói là tính cách tân kì, thoát sáo của những từ láy địa phương này. Thật thế, tính cách điệu âm thanh tiếng Việt đã là yếu tố giúp phát huy phép biểu trưng ngữ âm trong từ láy tiếng Việt. Phương ngữ lục tỉnh sáng tạo những từ láy cho mình dựa trên quy luật chung của phép láy từ, nhưng những từ mới lại đi rất xa khỏi những khuôn phép cũ. Về mặt ngôn ngữ thì những từ láy trong phương ngữ lục tỉnh đầy sức trẻ trung, tươi tắn. Như tính cách chung của vùng đất tạo sinh ra chúng.

ĐOÀN XUÂN KIÊN



NGUYỄN VĂN XUÂN

KIM VÂN KIỀU TRUYỆN của THANH TÂM TÀI NHÂN là tác phẩm tầm thường hay giá trị?



LTS: *Chúng ta đều đã biết Nguyễn Văn Xuân là tác giả của nhiều công trình biên khảo giá trị:* Khi Những Lưu Dân Trở Lại, Phong Trào Duy Tân...

Ngày nay, tuy tuổi tác đã cao (gần tám mươi), ông vẫn cần mẫn với công việc trước tác. Bài viết sau đây (và nhiều bài khác Hợp Lưu *sẽ lần lượt công bố), do vài học trò cũ về quê ghé thăm, được ông trao tận tay, nhờ phổ biến ở hải ngoại.*

HỢP LƯU

*

Truyện Kiều của đại thi hào Nguyễn Du là tác phẩm văn chương bất hủ trong kho tàng văn hóa dân tộc. Nhiều người biết rằng, để viết nên truyện Kiều, Nguyễn Du đã dựa vào cốt truyện của một cuốn sách bên Trung Quốc: cuốn Kim Vân Kiều (KVK) truyện của Thanh Tân Tài nhân. Và lâu nay chúng ta từng được đọc hoặc nghe ở dâu đó lời đánh giá cuốn KVK này là một tác phẩm tầm thường không mấy giá trị. Sự đánh giá đó rất cần được xem xét lại.

Tiêu biểu cho sự đánh giá trên đây có thể dẫn chứng: Trong cuốn "truyện Kiều của Nguyễn Du" do Nguyễn Thạch Giang khảo đính và chú thích (Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp - Hà Nội 1973)

có viết: "Trong biết bao nhiêu cuốn truyện của Trung Quốc, Nguyễn Du đã chọn một cuốn truyện thường, ít người chú ý đến là cuốn Kim Vân Kiều truyện của Than Tâm Tài nhân, để rồi dựa vào đó sáng tạo theo quan điểm của mình nên truyện Kiều, một tác phẩm vĩ đại của nền văn học cổ điển nước ta. Đó không phải là một việc làm ngẫu nhiên" (Lời giới thiệu, trang XLIII).

Cuốn "Thúy Kiều truyện tường chú" do Chiêm Vân Thị chú đính và Lê Mạnh Liêu chuyển dịch (Nhà văn hóa Sài Gòn tái bản 1973) cũng ghi trong lời tựa: "Bản Kim Vân Kiều Lục của Tàu, văn viết một cách tầm thường nông cạn, tôn chỉ cũng không có gì đáng kể, chẳng qua chỉ vì một người con gái tả tình tả khổ. Đúng là một loại tiểu thuyết không có giá trị." Và đoạn kết viết "Còn về phần sự thực, thì cớ truyện Tàu như cái nơm bắt cá và cái lưới săn thỏ chính Hồng Sơn đã tự quên. Vậy chúng ta cũng giữ lại mà không bàn tới nữa là hơn." Cái nơm và cái lưới là những vật để bắt cá và săn thỏ không còn giá trị gì, người ta quên hẳn nó đi sau khi bắt được vật (tức truyên Kiều của Nguyễn Du)(1)

Trong thực tế, trước hết chúng ta cần biết KVK là sách do Thanh Tâm Tài tử thuộc loại Kim Thánh Thán ngoại thư và do Quán Hoa Đường bình luận. Sách ấy xuất hiện ở Việt Nam thời kỳ nào, được các giới học giả nhận xét ra sao, ta có thể tuần tự kiểm điểm:

Nguyễn Du, ngay từ đầu cuốn truyện thơ lừng lẫy của mình đã xưng tụng:

Cảo thơm lần giở trước đèn
Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh

Cảo thơm là cuốn sách có giá trị, không chỉ giá trị về văn chương mà còn là thực lục được lưu truyền trong sử sách. Riêng hai câu ấy cũng đủ tóm tắt quan điểm của bậc thi hào khi chọn KVK để biến nó thành tập thơ lớn, cuốn truyện bất hủ của Việt Nam. Tập truyện này, có ảnh hưởng sâu sắc với thi hào ra sao, tôi sẽ nói thêm ở sau.

Các bật tiền nhân của ta đã nhận định KVK được giới trí thức Việt

---

(1) Hai bộ sách trên bản của Nguyễn Thạch Giang gần 500 trang, bản của Chiêm Vân Thị gồm hai tập, mỗi tập có đến 400 trang, đều là những công trình công phu và khá nghiêm túc.

Nam đón nhận thế nào?

Trên kia, ta đã đọc trong lời tựa truyện Kiều câu "Nguyễn Du đã chọn một cuốn truyện thường, ít người chú ý đến là Kim Vân Kiều truyện của Than Tâm Tài nhân", thế mà khi vào vấn đề hiệu đính văn bản truyện Kiều, cước chú đầu tiên lại chép: "Bài tựa Kim Vân Kiều án của Nguyễn Văn Thắng soạn năm 1830 có đoạn viết: "Từng nghe truyện Kim Vân Kiều, xưa kia vốn là một bản thực lục (truyện thực), nhà Ngũ Vân Lâu ở Trung Quốc đã đem khắc in, truyền mãi đến nay ai cũng biết. Khi vào nước ta, quan Đông các (chỉ Nguyễn Du, năm 1806 làm Đông các học sĩ) đã đem diễn ra quốc âm, truyền khắp mọi nơi. Ai được nghe truyện cũng như thấy truyện."

Kiều án là bản văn nổi tiếng, xuất hiện qua nhiều thế hệ, Nguyễn Văn Thắng là bậc đại nho sống đồng thời với Nguyễn Du mà cũng có thể là bạn của Nguyễn Du, thì những điều ông ca tụng sự phố biến sách của Than Tâm Tài nhân do nhà xuất bản Ngũ Vân Lâu ấn hành ở Trung Quốc đưa sang bán ở Việt Nam là điều có thực trước kia. Theo nhà hiệu đính KVK, "tương truyền khi soạn xong truyện Kiều, Nguyễn Du đã đưa bản thảo cho Phạm Quý Thích xem, Phạm Quý Thích rất tán thưởng, nhuận sắc lại một đôi chỗ, đổi tên sách thành Kim Vân Kiều tân truyện, làm thơ đề từ rồi cho in ở phố Hàng Gai, Hà Nội. Đó là bản Kiều Nôm in đầu tiên. Bản này hiện nay thất lạc, chưa tìm thấy."

Tin vào lời tương truyền ấy, ông quyết đoán các nhà xuất bản những truyện Kiều chữ Nôm, cả những bản chép của tư nhân, đều theo bản Phường này cả. Do đó, ông có luận điệu: "Như vậy, bản Hoa Đường Phạm Quý Thích từ năm 1830 đã tìm ở nhà in họ Phạm mà cho khắc in lại. Đến năm 1871 Hoa Đường cũng hiếm, may mà tìm được... Chắc bản này sau Đào Nguyên Phổ mang từ Kinh ra biếu Kiều Oánh Mậu."

Nhà hiệu đính qua nhiều trang (trang 83, 84, 85, 86) đã đưa ra nhiều cước chú quan trọng có khi chiếm cả gần trang giấy để cho biết cả Minh Mạng lẫn Tự Đức đều ca tụng truyện Kiều của Nguyễn Du. Sự thực, các lời ca tụng này đều hướng về KVK của Thanh tâm Tài tử và nếu có nhắc Nguyễn Du chỉ xem như một dịch giả. Ta hãy xem bào Tổng thuyết để ở đầu tập Thanh Tâm Tài tử của Minh Mạng viết gì và được dịch như sau: "Bản của Thánh Thán (Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài nhân, Thánh Thán bình lận) không còn, khói tàn tản mạn. Bản Hoa Đường đã vắng, vách cũ tiêu điều (trộm nghĩ), phải tìm lại các sách còn của họ còn để lại để truyền cho những người cùng chí hướng văn chương. Mới theo truyện in trong sách mà viết ra bài này."

Do câu "Hoa Đường đã vắng" nhà hiệu đính nghĩ cuốn sách đang đề

cập phải là Hoa Đường Phạm Quý Thích. Thực ra, Hoa Đường này không phải là hiệu của Phạm Quý Thích. Trong bài Tổng từ của Tự Đức viết năm 1871 đã xác minh Hoa Đường ấy là ai. Vẫn theo bản dịch của nhà hiệu đính: "Bến sông Hương vào tiết tháng ba đầy sương khói. Đối lư trầm nhàn nhã đọc truyện Thanh Tâm. Sách này người phương Bắc là Thánh Thán làm, Nguyễn Tiên Điền diễn sang tiếng nước ta. Gần đây sách trứ danh như ngọn núi bị gió mưa làm cho hao mòn, nên bản của Hoa Đường không còn lưu truyền (như trước). (Hoa Đường bình bản vô lưu truyền). Vậy Hoa Đường đây không phải là của Phạm Quý Thích mà là của Quán Hoa Đường. Ta thấy cả Minh Mạng lẫn Tự Đức đều đề cao sách của Thanh Tâm Tài nhân và do đó được liệt vào loai danh sơn, tức là sách trứ danh. Minh Mạng không nhắc đến truyện Kiều của Nguyễn Du, còn Tự Đức thì cho nó là bản dịch.

Tại sao có sự nhầm lẫn về hiệu Hoa Đường này? Trước tiên Phạm Quý Thích có đề từ cho truyện Kiều và vì ông sinh ở làng Hoa Đường nên đôi khi người ta gọi là Hoa Đường (như Tiên Điền Nguyễn Du ở làng Tiên Điền.) Thật ra ông có nhiều hiệu khác nhau và đặc biệt, khi đề từ cho truyện Kiều, ông ký là Lương Đường. Lại xem trong bài Minh Mạng viết ngay khi Nguyễn Du còn sống, ông buộc hai cái tên của (Kim) Thánh Thán và (Quán) Hoa Đường vào với nhau: "Thánh Thán bất phùng, hàn yên tản mạn. Hoa Đường dĩ viễn, phá bích tiêu điều". Một ông vua có tiếng là bậc học giả lừng lẫy như Minh Mạnh mà đề cao một quan chức dưới quyền mình, lại là quan chức ở địa vị không cao trọng, bằng những lời kính cẩn đối với tiền nhân như thế là việc rất đáng ngờ. Vả chăng, truyện Kiều thời bấy giờ mới ra đời khi cả nước còn đang "mê tín" danh nhân Trung Quốc, coi thường chữ Nôm thì sự ca tụng bản Nôm của Nguyễn Du là điều khó có thể xảy ra đối với bậc học giả lớn Minh Mạng.

Nói tóm lại, truyện của Thanh Tâm Tài nhân tức KVK không phải khi Nguyễn Du sang Trung Quốc mới mang về. Sách ấy đã nổi tiếng từ lâu, được nhiều nhà trí thức ưa chuộng. Nguyễn Du có thể đã chiều theo sự ưa chuộng ấy một phần nào mà phóng tác ra truyện Kiều có đủ chương hồi với một nội dung gần như trọn vẹn theo nguyên tác. Ông đã có tài lớn ở chỗ *Việt hóa* nó, biến thành một tập thơ vĩ đại sau khi đã châm chước cho hợp tình hợp lẽ và cô đọng. Cũng không quên ngoài cốt truyện, ông còn mang cái tinh hoa của thơ Đường, của văn học dân gian Việt Nam vào để biến bộ sách cũ của Trung Quốc thành một tập thơ dài, tạo thành một điều kỳ diệu ít khi thấy trong lịch sử văn học, không chỉ chính người Việt Nam thích mà cả những *trí thức Trung Quốc cũng ham thích* (Tôi muốn nhắc đến hai tập



PHAN NHIÊN HẠO

cho x và tôi

Nếu tôi là nỗi buồn vô đạo đức
thì em là phương hướng cũ
giữ gìn những chuyến bay đêm
tôi đi trên những chiếc cầu bắt giữa hai bờ xa lạ
tay bám vào sự nguyền rủa giẳng dai
thì em là quyển từ điển nhỏ
giải thích cho tôi các ẩn từ

Cuộc đàm thoại ngắn ngủi trên điện thoại đường dài
đứt rời bởi nội chiến và các cuộc cách mạng
ở giữa quảng trường có một chiếc ghế gãy
tôi ngồi ọm hoa
thì em là người du lịch chụp hình
tôi ở giữa những người lễ độ
đến từ phương xa

PHAN NHIÊN HẠO

truyện Kiều được dịch sang tiếng Hoa trước năm 1975, trong đó có tập của Lý Văn Hùng đã hoàn thành công việc một cách nghiêm túc và lý thú.

Bài này chỉ cốt làm cho rõ tập sách của Thanh Tâm Tài tử có giá trị như thế nào trong dĩ vãng và Nguyễn Du đã ảnh hưởng sâu sắc tới đâu. Trong hai câu cuối, ông viết: "Lời quê chấp nhặt..." Tuy chỉ là một lời nói khiêm nhường, qua đó, ta thấy cũng là lời tự bạch của nhà đại thi hào vốn nặng lòng trung thực. Hồng Sơn (Nguyễn Du) không tự quên diều ấy bao giờ như Chiêm Vân Thị nghĩ.

NGUYỄN VĂN XUÂN



NGUYỄN HƯNG QUỐC

VÀI Ý NGHĨ THOÁNG VỀ BÁO VĂN HỌC *



Báo (hay tạp chí) văn học là một hiện tượng phổ biến và quen thuộc trong sinh hoạt văn học, nhưng tiếc, cho đến nay, hình như chưa được ai quan tâm nghiên cứu, dù là một cách sơ sài.

Trước hết, chúng ta biết, báo chí và văn học là hai lãnh vực hoàn toàn khác nhau. Báo chí thuộc phạm trù thông tin; văn học thuộc phạm trù thẩm mỹ. Báo chí cần nhất là sự chính xác; văn học cần nhất là nghệ thuật. Báo chí có tính thời sự, yêu cầu cập nhật; văn học có tính vĩnh cửu, yêu cầu đẹp. Người ta đọc báo rồi vất cả tờ báo, ít ai giữ báo, nhất là nhật báo và tuần báo; cũng không ai tái bản báo, dù là báo ra hàng tháng hay ra hàng năm. Còn văn học thì khác: người ta có thể đọc đi đọc lại rất nhiều lần một bài thơ hay một cuốn truyện, có khi xuất hiện từ nhiều thế kỷ trước, thậm chí nhiều thiên niên kỷ trước.

Sự phân biệt giữa báo chí và văn học như trên có tính chất lý thuyết và thường thức. Tuy nhiên, trên thực tế, lại có một biệt lệ: báo (hay tạp chí) văn học. Là báo, nhưng nó lại có tính văn học. Vậy, nó là báo chí hay là văn học?

Ở Việt Nam, hình như chưa ai đặt ra câu hỏi tương tự nên cách đối

xử với các báo văn học khá tuỳ tiện: những tạp chí như Đông Dương, Nam Phong, Sáng Tạo, Văn... hay các tờ báo như Phong Hoá, Ngày Nay, Tiểu Thuyết Thứ Bảy, v.v... là đối tượng nghiên cứu của cả khoa lịch sử báo chí lẫn khoa lịch sử văn học. Trong sự tuỳ tiện ấy, thật ra, có chút thiên vị: Trong các công trình nghiên cứu lịch sử văn học, người ta chỉ nhắc đến các tờ báo văn học hoặc như một phần trong sự nghiệp của một tác giả nào đó hoặc như một diễn đàn đăng tải tác phẩm của nhiều tác giả khác nhau. Trong ý nghĩa thứ nhất, tờ báo văn học được xem như một hành động, được giới thiệu một cách tóm tắt trong phần 'sự nghiệp' của một người cầm bút, đại khái việc Phạm Quỳnh làm tờ Nam Phong cũng tương tự như việc ông làm việc ở Viện Viễn đông bác cổ hay làm Thượng thư ở Huế; việc Nhất Linh làm tờ Phong Hoá cũng giống như việc ông dạy học hay ra tham chính. Trong ý nghĩa thứ hai, nó được xem như một vật chứa, chỉ được nhắc th oáng qua với một vài chi tiết nhí nhắt, vô bổ như thời điểm xuất bản và đình bản, số trang, giá bán, các mục thường xuyên, v.v... như một cái cớ để từ đó, đi sâu vào việc giới thiệu một số người trong ban biên tập. Trong cả hai trường hợp, theo tôi, người ta đều không thấy hết ý nghĩa to lớn của các tờ báo văn học.

Trước hết, chỉ cần quan sát một tí, chúng ta sẽ thấy ngay, một tờ báo văn học không đơn thuần là vật chứa, là nơi tập hợp các bài viết khác nhau dưới một nhãn hiệu chung. Mỗi tờ báo văn học tương đối có giá trị đều có một bản sắc riêng, một 'căn cước' riêng. Chúng ta chỉ cần đọc liếc qua các tờ báo văn học hiện nay ở hải ngoại, chẳng hạn như Văn, Văn Học, Hợp Lưu hay Thơ, chúng ta sẽ thấy ngay điều đó. Mặc dù những người viết chính, nói chung, thường khá giống nhau, vẫn chừng ấy tên tuổi, chừng ấy phong cách, thế nhưng, lạ, tổng hợp lại, mỗi tờ báo vẫn có một cái gì đó riêng, thường không lẫn với nhau được. Vì sao?

Trước hết, chúng ta nên để ý: một tờ báo khác với một cuốn sách. Không phải vì trong tờ báo có nhiều tác giả hơn trong một cuốn sách hay những vấn đề được đề cập đến trong tờ báo ít nhiều mang tính chất 'báo chí', nghĩa là tính thời sự hơn trong một cuốn sách. Sự khác nhau chủ yếu giữa một tờ báo và một cuốn sách, theo tôi, là ở cách đọc: đọc một cuốn sách, thường, người ta đọc từ đầu đến cuối; đọc một tờ báo, thường, người ta đọc lướt, đọc nhảy, thích bài nào thì đọc bài ấy trước, ngay cả khi nó ở phần cuối, không cần theo thứ tự nào cả. Như vậy, trong tờ báo, mỗi bài viết, dù có chung một chủ đề, vẫn là một đơn vị độc lập. Vấn đề là: Cái gì nối kết những đơn vị độc lập ấy lại để cả tờ báo có một 'căn cước' chung? Theo tôi, có ba yếu tố. Thứ nhất, yếu tố hình thức. Nói chung, sách, trừ sách cho trẻ em, thường để đọc; còn báo, vừa để đọc vừa để nhìn. Vai trò

của việc trình bày, việc ấn loát ở tờ báo quan trọng hơn ở cuốn sách. Thứ hai, ở những yếu tố ngỡ chừng như rất phụ, hơn nữa, c ó vẻ như linh tinh: lá thư toà soạn, thư tín, tạp ghi, sinh hoạt văn học hay sách báo nhận được. Thứ ba, ở cách chọn chủ đề, cách chọn và sắp xếp bài vở, cách giới thiệu một số bài viết. Cả ba yếu tố này làm cho tờ báo biến thành một chỉnh thể thẩm mỹ. Như một tác phẩm hoàn chỉnh. Đằng sau, thấp thoáng đằng sau chỉnh thể thẩm mỹ ấy là cá tính của người chủ biên.

Trong ý nghĩa này, chúng ta có thể nói, chẳng hạn, tạp chí Văn, từ năm 1982 cho đến năm 1996, là một tác phẩm của Mai Thảo. Nó có thế đứng tương tự như một *Ngọn hải đăng mù* hay một *Ta thấy hình ta những miếu đền.* Văn không phải chỉ là kết quả của lòng say mê văn học nơi Mai Thảo mà còn là nơi thể hiện, thậm chí thể hiện rõ nét, hơn bất cứ ở đâu khác, những thay đổi trong cách nhìn, cách nghĩ và cách cảm thụ văn học của Mai Thảo trong ngót 15 năm. Cần chú ý là những sự thay đổi ấy không phải chỉ thể hiện ở mục 'Sổ tay' hay thơ, truyện do chính Mai Thảo viết mà còn thể hiện bàng bạc ở khắp cả tờ báo, ở cả những bài viết của những người khác mà Mai Thảo chọn đăng hay thậm chí, từ chối không đăng nữa.

Cá tính của người chủ biên không chỉ thể hiện ở những yếu tố cụ thể, trực quan trong một tờ báo như vừa kể. Cá tính của người chủ biên còn quyết định hàng ngũ cộng tác viên cho tờ báo. Rõ nhất là ở những tờ báo có đội ngũ cộng tác viên tương đối cố định như tờ Phong Hoá hay tờ Sáng Tạo trước đây, ở đó, người chủ biên có toàn quyền quyết định việc mời người này hay người kia cộng tác, từ đó, một cách tự giác hay vô thức, dần dần hình thành một nhóm ít nhiều có chủ trương giống nhau. Phần lớn các trường hợp khác, như ở hải ngoại hiện nay, không phải chủ biên chọn cộng tác viên mà thực ra là chính những người được gọi là 'cộng tác viên' đó chọn chủ biên. Cơ sở để tiến hành việc chọn lựa - nhiều khi một cách hoàn toàn thiếu tự giác - chủ yếu là sự đồng điệu. Người ta hay nói đến mối quan hệ giữa nhà văn và người đọc nhưng thường quên là, với nhà văn, quan hệ ấy là một cái gì rất đỗi mơ hồ, và trong tình hình sinh hoạt văn học phân tán và lạnh lẽo ở hải ngoại hiện nay, mơ hồ đến hư ảo. Rấ t nhiều người, từ khi gửi bài viết đăng báo cho đến lúc mực in bài viết ấy đã nhạt màu, cũng không hề nhận được bất cứ một hồi âm nào, kể cả một lời chê hay một tiếng chửi, để biết là mình có một độc giả cụ thể, bằng xương bằng thịt, có tên có tuổi, chứ không phải là một ý niệm trừu tượng trong trí tưởng tượng. Thành ra, với tuyệt đại đa số người cầm bút, người đọc đầu tiên và có khi là người đọc cuối cùng mình cảm nhận được, chính là người chủ biên. Do đó, người cầm bút không thể không quan tâm đến người chủ biên ấy, không thể không đặt câu hỏi: liệu người chủ biên ấy, với kiến thức, khả

năng và đặc biệt, với cái 'gu' thẩm mỹ như thế, có thể cảm được, có thể đánh giá đúng được những tâm huyết mình gửi gắm trong bài viết để có sự trân trọng tương xứng hay không? Với những người mới bước vào làng văn, câu hỏi ấy càng bức xúc vì nó gắn liền với hy vọng là bài viết của mình có thể sẽ được giới thiệu một cách đặc biệt để từ đó, tên tuổi của mình nhanh chóng được khẳng định. Với những ng ười đã có thế đứng tương đối vững, sự lựa chọn không mang màu sắc tính toán mà chủ yếu là vì tình bạn: người chủ biên được xem, trước hết, như một bạn đọc mà trình độ nhạy cảm và tình yêu đối với văn học có thể tin cậy được để bài viết của mình không đến nỗi bị đối xử như một vật trám chỗ hờ hững trên một trang báo thiếu quảng cáo.

Đó là lý do tại sao, dù không có bất cứ nỗ lực vận động nào, mỗi tờ báo văn học trước sau gì cũng hình thành một đội ngũ cộng tác viên riêng, dù một cách thật lỏng lẻo. Những 'cộng tác viên' ấy có thể cộng tác với nhiều tờ báo khác nhau nhưng bao giờ họ cũng gắn bó hơn với một tờ báo nào đó để những bài viết tâm huyết nhất, ưng ý nhất, họ gửi cho tờ báo ấy chứ không phải bất cứ một tờ báo nào khác. Hơn nữa, nếu quan sát kỹ sinh hoạt văn học hải ngoại từ trước đến nay, chúng ta sẽ thấy hiện tượng thú vị: thỉnh thoảng, có lúc, hình như, tự dưng một số nhà văn, nhà thơ (đặc biệt là các nhà thơ), một cách hoàn toàn tự phát nhưng lại gần như đồng loạt, từ giã tờ báo này để cộng tác với một tờ báo khác. Sự 'chuyển luồng' ấy thú vị ở chỗ: nó tự phát nhưng lại khá đồng loạt. Và nó để lại dấu ấn không nhỏ trên diện mạo của cả tờ báo trước lẫn tờ báo sau. (Theo tôi, những hiện tượng 'chuyển luồng' như thế thể hiện rõ rệt hơn đâu hết quá trình vận động lặng lẽ của ý thức văn học của từng thời kỳ.)

Những sự chọn lựa âm thầm ấy của giới cầm bút góp phần quan trọng, chắc chắn còn quan trọng hơn cá tính của người chủ biên, trong việc định hình diện mạo và giá trị của tờ báo, từ đó, dẫn đến hiện tượng có thể có hai tờ báo có những cộng tác viên chính tương đối giống nhau mà chất lượng vẫn khác hẳn nhau: một tờ khá, một tờ kém; một tờ cấp tiến, một tờ bảo thủ; một tờ trăn trở đi tìm cái mới, một tờ tiếp tục ầu ơ những bài ca cũ. Đại khái, cũng chỉ chừng ấy người viết chính.

Trong quá trình khẳng định bản sắc của mình, các tờ báo 'cạnh tranh' nhau gay gắt hơn là các tác phẩm văn học. Các tác phẩm văn học không có khuynh hướng loại trừ nhau: tập Thơ thơ hay, tập thơ Say hay, tập Thơ điên hay, tập Lửa thiêng hay, rồi tập Liên, đêm mặt trời tìm thấy cũng hay nữa. Tập thơ hay này có thể đứng kề vai với tập thơ hay khác, chúng không nhất thiết phải phủ định nhau. Các tác phẩm văn học thuộc các thể loại khác cũng thế. Riêng trên 'mặt trận' báo chí thì khác. Có lẽ vì số lượng báo

văn học trong từng thời kỳ thường ít, mỗi tờ báo buộc phải có một bản sắc riêng. Cuộc 'cạnh tranh' giữa các tờ báo văn học chủ yếu là cuộc cạnh tranh giữa các bản sắc. Và điều thú vị là, một tờ báo mới ra đời không những có nhu cầu tự khẳng định bản sắc của nó mà còn tác động lên cả những tờ báo đã xuất hiện từ lâu, buộc chúng phải tái khẳng định bản sắc của chúng. Tiếc thay, phần lớn những sự tái khẳng định ấy đều có xu hướng bảo thủ.

Khi một tờ báo đã định hình được bản sắc, nó không những đi tìm độc giả mà còn sáng tạo ra độc giả: nó có khả năng đề nghị một cách đọc văn học thích hợp với phương hướng nó nhắm tới để, với mức độ nhiều ít khác nhau, biến một độc giả tình cờ thành một kẻ đồng hành. Ví dụ, một tờ báo công khai vận động đổi mới văn học không những chỉ thu hút những độc giả khát khao đổi mới mà còn làm cho người đọc, khi mới cầm tờ báo ấy trên tay, đã có ngay cái tâm thế là mình sắp sửa hoặc đang đối diện với những nỗ lực đổi mới, do đó, họ dễ có khuynh hướng trở thành nhạy cảm hơn trong việc phát hiện những cái mới ấy (chưa nói đến chuyện họ có đồng ý, đồng cảm hoặc đồng tình hay không.) Ngược lại, một tờ báo văn học có xu hướng chính trị không những sẽ mời gọi những độc giả thích chính trị mà còn, hơn nữa, làm cho những độc giả ấy có những tâm thế thích hợp để trở thành nhạy cảm với các thông điệp chính trị hơn là những 'thông điệp' thuần tuý văn học trong tờ báo ấy. Từ trước đến nay, hầu hết độc giả của Nhân Văn - Giai Phẩm (chủ yếu qua sự trích tuyển của Hoàng Văn Chí trong cuốn Trăm hoa đua nở trên đất Bắc) đều chú mục vào phần phản kháng chính trị mà ít để ý đến những nỗ lực đổi mới thi pháp của Văn Cao, Trần Dần hay Lê Đạt là vì thế. Cũng chính vì thế, chúng ta có thể nói, cùng một bài viết nếu đăng trên hai tờ báo khác nhau, ấn tượng và dư âm nó để lại trong lòng người đọc sẽ khác nhau. Điều này phần nào cắt nghĩa lý do tại sao thỉnh thoảng có vài cây bút chỉ bắt đầu nổi tiếng khi từ giã những tờ báo cũ mình từng cộng tác để đăng bài trên một tờ báo mới: họ gặp được, qua tờ báo mới ấy, những độc giả - tri âm không có ở những tờ báo cũ. Bởi vậy, cũng có thể nói, chọn gửi bài cho một tờ báo nào đó thực chất là chọn 'trao thân gửi phận' bài viết của mình cho một tầng lớp độc giả nhất định với những trình độ và những thị hiếu nhất định.

Vì báo văn học, cũng như mọi loại báo khác, gắn chặt với độc giả, do đó, nó cũng tuỳ thuộc vào môi trường địa lý: nói chung, trong sinh hoạt báo chí, các thành phố lớn chiếm ưu thế hầu như tuyệt đối. Không phải ngẫu nhiên mà tất cả các tờ báo văn học Việt ngữ nổi bật nhất hiện nay đều tập trung tại California, nơi được xem là 'thủ đô' của người Việt hải ngoại. Ở Việt Nam cũng thế: phần lớn các tờ báo đều tập trung ở Sài Gòn hay Hà

Nội. Báo chí ở 'tỉnh lẻ' chỉ có thể nổi lên được trong một điều kiện hầu như duy nhất: nó phải có một bản sắc thật mạnh, như một sự ly khai với báo chí ở trung ương: tờ Sông Hương ở Huế hay Cửa Việt ở Quảng Trị, chẳng hạn. (Khi không còn là một sự 'ly khai', bản sắc của chúng cũng bị tan biến theo.)

Vì gắn liền với người chủ biên, với cả một lực lượng cầm bút rộng lớn cũng như với đông đảo độc giả, và với các trung tâm chính trị hoặc văn hoá của một cộng đồng hoặc một dân tộc, một tờ báo văn học trở thành một công trình tập thể, một hiện tượng văn học của cả một thời đại. Nó thể hiện diện mạo tinh thần của một thời đại có khi còn rõ nét hơn cả nhiều tác phẩm văn học. Nếu có điều kiện và có thì giờ, cứ thử đọc lại bất cứ một tờ báo văn học nào, từ số đầu đến số cuối, mà xem: chúng ta sẽ thấy ngay tất cả những thành công lẫn những thất bại, những cái yêu lẫn những cái ghét, những sự chững chạc lẫn những sự nhẹ dạ của cả một thời.

Với tư cách là một tác phẩm của một người đồng thời là một công trình tập thể của thời đại, báo văn học cần phải được xem như một thể loại văn học (literary genre). Thực chất nó là một thể loại văn học. Như là thơ. Như là tiểu thuyết. Như là kịch. Như là lý luận, phê bình và nghiên cứu văn học. Là một thể loại văn học. Chứ không phải như là cái vật chứa những thể loại khác.

Báo văn học là một thể loại văn học bởi vì nó có đời sống riêng với những đặc điểm riêng và những vai trò riêng trong sinh hoạt văn học. Trong lịch sử văn học Việt Nam, vai trò của thể loại báo văn học này cực kỳ quan trọng. Nó là nơi tập hợp đội ngũ sáng tác, là môi giới giữa một loại tác giả nào đó với một loại độc giả nào đó, là phương tiện đào luyện mỹ cảm cho người đọc và qua đó, cho cả người viết. Chính báo văn học đã mở đầu và thúc đẩy quá trình hiện đại hoá văn học tại Việt Nam. Chính báo văn học đã làm công việc mà các viện đại học tại Việt Nam từ trước đến nay không làm nổi: đúc kết và truyền bá tư tưởng văn học - dù với một mức độ khá bình dân. Chính báo văn học chứ không phải tác phẩm văn học thường đánh những dấu mốc lớn trên từng chặng đường phát triển của văn học Việt Nam hiện đại: tờ Đông Dương tạp chí và Nam Phong tạp chí trong mấy chục năm đầu thế kỷ 20; tờ Phong Hoá trong thập niên 30, tờ Sáng Tạo và Nhân Văn - Giai Phẩm vào cuối thập niên 50; tờ Văn Nghệ và tờ Sô ng Hương trong nửa sau thập niên 80, khi phong trào cởi trói văn nghệ xuất hiện. Ở hải ngoại từ năm 1975 đến nay, sự ra đời mỗi tờ tạp chí văn học có giá trị đều ghi lại một dấu mốc đáng kể. Thực chất mỗi tờ báo văn học thành công, tự nó, là một tác phẩm văn học lớn và hoàn chỉnh của một giai đoạn. Phần nào nó cũng giống với những tác phẩm lớn của từng

nhà văn, nhà thơ cụ thể.

Nghiên cứu về báo văn học như một thể loại văn học, trong đó mỗi tờ báo hay tạp chí văn học được nhìn như một sinh mệnh riêng, một thực thể độc lập trong sinh hoạt văn học chứ không phải chỉ là một phần trong 'sự nghiệp' của bất cứ ai, chắc chắn sẽ làm loé lên những tia sáng bất ngờ. Và thú vị.*

NGUYỄN HƯNG QUỐC

Chú thích:

* Bài viết này được khai triển từ những bài nói chuyện trong các buổi ra mắt tạp chí Việt được tổ chức tại các tiểu bang thuộc nước Úc vào tháng 2.1998.



NGUYỄN HỮU LÊ

NHỮNG ĐẶC TÍNH BƯỚNG BỈNH CỦA TƯ DUY NGHỆ THUẬT TRONG VĂN HỌC.



1.

Khi tìm hiểu bản chất của văn học nhà lý luận thường phải đối đầu với câu hỏi đầu tiên: Văn học là gì?Có nhiều cách lý giải khác nhau. Có bao nhiêu trường phái là có bấy nhiêu cách lý giải. Có không ít câu hỏi nghi vấn đặt ra từ phía công chúng: Liệu khoa nghiên cứu văn học có phải là một nghành khoa học không? Hay nó lại cũng chỉ là một loại hình nghệ thuật? Nếu là bộ môn khoa học thì tại sao lại không xác định nổi đối tượng nghiên cứu để đến nỗi ông nói gà bà nói vịt trên văn đàn trong suốt vài thế kỷ qua?. Cũng giống như câu chuyện ngụ ngôn về các ông xẩm sờ voi, lý thuyết nghiên cưú văn chương cho đến nay vẫn mới chỉ nằm ở ngưỡng *tham vọng* xâ y dự ng mộ t hệ thố ng phương phá p luậ n nghiê n cưú .

Ngay cả những tập thể các nhà khoa học có sự chỉ đạo thống nhất với một số lượng kinh phí khổng lồ nhằm xây dựng hệ thống phương pháp luận nghiên cứu văn học theo quan điểm Macxit ở Liên Xô (cũ) trong suốt mấy thập niên qua cũng mới chỉ làm được cái công việc đáng kể là chỉ ra được cho công chúng văn học biết cái nền móng nghiên cứu phê bình theo quan diểm Macxit phiến diện và què quặt như thế nào. Khi phê phán những trường phái phê bình không thuộc mĩ học Marx các lý luận gia macxit

thường sử dụng những nguyên lý trong lý luận phản ánh để làm vũ khí tư tưởng. Trường phái phản ánh luận cố khu biệt sự khác biệt giữa các trường phái khác thông qua đường ranh thực tại-chủ thể (cái được phản ánh và cái phản ánh) để phân loại chúng theo tiêu chuẩn: chủ quan khách quan. Cái nền khoa học nhân danh biện chứng, khi sử dụng cái đường ranh không biện chứng chút nào này vào nghiên cứu văn học có vô số khập khiễng không thể tránh khỏi. Cái thực tại luận có trong định nghĩa *văn học phản ánh thực tại* tưởng là bảo bối để khám phá những đặc trưng nghệ thuật, đến lượt nó lại chỉ góp được cái phần đáng kể nhất là tầm thường hóa nghệ thuật. Những nghi vấn đại loại như văn học liệu có phải chỉ là *tấm gương*, hay nó lại tuân theo một quy luật khác , nó chỉ làm công việc khác, công việc *nhại lại hoạt động phản ánh*? (Nghĩa là nó chỉ *phản ánh* cái *phản ánh;* nó chỉ là chủ thể nhằm hướng tới những chủ thể khác như là *khách thể phản ánh* của nó). Thực tại luận có thể kéo dài được số trang phân tích những đặc điểm không thuộc về văn học trong một bài *nghiên cứu* văn học, chẳng hạn như bối cảnh lịch sử của tác phẩm, hoàn cảnh xuất thân của nhà văn... nhưng lại tỏ ra lúng túng khi cắt nghĩa những vấn đề phức tạp đại loại như tôn giáo chẳng hạn không là *tấm gương* trung thành của thực tại; ý thức chính trị cũng không phải là thực tại*tự thân*; triết học, đạo đức, thẩm mỹ v.v... trong lĩnh vực hệ ý thức lại càng xa cái thực tại *vật lý* ở xung quanh ta, vậy chúng có phải là đối tượng của văn học hay không? Hay cứ phải nhất thiết là cái thực tại bên ngoài chủ thể sáng tạo? Và hệ quả tiếp theo là lẽ nào chỉ có cái bối cảnh sử quan cụ thể tác động vào chủ thể sáng tạo là có thể thay được cái phông văn hóa, những kinh nghiệm tâm lý và kinh nghiệm xã hội mà tác giả phải dùng nó làm chất liệu tinh thần để thiết kế nên tác phẩm? Cái thực tại khách quan là khách thể của nghệ thuật. Vậy thì cái thực tại tinh thần thuần túy chủ quan, thuộc về phần hồn của con người lẽ nào lại không phải là đối tượng của nghệ thuật?. Ngay cả những chất liệu của đời sống mà ta cứ tưởng là khách quan khi bước vào địa hạt nghệ thuật chúng cũng đã được nhân tính hóa, chủ quan hóa. Văn học , tự nó đã lựa chọn món ăn tinh thần cho nó không phải từ cái thực tại vật lý xơ cứng ở ngoài chủ thể sáng tạo, mà chính là từ cái quan niệm về thực tại đã được *suy ngẫm* qua nhiều thế hệ người trong khu vực *ý thức hệ*. Vì vậy văn học thừa hưởng cái thực tại đã được quan niệm lại trong các hệ giá trị của các cộng đồng người trong các khu vực văn hóa. Nếu cứ vẫn sử dụng các thuật ngữ của lý luận phản ánh thì bản thân văn học không đơn thuần phản ánh thực tại, mà nó chỉ phản ánh*cái phản ánh*. Nó là một loại hoạt động tư duy nhằm *nhại lại* một loại hoạt động tư duy khác của con người.

Ta có thể gọi tên loại hoạt động tư duy này là tư duy nghệ thuật. Ngay cả khi tưởng chừng như nó làm cái hoạt động thuần túy mô tả phản ánh thì cái mô tả trong văn học bao hàm những *suy ngẫm* đã được nhân loại hóa. Con tim chẳng hạn là một thực tại, nhưng với ông bác sỹ phẫu thuật và cách phẫu thuật của nhà thơ chẳng hạn là hai cách không bao giờ chồng chéo lên nhau. Kinh nghiệm nhân tính của loài người hiện nay vốn làm giàu bằng tích lũy , làm giàu lên bởi quá trình lựa chọn và đào thải. Cái mà ta tưởng là mới, là chỉ của ta, chẳng hạn nỗi bâng khuâng khi ngắm vẻ đẹp của trăng rằm , thì ngay cái ấn tượng đó đã là quá trình tiếp nối văn hóa qua rất nhiều thế hệ người. Loài vật và nói chung loại người đã bị thú tính hóa không mang đặc điểm này.

Như vậy nhà văn là chủ thể sáng tạo, nhưng nó thiên về phản ánh một *đối tượng* vốn là tập hợp những *chủ thể*khác trong đó có nó. Nhà văn với tư duy nghệ thuật của mình đang *nhại lại* cách tư duy của đồng loại và của chính bản thân mình. Xét từ góc độ hoạt động sáng tạo, anh ta vừa là chủ thể sáng tạo vừa là khách thể được phản ánh, khách thể tinh thần. Tư duy nghệ thuật trong văn học mang đặc trưng của hoạt động phản ánh nhằm phản ánh một loại hoạt động phản ánh khác. Đây không hề là một cách chơi chữ hoặc cố tình rắc rối hóa vấn đề. Lâu nay những lý luận gia của trường phái *phản ánh*, dù đã mở ngoặc *hình ảnh chủ quan* của *thế giới khách quan* vẫn ra sức tầm thường hóa văn học bằng phương pháp đối chiếu để so sánh giống hay không giống giữa tác phẩm và cái thực tại *vật lý* ´xung quanh. Đó là cách tư duy bắt *truyện cổ tích* phải mang nội dung đấu tranh chính trị *giữa các giai cấp* bắt *Truyện Kiều* thành bản cáo trạng chế độ phong kiến và cái hay của Kiều chỉ còn là cái tố khổ chế độ đương thời. Những bản sao *thực tại*theo hướng tô hồng vốn không phải là suy ngẫm nhân sinh của số đông đã chết yểu ngay khi mới sinh ra, cho dù các nhà phê bình của chế độ ra sức truyền dưỡng khí hô hấp.

Một mặt khác, dù tư duy nghệ thuật mang nặng sắc thái chủ thể nhưng nó không phải là sản phẩm tuyệt đối của một cá thể thuần túy. Bản thân nó đã là một tập hợp kinh nghiệm văn hóa mang tính thời đại của một cộng đồng văn hóa. Sự khập khiễng có chăng là ở vốn văn hóa của từng cá nhân đã khu biệt ra những nấc thang trình độ và kinh nghiệm văn hóa, ảnh hưởng quyết định đến thành bại của một tác phẩm nghệ thuật. Trong lịch sử phát triển có những hiện tượng tài năng tưởng như vượt ra khỏi hạn chế văn hóa của thời đại và vùng văn hóa của anh ta nhưng nếu xét kỹ thì nó cũng chỉ là sản phẩm sáng tạo của thời đại đó. Khi tác phẩm đó sống vượt ra khỏi thời đại mình thì thế hệ kế tiếp sẽ tiếp nhận nó bằng vốn văn hóa mới của thời đại sau và làm phong phú thêm giá trị của tác phẩm nghệ

thuật. Hẳn nhiên là không phải tác phẩm nào cũng mang đặc điểm này. Những nhà văn lớn bao giờ cũng quan tâm đến việc kế thừa và bám rễ vào những giá trị tinh thần của thời đại mình để sáng tạo. Những nhà văn bé hơn thường lo xa *sản xuất* những giá trị tinh thần độc đáo cho tương lai. Tách ra khỏi những giá trị tinh thần của thời đại mình trong hoạt động sáng tạo, nhà văn chỉ có thể làm được cái việc là tự nắm tóc mình để mưu toan nâng mình lên cao.

Chính bằng vào cái đối tượng phản ánh của văn học là chủ-thể-con=người trước thực tại, trong không gian và thời gian ta mới có những căn cứ xác đáng để phân tích hiện tượng chuyển dịch kinh nghiệm trong tư duy nghệ thuật.*Truyện cũ viết lại* của Lỗ Tấn là suy ngẫm về những vấn đề nhân sinh của xã hội hiện đại qua những sự kiện và kinh nghiệm nhân sinh đã thuộc về quá khứ tuyệt đối. Truyện ngụ ngôn về các loài vật chẳng hạn là một cách suy ngẫm của chủ thể con người về nhân tình thế thái (những giá trị chỉ có trong động vật cao cấp là con người). Thơ trữ tình đôi khi chỉ nói về những cơn say hoặc cơn điên đầy nhân tính của chủ thể người. Tính xã hội của cảm quan nghệ thuật không lệ thuộc vào cái thực tại *vật lý* trực tiếp, cứng đờ mà chủ yếu bị quy định bởi quan niệm nhân sinh của con người trước thực tại. Quan niệm nhân sinh này dù bị lệ thuộc bởi đặc trưng vùng văn hóa vẫn dành một khoảng trống rất lớn trong hoạt động nghệ thuật cho chủ thế sáng tạo.

Nói như thế chắc sẽ không thiếu ý kiến phản bác.Vậy cái thực tại *vật lý*hiện hữu chẳng lẽ không còn là mối bận tâm của nhà văn?. Có chứ. Trong khi quan sát cái *thực tại* ấy, nhà văn sử dụng chúng như là những chất liệu để suy ngẫm. Đích của văn học không phải là phản ánh những quy luật (đúng sai) của thực tại (Các nghành khoa học xã hội và tự nhiên khác đã đảm nhận chức năng này). Đích của văn học là khám phá cái đam mê, cái hấp dẫn (hay-dở) thuộc lĩnh vực giá trị tinh thần. Khi thể hiện quan niệm về cái hay, cái hấp dẫn bằng tư duy nghệ thuật lẽ dĩ nhiên nhà văn phải *nhại lại* cách chắp nối sự kiện và vẻ ngoài hình thức của thực tại. Ý nghĩa khái quát của những chi tiết tưởng như ngẫu nhiên trong tư duy nghệ thuật sẽ góp phần khu biệt với những chi tiết ngẫu nhiên của thực tại. Gã say Chí Phèo làng Vũ Đại của Nam Cao có vẻ ngoài của vô số thằng say ngẫu nhiên ngoài đời. Hành vi rạch mặt ăn vạ để kiếm cơm của thằng say cũng chỉ là phản xạ bản năng. Tuy nhiên khi gã say này trong m ột lần rạch mặt mình trước mặt Bá Kiến và hét lên câu *đòi nợ* của người tỉnh: *Ai cho tao làm người lương thiện?* thì cái ngẫu nhiên này đã hàm chứa cái ý nghĩa

nhân bản khái quát của số đông. Cũng không ai xem xét Chí Phèo từ góc độ pháp lý là sai hay đúng chẳng hạn khi giết Bá Kiến. Người đọc không bận tâm đến tiêu chí đúng sai trong tiếp nhận nghệ thuật. Bằng vào cách nghiền ngẫm những giá trị nhân sinh có trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, cho thấy *Truyện Kiều* hút hồn công chúng mọi thời đại không phải bằng những chuẩn mực đúng sai theo tiêu chuẩn đạo đức chính thống. Chính cái cô Kiều *xăm xăm băng lối vườn khuya một mình* để *theo trai* ấy chứ không phải một cô Kiều thuyết lý đạo đức đã chinh phục cảm tình của công chúng. Chính cái cô Kiều ba chìm bảy nổi chốn thanh lâu, nhẹ dạ cả tin ấy chứ không phải là một cô Kiều trung hiếu tiết nghĩa đã đánh động lương tri con người trong suốt các thời đại lịch sử. Nhà văn nghiền ngẫm thực tại bằng tư duy nghệ thuật chứ không phải bằng tư du y logic. Thực tại đôi khi chỉ đóng vai trò chất liệu hoặc vai trò gợi ý, xúc tác để làm bùng nổ đam mê. Chỉ có những nhà văn kém tài thường cần mẫn ghi chép và quan sát các sự kiện xảy ra xung quanh, nhưng không bao giờ đẻ ra được tác phẩm hay vì anh ta không biết dùng chúng vào việc gì. Cái mà anh ta thiếu không phải là các sự kiện mà là cái phông văn hóa để phân tích các sự kiện đó bằng tư duy nghệ thuật.

Trực giác sáng tạo chẳng hạn cũng là sự nẩy sinh thăng hoa bất thần của chủ thể sáng tạo trước một gợi ý bất ngờ, kích thích trực tiếp từ thực tại. Nhưng toàn bộ cái điều kiện tiên quyết cho sự xuất thần của trực giác là những kinh nghiệm nhân sinh hoặc nghệ thuật có khi chẳng ăn nhằm gì với cái *thực tại xúc tác* kia cả. Tôi dám đồ rằng truyện ngắn *Những ký họa dang dở* của Lê Minh Hà đăng trong Hợp Lưu số 38 tháng 12-1997 chỉ là gợi ý bất ngờ nhân một chuyến lên Berlin gặp (hoặc nghe kể) về thảm cảnh của mấy gã họa sỹ ty nạn đi bán rong tài năng của mình. Phần còn lại là phần *bịa*dựa trên cơ sở những kinh nghiệm xã hội trực tiếp hoặc gián tiếp của tác giả. Cái thực tại thô ở dạng *sơ chế*dùng để *tinh chế* khi cần thiết, vốn là tập hợp toàn bộ những *nghiền ngẫm* về giống người trong môi trường xã hội khốn khó xứ An Nam trong quá khứ gần mà tác giả vừa là kẻ trong cuộc vừa là người quan sát.

*

Tư duy nghệ thuật vốn bướng bỉnh với mọi phương pháp tiếp cận một chiều. Bản thân nó thường đỏng đảnh và ngoại tình liên miên với các hình thái ý thức xã hội khác, nếu nó thấy cần. Khi dan díu với *thiên hạ,* tư duy nghệ thuật vốn ích kỷ và hiếu kỳ. Nó chỉ đồng hóa những gì nó cần để tạo ra cái hứng thú và cám dỗ. Nhà nghiên cứu có thể thấy trong *Truyện Kiều* triết lý tài mệnh tương đố; có thể thấy trong *Truyện Kiều* những tiêu chí

khá hoàn chỉnh của đạo lý học thuyết phong kiến; lại cũng có thể thấy cái dấu vết triết lý luân hồi của nhà Phật, hoặc tiêu chí thiện ác của đạo lý hồn nhiên dân gian. Nhà nghiên cứu lại cũng có thể thấy những logic cuộc sống của thực tại đang chi phối từng đường đi nước bước của nhân vật trong *Truyện Kiều*. Ấy thế nhưng đừng có dại mà vội khái quát. Bởi tư duy nghệ thuật của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều* chẳng thuộc về *ai* trong các mối quan hệ *dan díu* kể trên. Nó là nó. Lôi thiên hạ vào trò chơi nghệ thuật. Đẩy những vấn đề nghiêm túc vào tình huống hài kịch. (*Người ngoài cười nụ người trong khóc thầm*) Tạo *diễn đàn* cho các thứ triết lý hoặc đạo lý *đấu nhau chơi* (*Chém cha cái kiếp má đào.Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi*). Ai sứt đầu mẻ trán trong cuộc chơi, mặc kệ. Nó vẫn nắm thế thượng phong trong cuộc chơi; miễn là đạt được mục đích *mua vui* cho thiên hạ; dẫu chỉ *được vài trống canh*.

Chính vì thế mọi mưu toan chính trị hóa hoặc thực dụng hóa tư duy nghệ thuật ở mọi nơi mọi lúc đều không đạt kết quả khả quan. Bây giờ thì không còn ai nghi ngờ cái thất bại thảm hại của mưu toan dùng chính trị thực dụng để nô dịch văn chương ở Việt Nam mấy thập niên qua nữa rồi. Thế nhưng mới cách đây không lâu, ai dám cãi lại cái độc quyền chân lý: *văn học là vũ khí đấu tranh giai cấp* vốn thịnh hành trong nghiên cứu văn học ở Việt Nam.

Với tư cách là sản phẩm văn hóa, trong mối quan hệ cung cầu với công chúng, tư duy nghệ thuật có bị ràng buộc hoặc bị quy định bởi thị hiếu thẩm mỹ của thời đại. Nó, tư duy nghệ thuật vừa làm phong phú thị hiếu thẩm mỹ bằng những sáng tạo nghệ thuật vừa chiều theo thị hiếu thẩm mỹ. Đặc tính hai mặt này đã quy định tính kế thừa trong sự phát triển hoặc cách tân của tư duy nghệ thuật. Ngay cả khi một nhà văn bướng bỉnh nào đó tuyên bố : Tôi chỉ sáng tác cho tôi và vì cái tôi cá nhân của tôi, thì chẳng qua đó cũng chỉ là một ngộ nhận. Cái tôi mà anh ta tưởng là của riêng mình cũng chỉ là sản phẩm tinh thần đã bị xã hội hóa. Mỗi thời đại lịch sử có một hệ thống mở những quan niệm thẩm mỹ đã trở thành đồng thuận của số đông trong đó có cái tôi của nhà văn. Ở những cá tính sáng tạo có bản lĩnh, trong quá trình sáng tác thường có biểu hiện dị ứng với một kiểu thị hiếu thẩm mỹ đã thành lối mòn, thành thói quen . Sản phẩm tinh thần của anh ta thường có giá trị kích thích sự nhạy bén đổi mới của thị hiếu nếu như anh ta bắt nhịp được với cái đồng thuận mới trong công chúng. Truyện cổ tích và thể loại truyện Nôm trung thế kỷ ở Việt Nam tuân thủ triệt để cái thị hiếu *có hậu*tuyệt đối. Chúng tuân thủ theo những luận đề đạo lý hay triết lý có sẵn. Những chi tiết của sự kiện chỉ nhằm minh họa cho các luận đề đã nêu. Công chúng của truyện cổ tích và truyện Nôm

say cái niềm vui thắng cuộc của phe Thiện (Theo tiêu chuẩn đạo lý hồn nhiên dân gian của truyện cổ tích) hoặc phe Chính (đối lập với phe Tà theo tiêu chuẩn của đạo lý học thuyết phong kiến). Đến *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, cái hậu tuyệt đối trọn vẹn không còn nữa. Bằng tinh thần phân tích, Nguyễn Du cho nhân vật của mình cãi nhau với các *đường ray dự đo* mà ông đã nêu trong tác phẩm. Cái hậu trong *Truyện Kiều* chỉ còn là cái vỏ hình thức, còn thực chất kết cục *Truyện Kiều* là ý thức về sự mất mát đổ vỡ không sao hàn gắn được của nhân vật qua chặng đường bể dâu truân chuyên trên đường đời. Như vậy, đến *Truyện Kiều*, tác phẩm văn chương không còn thuần túy mua vui một chiều dễ dãi nữa mà thực chất là *mua buồn*, là sự truyền cảm cho con người nỗi đau của những mất mát nhân tính thuộc lĩnh vực giá trị tinh thần. Trong văn học hiện đại, kiểu thị hiếu này đã khá phổ biến, nhưng xét trong bối cảnh xã hội thời Nguyễn Du, đó là một bước chuyển đổi thói quen thị hiếu quan trọng. Chính vì thế *Truyện Kiều* cũng như thân Kiều, cũng long đong ba chìm bảy nổi, kẻ khen hết mực, kẻ chửi hết điều. Dù sao, cái mới của Nguyễn Du xét trên bình diện tư duy nghệ thuật hoặc thị hiếu thẩm mỹ không ai chối cãi, nhưng xét trên bình diện tinh thần *xét lại* những chuẩn mực xã hội *Truyện Kiều* chỉ là sự đồng thuận ở cấp độ toàn diện với những biến động tinh thần của công chúng trong thời đại đó. Nghĩa là trong công chúng, mầm mống của kiểu thị hiếu thẩm mỹ mới đã xuất hiện. Ý nghĩa xét lại đã có trong thơ Hồ Xuân Hương, truyện Trạng , thơ ca dân gian v.v... và không nghi ngờ gì nữa, tinh thần phân tích xét lại cũng đã tiềm tàng trong công chúng ngh ệ thuật.

Những cô Kiều Việt Nam thời mở cửa đã thôi dần vặt lương tâm để biết làm tình trước khi được hợp thức hóa. Lớp con cháu bây giờ lại có thể *cười mũi* vào nỗi đau của Nguyễn Du. Biết sao được. Lịch sử đang bước vào một lối rẽ khác. Công chúng nghệ thuật đang hoang mang , phân vân trước sự chọn đường. Những thói quen thị hiếu đang bị thử thách. Tư duy nghệ thuật trong văn học đang bướng bỉnh chọc ghẹo thói quen. Đây là cơ hội tốt cho những nhà cách tân, nhưng không phải bằng cái cách đánh đố công chúng bằng những trò chơi chữ rẻ tiền. Công chúng văn học muôn đời vẫn là kẻ tiêu dùng nghiêm khắc sản phẩm tinh thần của nhà văn. Không ai có thể qua mặt họ được.

2.

Hướng nội hay hướng ngoại?

Những vấn đề phương pháp luận tiếp cận tác phẩm

Mối quan hệ giữa văn học và hiện thực trong lý luận văn học, không

chỉ là vấn đề xác định vị trí , chức năng của văn học trong đời sống xã hội mà còn là vấn đề liên quan đến hệ thống phương pháp luận tiếp cận tác phẩm văn học. Hệ thống phương pháp luận Mác xít được xây dựng trên nền tảng những nguyên lý của lý luận phản ánh Mác Lê nin đã giải quyết mối quan hệ này. Theo đó, cái được coi là nền tảng, ít bị lung lay nhất trong mọi biến thiên phức tạp của quá trình văn học chính là nguyên lý"không thể chối cãi": Văn học phản ánh hiện thực.

Hoạt động phản ánh trong văn học theo quan điểm chính thống chính là hoạt động hướng ngoại để nắm bắt những thuộc tính của thực tại. Chủ thể sáng tạo phải hướng tới khách thể trên nguyên tắc: "phù hợp khách quan giữa hình ảnh phản ánh và vật được phản ánh" nhằm hướng tới việc không chỉ sao chép giản đơn sự vật hiện tượng mà còn phát hiện những quy luật, "chân lý" (cấp độ trừu tượng) cũng là một cái khách quan, không phụ thuộc vào con người và loài người. Khi đối lập phạm trù vật chất và ý thức trong triết học theo tiêu chuẩn khách quan, chủ quan, người ta cũng lấy nó làm nền tảng cho sự xác định ranh giới giữa chủ thể và khách thể trong sáng tạo nghệ thuật. Khái niệm hiện thực (hay thực tại) của văn học chính là khách thể phản ánh của chủ thể sáng tạo. Nó cũng tồn tại khách quan "không phụ thuộc vào con người và loài người".

Khác với chủ nghĩa duy vật cũ, các nhà lý luận Mác-xít luôn khẳng định "phản ánh" là quá trình nhận thức cần được xem xét , nhận thức cả về mặt chủ quan trong kết quả phản ánh. Nhận thức là "sự phản ánh giới tự nhiên bởi con người nhưng nó không phải là một phản ánh đơn giản, trực tiếp, hoàn chỉnh mà là một quá trình cả một chuỗi những sự trừu tượng, sự cấu thành, sự hình thành ra các khái niệm, quy luật, v.v. và chính các khái niệm quy luật này, v.v. (tư duy, khoa học= "ý niệm logic") bao quát một cách có điều kiện, gần đúng tính quy luật phổ biến của giới tự nhiên vĩnh viễn "vận động và phát triển" (Lê-nin:Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Matxcơva 1980, tập 29 Tr.192)

Một đặc tính chung nhất của việc vận dụng lý luận phản ánh trong lý luận văn học của giới nghiên cứu văn học Mác-xít (từ những đại diện của khuynh hướng nghiên cứu xã hội học dung tục đến những khuynh hướng hiểu khái niệm phản ánh theo tinh thần hiện đại) là khẳng định nguyên tắc hướng ngoại trong hoạt động "phản ánh" của văn học. Những thuộc tính được coi là của văn học như "tính Đảng", "tính nhân dân", "tính dân tộc"... hoặc những chức năng được coi là của văn học như "nhận thức ", "giáo dục" , "thẩm mỹ"... đều được suy luận từ nguyên tắc "hướng ngoại" này mà ra cả.

Trong một thời gian dài, những suy luận lý thuyết theo nguyên tắc

"hướng ngoại" kể trên xem ra khá suôn sẻ . Nó lại tỏ ra tiện lợi và hữu hiệu đặc biệt đối với những ai không có năng khiếu cảm thụ nghệ thuật trót chọn con đường giảng dạy và nghiên cứu văn học. Phương pháp "phân tích" trong các bài giảng văn ở hầu khắp các cấp học ở Việt Nam thường là sự đối chiếu giản đơn "giống hay không giống" giữa nhân vật văn chương và hình mẫu có thật ở ngoài đời. Người phân tích, bình giảng được coi là tinh tế khi anh ta có năng lực so sánh "kinh nghiệm xã hội" của chính mình với "kinh nghiệm xã hội hoặc tâm lý" của nhân vật. Được coi là hay nếu có sự trùng khớp giữa cái so sánh và cái được so sánh, và bị coi là không đạt , là dở trong trường hợp ngược lại.

Nhưng điều nguy hại hơn cả không dừng lại ở đó.

Khi coi khách thể văn học là hiện thực với những quy luật muôn màu muôn vẻ của nó (Và cái hiện thực cũng như những quy luật này tồn tại khách quan "không phụ thuộc vào con người và loài người"), người ta thường đánh giá cao những khuynh hướng sáng tác thiên về "phản ánh" những quy luật của thực tại. Từ đó kết quả tai hại có thể thấy được thường xuyên là việc đồng nhất giữa tính chính xác trong hoạt động phản ánh với cái thẩm mỹ; giữa cái hay và cái đúng; giữa cái hay và cái tốt... Nó cũng là mẹ đẻ của khuynh hướng coi trọng chủ nghĩa hiện thực trong văn học hơn các khuynh hướng khác: ví dụ khuynh hướng lãng mạn hoặc các khuynh hướng siêu thực. Trong bài giảng văn học ở các cấp học , người ta ít chú ý đến những đặc trưng thi pháp cổ trong truyện cổ tích hoặc truyện Nôm chẳng hạn; trong khi đó lại ra sức đối chiếu theo lối tư duy hiện đại để tìm ra nguồn gốc giai cấp và các quy luật "đấu tranh"... trong các tác phẩm này. Các đặc thù của tư duy nghệ thuật cổ trung đại bị xem là "nhận th ức méo mó" về hiện thực do hạn chế trong việc nhận thức khoa học đối với hiện thực của chủ thể sáng tạo. Để cắt nghĩa cho hợp với nguyên lý phản ánh, các phê bình gia thường sử dụng cụm từ "suy cho cùng" khi giải thích yếu tố kỳ diệu trong truyện cổ tích hoặc truyện Nôm. Theo lối cắt nghĩa "suy cho cùng" này thì mọi cách nhìn "méo mó" "xuyên tạc" thực tại do hạn chế về thế giới quan của người cổ đều có căn bản gốc rễ từ thực tại. "Tôn Ngộ Không trong Tây Du Ký có thể nhảy một cái bay xa một vạn hai nghìn dặm, nhưng hình tượng nhân vật này không hề thoát ly trần thế , xa rời mảnh đất hiện thực".

Theo quan điểm "duy vật" và "thực tại luận" người ta né tránh cái hay bắt nguồn từ sự "phản ánh méo mó thực tại" có trong thi pháp truyện cổ. Cũng theo "đường ray" nhận thức này, nhiều lý luận gia muốn xếp "chủ nghĩa hiện thực" là đỉnh cao cuối cùng có thể đạt được của con người trong tiến trình văn học. Từ đó người ta tìm cách giáng những đòn chí tử vào các

trường phái hiện đại không có tôn chỉ phụng sự "những quy luật của hiện thực".

Tuy nhiên, cái đáng ngờ của sự tiện lợi và dễ thuyết phục của "thực tại luận" lại ở chỗ nó không những không "phản ánh" mà còn xuyên tạc những đặc trưng đặc thù của tư duy nghệ thuật. Những bài giảng văn tiện lợi kể trên đã gạt ra ngoài vô số ngoại lệ mà không hề được giải thích chu đáo. Người ta tránh những ngoại lệ mà lý thuyết không sao cắt nghĩa được bằng cách "đóng băng" chúng lại trong quên lãng.

Ở phần 1, chúng tôi đã sơ bộ đặt ra vấn đề những khả năng khác nhau có thể có trong việc xác định đối tượng "phản ánh" của văn học. Theo đó, chúng tôi đặt ra vấn đề ngờ vực tính thuyết phục của lý thuyết quen thuộc "văn học phản ánh hiện thực".

Thực ra điều đáng ngờ này xuất hiện trong thực tiễn lý luận phê bình và sáng tác văn học từ lâu, nhưng ở những nước còn bị ý thức hệ chính thống ràng buộc, người ta thường phản ứng bằng cách "chó cứ sủa và lạc đà cứ đi".

Trong khi lên tiếng để công kích các trường phái "hướng nội"(chẳng hạn như Crô-xe (Benedetto Croce 1866-1952) và những người nối tiếp quan niệm của ông) các lý luận gia Mác-xít thường chê trường phái này chỉ biết có khâu chủ thể trực giác-biểu hiện-trữ tình. Để lấy minh chứng chống lại phái này, người ta thường viện dẫn tác phẩm đồ sộ là *Chiến tranh và hòa bình* để khẳng định vai trò của "phản ánh hướng ngoại" trong việc tái hiện bức tranh lịch sử toàn diện và sâu sắc có trong tác phẩm đồ sộ này.

Trước hết cần khẳng định rằng những quan niệm "hướng nội" không bài xích lý luận phản ánh. Khách thể phản ánh trong cách đặt vấn đề ngược với quan niệm Mac-xít về chủ thể khách thể của văn học là ở chỗ chính chủ thể sáng tạo trong hoạt động "phản ánh" đặc thù của nghệ thuật đang ra sức "đồng hóa" thế giới ngoại tại, biến thế giới ngoại tại thành phương tiện để cho nó khám phá chủ- thể-con-người. Sẽ là sai lầm nếu quan niệm những thao tác chuẩn bị và tìm hiểu kỹ lưỡng chính xác ngoài văn chương của tác giả *Chiến tranh và hòa bình* như cách mô tả chính xác các trang phục lịch sử, các sự kiện lịch sử có thật, các phong tục và lối sống của người dân... chẳng hạn là mục đích hướng tới của tác phẩm. Lại càng không thể quan niệm những quy luật lịch sử , quy luật chiến tranh và những quy luật xã hội học khác được tái hiện và khái quát hóa trong tác phẩm đồ sộ này là mục đích cuối cùng. Vì như thế, *Chiến tranh và hòa bình* chỉ lặp lại phần công việc của các nhà sử học, dân tộc học, xã hội học..., và nó sẽ trở nên thừa. Ngược lại, khi sử dụng cái "phông" lịch sử phong phú làm phương tiện cho việc xây dựng những nhân cách, nhằm thể hiện tính đa dạng của

chủ- thể-con-người trước những biến cố vĩ đại của cuộc sống, *Chiến tranh và hoà bình* đã để lại di sản nghệ thuật bất hủ cho nhân loại. Người ta có thể quên đi những sự kiện chính xác, những quy luật lịch sử , xã hội, nhưng không thể quên những quy-luật nhân tính và hệ thống nhân vật trong bộ trường thiên tiểu thuyết này. Tương tự như thế , khi sử dụng "phông" lịch sử để viết bộ trường thiên tiểu thuyết *Sông Côn mùa lũ,* Nguyễn Mộng Giác phải vừa đóng vai một sử gia, một nhà xã hội học... trong việc tái phục sự kiện lịch sử. Tuy nhiên , mối quan hệ giữa chính sử, huyền thoại và tư duy nghệ thuật trong tác phẩm này là mối quan hệ nhiều chiều, trong đó tư duy nghệ thuật hướng tới mục đích ích kỷ của nó là đồng hóa các loại kiến thức khác cho mục đích hướng nội; mục đích xây dựng chủ thể con người. (Chúng tôi sẽ có bài nhận xét riêng về tác phẩm này).

Nếu như thực tại khách quan và những quy luật của thực tại là chân lý tuyệt đối, nghĩa là những khám phá của khoa học sẽ ngày càng tiến tới nhận thức sâu sắc chân lý hơn chứ không thể là những kết luận nhị nguyên kiểu "sư nói phải, vãi nói hay" thì ngược lại khi hướng tới phản ánh chủ thể con người, là một "sản phẩm" thuần túy chủ quan, tư duy nghệ thuật đang làm cái công việc là "nhại lại" cái đặc trưng "đa tạp" của chủ thể. Chính vì thế nếu như chân lý khoa học chỉ có một (đúng hoặc sai), thì ngược lại chân lý của nghệ thuật (Hay, dở) là nhiều khả năng vô cùng. Xét trong tương quan này thì nó sẽ là dở, ngược lại xét trong tương quan khác thì nó sẽ là hay. Có những tác phẩm có khả năng tạo ra tương tác "đồng sáng tạo" rất lớn trong công chúng một thời và nhiều thời. Kẻ khen người chê đối với tác phẩm văn học là hiện tượng tự nhiên. Ngay cùng một người đọc, mỗi lần đọc lại đã có những cách "giải mã" khác nhau, thậm chí có khi trái ngược nhau. Cuộc tranh luận trên tờ "Văn học" năm ngoái về chuyên luận "Thơ con cóc" của Nguyễn Hưng Quốc là một ví dụ điển hình. Ở đây chưa cần bàn đến ai đúng ai sai, mà chỉ cần chú ý đến cái đặc trưng "tiếp nhận nhiều chiều" là một đặc trưng khá thú vị của tư duy nghệ thuật. Chính vì thế ngay cả khi Nguyễn Hưng Quốc định "ăn gian" thẩm định lại ngôi vị "con cóc" thì những lập luận của anh có quyền "cãi lại" cách giải mã truyền thống nhằm mục đích gây chú ý cho những cơ sở lập luận về thi pháp thơ của anh. Việc phản công vào bài thơ "con cóc" không hề ảnh hưởng đến lập luận về thơ của anh trong các chương sau. Lẽ dĩ nhiên, ranh giới giữa cái hay và cái dở dù được đặt ở nhiều điểm nhìn khác nhau cũng sẽ có những biên độ giao động khá xác định chứ không hẳn là muốn nói thế nào cũng được. Tuy nhiên đó lại là hướng đi khác của một đề tài khác.

*

Vấn đề hướng nội hay hướng ngoại không chỉ được đặt ra gay gắt trong lĩnh vực lý thuyết mà còn cả trong thực tiễn phê bình văn học. Ở đây chúng tôi không nhằm khu biệt phê bình có tay nghề hay phê bình "nghiệp dư". Điều quan trọng là trong khâu tiếp nhận tác phẩm dù ở dạng cảm thụ hay lập luận, phê bình có bài bản, người ta cũng sẽ không tránh khỏi chủ đích tìm tòi của mình trong hoạt động bình giá. Rốt cuộc vấn đề hướng nội hay hướng ngoại lại vẫn vô tình được đặt ra trong 3 khuynh hướng sau:

1:Bình giá theo khuynh hướng "hướng ngoại".

2:Bình giá theo khuynh hướng "hướng nội"

3:Bình giá theo khuynh hướng phối hợp cả hai khuynh hướng đã có. Như chúng tôi đã trình bày, khuynh hướng "hướng ngoại" có một đức tin thật sự là văn học phải phản ánh thế giới ngoại tại khách quan và những quy luật vận hành của nó. Chính vì thế thao tác đọc, lựa chọn chi tiết trong tiếp nhận tác phẩm của họ chỉ hướng về cái định hướng mà họ cho là bổn phận của văn học. Quan niệm chẳng hạn *Truyện Kiều* chỉ có thể được Nguyễn Du viết ra sau khi đi sứ về một mực cho rằng nhà văn phải quan sát trực diện bối cảnh hiện thực mới có thể miêu tả nó sống động đến thế. Cách đọc "hướng ngoại" bộ trường thiên *Mùa biển động* của Nguyễn Mộng Giác đưa ra sự đối chiếu các địa danh, các nhân vật có thật để quy kết tác giả là mạ lỵ cá nhân hoặc bôi nhọ lịch sử. Ở trong nước, những quy kết chụp mũ quen gặp của ban văn hóa tư tưởng hoặc những kẻ canh cổng văn nghệ đối với các tác phẩm nghệ thuật không thể hiện được "cái chân thật và hùng hồn cuộc sống mới và con người mới"cũng thường lấy tiêu chuẩn so sánh đối chiếu rồi phán quyết. Cuộc tấn công vào mấy truyện ngắn *Vàng lửa-Phẩm tiết*... của Nguyễn Huy Thiệp cách đây một thập niên cũng dựa theo tiêu chuẩn đối chiếu chính sử với nhân vật trong tác phẩm.

Cũng chính khuynh hướng này ra sức công kích vào cái "tôi cá nhân" của "thơ Mới" và ngợi ca hết lời loại thơ, nói đúng hơn là vè: "người thật việc thật". Khuynh hướng này né tránh những kiến giải nghệ thuật đặc thù, phức tạp nhân danh cái vẻ ngoài đạo mạo của chính thống.

Ngược lại với khuynh hướng "hướng ngoại" một trong những đức tin của khuynh hướng hướng nội là không vội tin vào các mối liên hệ vẻ ngoài khi tiếp cận tác phẩm nghệ thuật; cũng không vội tin vào các định kiến có sẵn. Họ hướng tới cái *nhại lại* vẻ ngoài cuộc sống để tìm cá tính của chủ thể. Ở đây, cách *nhại lại* quan trọng hơn nội dung *nhại lại.* Nhà phê bình văn học tìm thấy trong *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh không phải là sự kiện chết chóc, mất mát... mà quan trọng hơn là thái độ chủ quan của con người(vừa là chủ thể sáng tạo, vừa là chủ thể được mô tả thể hiện) trước các sự kiện đó. Điều thú vị là cả trong thực tiễn lý luận phê bình lẫn

sáng tác ở Việt Nam có sự cập kênh, có sự cãi lại ngầm với hệ lý thuyết "hướng ngoại" và thường thì những kẻ bướng bỉnh này có được những thành quả không thể chối cãi. (Về thực tiễn sáng tác, chúng tôi sẽ phân tích trong một bài khác). Ở hải ngoại, khuynh hướng này biểu hiện khá rõ trong một số cuộc tranh luận học thuật vừa qua. Bài "Thơ con c óc" mà chúng tôi đã nêu ở phần trên tự nó đã cho phép ít nhất là hai khả năng tiếp cận: Khả năng thứ nhất là khả năng "hướng ngoại", coi "Con Cóc" là một sự tả chân cái đơn giản, "vật tự nó", và nó đại diện cho loại thơ dở. (Đỗ Minh Tuấn đứng về phía này). Khả năng thứ hai, coi "Thơ con cóc" là một hiện tượng sáng tạo "hướng nội", trong đó chủ thể sáng tạo mượn cái vẻ ngoài xấu xí , tầm thường , lặp đi lặp lại... của "cóc"để lột tả cái nhìn bế tắc , buồn chán của chủ thể trước cõi người. (Nguyễn Hưng Quốc đại diện cho khuynh hướng này).

Nhân đây cũng xin mở ngoặc, không phải tác phẩm văn học nào cũng tạo ra được hiệu ứng "hướng nội". Loại sách "người tốt việc tốt" phát hành trong nước, hoặc các truyện "vụ án" chẳng hạn không mang những đặc trưng này. Một số truyện ngắn không thành công của một tác giả mới vào nghề cầm bút chẳng hạn, đôi khi chỉ là những trang miêu tả rời rạc, vô hồn.

Khuynh hướng thứ ba trong thực tiễn phê bình văn chương vốn không phải là khuynh hướng chiết trung, nhị nguyên. Họ nhìn thấy cả hai mặt, một mặt là các sự kiện, quy luật "như hình thức của bản thân đời sống", mặt khác là những ý tưởng còn lại sau khi đã thoát ly văn bản. Một mặt nhìn thấy các hiện tượng riêng rẽ , rời rạc, mặt khác lại cảm nhận được khả năng tiềm ẩn của cấu trúc . Câu nói cửa miệng "văn tức là người" thừa nhận tính hướng nội, nhưng khi bước vào phân tích họ lại choáng ngợp trước cái "thế giới ngoại tại" và không vạch ra được mối liên hệ phức tạp giữa các mối liên hệ bên trong giữa thế giới ngoại tại và chủ thể .

NGUYỄN HỮU LÊ



GEORGE STEINER

NHÀ VĂN VÀ CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN



Lời người dịch

G. Steiner sinh tại Paris năm 1929, học tại Pháp, Hoa-kỳ và Anh, tác giả những cuốn như "Tolstoi hay là Dostoevsky", "Cái Chết của Bi Kịch"... Bài dịch dưới đây (The Writer and the Communism), trích từ cuốn "Ngôn ngữ và Sự Im lặng" (1967), gồm những tiểu luận về ngôn ngữ, văn chương và sự phi nhân. Bài viết tuy đã lâu, nhưng ở cuối thế kỷ, có lẽ chúng ta cũng nên nhìn lại một lần.

*

Một trong những khác biệt rõ rệt giữa chủ nghĩa Phát xít và chủ nghĩa CS: Phát-xít không để ra một nghệ phẩm vĩ đại nào. Nó chẳng lôi kéo được một nhà văn hạng nhất vào quĩ đạo của nó, ngoại lệ may ra có trường hợp Montherla· ' (Erza Pound không phải là Phát-xít; ông sử dụng những cơ hội và uy thế bề ngoài của nó cho chủ thuyết kinh tế kỳ quặc của riêng ông.) Ngược lại, chủ nghĩa CS đã là một sức mạnh trung tâm trong rất nhiều tuyệt phẩm của nghệ thuật hiện đại; và kinh nghiệm riêng của từng người, khi tiếp cận chủ nghĩa CS, đã ảnh hưởng, về ý thức, cũng như là về

nghiệp văn, ở một số cao thủ, của thời đại chúng ta.

Tại sao có sự khác biệt này?

Chẳng nghi ngờ chi, chủ nghĩa Phát-xít quá ghê tởm, tồi tệ, như là một ý thức hệ, để tác động tới lòng nhân hậu, vị tha, của "trí tưởng tượng", vốn rất cần cho nghệ thuật văn chương. Chủ nghĩa CS ngay cả khi đã trở thành độc dược, nó vẫn là một huyền thoại học về tương lai, một viễn ảnh về khả năng giầu có của con người, khi đòi làm người có nhân cách, đạo đức. Phát-xít là luật tối hậu của đám côn đồ; chủ nghĩa CS thất bại bởi vì nó muốn áp đặt lên bản chất con người, và đưa ra một thiên đường nguỵ tạo để tự biện minh, và vì mục đích lịch sử. Phát xít khủng bố thông qua lòng khinh miệt con người; CS khủng bố bằng cách đưa con người vượt lên khỏi cái luân hồi của lầm lẫn riêng, tham vọng tư, tình yêu thầm kín, mà chúng ta gọi là tự do.

Còn một khác biệt rất đặc biệt. Hitler và Goebbels là những đại gia về ngôn từ, nhưng họ đều coi thường đời sống tinh thần. CS, trái lại, ngay từ phút đầu tiên, đã có một ý thức về những giá trị của trí thức, nghệ thuật. Trong Marx và Engels, điều này thật hiển nhiên. Họ là những nhà trí thức đến tận xương tận tuỷ. Lenin coi nghệ thuật là món quà vô giá để chống lại nỗi sợ hãi. Ông run sợ, lẩn tránh nó, thừa nhận những quyền năng u tối, mê hoặc của những gì dễ nhào nặn, và hình thức âm nhạc, thay vì trí thức thuần lý. Trotsky là một tay văn nghệ (littérateur), theo một nghĩa rạng rỡ nhất của từ này. Ngay dưới thời Stalin, nhà văn và những tác phẩm văn học giữ một vai trò sinh động trong chiến lược CS. Nhà văn bị bách hại, bị hành quyết chính bởi vì văn chương được coi là sức mạnh quan trọng, đầy tiềm năng nguy hiểm. Đây là điểm quyết định. Văn chương được đề cao, coi trọng, tuy theo một đường hướng độc ác, ghê rợn, hiển nhiên là do sự bất tín nhiệm vào nó, của Stalin. Tới thời kỳ băng tan, vai trò nhà văn trong xã hội Xô-viết lại một lần nữa trở nên khúc mắc, và mang tính vấn nạn.

Khó mà có thể tin được một điều, một nhà nước Phát-xít bị chao đảo, vì một cuốn sách nhỏ nhoi; nhưng *Bác sĩ Zhivago* đã là một trong những cơn khủng hoảng lớn lao trong cuộc sống gần đây của giới trí thức tại nước Nga CS. Do trực giác, hoặc do suy nghiệm, nhà văn luôn nhận ra vai trò đặc biệt của họ trong ý thức hệ CS. Họ nghiêm trọng với chủ nghĩa CS, bởi vì nó nghiêm trọng với họ. Từ đó, một lịch sử những liên hệ giữa chủ nghĩa CS và văn chương hiện đại, là lịch sử của cả hai, với những sự vị nể bắt buộc phải có.

Jurrg Ruhle là một trong những nhà văn, nhà trí thức chủ trì, đã kinh nghiệm mùi vị chủ nghĩa CS, và sau đó đã từ bỏ thực tại Stalinist. Kể từ khi chọn Đức quốc làm nơi trú ẩn, ông là một chuyên gia sử học, và quan sát

viên, về cuộc sống văn chương và kịch nghệ CS.

Trong cuốn *"Văn chương và cách mạng"*, ông cho thấy tầm vóc một cuốn lịch sử, về "nhà văn và chủ nghĩa CS" trên toàn thế giới, từ 1917 tới 1960. Thực là một công trình bao la, đồ sộ: văn chương Nga từ Blok tới Zhivago; thơ ca Pablo Neruda, giả tưởng của Erskine Caldwell; từ luận cứ chính trị của Thomas Mann tới phê bình của Lu Hsun. Với phần niên biểu, và tiểu sử tác giả, "Văn chương và Cách mạng" vừa là một tiểu luận phê bình, vừa là một tài liệu tham chiếu.

Chỉ nhìn qua mục lục và những minh họa, thấy rõ một điều, gần như tất cả những nhà văn lớn lao của thời đại chúng ta (Proust, Joyce và Faulkner là những ngoại lệ đáng kể), đều dính dáng với chủ nghĩa CS, ở một giai đoạn nào đó trong cuộc đời và trong nghệ thuật. Phần đầu là về định mệnh văn chương Nga dưới thời Lenin, Zhdanov và Khrushchev. Mảnh đất quen thuộc nhưng đồ sộ. Một lần nữa chúng ta quan sát những thiên tài, và kết cuộc cay đắng của bộ ba cách mạng: Blok, Yessenin, Maiakovsky.

Ruhle đặc biệt chú ý tới đề tài cuốn tiểu thuyết cồng kềnh, gần như bị bỏ quên của Gorky, "Klim Samgin". Ông tin rằng, Gorky đã không thể hoàn tất tác phẩm, vì đã nhận ra mâu thuẫn giữa cuộc sống cá nhân và tổ chức CS; mâu thuẫn này đẩy rất nhiều nhà văn Xô-viết tới im lặng hoặc cái chết. Ruhle tiếp tục bàn về những ký sự gia cuộc nội chiến, Isaac Babel và Sholokhov. Ở đây, một lần nữa, nhận xét của ông thật là sắc bén: ông cho thấy Sholokhov luôn luôn là một nhà văn miệt vườn, với nhãn hiệu bài-trí thức cổ lỗ, và đã thành công, cùng một lúc vừa là tiếng nói con người quốc gia, và tình cảm Stalinist. Ông đưa ra một bản kết tóan đáng tin cậy về những cuộc triệt thóai khỏi Byzantium, và những tình huống táo bạo khi đó, nhờ vậy mà Ehrenburg còn toàn mạng qua mùa đông và thời kỳ băng tan. Bên dưới những câu chuyện kể về người và việc, vọng lên thanh âm rền rỉ, về căn do của (những hành động) lưu đầy, hành quyết, và tự s át.

Sau cùng, tới Pasternak. Ruhle nhận ra ở tác giả này, tiếng nói thực của Nga, và cùng với nó, viễn ảnh vượt lên trên mọi oan khiên, tàn bạo của nhất thời. Ông đồng ý với (nhà phê bình Mỹ) Edmond Wilson, khi tìm thấy ở trong nhân vật Lara và Zhivago một thách đố không thể trả lời được, đối với chủ nghĩa duy lịch sử, và định mệnh thuyết chối từcuộc đời của ý thức hệ CS. Thật hiển nhiên, nếu Pasternak có thể giữ riêng cho mình một tình yêu nổi loạn, riêng tư, ngay trong lúc ăn nằm với Liên Bang Xô-viết, điều này chứng tỏ tinh thần Nga vẫn còn sống ở bên dưới lớp băng, là kỷ luật đảng. Pasternak là một trong những người đầu tiên đọc bài thơ vĩnh biệt mà Yessenin viết bằng máu của mình. Ông biết mẩu giấy tuyệt mệnh nổi

tiếng, trước khi tự tử, của Maiakovsky. Nhưng bằng đức hạnh của sự can đảm, và sự kín đ áo, ông đã sống sót. Và trong *Bá c sĩ Zhivago*, là lời phản khá ng chống lại sự rẻ rúng đời sống cá nhân của chế độ Xô-viết, điều những bạn thơ của ông đành phải lựa chọn cách chết bi thảm, để làm bật nó ra.

Sự thực còn nhiều nữa, ở đây. Và Ruhle đã diễn tả thật tuyệt. Nhưng do gần đây không ở trong Liên Bang Xô-viết, ông đã không nhận ra, thật xa vời, thế giới hình ảnh, cảm nghĩ, của đôi tình nhân Lara-Zhivago, đối với thế hệ trẻ hơn họ. Chính đ ám người cầm quyền, "đá m già", đã sợ hãi cuốn sách, và tìm đủ mọi cách để cho nó im luôn. Tôi tự hỏi không biết những người trẻ tuổi có tìm ra được một điều gì trong *Bác sĩ Zhivago*, nhưng chắc họ chỉ coi đây là một câu chuyện thần tiên làm mủi lòng người đọc, hay một mẩu giả tưởng về lịch sử, xa xưa như *Anna Karenina*. Phần hai của cuốn sách lại càng quí giá . Nó bàn, bằng một giọng quyền uy, tới mớ bòng bong là những liên hệ giữa chủ nghĩa CS và văn chương Đức. Thật chẳng có gì là quá đáng khi nói, chẳng có một thế giới văn chương Đức nào đưa ra một cái nhìn phân minh, hoặc đồng tình, hoặc thù nghịch, đối với chủ nghĩa CS. Hình như có một sự đồng cảm sâu xa, ngầm, nào đó, giữa chủ nghĩa lý tưởng có tính hệ thống, duy lịch sử, là ý thức hệ CS, và tinh thần Đức từ đó nó nẩy sinh. Thường xuyên, như Ruhle chỉ ra, cực tả và cực hữu đều coi Đức, như là mảnh đất chung, để mà nhào nặn tinh thần "toàn thể".

Hiệp ước Hitler-Stalin, mặc dù chỉ là trò mạt cưa mướp đắng, và chết non, nhưng qua nó, là một ẩn dụ về một liên hệ chân thực. Ruhle còn đưa ra trường hợp Johannes Becher, chàng nhạc sĩ Orpheus của chủ nghĩa Stalinism, và Egon Erwin Kisch, một trong những ký giả tài ba nhất cho tới nay, đã từng phục vụ lý tưởng Marxist. Ông tặng chúng ta một cách đọc tình cảm tác phẩm của Anna Seghers; những tiểu thuyết gần đây của bà cho thấy, một nghệ sĩ thứ thiệt, phải uốn éo ra sao khi cố ăn khớp với những nửa-sự thực xám xịt, của "hiện thực xã hội chủ nghĩa". Ông chiếu sáng vai trò của những ý tưởng Mác-xít trong giả tưởng mang tính lịch sử của Heinrich Mann và Lion Feuchtwanger. Ông đề nghị, trong một chương với tài liệu tỉ mỉ, rằng sự bất đồng giữa Heinrich Mann và Thomas Mann là trên một biện chứng pháp rộng lớn: sự đối đầu giữa tư tưởng Đức, một mặt, với chủ nghĩa quốc gia cánh hữu, tuy là đối thủ nhưng lại có những mắc mứu, liên hệ; mặt khác, với chủ nghĩa quốc tế cấp tiến.

Trong đoạn bàn về văn chương Xô-viết, bên dưới những dòng kể những cuộc đời cá nhân, là đề tài thường trực, hoài hoài, về cái chết tàn bạo. C ái này tiếp cái kia, những tiếng nói của thi ca Đức, bi kịch, và phê bình bị bóp nghẹt bằng lưu đầy, sát nhân, hay tự sát. Lật từng trang lịch,

của sự huỷ diệt - Ossietzky, Muhsam, Kornfeld, Theodor Wolff, Friedell, Toller, Hasenclever, Ernst Weiss, Stefan Zweig - người ta nhận ra, văn chương thực sự là một trong những chọn lựa nguy hiểm nhất. Sau những phán đoán bậc thầy, về văn chương Đức, "Văn chương và Cách mạng" đưa ra một cái nhìn về phần còn lại của văn chương thế giới. Phần đất này có vẻ hơi hạn hẹp. Chỉ trong ba chục trang, Ruhle bàn tới sự va chạm không có chi là đơn thuần với chủ nghĩa CS, của Camus, Sartre,

Gide, Malraux, Eluard, Céline, và Aragon. Hai chục trang tiếp theo tóm tắt những nhà văn Ý - Silone, Pavese, Malaparte, Moravia, Carlo Levi. Không đầy bốn chục trang dành cho những trò ve vãn rất phức tạp, với chủ nghĩa Mác-xít và những giấc mơ CS, của những nhà văn Mỹ như Dos Passos, Upton Sinclair, Steinbeck, Hemingway, và James T. Farrell. Những chương sách ngắn gọn còn lại như đề nghị người dọc, một chuyến bay qua Mỹ châu Latinh, và Á châu. Không thể tránh được, nửa sau cuốn sách là những danh mục, tên tuổi ngày tháng, tựa sách - hữu dụng như một chỉ dẫn, tham chiếu vội, nhưng làm sao chu toàn nổi tính nghiêm trọng, và đa dạng của đề tài.

Trong hai chương chót, là về những giáo chủ và những kẻ nổi loạn bên trong trại (camp) văn chương CS. Ông bàn về cuốn *Bóng Đêm Giữa Ban Ngày* của Koestler, 1984 của Orwell, và những trang hồi ký đầy chất thống hối của Gide, và Stephen Spender. Sau cùng "ông ghi nhận sự nổi dậy chống lại chủ nghĩa Stalin của những nhà văn trẻ Balan và Hungary vào năm 1956. Trong thời kỳ tiếp theo vụ đàn áp tại Hungary, Tibor Dery đã bị kết tội dẫn đầu "một tổ chức thù nghịch đối với nhà nước". Một câu chuyện tiếu lâm "thê lương" đã được truyền tụng, giữa người dân Budapest: Cá i tổ chức đó là gì vậy? Trả lời: nhân dân Hungary. Kết thúc chương sách, tác giả nhắc nhở chúng ta, rất nhiều nhà văn vẫn còn ở trong nhà tù tại Xô-viết, và những vệ tinh của nó, hay trong nhà tù Trung Hoa. Liên minh giữa văn chương và chủ nghĩa CS vừa thân thiết, vừa bi đát. Cuốn sách có những nét rất mạnh, như là một ký sự muốn bao gồm mớ tư liệu lớn lao, rải rác, đưa chúng vào một trật tự trong sáng, rõ ràng. Nhưng có nhiều phiến diện ở trong đó. Thường là do ngắn gọn, (khó mà có gì mới, hoặc mang tính khám phá , trong một hai trang về một nhà văn quan trọng.) Nhưng cũng thường là do nhận định chủ quan của Ruhle, và điều này dẫn tới việc đơn giản hóa vấn đề.

Suốt cuốn sách, ông cố đưa ra một mẫu mã, về sự hấp dẫn khởi đầu, mang tính lý tưởng, tiếp theo đó là sự ghê tởm. Nhà văn bị lôi kéo bởi những mục đích cao cả của chủ nghĩa CS, anh ta khám phá ra sự thực, về tính thư lại của đảng, và những đàn áp Stalinist; anh ta từ bỏ đảng. Những

ông thần Đỏ đã làm anh ta thất vọng. Nhưng trên thực tế, mẫu mã này chỉ có thể p dụng cho một số giới hạn, những nhà văn, và không thể cho những nhà văn quan trọng nhất. Vì cố bám vào nó, Ruhle đã vặn vẹo một số sự kiện. Dưới đây là vài thí dụ.

Trường hợp Malraux là một thử nghiệm khả năng của nhà phê bình về những cám dỗ mà chủ nghĩa toàn thể dâng hiến cho thiên tài thi ca. Nhận định của Ruhle về việc Malraux tới, rồi lui khỏi chủ nghĩa CS, là hoàn toàn thiếu sót. Mặc dù ông ta đã chiến đấu thành công trong việc liên minh với tả và sau đó là hữu phái, chuyển từ Đội binh Quốc tế qua nội các De Gaulle, Malraux chưa bao giờ chấp nhận một chương trình chính trị nhất quán. Bất cứ địa bàn nào mà ông ta nhẩy vô, là để tìm điều: trong chính trị có chủ nghĩa anh hùng, sự hung bạo, và lòng trung thành mang tính âm mưu, thủ đoạn. Một cách ngắn gọn, chính trị của ông ta là mỹ học; dáng vẻ bên ngoài của hành động chính trị, đã lôi kéo ông ta, chứ không phải nội dung. Căn phần của toàn sự nghiệp chính trị của Malraux có thể tìm thấy qua nhận xét của Walter Benjamin, rằng những kẻ muốn chính trị là một nghệ thuật (fine art), sẽ luôn luôn chấm dứt như một tinh hoa (elitist), hay một "dá ng đứng" toàn thể (totalitarian posture) - hoặc tả hoặc hữu. Ruhle đã không nhìn ra điều này, ông cũng quên tham chiếu Benjamin, trong khi đây là một, trong tất cả những nhà phê bình Mác-xít uyên nguyên, sâu thẳm nhất.

Hãy lấy trường hợp Orwell. 1984 không phải là một ngụ ngôn về chế độ toàn thể của Stalin, Hitler, và Mao Trạch Đông như Ruhle khẳng dịnh. Luận chiến về câu chuyện ngụ ngôn không đơn tuyến. Phê phán của Orwell cùng lúc là về nhà nước cảnh sát và xã hội tiêu thụ tư bản; với sự ngu si về những giá trị và những quy ước của nó. "Newspeak", ngôn ngữ cơn c mộng của Orwell vừa là một thứ tiếng lóng về chủ nghĩa duy vật biện chứng, vừa là một thậm xưng về quảng cáo thương mại, và mass-media. Sức mạnh bi đát của 1984 là do sự từ chối nhìn sự vật đen ra đen, trắng ra trắng, của Orwell. Cái xã hội mang tính sở hữu của riêng chúng ta đã làm ông hoảng sợ. Ông thấy ở trong đó có những mầm mống của sự phi nhân có thể so sánh với những chuyện thường thấy trong chủ nghĩa Stalin. Orwell từ Catalonia trở về, với một thứ niềm tin u ám, khắc kỷ, vào chủ nghĩa xã hội "người thương người"; Đông hay Tây, chẳng bên nào chấp nhận nó, nếu có chăng là trong một phạm vi thật là giới hạn. Coi 1984 là một "cương lĩnh" (pamphlet), trong chiến tranh lạnh trí thức, là đọc lộn, và bỏ qua nó. Câu chuyện ngụ ngôn thực về xã hội Xô-viết, là ở trong tác phẩm *Trại Loài Vật* của ông.

Cùng một sự ngần ngại, khi chấp nhận tính khúc mắc của sự thực, đã

ảnh hưởng Ruhle, khi ông nhận định Lorca. Mặc dù khẳng định đầy tin tưởng của ông, những hoàn cảnh về cái chết của Lorca vẫn chưa có chi là rõ ràng. Đây là một trường hợp trả thù cá nhân hơn là khủng bố chính trị. Thêm một thí dụ, là về nhà văn trẻ Balan, Hlasko. Điều "khúc mắc" ở đây, đó là không phải ông ta nhìn ra một xứ sở Balan CS đang giẫy chết, cho nên tìm tự do tại Tây phương, nhưng ông nhận thấy "thế giới tự do" hoàn toàn không thể chịu nổi (intolerable). Văn chương là một tìm kiếm, săn đuổi đa đoan, phức tạp, hàm hồ; nó không rơi một cách tự nhiên, vào những "nhà tù" Cộng sản, hoặc chống-Cộng, mà Ruhle tìm đủ mọi cách để nhét nó.

Những chuyện kể trên thì cũng thường thôi. Cái dở nhất, tệ hại nhất, trong Văn chương và Cách mạng, là Ruhle từ chối, không chịu phân biệt giữa chủ nghĩa M ác-xít, và chủ nghĩa CS, hay nói rõ hơn, giữa chủ nghĩa CS như một viễn ảnh đạo đức, và một chủ nghĩa CS như là thực tại chính trị thư lại. Trong nước Nga Stalinist và những xứ sở vệ tinh của nó, sự phân biệt này gần như không còn. Nhưng ở nơi khác, với sự trân trọng dành cho những nhà văn Tây phương rơi vào ảnh hưởng Mác-xít, điều này thật quan trọng. Ruhle luôn luôn "đánh đống", những nhà văn có thể coi là CS và những người đã rút ra từ lý thuyết Mác-xít về lịch sử, và nhận định Mác-xít về xã hội, một chất liệu cho nghệ thuật của riêng họ. Người ta không thể nói chuyện cùng bằng một hơi thở của Howard Fast và Romain Roland. Sự khác biệt thật là lớn lao. Nghiêm ngặt mà nói, có ít nhà văn thế giới , bên ngoài Liên Bang Xô-viết, đã dâng hết nghệ thuật của họ, nhằm phục vụ Đảng CS hay chính sách Xô-viết. Becher, Aragon, Anna Seghers, danh sách không được dài. Hiển nhiên, không có trong danh sách, hầu hết những nhà thơ, tiểu thuyết gia, kịch tác gia quan trọng, những người mà Ruhle quan tâm tới. Điều mà Feuchwanger và Heinrich Mann gặt hái được từ chủ nghĩa Mác-xít, là ý nghĩa về những sức ép mang tính tài liệu, và mật độ của sự kiện lịch sử. Sartre đã rút từ chủ nghĩa M c-xít, vừa hỗ trợ, vừa mâu thuẫn sáng tạo, cho viễn ảnh mang tính cá nhân, và thật sáng giá , của riêng ông, về khủng hoảng, và lịch sử. Với Sean O'Casey, chỉ là sự bi phẫn nhắm vào cối xay gió, nặng chất hỗn loạn, vô chính phủ, của sự nhạy cảm Ái nhĩ lan, chống lại bất công xã hội. Với Malaparte, chủ nghĩa CS là một cái gì giống như một câu chuyện tiếu lâm "riêng tư", chiếc mặt nạ của một anh chàng Lãng mạn tuy tàn bạo, nhưng bi thương, trầm trọng. Ở Pablo Neruda, ý thức hệ CS là hứa hẹn, cho một hoang tưởng mang tính trả thù, rửa hận.

Mỗi trường hợp mỗi khác. Hơn nữa, có một sự phân biệt thật rõ nét, giữa những người mất ảo tưởng, về chủ nghĩa CS, và những người sau cùng đoạn tuyệt với Đảng CS. Trong hầu hết trường hợp, việc đoạn tình đoạn

nghĩa với Đảng đẩy họ tới sự im lặng, hoặc tới Hollywood. Mặt khác, sự rút khỏi Đảng có vẻ như là một tiến trình sinh động, sức tưởng tượng của nhà văn tuy thương tổn, nhưng vẫn còn sống. Từ đó, trong cuộc đời của những nhà văn như Camus, Steinbeck, hay Silone, chủ nghĩa Mác-xít đã giữ một vai trò giải phóng. Ngay cả khi đã ngoảnh mặt đi, họ vẫn giữ cho tài năng của mình, những chi li tinh tế về khả năng, tầm nhìn; và những thói quen phản kháng đạo đức.

Và bởi vì Ruhle từ chối phân biệt giữa những tiền đề Mác-xít Hegelian, và thực tế CS, ông đã không nhận ra ảnh hưởng sâu xa của tư tưởng Mác-xít trên mỹ học Tây phương và lý thuyết văn chương. Dù hiển nhiên, hay là tiềm ẩn, cái nhìn toàn thể, đương thời của chúng ta đều thấm nhuần một sự âu lo, hay là sự quan tâm nhuốm mùi "Mác-xít", về cơ cấu xã hội và tiềm năng lịch sử. Bên dưới một văn phong đầy thơ tính, ngay cả những nhà "phê bình mới" cũng mắc nợ truyền thống Mác-xít, một sự thể hiện nào đó, về "môi trường" kinh tế, xã hội. Thực ra, với mỹ học nhiều hơn là với văn chương hiện thời, chủ nghĩa Mác-xít đã có một đóng góp vững vàng nhất của nó.

Ruhle ít chú ý đến ba nhà phê bình, cùng với Lukacs, đã đem đến cho Tây phương điều được coi như là mầu mỡ nhất, xum xuê nhất, tức là quan điểm Mác-xít về nghệ thuật. Họ là Walter Benjamin, Lucien Goldmann, và Edmond Wilson.

Trước khi gấp cuốn sách tuy đầy tính thông tin, nhưng với một cái nhìn một chiều, còn một câu hỏi rộng lớn hơn không thể không đặt ra: rằng chủ nghĩa Mác-xít hay CS "ăn nhậu" gì tới sự thể hiện tài năng sáng tạo của từng cá nhân chúng ta? Phải chăng đây chỉ là tình cờ, ngẫu nhiên? Phải chăng là một thiếu sót, một món nợ nếu chúng ta bỏ qua một danh tác, trong đó thể hiện cuộc đối đầu giữa văn chương và chủ nghĩa CS? Bỏ sang một bên thơ ca Nga thời kỳ 1917-1925, theo tôi, có một vài tác phẩm. Hai trong số những tác phẩm tiêu biểu nhất của tiểu thuyết hiện đại, là *Phận Người*, của Malraux, và *Bóng Đêm Giữa Ban Ngày* của Koestler. Đây là những tác phẩm bắt nguồn thẳng từ tác động của phong trào CS lên cuộc đời và trí tưởng tượng của nhà văn. Hơn nữa, chúng luôn có giá trị, bởi vì chúng nhận ra trong chủ nghĩa CS dấn thân (militant), có sự hiện hữu của cả hai, điều cao thượng, và cái xấu. Nếu, trong tiến trình của Đảng, có kẻ nào nhận ra sự độc ác, xảo quyệt, tàn nhẫn xóa sạch mọi gi trị tư riêng, lại có người tìm thấy sự hy sinh, can đảm, và một niềm tin không dời đổi về khả năng của con người sống và chết vì lý tưởng. Không có chủ nghĩa Mác-xít và niềm tin vào ý thức hệ của Đảng, Bertolt Brecht, nhà bi kịch số một của thời đại đã không tìm ra tiếng nói và văn phong của mình. *The*

Three-Penny Opera, Mahagonny, và *Mother Courage* là những kịch cổ điển với âm điệu hiện đại. Chúng được coi như là những dàn dựng cho một tình cảm chung (comon feeling); nhưng chúng đã được bắt rễ từ chủ nghĩa CS cá nhân của Brecht, và trong khung cảnh lịch sử là sự thất bại của phong trào CS Đức. Đông Bá Linh là thành phố mà Brecht cả đời luôn hướng tới.

Cũng tương tự như vậy, một số thơ ca tuyệt vời của Aragon đã không thể t ch ra khỏi cái nhìn-thế giới, và tự điển về chủ nghĩa CS. Điều này đúng, với Bác sĩ Zhivago, tuy có vẻ ngược ngạo, nhưng đây chính là điểm quyết định. Người ta không thể nào nhìn ra tác phẩm thường xuyên tự mâu thuẫn, mang tính suy tư, và tản mạn này, nếu không nhận ra một điều: tác giả của nó, Pasternak đã đắm đuối, chết chìm ở trong những đau thương, và hoài vọng về Cách Mạng Nga. Trong nhiều chiều hướng, cuốn tiểu thuyết là một biện minh, một cái cớ (pretext) cho cách mạng; một cuộc cách mạng, hướng nội, toàn diện hơn cả cuộc cách mạng đưa đến xã hội Xô-viết. Ở nơi khác, yếu tố Mác-xít và CS trong nghệ phẩm thường chỉ là chất sơn mờ nhạt hay là một mã (code) tiện lợi để diễn tả chủ nghĩa cấp tiến cá nhân. Rõ nhất là ở những kịch phẩm của O'Casey, hay những bài thơ của Eluard. Thường xẩy ra trường hợp, người nghệ sĩ muốn phục vụ những yêu cầu hiện tại của ý thức hệ Đảng, cuối cùng bị hiểu lầm là chống đối, lật đổ: người ta còn nhớ trường hợp Picasso, vì muốn vinh danh cái chết của Stalin, đã "sản xuất" ra được một bức tranh, một anh chàng thanh niên lơ mơ, mộng mị, với bộ ria thời Victoria. Sau cùng là câu hỏi hắc búa nhất về liên hệ giữa nghệ thuật và chủ nghĩa toàn trị, như tên gọi của nó.

Lịch sử dậy chúng ta, một chế độ vương quyền, hoặc là Augustan Rome, hay Renaissance Florence, hay cung đình Louis XIV, đều có thể đẻ ra văn chương, nghệ thuật lớn. Những bạo chúa và những thi sĩ thường xứng hợp với nhau (ngay cả ở Stalin, vẫn có những dấu vết kỳ quặc của liên hệ này - như cách đối xử của ông với Bulgakov và Pasternak). Nhưng đâu là cực điểm của chủ nghĩa chuyên chính, một khi nghệ thuật trở thành đầy tớ, hay rơi vào im lặng? Đâu là lằn ranh giữa nghệ sĩ như là con thuyền chở đạo, của xã hội anh ta, và cái loa tuyên truyền ở đầu ngõ? Đâu là sự khác biệt giữa bài thơ xưng tụng mà Anrew Marvell dành cho Crowmwell, và những hoan khúc (rhapsodies) của Becher dành cho Stalin và Ulbricht?

Nếu cuốn sách của Rhule không đưa ra một câu trả lời, ít nhất nó cũng chiếu sáng bản chất vấn đề.

Nhưng cái đề tài hấp dẫn, khẩn cấp này vẫn còn cần phải bàn tiếp.

NGUYỄN QUỐC TRỤ *chuyển ngữ*



NGUYỄN VY KHANH

NGUYỄN HUY THIỆP: NHỮNG CHUYỆN HUYỀN, KỲ, NÚI, SÔNG và NƯỚC



1. Tác giả Nguyễn Huy Thiệp đến với người đọc đã sớm gây chú ý ngạc nhiên chỉ với một số ít truyện ngắn, và đã âm thầm gác bút. Truyện và kịch của ông đã được đăng báo, in thành nhiều tuyển tập trong và ngoài nước và được dịch ra ngoại ngữ. Nhà văn vừa tài tử vừa chuyên nghiệp qua tài năng, nhưng gây hiện tượng và tác phẩm của ông đã và đang được nhiều người nghiên cứu, phân tích, được coi như là những tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam trong thập niên qua.

Khía cạnh nổi bật trong các truyện của nhà giáo sử từng sống nhiều năm giữa những đồng bào Mường và Thái đen ở vùng thượng du Tây Bắc là những chủ đề huyền thoại, truyền kỳ và lịch sử. Trong nhiều tác phẩm, ông muốn lôi xuống với đời thường những đỉnh cao của lịch sử và văn học, trần tục hóa các vua Gia Long, Quang Trung và các nhân vật lịch sử Nguyễn Thái Học, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Thị Lộ, vv. Thật và giả. Đứng đắn và hoang chơi. Anh hùng lịch sử là của quá khứ, họ đã để lại vết tích đâu đó trong đất, núi và sông, nhưng qua những hạt cát bụi của trí nhớ người hôm nay mà họ vẫn sống, sẽ sống. Lịch sử biến thành dã sử, truyền kỳ, chuyện dân gian. Hôm nay thành hôm qua. Và chuyện dân gian thành những huyền thoại. Và lãng

mạn biến thành thô tục như trong truyện Trương Chi.

Huyền thoại là những chuyện xa xưa, những mảng rời cấu thành lịch sử nhưng không là lịch sử thuần lý. Huyền thoại giúp cắt nghĩa chuyện tại sao mà có, mà sinh thành; cắt nghĩa nguồn gốc một dân tộc, một xã hội, tập thể. Huyền thoại không chỉ có trước, mà khi đã có lịch sử vẫn tiếp tục cấu kết, trở thành cốt lõi cho lịch sử. Trong khi đó truyền kỳ thường là những chuyện lạ hay có liên hệ đến lịch sử được lưu truyền lại. Nguyễn Huy Thiệp xử dụng cả hai thể loại.

Huyền thoại có tính cách lạc quan, tin ở con người, nhân bản tự tại; không cần đến lý trí, lý luận. Thể huyền thoại giúp tác giả khai thác những tiềm ẩn, tiềm thức, siêu thức. Từ Claude Lévi-Strauss của *Nhiệt Đới Buồn Thiu* (*Tristes Tropiques,* 1955), huyền thoại đã giúp cắt nghĩa, thông hiểu nhiều hiện tượng, kể cả lịch sử, văn minh. Đi sâu, vượt thực tế, lên cái không cùng. Dĩ nhiên, huyền thoại không có nghĩa là phi lý hay vô lý; huyền thoại có cái trật tự luận lý của nó, có cả một hệ thống luận lý bên trong hay với những nguyên tắc nhất định. Huyền thoại tiến hóa theo chiều sâu vũ trụ thay vì chỉ là ý thức tiến hóa.

Dùng huyền thoại, tác giả muốn người đọc thông hiểu thay vì lý luận, phán xét. Cảm nhận bằng trực giác, kinh qua, cá nhân, tư riêng, thay vì lý trí cái phải đưa đến một kết luận chung, hợp lý, hợp biện chứng hay đưa đến một sự thực phổ quát mà trong thực tế và lịch sử, đã sản xuất những Lý Tư, Tôn Ngô, Machiavel, Descartes, Hegel, Marx, tư bản, cộng sản, vv. Thể huyền thoại không chứa phổ quát, không có chân lý, có chăng là chân lý tự tại hay những giá trị đối với cá nhân, với tôi; ai có khả năng hoặc thiên khiếu cảm nhận, sẽ đọc được cái sứ điệp của tác giả. Lỗ Tấn trong tập *Cố Sự Tân Biên* (*Truyện Xưa Viết Lại*) lấy chuyện xưa nói chuyện thời ông hồi đầu thế kỷ XX, lộ chân tướng giáo dục, răn đe và làm chính trị. Nguyễn Huy Thiệp cũng tỏ ra luân lý, dạy đời nhưng có thể nói ông khác Lỗ Tấn, ít tham vọng hơn dù truyện và kịch ông thường có một thông điệp, những ước ao, như được làm người. Văn Lỗ Tấn thường hiện thực trong khi Nguyễn Huy Thiệp huyền ảo, thơ mộng dù nội dung có khi nặng nề, nhức nhối.

"Con tôi ! Tôi sẽ nuôi dạy cho nó nên người. Phải. Nó sẽ thành thi sĩ! Thành anh hùng! Thành bác học! Nó sẽ tiến hành các âm mưu, sẽ nổi loạn, sẽ tiêu diệt... Nó sẽ thành tựu, sẽ ngạo nghễ, sẽ tự do. Nó sẽ đau khổ và hạnh phúc! Nó sẽ gian trá và rộng lượng! Sẽ yêu thương và căm thù! Sẽ hủy diệt va xây dựng... Nó sẽ đứng giữa trời và đất, nó phải được quyền yêu ghét, quyền chọn lựa, quyền được định đoạt giữa sinh và tử, quyền được nhảy múa trên cả vinh quang cũng như điếm nhục..." (Hoa Sen Nở Ngày 29 tháng 4, tr.

726)(1)

Huyền thoại có thể trần tục hóa những thần thánh, danh nhân lịch sử, gở bỏ vầng hào quang, giản đơn hóa những ngôi sao có khi đã được chiếu sáng nhân tạo, đưa các ngài từ những đỉnh núi cao xuống đồng bằng sống với người hai bữa cơm chạy gạo. Rồi phải đối phó với những nhức nhối, phải giải quyết những nát lòng, tục lụy. Nơi không còn chỗ đứng cho những chân lý muôn đời, khuôn mẫu duy lý, cái phải đi lên, đi thẳng !

Trong các truyện và kịch của Nguyễn Huy Thiệp, nhân vật là những người như chung quanh ta: thiếu phụ lái đò về bến Tầm Xuân, cô gái dở hơi, tên tướng cướp, những người thợ xẻ, lão đồ tể, ông thợ hớt tóc, người đẩy xe ba gác, ông tướng về hưu trơ trụi lý tưởng chết đứng trước những tầm thường thường nhật trong gia đình con dâu nuôi heo với nhau đem ở bệnh viện về, và trước những khốn cùng chốn đồng quê hay một diễn viên quèn. Đời thường như huyền hoặc, huyễn ảo; các nhân vật như có một tâm hồn trong sạch, nguyên sơ lẫn những khôn ngoan của người thường. Niềm tin nơi cái Thiện hiếm hoi, nơi luật nhân quả, nơi con người :

"Ông Diểu dừng lại sững sờ. Loài hoa tử huyền cứ ba chục năm mới nở một lần. Người nào gặp hoa tử huyền sẽ gặp may mắn. Hoa này màu trắng, vị mặn, bé bằng đầu tăm, người ta vẫn gọi hoa này là muối của rừng. Khi rừng hết muối, đấy là điều báo đất nước thanh bình, mùa màng phong túc" (Muối Của Rừng, tr. 107-108)

Và những oan ức như của Ngô Thị Vinh Hoa. Nhưng cũng có những cái ác hay bất thường của Nguyễn Ánh, Nguyễn Huệ, Những cái oan và ác của hôm nay đầy rẫy, của một xã hội tha hóa, không trọng nhân phẩm, một xã hội bất bình thường !

"Bản tính người Việt là hay trông ngóng, nhiều khi quên gốc ở ngay chính tim óc mình" (Chút Thoáng Xuân Hương, tr. 184)

Mặt khác, Nguyễn Huy Thiệp huyền thoại hóa một số nhân vật và đề tài lịch sử. Huyền thoại, cảm nhận lịch sử khác đi, đương đại hóa cái quá vãng hay đã được đặt trên bệ thờ, đúc tượng khắp công viên. Một nỗ lực vượt thoát cái nhìn tập thể, bình thường, vượt lên trên cái trật tự xã hội, cái áp đặt bằng nhiều chiến thắng và xương máu, vượt thoát thiên kiến, cái đặt để kiêng húy. Cái nhìn của đứa con dám cãi mẹ cha bất lương, tàn độc, cái

---

(1) Để đơn giản, trong bài viết, các truyện và kịch đều trích dẫn từ tập *Như Những Ngọn Gió* (Hà Nội: Nxb Văn Học, 1995. 732 trang) là tuyển tập đầy đủ nhất và được tác giả sửa bản in, gồm 24 truyện ngắn và 5 kịch bản.

ly khai của con cừu chán ngấy những tiếng loa nhàm và nhảm, cái kiểm thảo tự giác, bất vụ lợi, cái tự vấn của đáy lòng trước khi vào tòa giải tội hay sám hối tập thể. Như muốn nhắc nhở cái hôm nay là hệ quả của những hệ thống, danh nhân và lịch sử, vẫn phải thấy nghe mỗi ngày hoặc tưởng đã chìm khuất. Nhưng Nguyễn Huy Thiệp phê phán những ảo tưởng, những huyền thoại dựng đứng một cách nhân tạo, bá quyền. Đó là lý do ông đã bị các quan văn nghệ kết án đã dám *"bắn súng lục vào quá khứ"* hoặc đi xa hơn, coi ông bị bệnh tâm thần - may mà ông không sống thời Staline và Nhân Văn Giai Phẩm !

Nguyễn Huy Thiệp đã là hiện tượng phải chăng vì chữ viết giữ vai trò quan trọng, nhất là đối với một xã hội đề cao lý luận, ý thức hệ, một xã hội tự cho không giai cấp nhưng đầy dẫy giai cấp, phe đảng, lý lịch. *"Văn chương là thứ bỉ ổi bậc nhất! (...) Nó gây ra sự nổi loạn trong cuộc đời thường. Cuộc đời trôi đi đơn giản. Day đi dứt lại làm gì ?" (Chút Thoáng Xuân Hương,* tr. 203). Lévi-Strauss từng nhìn ra cái tác oai tác quái của chữ viết : *"Hiện tượng duy nhất hình như lúc nào và khắp nơi liên hệ đến sự xuất hiện của chữ viết, đó là sự tạo thành những xã hội giai cấp hóa, những xã hội gồm có chủ và nô lệ, những xã hội lợi dụng một phần dân chúng lao động cho phần kia hưởng, hiện tượng đó không chỉ có ở vùng Trung đông mà cả ở Trung Hoa thời nguyên sử và cả ở vùng châu Mỹ những nơi mà dấu vết chữ viết xuất hiện trước khi lục địa này được khám phá" (Entretiens avec Claude Charbonnier).*

2.

Tướng Về Hưu : huyền thoại anh hùng chiến tranh: *"đường ra trận mùa này đẹp lắm"* (tr. 49); huyền thoại *"người cha đã chết"*, người cha vắng nhà và những đứa con mồ côi, đi hoang. Chiến tranh trường kỳ, để sinh tồn, con người xoay sở, cả lấy nhau thai nhi đem về nhà nuôi chó và lợn! Một bức tranh xã hội suy đồi văn hóa, đạo đức, nỗi bất lực của người hùng trong đời thường, giá trị *"người hùng"* trong một xã hội kinh tế nhắm thị trường !

Kiếm Sắc: Nguyễn Huy Thiệp đem Nguyễn Huệ và Nguyễn Phúc Ánh ra khỏi sách sử chính thức của các lịch triều, của cả chế độ xã hội chủ nghĩa thường chỉ đề cao anh hùng áo vải. Vua Gia Long ở đây là người *"đa mưu, túc trí, tính kiên trì, không tin ai, dùng người lấy chữ hiệp chữ lễ làm trọng, không coi nhân, nghĩa, trí, tín ra gì. Thỉnh thoảng Ánh vào sâu trong đất Thuận Quảng, xuất quỷ nhập thần. Người Đàng Trong sợ Ánh hơn là thích Ánh. Ánh đi đến đâu nghe nói cũng có mây đen cuồn cuộn bay đằng trước, dân cư thấy có mưa là biết Ánh vừa đi qua"* (tr. 281). Qua nhân vật Đặng

Phú Lân, ông viết về họ như được nghe dân giả nói về họ, truyền tụng về họ. Huyền thoại theo nghĩa đồn đãi, ghi nhận bởi tứ phương thiên hạ.

Phẩm Tiết với hình tượng Ngô Thị Vinh Hoa hiện thân của cái đẹp tuyệt đối. *"Khi đẻ ra Vinh Hoa, trên nóc nhà bỗng có đám mây ngũ sắc bay đến, tỏa ra ánh sáng rực rỡ, khắp nơi hương thơm ngào ngạt. Trên cổ Vinh Hoa có bảy tràng hoa quấn cổ, xòe lòng bàn tay ra thấy có viên ngọc ở trong, trên khắc hai chữ "thiên mệnh". Khải dựng tóc gáy, lập bàn thờ tạ trời đất"* (tr. 305). Vinh Hoa được tiến cử vào cung vua Quang Trung khi ông ra Bắc Hà thu phục dân và sĩ phu ở đây. Vua về lại Phú Xuân và mất đột ngột, chết nhưng mắt mãi nhìn Vinh Hoa không nhắm được dù vua con là Quang Toản đã vuốt. Nguyễn Ánh chiếm Phú Xuân, chiếm cả người đẹp Vinh Hoa nhưng nàng tự trầm

"Thờ hai vua, vẫn giữ lòng trinh
Lưu muôn thuở, còn nguyên phẩm tiết" (tr. 315)

Vàng Lửa đoạn mở đưa người đọc vào cõi mơ hồ của các biến cố lịch sử. Kế, dùng bút ký của một kẻ xa lạ tên Phrăng-xoa Pơ-ri-ê để nói về con người vua Gia Long, một *"khối cô đơn khổng lồ"* (tr. 293) nhưng *"khủng khiếp ở khả năng dám bỡn cợt với Tạo hóa, dám mang cả dân tộc mình ra lường gạt, phục vụ cho chính bản thân mình"* (tr. 296), về những tự nhiên bất lực của nhà vua đối với *"đời sống nghèo khó và những trì trệ của dân tộc ông. Ông không tin học vấn có thể cải tạo giống nòi (...) vì thói hủ nho và thủ dâm chính trị sẽ không bao giờ tạo được những quan hệ trong sáng"* (tr. 297). Gia Long được phản huyền thoại hóa, còn Nguyễn Du được huyền thoại hóa là người *"đại diện cho nhân dân ở phần u uất nhất, trữ tình nhất nhưng cũng đáng thương nhất"*. Quan hệ giữa chính trị và nghệ thuật cần phải đánh giá lại, như là điều kiện để xây dựng lại đất nước sau chiến tranh.

Một Nguyễn Du nòi tình, thương dân *"thông cảm với những đau khổ của các số phận đơn lẽ mà không hiểu nổi nỗi đau khổ lớn của dân tộc"* (tr. 295) đối chọi với một Gia Long có bổn phận *"làm cho lịch sử sinh động hẳn lên"*, sẽ là sức đẩy của khối toàn dân, nếu không có sức đẩy này, *"cả cộng đồng sẽ mọc rêu, mùn nát"* (tr. 296-297). Nhưng một Nguyễn Du *"đứa con của cô gái đồng trinh kia (nước Việt), dòng máu chứa đầy điển tích của tên đàn ông khốn nạn (Trung Quốc) đã cưỡng hiếp mẹ mình. Nguyễn Du ngập trong mớ bùng nhùng của đời sống, còn vua Gia Long đứng cao hơn hẳn ngoài đời sống ấy. Người mẹ của Nguyễn Du (tức nền chính trị đương thời) giấu giếm con mình sự ê chề và chịu đựng với tinh thần cao cả, kiềm chế. Phải ba trăm năm sau người ta mới thấy điều này vô nghĩa"* (tr. 296) Ôi trí thức !

Với 3 đoạn kết, nhưng không một kết cục lịch sử của các sách sử. Tất cả đã nằm trong sự phỏng đoán huyền hoặc ! Lịch sử rọi sáng cho hiện tại. *"Triều Nguyễn của Vua Gia Long lập ra là một triều đại tệ hại: ... triều đại để lại nhiều lăng"* (tr. 302). Triều đại nào? Thời nào ?

Ba truyện vừa nói trên tiếp nối nhau qua nhân vật Quách Ngọc Minh, một người Mường ở Đà Bắc, người đã kể các truyện ấy cho tác giả. Ba truyện như một điều nghiên lịch sử qua gia phả và truyền tụng, qua ngõ ngách của gần như thật. Cả ba truyện vẫn bị giới phê bình trong nước đặt nhiều nghi vấn, hồ nghi Nguyễn Huy Thiệp viết với quan niệm coi thường *"những nhân vật chiếm vị trí đặc biệt trong lịch sử và tình cảm dân tộc"* (Nguyễn Văn Bổng, Văn Nghệ 3-9-1988), dám coi anh hùng và kẻ cướp như nhau, cái làm cho khác là "lý tưởng", nhưng đôi khi lại mù mờ.

Con Gái Thủy Thần tên Mẹ Cả, nhân vật huyền ảo. Chuyện một cuộc kiếm tìm huyền ảo trong một đời thực khốn khó. Ảo và thực, ảo hay thực? Ảo: *"Thuyền chòng chành sắp úp, mọi người đành vứt trống xuống cho Mẹ Cả. Mẹ Cả ngồi trên mặt trống đánh thùng thùng. Thế là sấm tan mưa tạnh. Mẹ Cả ôm trống lặn xuống đáy sông"* (tr. 110). Thực : *"Phép biện chứng, theo tôi là sự tiến lên, bất chấp khó khăn, đại để giống như giấc mơ của tôi cày Gò mả ngụy. Quy luật phủ nhận, tôi nghĩ nó giống như trận đòn thù đê tiện của bọn đô Thi, tôi căm ghét nó, nó thành quy luật thì phải trả thù, phải nện đau hơn nó đã nện mình. Tôi học lịch sử, hoàn toàn lẫn lộn về cách phân kỳ"* (tr. 119).

Những Ngọn Gió Hua Tát, chùm mười chuyện trong bản nhỏ: một loại ký ức tập thể. *"Thung lũng Hua Tát ít nắng. Ở đây quanh năm cứ lung bung một thứ sương mù bàng bạc nên nhìn người và vật thì chỉ nhìn thấy những nét nhòa nhòa đại thể mà thôi. Đây là thứ không khí huyền thoại. (...) Hua Tát là một bản nhỏ cô đơn. Người dân ở đây sống giản dị, chất phác. Công việc nương rẫy nhọc nhằn vất vả. Cả việc săn bắt cũng thế. Tuy nhiên người dân ở đây lại rất rộng lòng mến khách. Đến Hua Tát, khách sẽ được mời ngồi bên bếp lửa, uống sừng rượu cần với xeo thịt rừng sấy khô"* (tr. 433). Không khí huyễn ảo của âm dương không biên giới, một nơi con người nay *"đã biến thành đất bụi và tro than cả. Tuy vậy linh hồn họ vẫn bay thấp thoáng trên các "khau cút" nhà sàn"* (tr. 434). Nàng Bua, một người đàn bà nghèo và lang chạ chín đứa con không cha khi đào được hũ vàng phút chốc trở thành giàu và được quý mến. *"Đáng lẽ ra Bua sẽ sinh với người chồng được thừa nhận của mình một đức con nữa, đứa con thứ mười, nhưng người đàn bà ấy không quen sinh nở trong sự đầy đủ và nền nếp cổ truyền. Nàng đã chết khi trở dạ đẻ giữa đống mền chăn ấm áp"* (tr. 445)

Trương Chi thanh nhã trong truyền kỳ trở thành con người thô tục,

từ đầu đến cuối truyện chỉ biết nói "cứt" "đái". Và một kết truyện cũng khác: *"Tôi biết giây phút rốt đời Trương Chi cũng sẽ văng tục. Nhưng đấy không phải là lỗi ở chàng. Mỵ Nương sống suốt đời sung sướng và hạnh phúc. Điều ấy vừa tàn nhẫn, vừa phi lý. Lẽ đời là thế."* (tr. 342)

Chảy Đi Sông Ơi : truyện đời, thế sự. Lão Thịnh, người của nhiều thời hay không thời nào cả. Truyện ấu thời chạy theo ảo ảnh thấy trâu đen. Và tiếng hát bên kia sông :

"Chảy đi sông ơi
Băn khoăn làm gì ?
Rồi sông đãi hết
Anh hùng còn chi ? " (tr. 16)

Nơi bến Cốc đó, cô Thắm cứu nhiều người chết đuối, nhưng cuối cùng khi cô bị đuối thì chẳng ai cứu cho, phải chết.

Nguyễn Thị Lộ người tình của Nguyễn Trãi, công thần nhà Lê. Sau chiến tranh, Nguyễn cô đơn không bạn, không tri âm tri kỷ. Thị Lộ trở thành kẻ tâm đầu: *"Con người hành hạ nhau, lăng nhục nhau. Nàng nhận ra mối quan tâm của Nguyễn là to lớn. Ông là một nhà duy mỹ, trước hết là nhà duy mỹ. Đạo đức duy mỹ chất chứa hiểm nguy, chất chứa phiêu lưu nhưng nó sâu sắc, không bịp bợm, hẳn nó giá trị gấp triệu lần thứ đạo đức duy lý trắng trợn của trật tự bầy đoàn"* (tr. 321). *"Nàng biết ông đang chạy tế lên phía trước trong hệ thống tư tưởng đương thời, vừa hung hãn, vừa tuyệt vọng"* (tr. 327). Khi đã trao thân cho nhau, Nguyễn mới nhận ra ông *"cháy bùng như một ngọn đuốc dẻo dai, kiên cường cho đến trót đời. Nguyễn Trãi đã trải qua không biết bao nhiêu thăng trầm, bao nhiêu đau đớn, bất hạnh, bao nhiêu niềm vui, nỗi buồn, bao nhiêu vinh quang kể từ ngày ấy. Không một người thường nào có được số phận lạ lùng như ông trong 500 năm nay. 500 năm, tức năm thế kỷ."* (tr. 329).

Mưa Nhã Nam: chuyện anh hùng Đề Thám. "Hùm thiêng Yên Thế" của Nguyễn Huy Thiệp là *"một anh hùng, cũng là một người nhu nhược"* (tr. 403). Anh hùng cũng có những cái hữu hạn. *"Đề Thám phóng ngựa vào rừng. Mưa quất vào mặt ông bỏng rát. Ông bỗng òa khóc. Ông òa khóc cho mình, cho người, cho tất cả những hữu hạn của chính mình, của mỗi người. Đề Thám sụt sùi như một người thường; một anh bán bánh da mật ở chợ Kế, một viên công chức quèn, một chàng thợ bạc vụng về, một ông giáo nghèo... Ông khóc như một người nhu nhược nhất đời, một người suốt đời thỏa hiệp, không bao giờ dám bước qua lằn ranh bổn phận, nghĩa vụ, cương tỏa. Ông khóc như chưa bao giờ là một anh hùng, một người khởi nghĩa. Đề Thám đi suốt đêm mưa trong rừng. Người ta kể rằng sáng sớm hôm sau ông cầm đầu*

một toán quân đánh đồn binh Pháp ở Kép, tất cả binh sĩ trong đồn đều bị giết sạch. Từ đấy chấm dứt thời kỳ hòa hoãn giữa ông và người Pháp" (tr. 417).

Chút Thoáng Xuân Hương: chuyện Hồ Xuân Hương và Tổng Cóc. Tổng Cóc ham mê tình dục nhưng cũng hay chán chường *"ông ngờ ngợ bà to lớn hơn ông, bà mạnh mẽ hơn, sống có dũng hơn"* (tr. 186). Với Ấm Huy, Xuân Hương *"gieo ở lòng chàng một nỗi kính phục và sợ hãi"* (tr. 189). Chỉ Xuân Hương mới thật sự là một con người lớn, cao. Ông phủ Vĩnh Tường mất, mọi người quanh bà *"chỉ là nhân chứng cho sự tồn tại của một CON NGƯỜI: nàng Hồ Xuân Hương mặc áo xô gai đang nức nở khóc cho nỗi cô đơn mênh mông của cõi đời..."*(tr. 196).

Huyền Thoại Phố Phường: những con người trần tục, những thù tạc và diêm dúa hình thức. Nhân vật Hạnh mò cả cái rãnh đầy bùn bẩn, lỏng bỏng cả phân người, để lấy lòng tin của gia đình người bị mất nhẫn. Hai thế giới giàu và nghèo, đạo đức và tham vọng, chung quanh chiếc vé số.

Thương Nhớ Đồng Quê: Nguyễn Huy Thiệp dùng biểu tượng để nói đến xã hội đương đại của ông. Chuyện nhà quê, ô nhiễm bởi đời sống mới, người tỉnh thành. Nguyễn Huy Thiệp đã huyền thoại hóa cái xã hội đương đại đó, một xã hội Đổi Mới Cởi Trói trên lý thuyết nhưng đầy gò bó, tầm thường, khó khăn, đầy tương phản và tàn nhẫn. Ông bôi đen bức tranh xã hội với một ngòi bút truyền kỳ, như nói chuyện thời khác. Ở đây, người nghệ sĩ Nguyễn Huy Thiệp là sản phẩm, phản ánh xã hội ông sống, ông tỏ ra bất lực dù đầy thiện chí.

Trong một số tác phẩm, khung cảnh câu chuyện và cái đẩy đưa có tính cách cổ tích. Tác giả như muốn nhắc nhở để duy trì, phát huy những phong tục tập quán hoặc luân lý tuy cổ nhưng phổ biến, vẫn cần cho xã hội đương đại của ông. Cổ tích luân lý là ở trong thể loại này.

"Ngôn ngữ trở nên ghê tởm, nhớp nhúa trên miệng bọn tiểu nhân
Tôi biết một thứ ngôn ngữ giản dị như đất
Thứ ngôn ngữ mộc mạc, thẳng băng
Tựa như tiếng tù và
Như tiếng kèn đồng
Như tiếng chuông vọng...
Có một thứ ngôn ngữ thức tỉnh con người
Buộc họ soi vào lòng mình như soi mặt xuống lòng hồ
Có thứ ngôn ngữ của người anh hùng, của người chính trực
Nó làm ta bối rối xúc động
Ta không trốn được
Thứ ngôn ngữ không hề phù phiếm, cũng chẳng tân kỳ

Thứ ngôn ngữ của giống nòi truyền lại
Thứ ngôn ngữ của lương tri không bao giờ mất..."
(Mưa Nhã Nam, tr. 413-414).

Bên cạnh có những truyện có tính cách hiện thực nhưng cũng lọt vào trong lược đồ luân lý đó, như *Không Có Vua* với Đoài trí thức tha hóa thực dụng đến bỉ ổi ép vợ đi xin tiền đứa em trai dù vợ đã hỏi ngược lại *"Anh bắt tôi làm điếm à? Hiến thân cho nó à?"* (tr. 517). Một gia đình mất hết tôn ti vì tiền như cái xã hội chẳng ra gì. Làm cha như lão Kiền, độc ác, dâm bôn. Tên sáu đứa con là những quẻ dịch Cấn, Đoài, Khiêm, Khảm, Tốn trong khi con dâu lại là Sinh, là cái đinh của sự sống tình cảm và thể xác của cả đám cha con, tụ điểm âm của mọi dương lực đến chỗ thụ thai mà không biết con của ai. Truyện sau viết lại dưới dạng kịch với tựa *Quỷ Ở Với Người* rồi đổi lại là *Gia Đình*.

3. Nhờ thể huyền thoại, Nguyễn Huy Thiệp có những đoạn truyện như là thơ, một thứ thơ dân gian, xa chốn văn minh giả tạo và dối trá. Truyện và kịch ông hay xen kẽ những đoạn thơ mà tác giả coi như là một phương tiện diễn tả dễ dàng hơn văn truyện. Như để tả nỗi lòng Trương Chi :

"...Nỗi buồn của ta ơi
Như cục đá đè nặng tim ta
Nào ai thấu?
Phía xa kia là quê nhà
Tuổi trẻ mờ sương
Những ký ức mờ sương..." (tr. 330)

Hay đề cao chốn thôn quê:
"Hãy dừng lại đi, dừng tất cả
Dẹp mọi âm thanh cuộc sống xô bồ
Dừng một chút
Lắng nghe sự tĩnh lặng tuyệt đối..."
(Những Bài Học Nông Thôn, tr. 262)

Đất, núi và nước là những yếu tố sinh động làm nên đất nước. *"Thiên nhiên không hề dối trá !"* (CTXH, tr. 193). Đất là lẽ sống; muốn sống cần phải sản xuất. Không gian núi rừng là nơi con người phát triển. *"Rừng vô tình, vô cảm, thản nhiên, lạnh lùng, tàn nhẫn. Rừng muôn đời là thế: vô tình, vô cảm, thản nhiên, lạnh lùng, tàn nhẫn. Tất cả đều đẩy con người về nơi tận*

cùng ý thức cá nhân chính nó. Con người tự co lại như con sâu, cái kiến, thúc thủ trong phần sinh linh vừa bé mọn, vừa cô đơn, vừa bất lực, nó chớp đôi mắt phấp phỏng lo âu trong tâm hồn nó và tự hỏi mình : là ai? đi đâu? thế nào? làm gì? tiến đến đâu? bao giờ thành tựu? bao giờ kết thúc?" (Mưa Nhã Nam, tr. 415). Núi rừng bao phủ cả 10 chuyện *Những Ngọn Núi Hua Tát.*

Nước là nhu cầu sống còn của con người và muôn vật như trong *Chảy Đi Sông Ơi, Con Gái Thủy Thần.* Nước không vui không buồn; bắt cá là để sống mà uống nước thì phải nhớ nguồn. Nhưng nước cũng là tai họa cho con người, làm chết đuối nhiều người, làm chết cả cô Thắm, người đã cứu nhiều người chết đuối (CĐSƠ). *Con Gái Thủy Thần* từ biển nhập vào đời trần, còn tôi *"Trước mặt tôi là dòng sông. Sông chảy ra biển, biển rộng vô cùng. Tôi chưa biết biển... Thế mà tôi sống nửa cuộc đời rồi đấy. Thời gian cũng thao thiết trôi. Chỉ ít năm nữa đến năm 2000"* (tr. 138). Hạn hán, không mưa, con người và thiên nhiên cũng không thể sống : "*Con sống trung thực, dầu biết trung thực bao giờ cũng chịu đau khổ thiệt thòi. Tuy nhiên, nếu lòng trung thực chuộc được tội lỗi và mang tình yêu đến được cho thế gian này, xin trời mưa xuống..." (Những Ngọn Gió Hua Tát*, tr. 450).

Đạo làm người, trung đạo, là đạo đứng giữa Trời và Đất trong vị thế Tam Tài, là đạo khó. *"Đàn ông thằng nào có tâm thì nhục. Tâm càng lớn càng nhục"* (tr. 46). Khó vì *"Trong thiên hạ không phải chỉ có người đâu, có các thánh nhân, có yêu quái" (Thương Nhớ Đồng Quê, t*r. 380). Qua các truyện đã kể, làm người khó và khó! Khi đất ở lắm người nhiều ma, nói như Nguyễn Khắc Trường, một nhà văn thời Đổi Mới khác !

4. Người đọc Nguyễn Huy Thiệp như chìm đắm trong không khí truyền kỳ của *Lĩnh Nam Chích Quái* và *Việt Điện U Linh Tập* mà đa số như những cắt nghĩa văn hóa về nguồn gốc dân tộc Việt, về ý niệm quốc gia hay về con người trên mảnh đất văn hiến này. Trả lời một phỏng vấn ở Seattle, Nguyễn Huy Thiệp đã xác nhận: *"Khi viết văn tôi luôn luôn tìm lại những giá trị truyền thống. (...) Tôi nghĩ một nhà văn phải bắt đầu từ những kinh nghiệm nguyên thủy nhất của dân tộc mình. Tóm lại, phải đi từ con người Việt Nam nguyên thủy, con người Việt Nam từ nguồn gốc, từ đó lần về sau"* (2).

Truyện và kịch của Nguyễn Huy Thiệp huyền thoại mà rất "đời" và "tục". Ông có tài làm người đọc chìm đắm trong thế giới hoang dã, bịa đặt, đồng thời gây thích thú, tâm đắc; ông tự đáp ứng một nhu cầu hình như không khác người đọc. Có thể ông có ẩn ý hạ bệ thần tượng và quá khứ như nhiều người vẫn phê bình, dù sao cũng có thể hiểu ông muốn đưa ra trước

2) Mary Thiên Yên Lê. "Ph.v. nhà văn Nguyễn Huy Thiệp". Thế Kỷ 21 số 93, 1-1997

ánh sáng những oan khuất, sai lầm. *"Nói rằng một xã hội có tôn ti là một điều tự nhiên, nhưng nói rằng tất cả mọi cái trong xã hội đó đều trật tự chạy việc là một điều phi lý"* (C. Lévi-Strauss, *Anthropologie structurale).*

Huyền thoại, Nguyễn Huy Thiệp không muốn theo lối mòn nhị nguyên, có ác thì tất phải có tốt. Ông phác họa cái xã hội sơ nguyên, có khi thô sơ, hoang dã. Buổi sơ khai, tâm tình nguyên thủy, với tiềm thức và bản năng của thời đại. *"Phải là người mơ mộng và nghiêm khắc mới hiểu rằng biết hoặc không biết, đều chỉ là những ước lệ mơ hồ, có tính lịch sử và hạn chế" (Phẩm Tiết,* tr. 304). Nếu Lan Khai, Tchya thời tiền chiến đưa người thị tứ đến thám hiểm những nơi rừng núi và dùng cái nhìn của người thị thành để quan sát, thì Nguyễn Huy Thiệp đưa người đến đó và ở lại đó. Đồng thời ông lạnh lùng với cái ác, với tai ương, nhất là khi cái ác ở ngay chính bản thân mỗi người. Nhảy một bước, Nguyễn Huy Thiệp xen vào chính trị. Những thần tượng, "thần thánh" được nghiêm khắc xét đoán. *"E biết, những người dũng cảm sẽ mãi mê với sự nghiệp của mình"* (NNGHT, tr. 447). Nguyễn Huy Thiệp hạ cấp một số thần tượng lịch sử vì ông coi họ là tương đối và thời nào cũng có, đồng thời ông trần tục hóa họ, mặc cho họ cái áo vải tầm thường của con người đầy sân si, như Nguyễn Phúc Ánh ăn nói tục tằn *"Thằng mặt xanh kia! Kẽ miệng lỗ còn dê ư? Ta cho cắt dái mày! Ta cho mày ăn cứt ! "(Phẩm Tiết,* tr. 313). Và cũng tàn nhẫn, dâm ô và háo sắc không thua gì Nguyễn Huệ!

Ông có cái nhìn luân lý, dạy đời, nhưng cũng có khi lững lơ, ai hiểu sao đó cũng được. Có thể ông tỏ ra muốn đóng vai Tư-mã Thiên ghi chép chuyện đời kẻo sẽ bị mai một, xuyên tạc, như lời ông phủ Vĩnh Tường ; *"Dân ta cực khổ. Tôi trông vào đâu cũng thấy xót xa. Phải lấy lý lẽ văn chương và sự công bằng pháp luật hướng đạo dân mình... Tôi muốn sĩ phu và bậc cha mẹ con dân phải hiểu..."*. Trong khi đó có người như tri huyện Thặng *"coi quan trường là nơi kiếm sống (...), ăn no ngủ kỹ, làm tròn bổn phận đối với triều đình"* (CTXH, tr. 191). Còn người trí thức? Trong *Những Bài Học Nông Thôn,* người quê mùa dân dã mất lòng tin nơi giới có học: *"... sự ngu dốt của bọn có học tai hại thế nào, vừa phản động, nó vừa nguy hiểm, lại vừa mất dạy. Sự ngu dốt của bọn có học tởm gấp vạn lần so với ở người bình dân (...) Vì chúng giả hình. Chúng nhân danh lương tâm, đạo đức, mỹ học, trật tự xã hội, thậm chí nhân danh cả dân tộc nữa. Chính trị không cao siêu sẽ nhầm lẫn"* (tr. 264). Trong *Không Có Vua*, lão Kiền kết luận *"Quân trí thức bây giờ toàn phường phàm phu tục tử". Khảm bênh "có thực mới vực được đạo" liền bị lão hỏi "Bọn chúng mày bây giờ thì vực Đạo gì ?"* (tr. 76).

Huyền thoại trong nội dung câu chuyện và trở thành một nghệ thuật ngôn từ, chữ nghĩa: *"Về sau, Bình ngã nước, râu tóc rụng hết, gầy tọp đi, da*

vàng như nghệ, chỉ nằm chờ chết. Bình có một thanh kiếm gia truyền, sắc như nước, sống kiếm đỏ chì, sức chém khủng khiếp...." (KS, tr. 281). Huyền thoại là con đường hợp lý và văn khác sử ở chỗ có thể khai thông những bế tắc lý luận. Nửa sự thật không là nửa ổ bánh mì, nói như một nhà văn khác cùng thời. Nhà văn của thời Đổi Mới, hơn cả thập niên xa thời chiến tranh bom đạn, thời "đạo" của chế độ và chủ nghĩa lung lay, Nguyễn Huy Thiệp tha hồ phạm tội *"kỵ húy, sử thi"*; cư xử như người *"ngoại đạo"* bên cạnh một đa số *"phải đạo"* với sứ mạng và bổn phận, với những vinh quang đang lùi dần vào bóng tối nhường chỗ cho đô la và Coca Cola. Ông có cái may mà những nhà văn nghệ chuyên nghiệp hay được trả lương, tem phiếu không có hay không dám có.

Thể huyền thoại khiến Nguyễn Huy Thiệp hay úp mở, gợi tưởng tượng. Hay không thật sự kết thúc, vì không có kết; hay kết cũng huyền hoặc như dẫn đưa của đầu và thân truyện. Nguyễn Huy Thiệp có những kết truyện đặc biệt như trong *Vàng Lửa*, ba kết thúc khác nhau như thường thấy ở những chuyện truyền kỳ. Và cũng có những cái kết mở ra chân trời rộng lớn, như trong *Con Gái Thủy Thần.* Hoặc kết thúc văng tục chửi đời như nói giùm "nghệ sĩ" Trương Chi.

Sau khi đến với người đọc một loạt sáng tác nhờ gặp thời Cởi Trói, những truyện bình thường về tiêu cực, hủ hóa, đổi mới như *Vết Trượt (Văn Nghệ* 40, 4-10-1986), truyền kỳ như *Những Chuyện Kể Bất Tận Của Thung Lũng Hua Tát (Văn Nghệ* số Tết Đinh Mão 1-1987), Nguyễn Huy Thiệp thành hiện tượng với truyện *Tướng Về Hưu (Văn Nghệ* 20-6-1987). Nhưng thời bĩ cực chỉ chậm đưa đến thị trường, chuyên chính vẫn là chuyên chính; lối thoát thái lai hãy còn xa trong bụi mờ. Dù đã nổi tiếng, vẫn nghèo, có khi ông phải gửi truyện dự thi để có tiền. Năm 1994, bỏ viết, ông mở quán Hoa Ban, lại nhờ thời kinh tế "xã hội chủ nghĩa quá độ", rồi ông "Mỹ du". Hành trình văn nghiệp của ông không khác huyền thoại, *"như những ngọn gió" !*

Huyền thoại cũng như ngụ ngôn là những thể văn đặc biệt. Tuy nhiên trong một xã hội mà nhà văn phải dùng đến các thể nói trên để nói chuyện hiện thực hình như có cái gì trục trặc, không ổn thỏa. Nếu tổ tiên ta vì sự sống còn của nòi giống đã dùng huyền thoại để truyền một số ý nghĩa văn hóa, khôn ngoan lại cho con cháu thì việc người hôm nay phải xử dụng đến hình thức đó có cái gì không tự nhiên. Cũng như cách mạng, 80 năm sau, 41 năm sau, đã trở thành một dĩ lỡ, sai lầm.

NGUYỄN VY KHANH
10-11-1997



VĨNH SÍNH
GS Đại học Alberta, Canada

ĐÓNG GÓP VÀO VIỆC TÌM HIỂU THÊM VỀ PHẠM HỒNG THÁI VÀ TIẾNG BOM SA DIỆN



Trong thời gian nghiên cứu tại các văn khố và thư viện ở Nhật và Pháp trong mấy năm gần đây, tôi tình cờ tìm được một số tài liệu có liên quan đến Phạm Hồng Thái và vụ mưu sát Martial Henri Merlin, toàn quyền Đông Dương, ở Sa Diện. Hai nguồn tài liệu chủ yếu là báo chí (đặc biệt là báo chí Trung Quốc và Nhật Bản), và các báo cáo và văn kiện ngoại giao giữa Pháp và Nhật. Trong bài này tôi sẽ tập trung giới thiệu những thông tin chọn lọc từ các tài liệu này mà từ trước đến nay tuy đã có người đã nói đến nhưng chưa được đầy đủ, hoặc giả hầu như chưa có ai đề cập đến.

VÀI CHI TIẾT VỀ PHÁI ĐOÀN CỦA MERLIN

Toàn quyền Merlin sang viếng thăm Nhật Bản vào tháng 5 năm 1924 với tư cách là "quốc tân" (quốc khách). Mục đích chính là "để mừng Đông cung Thái tử Hirohito vừa mới thành hôn" và "để chia buồn với nạn nhân của trận động đất Kantô" đã tàn phá khốc liệt vùng Tokyo—Yokohama

một năm trước đó (1923). Tuy nhiên, mục đích bên trong của cuộc thăm viếng là củng cố quan hệ Pháp—Nhật ở Đông Á trên nhiều mặt như chính trị, mâu dịch, thuế quan... Bởi vậy, khi phái đoàn Merlin vừa đến Tokyo, báo *Montréal Star* (Canada) đặt câu hỏi: "Phải chăng sẽ có đồng minh Pháp-Nhật?" (số ngày 8 tháng 5, 1924). Sau khi viếng thăm Nhật, phái đoàn Merlin còn đi thăm Triều Tiên (thuộc địa của Nhật lúc bấy giờ) là Trung Quốc.

Tháp tùng phái đoàn Merlin, ngoài bà Toàn quyền và con trai là André Merlin, có các viên chức sau đây: Châtel (Chánh văn phòng), Gouyen (Cố vấn tư pháp), Kircher (Giám đốc thuế quan và quản lý), Jeanbrau (Giám đốc chính vụ), Damiens (Phó Chánh văn phòng), Dupuch (Giám đốc báo chí), De la Pommeraye (Chủ tịch văn phòng thương mãi Sài Gòn), Grawitz (Chủ tịch văn phòng thương mãi Hà Nội), Ponchet (Chủ tịch văn phòng thương mãi Hải Phòng), và Thuyền trưởng Bernard.

Vì đây là lần đầu tiên viên chức cao cấp nhất của chính quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương (lúc bấy giờ thường gọi tắt là Đông Pháp) chính thức thăm viếng Nhật Bản, chính phủ Nhật sửa soạn đón tiếp rất long trọng. Theo tư liệu của Bộ Ngoại Giao Nhật, lộ trình cùng những hoạt động chính yếu của phái đoàn Merlin là như sau:

Ngày 27/4, 1924, phái đoàn rời vịnh Hạ Long trên chiến hạm Jules Ferry. Ngày 30/4: đến Hương Cảng, tàu nhổ neo đi Kobe cùng ngày.

Ngày 6/5: đến Kobe. Ngày 7/5: từ Kobe đoàn tiền trạm lên Tokyo bằng xe lửa.

Ngày 8/5: Merlin đến Tokyo. Ngày 9/5: Merlin cùng Đại sứ Pháp ở Nhật viếng thăm nghi lễ Chủ tịch Hiệp Hội Đông Pháp, Bộ trưởng Ngoại giao, và bái yết Thiên hoàng. Ngày 13/5: Hiệp hội Pháp Nhật thết tiệc trưa tại Imperial Hotel, Thủ tướng chính phủ Nhật thế tiệc tối. Ngày 14/5: Phòng Thương mãi Nhật thết tiệc trưa, buổi tối Toàn quyền Merlin khoản đãi đáp lễ tại Imperial Hotel. Ngày 15/5: viếng thăm Hiệp hội Thái Bình Dương, đền Yasukuni Jinja (đền thờ Thần đạo để truy niệm những chiến sĩ trận vong của Nhật), thăm trường lục quân Toyama Gakkô, xem biểu diễn kiếm đạo và nhu đạo; buổi tối Bộ trưởng Hải quân Nhật khoản đãi. Ngày 16-17/5, viếng thăm Nikkô (đền thờ Tokugawa Ieyasu, người sáng lập chính quyền Tokugawa mạc phủ). Ngày 18/5: Công ty Mitsubishi khoản đãi. Ngày 20/5: rời Tokyo đi Ôsaka. Ngày 22-24/5: tham quan vùng Kyoto và Nara, trở lại Kobe. Ngày 25/5 thăm Miyajima (gần Hiroshima).

Ngày 27/5: rời Shimonoseki đi Pusan (Triều Tiên) bằng tàu thủy, đến Pusan lúc 6 giờ 30 (tối), rời Pusan đi Seoul (Hán Thành) lúc 8 giờ 40. Ngày 28/5: đến Seoul, ở lại 2 ngày.

Ngày 30/5: rời Seoul đi Phụng Thiên (Mukden, nay gọi là Thẩm Dương, thuộc Trung Quốc). Ngày 31/5: rời Phụng Thiên đi Bắc Kinh. Ngày 1/6: đến Bắc Kinh, ở lại 8 ngày. Ngày 9/6: đi Thượng Hải, ở lại 3 ngày. Ngày 13/6: rời Thượng Hải đi Hương Cảng. Ngày 16/6: đến Hương Cảng. Ngày 17-20/6: đi Quảng Đông và Macao. Phái đoàn, theo dự định, sẽ về đến Hải Phòng ngày 24 hoặc 25/6, nhưng vì "tiếng bom Sa Diện", Merlin đã về sớm hơn dự định.

Nhìn lịch đón tiếp phái đoàn Toàn quyền Merlin ở Nhật cũng đủ thấy sự tiếp đón trọng thể mà chính phủ Nhật đã dành cho phái đoàn. Mặc dù không được ghi lại trên chương trình chính thức của phái đoàn, văn thư ngoại giao của Nhật về vấn đề Đông Dương sau đó cho biết rằng trong thời gian Merlin ở Tokyo vào tháng 5 năm 1925, Merlin và Đại sứ Pháp tại Nhật là Paul Claudel đã thương lượng với Đại tướng Công tước Yamagata Aritomo, đại diện cho Nhật, về việc "trao đổi tin tức về động tĩnh của những người Triều Tiên bất hão ở Trung Quốc và Đông Dương cùng các nhà cách mạng An Nam đang tỵ nạn ở Nhật". (1) Điều đáng chú ý là ngoài Nhật Bản và Trung Quốc, phái đoàn Merlin còn viếng thăm Triều Tiên. Việc Merlin viếng thăm Triều Tiên, thuộc địa của Nhật từ năm 1910, phải chăng đã được xếp đặt như một hình thức trao đổi giữa Pháp và Nhật: Pháp thừa nhận chủ quyền của Nhật trên bán đảo này, và để bù lại, Nhật thừa nhận chủ quyền của Pháp trên bán đảo Đông Dương?

Giả thuyết trên ít ra giúp chúng ta giải thích tại sao có sự giao lưu chặt chẽ giữa Phạm Hồng Thái với ít nhất là một người Triều Tiên tên là Từ Hưng Á trước khi xảy ra vụ ném bom ở Sa Diện.

VỀ NHÂN VẬT TỪ HƯNG Á CỦA TRIỀU TIÊN

Ngày 21/5, khi phái đoàn Merlin đang còn ở Nhật và khoảng một tháng trước khi quả bom của Phạm Hồng Thái nổ bùng ở Sa Diện, báo *Kokumin Shinbun* (Quốc-dân Tân-văn) ở Tokyo — một nhật báo có liên hệ mật thiết với giới hữu trách ở Nhật — đã nắm được tin là có một số người An Nam (tên gọi Việt Nam lúc bấy giờ) muốn mưu sát Merlin. Tờ báo viết: "Căn cứ theo điện từ một nơi ở Thượng Hải, mật điện của Bộ Cảnh vụ thuộc Tổng đốc phủ Triều Tiên cho hay là có một nhóm 7 người thuộc một

---

(1) Xem thư của Bộ trưởng Ngoại giao Shidehara gửi Tổng Lãnh Sự Shigemitsu, ngày 10/11/1930, hồ sơ Gaikoku kihin no raichô zakken, Bessatsu, Futsuryô Indoshina Meruran Sôtoku raichô no ken, từ tháng 1 đến tháng 5, 1924 trong Văn khố tư liêu ngoại giao của Nhật.

tổ chức bí mật nào đó vừa rời An Nam, xuống tàu thủy ở Thượng Hải, nay đang theo đường bộ hướng về Seoul để mưu sát Merlin. Toàn quyền Đông Pháp hiện nay đang viếng thăm Nhật. Tuy nhà đương cuộc phủ nhận, nói rằng đây chỉ là tin đồn vặt không đáng tin cậy, mặt khác đang tăng cường canh gác nghiêm ngặt". Như vậy, có thể nói rằng giới hữu trách Nhật biết rất sớm về kế hoạch mưu sát Merlin của những người Việt Nam, và chắc hẳn đã tăng cường bảo vệ Merlin cùng phái đoàn đến mức tối đa ở những nơi Nhật Bản có trách nhiệm.

Theo chứng từ của Phạm Hồng Thái và Từ Hưng Á, tri kỷ người Triều Tiên của Phạm, thì Phạm và các đồng chí không đến Seoul, mà đã bám sát phái đoàn Merlin ở Nhật, Bắc Kinh và Hương Cảng. Từ cho biết là khi Merlin ghé Hương Cảng trên chuyến đi về, Phạm có cơ hội ra tay nhưng đã không nỡ, vì trong tiệc chiêu đãi phái đoàn Merlin ở Hương Cảng có nhiều khách ngoại quốc, nếu ám sát Toàn quyền thì phải "liên lụy đến nhiều người nước khác", nên đến Quảng Đông Phạm mới có cơ hội.

Từ Hưng Á (có nghĩa là người họ Từ có chí nguyện chấn hưng Á châu) có lẽ là biệt danh của một người Triều Tiên nào đó đã bôn ba hoạt động cho phong trào độc lập ở Triều Tiên. Theo lời thuật lại của Từ (chúng tôi giới thiệu toàn văn ở phần sau), Từ và Phạm Hồng Thái gặp nhau tại Tokyo, hai người thường luận bàn quốc sự, sau đó hai người có gặp nhau lại lần cuối cùng ở Hương Cảng trước khi Phạm lên đường đi Sa Diện. Từ cho biết là Phạm biết Hán văn, sành tiếng Pháp, tính tình khẳng khái và thường căm phẫn cho hoàn cảnh đất nước. Nghe tin Phạm nhảy xuống dòng Châu Giang tuẫn tiết, Từ cảm thấy thống hận không cùng, liên tưởng đến việc An Trọng Căn người Triều Tiên ám sát Itô Hirobumi (2) vào năm 1909. Sau đó, Từ chính là người đã yêu cầu *Hiện tượng báo* ở Hương Cảnh công bố di thư cùng di ảnh của Phạm đê cho mọi người trên thế giới hay biết. (3)

Khoảng nửa năm sau vụ Tiếng bom Sa Diện, ngày 20/12/1924, trong thư Đại sứ Pháp Claudel gửi Bá tước Shidehara Kijurô, Bộ trưởng Ngoại giao Nhật, Claudel yêu cầu chính phủ Nhật cung cấp "tin tức về những người An Nam và Triều Tiên ở xung quanh Cường Để". (4) Nhân tiện,

---

(2) Chính khách Nhật đóng vai trò chính yếu trong việc sáp nhập Triều Tiên, bị ám sát ở Phụng Thiên năm 1909.

(3) "Từ Hưng Á chi lai hàm " (Lá thư của Từ Hưng Á), *Hiện tượng báo*, số ngày 25/6/1924; xem nguyên văn và bản dịch quốc ngữ ở phần sau.

(4) Hồ sơ Fukkoku naisei kankei zassan, Zokuryô kankei Indonesia kankei Annan ôzoku honpô bômei kankei 2 trong Văn khố tư liệu ngoại giao của Nhật.

cũng cần nói thêm là nhà đương cuộc Pháp ở Đông Dương xem Cường Để là người chủ mưu trong kế hoạch mưu sát Merlin cũng như trong việc gửi Lê Hồng Sơn (Lê Tản Anh) bắn Phan Bá Ngọc Hàng Châu vào tháng hai năm 1922 (5). Cần để ý rằng Lê Hồng Sơn cũng là người mà Nghĩa liệt đoàn đã đặc biệt chỉ định đi đôi với Phạm Hồng Thái để thi hành lệnh ám sát Merlin (6).

Trong tư liệu về Kỳ ngoại hầu Cường Để (hồ sơ năm 1924), có bản điều tra khá chi tiết về lai lịch gia đình cùng những hoạt động của Hầu — "một nhân vật tuy không tích cực (*actif*) nhưng muốn ngắm ngai vàng (*prétendant*)" — trong đó có đoạn sau đây đáng chú ý: "*Les enquêtes effectuées à la suite des attentats de 1922 et de 1924 ont nettement prouvé que ces actes criminels avaient été commis sur l'ordre de Cường Để. Ce dernier avait ordonné à l'un de ses agents à Hangchow pour supprimer celui qu'il considérait comme son ennemi personnel. Le comploit qui a abouti à attendat du 19 Juin 1924 avant été préparé en Chine, mais dirigé du Japon par Cường Để*" (Các cuộc điều tra thực hiện sau hai vụ mưu sát năm 1922 và 1924 chứng minh rõ ràng rằng những hành động tội ác này đã được tiến hành theo mệnh lệnh của Cường Để. Người này [Cường Để] đã ra lệnh cho một trong những tay chân của ông sang Hàng Châu để thủ tiêu một người mà ông ta xem là kẻ thù cá nhân của ông. Âm mưu dẫn đến vụ mưu sát ngày 19/6/1924 đã được chuẩn bị ở Trung Quốc, nhưng được điều khiển ở Nhật bởi Cường Để). (7)

Khoảng hai năm sau vụ mưu sát Merlin, nhà đương cuộc Pháp vẫn không ngớt yêu cầu chính phủ Nhật cung cấp tin tức về Kỳ ngoại hầu. Trong thư gửi Bộ trưởng Ngoại giao Nhật đề ngày 27/5/1926, Đại sứ Pháp ở Nhật nói là "sau lần viếng thăm Đông Dương vừa rồi tôi cảm thấy cần biết tin tức về Hoàng thân (*Prince*) Cường Để và những người cách mạng An Nam ở Nhật", yêu cầu nhà cầm quyền Nhật cho biết địa chỉ, công ăn việc làm của Hầu, cùng tin tức về "những người An Nam và người Tàu", và "những người cách mạng Triều Tiên ở Quảng Đông và Thượng Hải" (8). Lá thư kết thúc bằng câu: "Sự giám sát hỗ tương đối với những phần tử nguy hiểm chỉ có thể lợi ích cho hai nước chúng ta" (*Cette surveillance*

---

(5) Phan Bội Châu cũng xác nhận người đưa súng cho Lê Tản Anh bắn Phan Bá Ngọc là Cường Để. Xem *Phan Bội Châu niên biểu* (bản dịch của Phạm Trọng Điềm và Tôn Quang Phiệt, Hà Nội: Nxb Văn Sử Địa, 1957), trg. 192.

(6) Xem "Phạm Hồng Thái", *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, do Nguyễn Q. Thắng và Nguyễn Bá Thế biên soạn (Nxb Khoa học xã hội, 1992), trg. 742).

(7) Như trên.

(8) Thượng Hải lúc bấy giờ là trung tâm của phong trào độc lập của người Triều Tiên ở nước ngoài.

réciproque d'éléments dangereux ne peut qu'être profitable à nos deux pays) (9).

DI ẢNH, DI THƯ CỦA PHẠM HỒNG THÁI VÀ LÁ THƯ CỦA TỪ HƯNG Á

Trước đây không lâu, nguyên văn chữ Hán của "Bức thư để lại của liệt sĩ Phạm Hồng Thái" cùng bản dịch quốc ngữ (do một đoàn thăm viếng di tích Hoàng Hoa Cương với sự tham dự của con trai của liệt sĩ họ Phạm là Phạm Minh Nguyệt sưu tầm và dịch thuật) đã được đăng lại trên Tạp chí *Xưa và Nay* số tháng 3 năm 1994 (10). Nguyên văn chữ Hán trong bài này, so với di thư đăng trên *Hiện tượng báo* thiếu mất một đoạn khá quan trọng, và có một số chữ khác biệt. Sau đây là hình chụp lại di ảnh cùng di thư của Phạm Hồng Thái, và bức thư Từ Hưng Á gửi tòa soạn *Hiện tượng báo* (11), kèm thêm bản dịch quốc ngữ của hai bức thư để bạn đọc tiện bề tham khảo.

Di thư của Phạm Hồng Thái

Phạm Hồng Thái, đoàn viên Nghĩa liệt đoàn của Việt Nam Quang phục quân (12), kính cẩn nghiêng mình tuyên cáo trước chư quân tử trên thế giới rằng:

Hồng Thái tôi sinh ở Việt Nam, lớn lên dưới ách cầm quyền của người Pháp vô cùng hung bạo và dã man, từ lâu đã nghĩ đến việc đề kháng nhằm thoát ách. Bởi vậy, khi Nghĩa liệt đoàn của Việt Nam Quang phục quân được thành lập, tôi tức thời ghi tên vào danh sách đảng (13), bôn tẩu vì việc đảng, nguyện hiến thân mình.

Một ngày vào tháng tư năm nay, thừa mệnh lệnh của bổn đoàn đi bắn

---

(9) Trong hồ sơ Fukkoku naisei kankei zassan, Zokuryô kankei Indoshina kankei Annan ôzoku honpô bômei kankei 2 trong Văn khố tư liệu ngoại giao của Nhật.

(10) Trong số *Xưa và Nay* này còn có bài "Báo cáo của quan Toàn quyền chết hụt" của Thanh Đạm, giới thiệu một số khía cạnh của vụ Tiếng bom Sa Diện dựa trên "Báo cáo của Toàn quyền Martial Merlin gửi Bộ Thuộc địa Pháp ngày 18 tháng 7 năm 1924". Bài có nhiều thông tin rất hữu ích.

(11) Số ngày 25 tháng 6, 1924.

(12) Theo *Phan Bội Châu niên biểu* (bản dịch nói trên, trg. 146-149), Việt Nam Quang phục quân được thành lập vào khoảng mùa Hè và mùa Thu năm 1912, Hoàng Trọng Mậu (sau đó bị bắt ở Hương Cảng và đưa về xử chém ở Hà Nội năm 1915) giữ chức Ủy viên trưởng. Trong "Bức thư để lại của liệt sĩ Việt Nam Phạm Hồng Thái" để là Việt Nam Quang phục hội chứ không để là Việt Nam Quang phục quân.

(13) Chữ "đảng" ở đây, cũng như trong văn thơ của Phan Bội Châu bằng chữ Hán, có nghĩa rộng hơn chữ "đảng" trong tiếng Việt ngày nay. "Đảng" ở đây có nghĩa là "đoàn", "tổ chức, "phong trào", hay "vận động".

chết Merlin, Toàn quyền Pháp ở An Nam. Hơn mười người nhận lệnh ngày hôm đó từ An Nam sang Nhât (14), cùng các vùng Bắc Kinh, Hương Cảng, theo sát nút [Merlin] để ám sát.

Sau khi được lệnh, Hồng Thái tôi từ An Nam đi dọc theo lộ trình [của Merlin], bám sát nút chờ cơ hội nổ súng; tuy nhiên, vì dọc đường có không biết bao nhiêu trở ngại nên không đạt mục đích được. Đến ngày 19 tháng 6, khi ông Merlin vừa đến vùng Sa Diện, Quảng Châu, lần đầu tiên mới có dịp ném bom oanh kích.

Merlin trước từng làm Tổng đốc ở Châu Phi thuộc Pháp. Từ khi sang Việt Nam cai trị, chuyên dùng chính sách dã man ở Châu Phi đối với Việt Nam: cấm xuất dương, cấm du học, người Việt Nam không có quyền tự do hội họp, cấm không cho người Việt Nam có quyền tự do ngôn luận, cấm đoán đủ thứ, hà khắc không bút nào tả xiết. Gần đây, lại còn lợi dụng những côn đồ vô liêm sĩ người Việt, lấy tiền bạc hoặc chức tước để mua chuộc, gửi người đi khắp nơi, bí mật bắt liên hệ với người trong phong trào để ngầm chờ cơ hội đầu độc. Thực đúng là thủ đoạn quá ư vô nhân đạo, vô cùng hèn hạ và thâm độc. Toàn quyền nói trên hiện nay đã được bầu làm Tổng thống nước Pháp, trong tương lai sẽ về nước nhậm chức (15).

Trước khi rời xa khỏi Việt Nam, [Merlin] lại mượn danh nghĩa du lịch, đi khắp các nước Á Châu nhằm thi hành đủ các thủ đoạn ngoại giao đối với Việt Nam và đối xử tàn nhẫn với nhân dân Việt Nam, che đậy tai mắt của liệt cường. Mỹ ở Phi Luật Tân, Anh ở Ấn Độ Miến Điện, thực cũng không gian độc đến thế nầy. Tội ác [của Merlin] tràn trề, dẫu chết vẫn chưa hết nợ. Hồng Thái được Nghĩa liệt đoàn trao lệnh chỉ bắn một mình Merlin. Tuy vậy, trong lúc vội vã, nếu khi quả bom nổ tung ra mà tai ương liên lụy đến người vô tội (16), thì tôi lấy làm ân hận cho sự bất đắc dĩ này. Mong chư quân tử bị liên lụy, lượng xét mà rộng lòng tha thứ.

Hồng Thái tôi thừa lệnh đảng, hy sinh cho 40 triệu đồng bào Việt Nam, chết không ân hận. Duy chỉ mong toàn thế giới soi xét mà giúp cho dân tộc Việt Nam tồn tại trên quả đất nầy. Được thế Hồng Thái xin cảm tạ

---

(14) Các tư liệu khác cho biết Phạm Hồng Thái đã sang Nhật theo đường tàu thủy từ Thượng Hải sang Hoành Tân (Yokohama). Xem Nguyễn Q. Thắng và Nguyễn Bá Thế,"Phạm Hồng Thái", *sách đã dẫn*, trg. 742.

(15) Không biết Phạm Hồng Thái cùng các đồng chí đã nghe tin tức không chính xác này từ đâu. Trên thực tế, Merlin bị triệu hồi về Pháp tháng 4 năm 1925 chủ yếu vì phái tả thắng thế trong kỳ bầu cử năm 1924.

(16) Nguyên văn chữ Hán của Phạm Hồng Thái là "cương ngọc trì ngư", dựa theo điển tích như sau. Hoàn Tư mã đời Tống (Trung Quốc) đánh rơi bảo ngọc trong ao

dưới suối vàng.

Ngày 18 tháng 5 Giáp tý,

tức ngày 19 tháng 6 năm 1924 Dương lịch

Hồng Thái, đoàn viên Việt Nam Nghĩa liệt đoàn, xin tỏ bày

Lời chú [của *Hiện tượng báo*]: Di thư này hình như đã được viết thay, sau khi Phạm Hồng Thái, đoàn viên Nghĩa liệt đoàn nói trên, mất (17). Theo tục lệ nghe sao đăng vậy, bổn báo cho đăng tải.

Bức thư Từ Hưng Á gửi [*Hiện tượng báo*]

Kính gửi Tiên sinh chủ bút,

Hưng Á tôi người Hàn quốc, giận nỗi mất nước, bôn ba hô hào để mưu đồ việc khôi phục. Trước đây khi ở Nhật có tiếp xúc với anh Phạm Hồng Thái, chí sĩ Việt Nam, đàm luận suốt ngày, tầm mắt của tôi nhân đó được mở rộng ra nhiều. Phạm quân người Bắc Kỳ (18), Việt Nam, biết (19) Hán văn, đặc biệt giỏi Pháp văn. Anh tuổi 30, ý khí hào kiệt, phấn phát; bản tính rất giống Kinh Kha, Nhiếp Chính (20). Lần này sang Nhật để thi hành lệnh ám sát, nhưng ở Nhật chẳng có mảy may một kẽ hở để thừa dịp. Nhân dò xét biết rằng Toàn quyền nói trên ắt sẽ du hành Hương Cảng và Quảng Đông, bởi vậy trước hết sẽ ghé Hương Cảng. Khi Toàn quyền Việt Nam đến Hương Cảng, vì có nhiều người nước ngoài khác ở xung quanh nên không cho nổ bom ám sát được vì sợ liên lụy đến những người nước khác. Bất đắc dĩ phải bám theo đến Sa Diện (Quảng Châu) trong tô giới Pháp mới cho bom nổ để mưu sát.

Hưng Á tôi trước đó đã cùng Phạm quân gặp nhau nhiều ngày ở

---

(17) Theo tài liệu trích dẫn trong bài "Báo cáo của quan Toàn quyền chết hụt" của Thanh Đạm ở trên. Hoàng Chấn Đông là người sắm sửa cho Phạm Hồng Thái bộ âu phục mặc khi hành sự đêm 19/6/1924 và Nguyễn Hải Thần là người dàn xếp việc chụp ảnh và "làm sẵn" bức di ngôn. Xem *Xưa và Nay*, số tháng 4, 1994, trg. 16. Những chi tiết này có lẽ mật thám Pháp (*Sureté*) đã lấy từ lời khai của một người có tham gia vụ mưu sát Merlin ở Sa Diện. Phải chăng người đó là Lâm Đức Thụ (Hoàng Chấn Đông, tên thật là Nguyễn Công Viễn, ngay sau vụ Sa Diện đổi tên thành Lâm Đức Thụ?) Và phải chăng đây chính là thời điểm Lâm bắt đầu làm người chỉ điểm cho mật thám Pháp? Trong một bài khác, chúng tôi sẽ giới thiệu tài liệu mà chúng tôi vừa mới phát hiện về việc Lâm cung cấp cho mật thám Pháp những tin tức về Phan Bội Châu trước khi Phan bị bắt giải về Việt Nam vào tháng 6 năm 1925.

(18) Phạm Hồng Thái (1896-1924), tên thật là Phạm Thành Tích, người làng Ngọc Điểu tỉnh Nghệ An. Một số người Pháp lúc bấy giờ có khi gọi Nghệ An là miền Nam (*méridional*) Bắc Kỳ.

(19) Nguyên văn "thiệp liệp", tức là biết nhưng không tinh thông.

(20) Hai hiệp khách đời Chiến quốc, Kinh Kha mưu sát Tần Thủy Hoàng, Nhiếp

Hương Cảng, nên được biết tất cả đầu đuôi của kế hoạch. Sau khi Phạm quân được lệnh của đoàn, đã thảo trước một bức thư tuyên ngôn, ý đợi khi công việc đã hoàn thành thì sẽ tuyên bố tức thời. Hưng Á tôi ở Hương Cảng ngóng chờ tin tức của Phạm quân. Nay được tin qua Quý Báo là Phạm quân đã chôn mình dưới dòng sông Châu Giang, hỡi ôi thống hận làm sao!

Hành động này của Phạm quân cùng việc An Trọng Căn của tệ quốc bắn chết Y-đằng Bác-văn (Itô Hirobumi) người Nhật, hai việc sau trước thảy đều vẻ vang. Vì thế tôi ghi lại di thư tuyên ngôn, đính kèm theo hình Phạm quân để lại tặng và xin gửi đến Quý Báo. Mong Quý Báo xem xét thu nhận và đăng tải để công bố trước thế giới. Tôi xin cảm tạ vô cùng. Đấy là lý do vì sao tôi viết thư này.

Kính chúc Ông bình an.

Kính thư

Từ Hưng Á người Triều Tiên

Thư viết ở Hương Cảng

VÀI CHI TIẾT CHUNG QUANH TIẾNG BOM SA DIỆN

Trong các báo cáo của Tổng Lãnh sự Nhật ở Quảng Đông Amaba Eiji gửi Bộ trưởng Ngoại giao Shidehara Kijurô dựa trên bản điều tra của Jeanbrau (Giám đốc chính vụ của chính quyền Đông Dương) (21) và các tư liệu khác có một số thông tin mà từ trước tới nay hình như ít được nhắc đến.

1) Về loại vũ khí mà Phạm Hồng Thái đã sử dụng: Căn cứ trên mảnh bom, loại bom dùng trong đêm 19/6/1924 có lẽ là loại bom điều khiển bằng pin; so với loại bom dùng trong cuộc mưu sát Toàn quyền Sarraut năm 1913 thì quả bom này tối tân hơn nhiều và hình như được chế tạo hoặc mua ở Quảng Đông.

Cuộc khám xét nơi cư ngụ của Phạm Hồng Thái đã sử dụng: Căn cứ trên mảnh bom, loại bom dùng trong đêm 19/6/1924 có lẽ là loại bom điều khiển bằng pin; so với loại bom dùng trong cuộc mưu sát Toàn quyền Sarraut năm 1913 thì quả bom này tối tân hơn nhiều và hình như được chế

---

(21) Báo cáo số 107 (ngày 21 tháng 6 năm 1924) và số 141 (ngày 28 và 29 tháng 6 năm 1924), hồ sơ Gaikoku kihin no raichô zakken, Bessatsu, Futsuryô Indoshina Meruran Sôtoku raichô no ken, từ tháng 1 đến tháng 5, 1924 trong Văn khố tư liệu ngoại giao của Nhật.

tạo hoặc mua ở Quảng Đông.

Cuộc khám xét nơi cư ngụ của Phạm Hồng Thái ngày 27/6 cho biết khẩu súng mà Phạm Hồng Thái sử dụng là loại súng lục G.N.C. Fire Arms do M.F.G. Co. chế tạo, trên bản súng có đề 38 Long Cartridge, số 29054, tức là loại súng lục có thể bắn 6 phát liền. Có lẽ vào đêm 19/6 Phạm Hồng Thái đã lắp đạn ở sau một lùm cây trong công viên thuộc tô giới Pháp, bởi lẽ ngay trong đêm đó cảnh sát đã tìm thấy 2 vỏ đạn giống hệt loại này trong lùm cây. Loại súng này được cảnh sát Trung Quốc sử dụng ở Quảng Đông. Khi nhà hữu trách Pháp đưa súng này cho cảnh sát Trung Quốc xem để nhờ điều tra, cảnh sát Trung Quốc tỏ "thái độ không mấy nhiệt tâm". Báo cáo cũng cho biết rằng khi đến Quảng Đông, Nghĩa liệt đoàn đã chia thành ba nhóm để đề phòng trường hợp bất trắc.

2) Những người chết và bị thương: Việc Merlin thoát chết mà cũng không bị thương được báo *Asahi Shinbun* ở Nhật xem như là "một kỳ tích" (số ngày 22/6/1924). Có 5 người tử vong và 5 người bị thương.

Năm người tử vong là: ông P. C. Demaretz, Giám đốc hãng General Silk Importing Co. of New York và bà Demaretz; ông Rougeau, phụ tá cho Ngân hàng Đông Dương; ông Pelletier, phụ tá cho hãng Varenne & Proton; và ông E. Gerin của hãng Messrs. Gerin, Dreward & Co.

Năm người bị thương là: Bác sĩ L. Casabianca, Giám đốc bệnh viện Paul Doumier, và Quyền Lãnh sự Pháp ở Quảng Đông; bà Rollin — vợ ông Rollin — Giám đốc Ngân hàng công nghiệp; Đại úy hải quân Bernard, tùy viên quân sự tại Phủ Toàn quyền; ông Frunier, thủ quỹ của Ngân hàng Đông Dương; và bà M. Begin của công ty Messrs. Nadier Frères.

(3) Phản ứng của các nhà đương cuộc Pháp, Anh và Trung Quốc ở Quảng Đông sau vụ bom Sa Diện: Ngày 21/61924 lúc 5 giờ chiều, cục trưởng công chánh Pháp, cảnh sát Anh, và Ngô Thiết Thành, cục trưởng công an Trung Quốc ở Quảng Đông, đã đến bờ phía Nam của sông Châu Giang, để khám xét tử thi vừa mới nổi lên trước đó. Sau khi so sánh những viên đạn trong túi của tử thi với những vỏ đạn mà người ném bom đã bắn khi tháo chạy, và kiểm tra áo quần, thân thể, cùng chiếc đồng hồ đã đứng lúc 8:45 (thời điểm bom nổ ở Khách sạn Victoria hai hôn trước đó) trên tay tử thi, tất cả xác nhận đúng là xác của người ném bom. Ngay sau vụ ném bom, Tòa Tổng Lãnh sự Anh kháng cáo với tỉnh trưởng Quảng Đông (Khách sạn Victoria nằm trong tô giới Anh). Trong kháng cáo, Trong kháng cáo, nhà đương cuộc Anh nói rằng "phạm nhân bận Âu phục giả làm người Hoa, nhưng vì chính phủ Quảng Đông đã không để ý đến hoạt động của những phần tử bất lương thì không tránh khỏi trách nhiệm đối với những sự kiện như sự kiện vừa rồi". Sau đó họ yêu cầu nhà đương cuộc

Trung Quốc "kiểm soát sự đi lại của người Hoa ở Sa Diện chặt chẽ hơn nữa; còn không thì những trường hợp tương tự có thể xảy ra ở nhiều nơi, gây xáo động hoang mang đối với nước ngoài".

Đối với kháng nghị trên, tỉnh trưởng Quảng Đông đã khôn khéo trả lời: "Khi chính phủ chúng tôi nghe tin Toàn quyền Merlin đến Quảng Đông, chúng tôi đã chuẩn bị tiếp đón và canh gác, và đã cho loan tin trên báo chí là quan dân tỉnh Quảng Đông sẵn sàng nghênh đón Toàn quyền. Thế nhưng khi Toàn quyền đến thì không chịu xuống tàu trong lãnh thổ Trung Quốc mà lại trực tiếp đến Tòa Tổng Lãnh sự Pháp ở Sa Diện. Tòa Tổng Lãnh sự Pháp dư biết Toàn quyền là nhân vật quan trọng của nước Pháp, tất phải cảnh giác đề phòng bảo vệ. Thêm vào đó, Khách sạn Victoria nằm sát cạnh Sở cảnh sát Anh quốc, thế mà quý vị không những đã để cho sự biến xảy ra mà lại còn không bắt được phạm nhân, quả thật là việc canh gác của quý vị quá ư chểnh mãng. Sau sự biến, quý vị đã không chịu ra sức đi truy nã phạm nhân mà lại còn kháng cáo chúng tôi thì đúng là gõ cửa lầm nhà. Quý Tòa Tổng Lãnh sự nói "phạm nhân bận Âu phục giả làm người Hoa, nhưng dựa vào đâu mà có thể đoán định như vậy chúng tôi thật khó hiểu. Phải chăng vì quý vị muốn trốn tránh trách nhiệm nên mới nói như vậy nhằm gây ác cảm giữa các nước ngoài với Trung Quốc và gây xích mích giữa Trung Quốc và Pháp? Chính vì sự thiếu chuẩn bị của cơ quan cảnh sát của quý vị mà vị khách quý của tỉnh chúng tôi phải rời Quảng Đông lập tức, gây trở ngại cho việc nghênh đón của chúng tôi, do đó chúng tôi cực lực kháng cáo. Qua việc này ai cũng thấy rõ rằng lực lượng cảnh sát ở Sa Diện không đủ sức như cảnh sát tỉnh Quảng Đông, bởi vậy từ đây về sau khi cần thiết chúng tôi sẽ phái cảnh sát của tỉnh chúng tôi đến để cùng canh gát Sa Diện.

Trong *Phan Bội Châu niên biểu*, Phan Bội Châu thuật lại là sau vụ Sa Diện "công sứ Pháp ở Bắc Kinh" và chính phủ Pháp cũng "thường viết thư yêu cầu chính phủ Quảng Đông đuổi người Việt Nam ra khỏi địa hạt và đòi chính phủ Quảng Đông bồi thường". Tuy nhiên, lời lẽ đối đáp "nghiêm nghị" khôn khéo của nhà đương cuộc Trung Quốc mà Phan kể lại, mặc dầu ngắn gọn hơn, có lập luận rất giống lập luận tường thuật trong báo cáo trên.

VĨNH SÍNH

---

(22) Bản dịch trích dẫn ở trên, trg. 190-200.



TADEUSZ BOROWSKI

MỘT KỶ LỤC



Câu truyện này nói về tham vọng của một người muốn lập một kỷ lục không thể hạ được, cũng như về sự bấp bênh của các thứ kỷ lục (không nguyên trong ngành thể thao) thường được cải thiện một cách triệt để.

Viên chỉ huy trẻ tuổi của nhà tù nọ leo cầu thang bốn cấp một, làm một dấu hiệu với người canh gác, gọi bà giám thị hành lang kiểm soát việc phân phối bữa ăn, và ra lệnh cho bà mở xà lim. Ông đóng sập cửa lại, treo cái nón kết lên một chiếc đinh và sẵng giọng bảo người đàn bà đang ngồi bàn lặng lẽ phết bơ lên miếng bánh.

- Tìm thấy mấy cái chụp đèn rồi. *Frau* Elsa.

Frau Elsa rót cà phê vào tách cho mình và nói với viên sĩ quan:

- Ông chỉ huy cứ ngồi lên giường, nhưng đừng làm nhàu tấm ra. Mà làm sao ông lại cứ câm như hến thế? Ông sợ à?

- Vậy ra là chuyện có thật? Viên chỉ huy trẻ tuổi cay đắng hỏi.

- Tìm được những cái nào? *Frau* Elsa điềm tĩnh hỏi lại trước khi nhấp một cụm cà phê từ cái tách bằng thiếc.

- Cái ghê rợn nhất, ấy là một cái chụp đèn màu hồng có hai con bồ câu ôm ấp nhau, viên chỉ huy trẻ tuổi nói bằng một giọng thê thảm.

- Ảnh nói cái đó là từ lưng một người đàn bà. Ông nghĩ sao? *Frau* Elsa hỏi.

- Cũng chẳng biết nữa, viên chỉ huy trẻ tuổi đáp.

- Thế ông đã coi cái thần thoại chưa? Cái có con Minotaurc (*) ấy?

Viên chỉ huy trẻ tuổi ra hiệu là chưa.

- Rõ ràng là người ta chưa tìm ra nó, *Frau* Elsa nói với một nụ cười ranh mãnh. Ảnh nói ảnh đã giật đứt mảnh da bụng của một tên thủy thủ đó. Một hình xâm nhiều màu. Khi bà nữ hoàng Pasiphaé si tình con bò mộng trong Triều mà không được đáp ứng, bà đã khiến một nhà điêu khắc tạc tượng một con bò cái tơ tuyệt đẹp, ở bên trong rỗng. Con bò mộng phải lòng con bò cái tơ ấy mà chăm chú nhìn nó với những ánh mặt nẩy lửa, mà không hay biết rằng Pasiphaé nằm trong con bò cái. Và những cái chăm chú nẩy lửa ấy được xâm trên người gã thủy thủ. Mỗi lần nhìn con bò mộng ấy tôi lại phá ra cười.

- Bà sẽ bị treo cổ vì tội đó, *Frau* Elsa, viên chỉ huy trẻ tuổi nói.

Ông thích thú nhìn người đàn bà. Bà có thân hình nở nang, mũi mĩm như một trái cây, đôi má hồng và tóc vàng hoe; bộ đồng phục bó sát lấy người; từ cái váy ngắn lòi ra lớp da trắng ở hai bên đùi. Cái miệng cương quyết và đôi mắt sắc sảo tiêu biểu cho một con người mạnh mẽ và sắt đá.

- Tại sao ông lại ra lệnh bồi dưỡng tôi? *Frau* Elsa lấy làm vui vui, hỏi.

Viên chỉ huy trẻ tuổi cúi đầu và nhìn cắm xuống lớp lót sàn.

- Thì cũng phải giúp đỡ các thiếu nữ Đức sống chứ, ông nói mà mắt vẫn không ngước nhìn lên.

- Nói nào ngay, ông chỉ huy à, tôi là một người đàn bà, *Frau* Elsa kêu lên, nhoẻn một nụ cười để lộ hàm răng lành mạnh, sáng bóng như xa cừ.

Bà đã ăn xong và dọn dẹp bàn thật khéo.

- Tôi thèm muốn bà, viên sĩ quan trẻ tuổi chỉ huy nhà tù nói.

Phòng giam nhỏ bé của Frau Elsa được bày biện đồ đạc đơn giản, nhưng tiện nghi. Viên chỉ huy lúc đó ngồi trên cái khung giường bằng sắt, có hai lớp đệm và phủ một tấm chăn Canada trắng. Trước cửa sổ, có cái bàn; trong một góc nhà là chỗ rửa mặt và một cái tủ để xếp áo quần, thực phẩm và sách vở. Bên ngoài, người ta thấy thành phố đã bị hủy hoại, phía bên trên thành phố, bên trên những bức tường xạm đen, bốc lên những vệt khói xanh dài. Ở chân trời các mái nhà hãy còn lấp lánh ánh tà dương, nhưng nơi thành phố bóng tối của buổi chiều mùa thu ấy đã rủ xuống. Cây cối gần như đen và bất động trong buổi hoàng hôn lặng lẽ; trên những đường phố chết, người qua lại còn chậm bước lặn lội giữa những đám gạch vụn vỡ; trên đường phố chính những chiếc xe jeep của những đội tuần tiễu vui nhộn lướt qua.

Frau Elsa đốt một điếu thuốc sau bữa ăn, hít hơi khói thật thú vị và nói:

- Nói nào ngay, này cậu, tôi đã có chồng!

- Y sắp bị treo cổ! Viên chỉ huy trẻ tuổi nói rồi ông nghiêm khắc nhìn

đôi mắt nhấp nháy của người đàn bà.

- Thế nhưng không phải cậu vẫn cứ si tình tôi đấy sao, *Frau* Elsa hỏi, vẻ khó tin.

- Cầu Trời gìn giữ con khỏi chuyện ấy! Viên chỉ huy nhà tù bất giác rùng mình, kêu lên.

Frau Elsa mỉm cười, lại vui vui, và đưa mắt thăm dò viên chỉ huy trẻ tuổi. Ấy là một chàng trai giản dị, có đôi mắt ngay thiệt và một khuôn mặt bộc trực.

- Cậu đâu phải đói khát gì về tình dục, *Frau* Elsa nói. Có phải ở Huê Kỳ...

- Ở Hoa Kỳ tôi làm bầu hát, viên chỉ huy trẻ tuổi cắt ngang.

- Ở đây, cậu có thể có không chút khó khăn tất cả những cô gái mà số dự trữ sô cô la và thuốc lá của cậu cho phép.

- Tôi muốn lập một kỷ lục, "một kỷ lục không thể hạ được," viên chỉ huy trẻ tuổi nói. Ông ngẫm nghĩ một lúc rồi tiếp tục thật sinh động: "Có những kẻ sưu tập các chiến tích, nhưng họ quá đông, không một ai nổi bật hết. Tôi đã thấy các trại tập trung, nhưng cả các trại tập trung nữa cũng có tới nhiều nghìn. Tôi cũng đã chụp hình chung với một người lính Nga, nhưng những hình chụp như thế, Quân đội có hàng trăm. Tôi đã ngủ với các cô gái thuộc các dân tộc giải phóng, nhưng mọi người đều làm như thế. Tôi muốn là người Hoa Kỳ duy nhất từng chiếm được một người đàn bà sưu tập những chụp đèn bằng da người.

- Và vợ của một kẻ bị treo cổ, *Frau* Elsa hài hước thêm. Và chính người đàn bà ấy chẳng bao lâu nữa cũng sẽ bị treo cổ.

- Không ai lại để một người đàn bà mang thai bị lên án tử hình, viên chỉ huy nhà tù trẻ tuổi nói thật cứng rắn.

- Hình như anh muốn cứu vớt tôi? *Frau* Elsa nói, vẻ diễu cợt.

- Tôi muốn lập kỷ lục không thể nào hạ được, viên chỉ huy trẻ tuổi nghiêm giọng nói.

Frau Elsa hít một hơi thuốc thật sâu và im lặng một lúc lâu. Sau cùng, bà ném điếu thuốc, dập tàn thuốc còn âm ỉ trong cái gạt tàn và bắt đầu cởi thân áo trên.

- Ông chỉ huy hãy lập kỷ lục của ông đi, bà nói.

Và viên chỉ huy trẻ tuổi lập kỷ lục của ông ta. Và trên khung giường, *Frau* Elsa chống khuỷu tay nhỏm dậy và, vuốt ve vầng trán đẫm mồ hôi của viên chỉ huy trẻ tuổi, hỏi ông với một nụ cười tinh nghịch:

- Cưng à, cưng không muốn là người Huê Kỳ duy nhất từng chiếm đoạt hai lần một người đàn bà chơi chụp đèn và vợ của một kẻ bị treo cổ sao?

Và người ta đã treo cổ người chồng của *Frau* Elsa. Và viên chỉ huy trẻ tuổi đã là người còn sống duy nhất từng chiếm đoạt biết bao lần một người đàn bà sưu tập những chụp đèn bằng da người. Và *Frau* Elsa đã mang thai, bà được phóng thích, và chỉ ít lâu sau kỷ lục của người Huê Kỳ kia đã bị hạ.

TADEUSZ BOROWSKI
(**Diễm Châu** *dịch*)

Tadeausz Borowski sinh năm 1922 tại Jitomir, Ukraine trong một gia đình công nhân người gốc Ba Lan. Năm 1933 cùng cha mẹ về xứ, ngụ tại Vac-xô-vi. Vừa đi làm vừa đi học tới đại học tại đây. Năm 20 tuổi in ronéo và phát hành lậu tập thơ đầu tay *"Dẫu trái đất ở đâu."* Năm 1943 bị mật vụ quốc xã Đức bắt và nhốt tại Auschwitz, mang số tù 119 198 xâm trên cánh tay; mùa hè 1944 chuyển qua Dachau. Tại đây, tháng Năm 1945, được quân Mỹ giải phóng, nhưng lại phải nằm "trại dành cho người thất xứ" ở ngoại ô Munich. "Lại đói và lại thép gai." Mãi tới tháng Chín năm đó mới được ra. Ở lại Munich ít lâu, cho xuất bản một số truyện ngắn về các trại tập trung, rồi trở về Ba Lan. Năm 1948, một tập truyện ngắn của Tadeusz Borowski, nhan đề là "Vĩnh biệt Maria," ra đời tại Vac-xô-vi. Ít lâu sau Borowski lại viết một tập truyện ngắn thứ nhì về trại dành cho người thất xứ. Hăm sáu tuổi, Borowski đã nổi tiếng như "một trong những nhà văn lớn thuộc thế hệ ông." Bị các nhà phê bình mác-xít đương thời chê trách là "hư vô chủ nghĩa," Borowski đã gia nhập đảng vì muốn trở thành "người hữu ích" và "thay đổi xã hội để thay đổi con người." Ông tự sát năm 1951, giữa thời cực thịnh của chủ nghĩa Staline. Lúc ấy mới 29 tuổi.

Tadeusz Borowski được "đánh giá" rất cao. Tác phẩm của ông về "thế giới trại tập trung" được coi như một trong những tác phẩm lớn nhất, bên cạnh các tác phẩm của Primo Levi... "Một kỷ lục" trích trong tập "Thế giới bằng đá" và được dịch để tặng tác giả *"Tiếng thì thầm trong bụi tre gai."* (DC)



PHẠM MẠNH HIÊN

qua sông vàm cỏ

Đôi bờ mưa cặp dấu bèo
Giạt trôi ngun ngút sóng treo lưng chiều
Đêm tôi ngồi vọc tịch liêu
Thấy em bóng rỡ ràng xiêu xé lòng

hỏi đường

Trăm năm ẩn giữa nắng tà
Bụi tàn phố chợ mù sa hỏi đường
Bước lên vỗ nát mặt buồn
Tóc xanh chạm trắng vô thường chui ra

qua cầu gió bay

Ngàn dặm còn đứng ngu ngơ
Qua cầu gió chật rền bờ nước lên
Hỏi từ cổ độ buồn tênh
Thực hư trời đất xin quên mọi điều

PHẠM MẠNH HIÊN



ĐỖ QUANG

MỘT CHUYỆN KHÔNG ĐÁNG KỂ

(Truyện rất ngắn)



Ối giời! tưởng lấy người ta về làm gì. tưởng lôi người ta sang đây để làm gì. Để đi "ạ" bệ nhà xí thiên hạ mà lấy tiền. Anh khổ tôi có sướng gì. Anh đâm đầu vào quán rửa bát thì tôi cũng phải bò toài lau toilet nhà tắm ngày này qua ngày nọ. Ối mẹ ơi, mẹ đẻ con ra, nuôi con ăn học, gả con cho người ta, mẹ có biết con theo chồng đi Tây sướng thế này không? Thị vừa chủng chẳng, vừa sụt sịt, vừa tự cảm thấy mình lắm điều và kém duyên. Nhưng thị không thể dừng. Chẳng ai can giùm cho thị dừng. Bao nhiêu lần rồi, những trận đối thoại giữa vợ chồng thị đã biến thành cuộc độc thoại của mình thị như thế này. Cãi nhau thế thì thật phí công điên tiết. Cứ y như là đấm vào nước. Nước mắt ứa ra đầy kính làm thị chẳng còn nhìn thấy gì. Cơn giận dần tan. Còn lại nỗi thương thân quánh sệt. Gương mặt cha bên ấm chè cám rẻ tiền mỗi buổi sáng trước khi dắt xe đi làm... Dáng mẹ ngồi nhặt rau... Rau muống mậu dịch... Ngày xưa thị vẫn đi xếp hàng mua... Bàn chân đứa con... Chân búp bê... Đầy... Ấm... Thị thôi vùng vằng, kể lể, nằm khóc lặng lẽ. Ướt đầm hai thái dương. Ướt gối. Một bàn tay quờ sang. Một bắp chân đè lên đùi thị. Chồng thị. Thị gạt phắt, lạnh lẽo: "Buông ra!". Suốt đêm, thị nằm một mình trên cái giường đôi dành cho hai người. Chồng thị nằm ngay cạnh, không quờ tay sang nữa, không gác chân lên chân thị nữa, cũng không nói gì.

Tôi ở cùng trại tỵ nạn với họ. Dùng chung với họ bếp và toilet. Ngày



LÊ MINH

đợi

Cơ hồ chỉ thấy mặt nhau
Thế là đủ. Để nói câu dịu dàng.
Cơ hồ nắng chỉ hoe vàng
Gió xuân chỉ sẽ thổi ngang thềm nhà
Chưa cần cây táo trổ hoa
Là ta sẽ lại là ta độ nào.

Đời người đến lắm ước ao
Vèo qua năm tháng lúc nào không hay
Tóc dài như nước như mây
Cắt đi cho gọn những ngày phiêu linh
Một hôm mình chợt giật mình
Ước ao nhiều thế có thành gì đâu.

Một hôm lặng lặng cúi đầu
Chỉ mong được gặp lại nhau
Chỉ mong được nói một câu dịu dàng.

LÊ MINH

nào tôi cũng phải chứng kiến cảnh vợ chồng nhà bên đụng độ. Họ không buồn giấu ai. Bốp. Choang. Chát. Xoảng. Vợ tôi nín thở: "Hình như là ti vi... không... có vẻ là đầu vidéo... cốc... chén... vũ nữ ra tay rồi... anh ơi... vũ phu thua, vũ phu thua..."

Ngày nào cũng như thế. Ngày nào tôi cũng phát hoảng vì vẻ hứng thú quái gở của vợ. Cho tới hôm kia. Tôi cứ ngong ngóng cái màn kịch nhà bên xảy ra cho sớm để còn nghỉ sớm. Mà không thấy. Hóa ra chị hàng xóm của chúng tôi đã kiếm được một tấm Tây già và chuyển hẳn đến nhà bồ ở để hoàn thành thời gian ly thân theo luật định trước khi ly dị chồng. Người chồng của chị chuyển sang sống cùng với mấy cậu độc thân. Xã hội phân một gia đình khác ở phòng đó. Họ trẻ hơn, ít cãi nhau hơn, nhưng đã cãi nhau thì thật tưng bừng. Cũng chẳng thua gì nhà trước.

Nhưng tôi muốn nghĩ rằng họ cãi nhau như tôi đã kể. Cho nó ân tình hơn.

ĐỖ QUANG



HỒ PHỔ LẠI

PHẬN MÌNH



Dựa hẳn lưng vào thành chiếc ghế đá, Quỳ hững hờ đưa mắt nhìn dòng sông trước mặt. Lại một dòng sông...! Không hiểu bắt đầu từ bao giờ, gần như lúc nào hình ảnh một dòng sông cũng mang đến cho nàng một nỗi buồn; có khi chỉ thoáng qua, nhưng cũng có khi rất sâu đậm. Rất có thể, như ai đó đã nói: vì dòng sông là nguyên nhân chia cắt đôi bờ, vì dòng sông là chỗ bị con đò bỏ lại và hơn hết, vì dòng sông là trạm dừng chân lúc tiễn đưa nhau.

Ngay đến dòng sông trước mặt Quỳ lúc này, một dòng sông lạ hoắc, không bến không thuyền, cách biệt hoang vu; vẫn thể hiện đầy đủ nét thê lương sầu thảm của một cái gì vừa gãy đổ, vừa vô cùng tàn lụn: đám lá mục, đám cành cây rụng trôi lềnh mặt nước không là tàn tích chết chóc đọng lại từ mùa thu trước và trước nữa...hay sao? Hai bên bờ, cây hoang mọc um tùm, gốc rễ bị nước xói mòn phơi ra u nần trắng hếu; có vẻ từ lúc hiện diện chưa hề được ai để chân đến. Xen kẻ giữa đám cây chi chít, đặc biệt có vài loại cây rễ dâm xiên tua tủa ra từ thân mẹ.

Ngắm đi ngắm lại chùm rễ mốc meo, oằn oại giống hệt bầy rắn nước, con ngỏng đầu lên, con chốc ngược đầu xuống chúi nhủi vào lòng đất...; Quỳ không khỏi tư lự: chúng phát triển theo định luật nào? Tiến tới, thụt lui, hay... mắc kẹt giữa vòng luẩn quẩn?

- Lại cái vòng luẩn quẩn!

Thở dài, Quỳ quay mặt đi, hướng tầm nhìn về phía hai hàng cây ê-ráp

trồng ngay hàng thẳng lối kế bên chiếc ghế đá nàng ngồi. Mặt trời giữa trưa dọi ánh nắng sáng trưng lên đầu từng ngọn cây, làm bóng cây đổ xuống chỉ có thể xẩn vẩn quanh cái gốc. Mỗi lần có cơn gió thổi qua, bóng cây nghiêng ngả như muốn dang tay ôm chầm lấy, hay ít ra muốn được hòa nhập làm một với thân cây. Ngước mặt lên bắt gặp tàn lá rậm rạp, gằm mặt xuống đụng nhằm thân cây lỏng khỏng dựng đứng giữa vũng tối lắc lư...; nhìn trân một hồi, Quỳ có cảm tưởng mắt nàng mờ đi. Và, lạ lùng thay, giữa cảnh hư hư thực thực lộ diện thêm một hình ảnh khác: Quỳ nhìn thấy...nàng đứng lẫn lộn giữa hàng cây, cũng mang tơi đội nón, cũng co quắp giữa trời và cũng đang...mải mê săm soi cái bóng của mình.

- Săm soi bóng mình!

Lắc đầu chán nản, Quỳ rời bỏ hàng cây, chú tâm đến toàn bộ quang cảnh dàn trải chung quanh nàng. Bầu trời thăm thẳm, mặt sông không xao động, con đường trải sỏi phơi mình chơ hơ dưới ánh mặt trời, khu rừng cây trùng điệp phía sau lưng. Kể từ lúc lang thang tạt vào đây, lần đầu tiên Quỳ để ý đến sự cô quạnh mênh mông của công viên nầy. Trời nước cỏ cây đồng im hơi lặng tiếng, đồng tỏ thái độ cương quyết không...nhập cuộc, cốt xô đẩy Quỳ phải quay về với thế giới biệt lập của riêng nàng. "Băng bộ đi tìm một chút khuây khỏa, rõ ...chạy trời không khỏi nắng", Quỳ cay đắng nghĩ.

Vừa may, có tiếng người văng vẳng. Vồ lấy cơ hội, Quỳ banh mắt tìm kiếm: một đôi trai gái vừa xuất hiện từ xa. Hai khuôn mặt rám hồng, hai cặp mắt sáng rỡ, đôi vòng tay ôm khít lấy nhau. Bóng họ in rõ mồn một giữa màu lục ngăn ngắt của lá và màu xanh biên biếc của trời. Cảnh làm nền cho người, vô tình tạo nên một bức tranh hết sức linh động. Nhưng, chỉ trong chớp mắt, ngay giữa nền bức tranh vĩ đại, trời trong mây trắng biến hóa thành nước xanh sóng bạc; và chót vót trên đầu ngọn sóng có hai bóng người nhấp nhô; họ trôi, trôi từ đâu đâu, trôi vút qua chỗ Quỳ ngồi; rồi trôi mãi, trôi mãi. Khi chìm. Lúc nổi. Có tiếng con vật nào khua lọc xọc dưới lớp lá khô, Quỳ giật mình sực tỉnh. Bóng cặp thanh niên không còn thấy đâu nữa.

Đã ngạc nhiên, lại đang lưỡng lự không biết nên hướng ý nghĩ của mình về đâu, Quỳ nẩy ý định thử lý luận xem chơi. Coi nào, đôi thanh niên nam nữ cặp tay nhau đi sờ sờ, chứ đâu có trôi? Phải chăng vì đang b ảnh hưởng nặng nề của chính tâm trạng mình, Quỳ đã nhìn nàng qua họ, đồng thời nhìn họ qua nàng. Họ và nàng, kẻ trước người sau , lần lượt bị cuốn hút vào giữa dòng đời rồi bị đẩy bật văng xa ra khỏi dòng đời. Đúng vậy, mấy mươi năm trước Quỳ là họ, mấy mươi năm sau họ là Quỳ. Tuổi trẻ, nụ cười, nỗi tin yêu, niềm hăm hở sống...ai không một lần.

Phải, đã có một thời...nhìn vào ngõ ngách nào, Quỳ cũng thấy rặt một

màu sáng lạng, một cảnh êm đềm, một trời hứa hẹn. Ai nói mặc ai, Quỳ nhất quyết đánh giá cuộc đời trước mặt không khác gì một bữa cỗ thịnh soạn; nói rộng hơn, một mảnh đất màu mỡ đã cày bừa vun xới sẵn sàng...chỉ còn đợi nàng kéo ghế nhập cuộc, hoặc đợi bước chân nàng êm thắm giẫm lên. Đã đời chưa! Vào đời là ...mở miệng xơi cỗ (há miệng chờ sung),...ngửa mặt tênh hênh, vung tay rải mạ: một cây mạ lên, một giấc mơ thành hình. Xuôi chèo mát mái, sợ còn dễ dàng hơn việc thò tay lấy đồ trong túi áo. Mơ mộng...tha hồ; của kho vô tận! Mơ lớn mơ nhỏ, mơ xa mơ gần, mơ một mình mơ hai mình. Bể khổ...chỗ nào? Trầm luân...nước non gì nữa? Kinh nghiệm trường đời, bài học dạy khôn; ba trò lẩm cẩm thoát thai từ mấy bộ óc gàn dở, lập dị , ăn không ngồi rồi...hơi đâu bận tâm cho mệt trí. Nào dè...sóng gió cuộc đời đùn đẩy tới, tràn lấp qua, lấp qua; cọ vẹt, mài dũa lần hồi làm phai nhạt đi màu sắc trẻ trung, làm cùn nhụt dần nỗi vô tư, niềm phấn khởi thuở ban đầu. Hao mòn. Phai nhạt. Mất mát. Y như rằng, thời gian và sự chung đụng là hai mấu kềm bằng sắt trong tay vị nha sĩ cứ từ từ khép lại, khép lại; đào khoét xoi đục sâu vào từng mảng da thịt xương cốt Quỳ. Nhổ một cái răng sâu ra, là bứt dứt hẳn một số dây thần kinh liền lạc; là để lại trên vòm miệng một lỗ hổng sâu hoắm, tràn ngập máu me. Thoạt mới mất một cái răng: chưa thấm tháp gì! Đến khi năm, mười, mười lăm cái răng tuần tự mất đi; cắc cớ lấy tay rờ thử, rờ trúng hai hàng lợi lồi lõm, trống hơ trống hoác...cọng thêm mối liên tưởng về những lần đau răng sắp tới. Ô hô, sự thật trần truồng, ghẻ lở. Có "thức khuya mới biết đêm dài", tuổi tác càng nhiều, Quỳ càng nhìn thấy rõ thế đứng mấp mô, hèn kém...gần như vô nghĩa của thân phận nàng. Vỏn vẹn là một hòn cuội không hơn không kém, trong trăm triệu hòn cuội khác. Nước chảy qua, hòn cuội lăn, hòn sau lăn theo hòn trước. Lăn, lăn, lăn hoài cho đến lúc trở thành...chai sạn, khỏi thèm bận tâm chuyện mình sẽ lăn về đâu, lăn tới lúc nào.

Hôm qua, Quỳ nhận được lá thư có thòng câu kết luận: "mình còn khoảng đời sau". Hừ, khoảng đời sau! Cái gì chờ đợi Quỳ ở khoảng đời gọi là ...sau, đó? Sau lần này, liệu còn bao nhiêu lần sau nữa? Một bến bờ hạnh phúc? Những tháng năm êm ấm tuyệt vời? Có hay không một cõi thần tiên như vậy, ở ngay hạ giới này? Hay lại là...một giấc mơ khác được thêu dệt nên cho đoạn đời kế tiếp, hòng bù đắp lại khoảng thiếu hụt thua lỗ triền miên trước kia? Mửng cũ soạn lại biết bao nhiêu lần rồi: "giật gấu" đoạn đời sau, "vá vai" đoạn đời trước. Giật giật, vá vá...cái gấu áo rách bươm. Còn ai dại tin mình, nếu không ra miệng hứa hẹn; làm sao dám tin người, nếu không bắt buộc họ thề nguyền. Hứa hứa, thề thề..."lấy đá thử vàng" chừng năm lần mười lượt; lời thề nào rốt cuộc lại cũng hoá ra "nước đổ lá

môn". À, gẫm ra, sống là vậy,...là quanh đi quẩn lại trong bấy nhiêu vấn đề: phỉnh gạt người và dụ khị mình. Phỉnh người, dụ mình: tất cả đảo điên. Điểm nghịch lý nhất là, dẫu nhiều phen biết rõ mình đã (đang, sẽ) đóng vai con dã tràng xe cát, nhưng sau mỗi màn kịch, khi thấy tấm màn nhung hạ xuống, Quỳ vẫn tức tưởi như thường: "trời đất, ta lại tiêu phí tan hoang thêm một chặng đời nữa!" Một chặng đời càn qua như cơn lốc, quét sạch tuốt luốt: tuổi trẻ, sức lực, niềm vui và...nỗi ham sống. Chặng đời này kế tiếp liền liền chặng đời khác. Thử hỏi, một đời Quỳ gồm được mấy chặng đời cả thảy. Bòn mót, rúc rỉa chất sống từ bộ óc và thân xác mình, đem ra rải đường rải chợ. Thứ bổn phận độc nhất đó; đã có một thời lâu lắc được Quỳ trân trọng nâng lên địa vị tít mù cao cả, đứng đắn tuyệt vời ...; rồi tự buộc nàng phải chu toàn bằng mọi cách. Khôi hài! Ngu ngốc! Vì tính toán lầm lẫn, vì không hiểu người không hiểu mình, vì lơ mơ trước thế sự...; hay biết đâu chừng, tất cả sự lỗ lã, thua thiệt, oan ức... gom góp lại hết chẳng qua chỉ là cái giá Quỳ phải trả cho cho sự góp mặt của nàng trong cuộc sống này: hãy nhìn kìa, kẻ lữ hành muốn qua cửa ải phải lần lưng đóng thuế nhập nội, không đóng trước cũng đóng sau, không đóng cách này thì đóng cách khác. Ừ nhỉ, biết đâu chừng... Nếu vậy, mọi người huề vốn: không đúng không sai, khỏi hên khỏi xui. Chỉ sợ, lỡ ra một khi hầu bao cạn ráo mà cửa ải còn nhiều!

Có tiếng chim xao xác liên hồi, có tiếng gió luồng qua những hàng cây cao; Quỳ bàng hoàng đưa tay dụi mắt. Từ lúc nào, trên nền trời xa, mây không còn bồng bềnh nữa mà dính bệt với nhau thành từng mảng đặc sệt màu xám xịt.

Chạy dọc theo con đường nhỏ, lá vàng quyện bụi đất bay là là thành từng luồng dài. Trên mặt sông, sóng rục rịch nổi dậy, đưa đẩy lớp cành cây gãy hết trôi lên lại chìm nghỉm xuống, hết dang ra xa lại dồn thành đống. Những cành cây trụi lũi, xương xóc, loi ngoi lóp ngóp qua về giữa đám lá mục...; Quỳ thoát rùng mình: nàng có cảm giác đang chứng kiến giây phút cuối cùng của cả một đám người đông đúc. Thình lình, một ánh chớp lóe lên như lửa xẹt từ góc trời. Quên lững mọi chuyện, Quỳ đứng rột dậy.

- Mưa...chạy đi thôi! Lưỡi Quỳ líu lại.

Biết chạy ngã nào, chạy sao cho kịp! Trước mặt là dòng sông chắn ngang, sau lưng là cánh rừng, bên mặt là bãi đất hoang, bên trái là con lộ ngoằn ngoèo xa tít tắp. Giợm chạy, giợm dừng...cuối cùng, Quỳ thấy mình vẫn đứng ỳ tại chỗ. Từ từ, sức gió thổi có phần nhẹ đi và trong hơi gió có pha lắt rắt vài giọt nước. Mưa rơi, rơi thật sự.. Hai hàng cây ê-ráp bên cạnh rũ xuống. Qua dáng vẻ co ro ướt át của hàng cây, thêm một lần nữa, Quỳ nhìn thấy lại hình ảnh của...con người, một hạng người suốt đời gầm đầu

cúi cổ chịu đựng bất cứ áp lực nào giáng xuống từ trời, bùng lên từ đất, hay ập xuống từ...bốn phía đồng loại.

Ý nghĩ chua chát vừa trờ tới, mang công dụng bồi đắp thêm xăng dầu cho ngọn lửa vẫn từ lâu âm ỉ đốt cháy máu xương da thịt Quỳ. Đầu óc mê mẩn, miệng mồm đắng nghét, tay chân bại xuội...; Quỳ định thả liều ngồi đại xuống ghế, trơ mình chịu trận. Mưa rơi, rơi thành dòng xối xả. Mưa quật bên mặt, mưa quật bên trái, mưa tưới phần trên, mưa xô phần dưới. Tối mắt tắt mũi, Quỳ loay hoay tránh né bằng cách đưa tay lên vuốt mặt. Qua mười kẻ ngón tay móp méo, Quỳ hé mắt ti hí...; eo ôi, một bầu trời thấp chủn, một màn nước dày mu, hoà điệu nhịp nhàng với tiếng thân cây rung chuyển ào ào, tiếng gió rít xa gần lảnh lót. Hoảng hồn hoảng vía, Quỳ lập cập bỏ tay xuống, nhấc bổng chân lên, đâm đầu ....ù té chạy.

Chạy qua một đổi đường khá dài, có hơi hoàn hồn, Quỳ mới dám dừng chân lại. Ngoái đầu nhìn lui đoạn đường lầy lội nàng vừa xông xáo vượt qua, Quỳ thở phào nhẹ nhõm, buộc miệng kêu lên: hú vía!

- Hú vía! Quỳ khoan khoái lặp lại.

Vừa lặp lại xong, Quỳ sững người liền: "Thứ đồ ...điên ở đâu! Rõ ràng mới hồi nãy... không phải chính ta ngồi vêu miệng chê bai, thậm chí muốn chối bỏ hẳn phần đời còn lại." Ôi! chỉ cần một cơn mưa tới, lại "châu về hợp phố" rụp rụp. Cõi Thiên đường, miền Cực lạc...đâu bằng? Bị bắt tại trận đang "ăn vụng", Quỳ đành tính chuyện "chùi mép". Có một câu nói bắt nàng suy nghĩ mãi: "Người trẻ" sống với tương lai, người già sống với dĩ vãng, lũ trẻ con sống với hiện tại". Lũ trẻ con sống với hiện tại vì...chỉ biết hiện tại. Còn Quỳ, có lý nào nàng trẻ mãi? Tại sao, đầu đời nàng sống với hiện tại, giữa đời nàng bám vào hiện tại, còn trơ lại đoạn cuối nàng vẫn chưa chịu buông tha? Lý luận cho lắm vào, rởm...!

Mưa rơi đều đặn. Nước lạnh từ trời tới tấp giội xuống, nước bùn từ dưới lòng đường tung toé bắn lên. Lom lom nhìn trời nước, Quỳ bỗng nhiên nổi khùng, buông tiếng chửi bông lông: "để được gì?"

"Để được gì"... miệng chửi ong óng, tay thản nhiên thả xuống túm chặt khừ hai ống quần, Quỳ chuẩn bị ...chạy tiếp.

HỒ PHỔ LẠI
Québec, tháng 10.97



THẬN NHIÊN

breaktime

1/ Thằng bạn không dưng phát điên bị nhốt vào viện tâm thần
mẹ mê mang hấp hối ở Sài Gòn
Gã hàng xóm chưa kịp làm quen đoàng một phát vào đầu
cô gái yêu thơ tông xe chết trẻ
tai nạn máy bay Hồng Kông
cuồng phong Florida
khủng bố tắm máu Hindu Ấn Độ
trừng phạt Iraq
lỗ thủng tầng ojone
vi khuẩn lạ
el nĩno

....

2/ Có thể chọn bất cứ điều gì trên đây
nghiến răng - bứt tóc - vì bất lực
có thể chọn bất cứ điều gì trên đây
ăn chay - tiết dục - cầu nguyện
suy nghiệm và nguyền rủa

....

3/ nhưng mười lăm phút
ba phút chào hỏi nắng mưa thưa thốt đồng nghiệp
năm phút sắp hàng lấy nước sôi pha cà phê
bảy phút liếc qua các cột báo chỉ thấy toàn tin dữ
và đi đái
chuông reo!!!

....

4/ - Hello, mày ở trỏng có gì vui
mà không dưng cười sằng sặc
- Đụ má, mần thơ: "tỉnh rồi ta mới điên ra
khôn là thế ấy khùng là thế ni"*

THẬN NHIÊN

---

* Mượn tạm giọng lục bát của Bùi Giáng Thi Sĩ



THƯỜNG QUÁN

oxi-gen

tặng anh Lê Đạt

thế giới áo cánh
cột trụ nắng nghiêng
khổng lồ &
rãnh ngực
không anh nào thắt nút làm trò xiếc
chỉ mây lơ đãng đủ ảo thuật

om om hô hấp
lá oxi-gen
ô. hai cái chín rám
thành phố em ngồi xoạc

phố soi phố
nước soi nước
thế giới líp-tông nóng
hớp đầu ngoại trà đạo

uống chúng tôi uống

THƯỜNG QUÁN



NGÔ THẾ VINH

Ý MỚI - CHIN THANAKAAN MAI TỪ NHỮNG DÒNG SÔNG XÔN XAO



Gửi Nhóm Bạn Cửu Long

Mùa mưa như một trận mưa liền
Châu thổ mang mang trời nước sát (TTY)

Khung cảnh nhân vật chỉ là hư cấu tiểu thuyết

Cao có cung cách làm việc của một nhà báo cho dù nghề nghiệp chuyên môn anh là một kỹ sư về môi sinh. Tốt nghiệp ở Montréal nhưng chọn định cư ở Mỹ. Điều khiển một tổ hợp chuyên viên nhiều ngành, anh có uy tín và được biết đến như một công trình sư của những dự án lớn ngay trên đất Mỹ, sự kiện khá hiếm hoi vì anh là chuyên gia còn trẻ lại gốc sắc dân thiểu số. Theo một nghĩa nào đó anh đã sớm thoát ra khỏi cái *ghetto* của một cộng đồng di dân còn rất trẻ mới tới lục địa Mỹ châu này.

Gia đình gốc gác từ châu thổ sông Hồng nhưng anh lại sinh ra và lớn lên từ vùng Hậu giang miền Nam. Có phải vì vậy mà Cao vẫn nói đùa *"chân anh đã dính phèn"* và bấy lâu anh vẫn bền bỉ quan tâm tới tương lai hệ sinh thái sông Mekong. Bản chất độc lập không ưa chánh trị, không thích bị ràng buộc vào *những tổ chức* nhưng anh lại có *Nhóm Bạn Cửu long* - một tổ chức phi chánh phủ - *quan sát và bảo vệ môi sinh,* để cùng nhau sinh hoạt. Nhưng rồi anh cũng sớm nhận ra rằng không có vấn đề *phi chánh trị* trong môi sinh.

Chuẩn bị cho chuyến viếng thăm Lào lần đầu tiên, Cao vào thư viện

tìm tới thư mục về Lào cũng chỉ thấy một số ít oi những tài liệu tiếng Pháp trong thời thuộc địa, viết về cuộc phiêu lưu hào hùng nhưng không kém phần bi thảm của Francis Garnier ngược dòng sông Mekong thời hoang dã để tìm một thủy lộ từ Sài gòn sang Trung quốc, nói về Auguste Pavie viên lãnh sự Pháp ở Luang Prabang với giai thoại đi chân trần trên một xứ sở đầy rắn, các bài viết của Trường Viễn đông Bác cổ, của Hội Thân hữu Pháp Lào, và gần đây là mấy luận án tiến sĩ nghiên cứu về phong tục xã hội Lào bên cạnh các bản tường trình của UNICEF liên quan tới cứu trợ trẻ em. Còn tài liệu hướng dẫn du lịch thường chỉ như phần phụ trong danh sách các nước khác như Thái Lan.

Chỉ riêng trang sử cận đại, Lào luôn luôn bị xâu sé bởi các thế lực ngoại bang. Năm 1820, Thái xâm lăng Vientiane chỉ để lại mấy ngôi chùa không bị tàn phá. Rồi Pháp Nhật và cuối cùng là Mỹ với cuộc chiến tranh bí mật của CIA với người thiểu số Hmong. Cũng phải kể thêm là trong trận chiến tranh Việt nam, những trận oanh kích ngày đêm dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh với hơn 2 triệu tấn bom trút xuống lãnh thổ Lào với số chết chóc không sao kiểm kê được và giới chức quân sự Mỹ chỉ gọi đó là *"tổn thất phụ - collateral damages"*. Nhưng có lẽ điều mà ít ai biết là Mỹ đã can thiệp vào nội tình *"Vương quốc Lào trung lập"* sớm hơn nhiều.

Vào thập niên 50, không phải chỉ nước Mỹ mà cả thế giới biết đến Tom Dooley qua hình ảnh tuyệt đẹp của người bác sĩ trẻ dấn thân tận tụy chăm sóc những bệnh nhân nghèo khổ trong rừng rậm Á châu. Nguyên là một bác sĩ Hải quân Mỹ nổi tiếng như cồn do tham gia chiến dịch *"Hành trình tới Tự do"* di tản dân tỵ nạn trốn chạy cộng sản Bắc Việt vào miền Nam Việt nam, và đồng thời là tác giả một cuốn sách bán chạy nhất nước Mỹ. Nhưng sự thật đã không đơn giản khi mà bản thân Tom có điều bí ẩn cần che dấu. Đang trên đỉnh cao danh vọng thì anh bị phát hiện là đồng tính luyến ái - điều rất cấm kỵ trong Hải quân Mỹ thời bấy giờ và có nguy cơ bị sa thải trong điều kiện mất danh dự. Để bảo vệ bí mật ấy anh *"tình nguyện"* ra khỏi Hải quân và thỏa hiệp hợp tác tích cực với CIA trong các công tác tuyên truyền sai lạc - *disinformation* về Đông Dương. Qua sắp đặt của tướng Lansdale, Tom *"tình nguyện"* sang Lào để mở một bệnh xá ở Nam Tha một vùng hoang sơ ở bắc Lào gần biên giới Trung cộng - *"thể theo lời y êu cầu"* của bộ trưởng Y tế Lào. Bệnh xá của Tom được rầm rộ quảng cáo như một thứ *"tiền đồn của hòa bình"* nhưng toàn thể bên trong là chuẩn bị cho chiến tranh. Bề ngoài là tiếp liệu y tế thuốc men nhưng Tom còn phải nhận cả vũ khí để bí mật chôn dấu, tự hậu có thể dùng cho các lực lượng quân sự Lào sau này. Dự án bệnh xá chỉ là trá hình nên thiếu nhân viên chuyên môn, thuốc men thì quá hạn do hạng thuốc Pfizer cho

không. Trong khi đó thì Tom không ngừng được báo chí và truyền hình quảng cáo rầm rộ như một người Mỹ chói sáng, một Schweitzer của Á châu. Anh được sắp hạng ba trong số mười người được dân chúng Mỹ ái mộ nhất, nghĩa là chỉ sau có tổng thống Eisenhower và đức Giáo hoàng. Tom chết vì bệnh ung thư ở vào tuổi 34. Ngày anh từ trần cũng là ngày bệnh xá ở Nam Tha bị quân cộng sản Pathet Lào tràn ngập và Hoa kỳ thì đã sẵn sàng bước vào cuộc chiến tranh Đông dương, vùng đất mà trước Tom Dooley đã không được ai biết đến...

Rời Bangkok là rời xa một thủ phủ đã phát triển và ô nhiễm tới mức bão hòa. Chỉ nghe nói về tệ nạn hối lộ của nhân viên Hàng không Lào, Cao không tin cho tới khi chính anh trở thành nạn nhân. Cho dù đã có vé bay chánh thức nhưng Cao vẫn bị gạt ra khỏi danh sách để rồi phải đôi co hàng tiếng đồng hồ trước khi bước được lên chuyến bay 737 cũ kỹ không còn một chỗ trống. Hành khách đa số là những người Lào và cả Việt nam từ Mỹ Pháp và Úc bắt đầu được phép về thăm quê hương. Chỉ khoảng hơn một giờ bay là đã tới không phận Vientiane; máy bay giảm cao độ với tiếng động cơ phản lực thì cứ rung lên bần bật. Qua khung kính, bên kia là cao nguyên Isan Thái lan, bên này là Lào xen giữa là con sông Mekong thắm đỏ phù sa trải ra tới tận chân trời xa trông như một tấm thảm hồng. Phi trường quốc tế Wattay vốn đã nhỏ hẹp lại còn chật trội hơn với những bảng hiệu tuyên truyền *"Nông Công Binh đoàn kết bảo vệ Chủ nghĩa Xã hội"*. Phòng đợi đông người lộn xộn với ngổn ngang những vali hành lý: quà cáp ch o người thân và dĩ nhiên cả những món hàng buôn. Sau 15 năm kể từ ngày các nhà lãnh đạo Mácxít Lào xuất thân từ trường Pháp rất biết thế nào là rượu chát và cigars ngon - họ từ các vùng hang động xuống thành phố áp đặt một nền kinh tế chỉ huy chỉ để làm lụn bại thêm nước Lào. Theo chân đàn anh Việt nam nhưng bảo thủ và tàn bạo hơn, chánh phủ Pathet Lào ngay khi nắm chánh quyền đã thiết lập vô số nhà tù mà họ cũng gọi là *"Trại Cải Tạo"*để bắt giam các thành phần thuộc chế độ cũ. Do khiếp sợ cộng sản một số trí thức Lào đã thoát chạy được ra khỏi xứ trước 75, chỉ có vua Lào Savang Vatthana thì ở lại - ông vẫn được nhắc tới như một con người học thức đức độ và giản dị. Vua và cả hoàng gia cùng với hơn 40 ngàn người khác đã bị bắt và đầy ải trong các trại tù trong rừng rậm. Nhà vua đã chết tức tưởi trong một *"trại cải tạo"*gần Sầm Nứa vì thiếu thốn bệnh tật và cả buồn bã, Hoàng hậu cũng chết sau đó và khi bị các nhà báo ngoại quốc hỏi ráo riết thì được giải thích: *"Nhà vua chết vì bệnh sốt rét còn Hoàng hậu thì chết do nguyên nhân tự nh iên - natural cause"*. Riêng Hoàng Thái tử thì bao nhiêu năm không có tin tức gì. Một dân tộc Lào hiếu hòa đã chấm dứt chế độ quân chủ của họ bằng các trại tù cải tạo. Mười năm sau

số người được tha về mới có một phần ba, đa số đã già yếu và bệnh hoạn. Không còn Hoàng gia cũng chẳng còn Vương quốc Lào nhưng Hoàng cung sau đó được trùng tu và mở ra cho khách du lịch đến thăm viếng.

Được xếp vào hạng nghèo nhất thế giới, diện tích bằng nước Anh với dân số 4 triệu rưỡi người đa số mù chữ tuổi thọ trung bình 46, chưa có ô nhiễm kỹ nghệ, các bệnh tim mạch ung thư và bệnh AIDS nhưng tử vong vẫn rất cao do các bệnh sốt rét bệnh lao viêm gan nhiễm trùng đường ruột và 20% trẻ em Lào thì chết trước 5 tuổi vì suy dinh dưỡng. Với lợi tức đầu người chỉ 220 Mỹ kim một năm nhưng xem ra cuộc sống của người dân Lào vẫn cứ vô cùng nhàn nhã, họ an phận với cái hiện hữu, không có tham vọng và không ham gieo trồng nhiều hơn mức mà họ cần rồi thì *"ngả lưng nằm chờ xem những cây lúa mọc."* Đang từ Singapore Bangkok mà đặt chân tới xứ Lào, Cao có cảm tưởng như tới một hành tinh khác, thấy được che chở với mọi sự đổi thay. Lần đầu tiên tới Lào phải công nhận đây là mảng đất của Viễn đông còn khá nguyên vẹn, với những khu rừng mưa - *rainforest* gồm nhiều tầng thảo mộc xanh um với đủ loại thú hoang dã. Lào vẫn nổi tiếng về những đàn voi được mang tên là *"Xứ Vạn tượng"*. Các khu rừng mưa ở Lào như những tấm bọt biển khổng lồ giữ nước sáu tháng mùa mưa để rồi suốt năm rỉ rả chảy dần vào vô số những con suối tạo thành các phụ lưu đổ vào con sông Mekong hùng vĩ chảy dài theo suốt chiều dài nước Lào. Rồi những sắc dân thiểu số sống rải rác trên khắp vùng cao nguyên trong các khu rừng già với trình độ bán khai chưa xa thời đại đồ đá.

Không khác bao nhiêu với những trang sách của Graham Greene, Vientiane vẫn chỉ là một thị trấn nhỏ, với những tàng cây xanh và còn nhiều tiếng chim hót. Nơi mà thời gian gần như ngừng lại. Trên đường xe hơi thưa thớt: mấy chiếc 4CV Renault cũ kỹ của Pháp, vài chiếc xe vận tải Molotova xốc xếch của Nga còn sót lại. Chỉ với bên kia sông thôi là thị trấn Nong Khai của Thái lan với những tòa nhà cao sáng rỡ vào ban đêm thì Vientiane vẫn còn những con đường nhỏ bụi bậm không tráng nhựa với những dãy phố trệt hoặc chỉ là những tòa nhà hai tầng màu gạch xây từ thời Pháp. Không thiếu những người Mỹ tới đây như tìm về một khoảnh khắc của Á châu cổ xưa chưa bị văn minh Tây phương làm ô nhiễm.

Lần thứ hai Cao trở lại Lào cùng với đại diện của 15 tổ chức NGO's bảo vệ môi sinh nhằm quan sát tại chỗ về hậu quả tích lũy của các đập thủy điện trên xứ sở nhỏ bé này trước khi đưa ra khuyến cáo đối với Tổ chức Ngân hàng Thế giới - *World Bank* và nhất là với Ngân hàng Phát triển Á châu - *Asian Development Bank* đang chuẩn bị tài trợ rộng rãi cho 26 dự án đập trên hai con sông Se Kong và Se San - cả hai cùng xuất phát từ cao nguyên Trung phần Việt Nam.

Từ Singapore bằng hãng Hàng không Lụa tới Bangkok, thay vì bay thẳng tới Vientiane, Cao chọn chuyến bay nội địa tới Udon, rồi bằng đường bộ tới Nong Khai. Và cũng là lần đầu tiên Cao vượt qua sông Mekong không phải bằng thuyền phà mà bằng cây cầu Hữu Nghị - *Mittaphap* hai chiều đã được Úc xây nối hai bờ sông Mekong giữa Vientiane và Nong Khai, đánh dấu một giai đoạn hợp tác và phát triển của hai nước Thái Lào.

Ngày khai mạc cây cầu tháng 4 năm 94, thủ tướng Úc vua Thái Bhumibol và thủ tướng Lào đã cùng tới cắt băng khánh thành. Bưu điện Hoàng gia Thái cùng ngày phát hành con tem mới với hình chiếc cầu đầu tiên bắc qua dòng chính sông Mekong trong vùng hạ lưu. Cho dù dự án đã có từ thập niên 50s, nhưng do chiến tranh và sự thù nghịch giữa Thái Lào nên phải hoãn lại cho tới khi cuộc chiến tranh Đông dương kết thúc. Cây cầu dài 1200 mét là điểm nối then chốt của dự án xa lộ Liên quốc từ Singapore tới Bắc kinh. Với một nước cô lập như Lào thì chiếc cầu là bước mở đường sang Thái lan rồi từ Thái ra biển. Với Thái thì đó là con đường trực tiếp để đi vào một nước kém phát triển nhất nhưng lại rất giàu tài nguyên thiên nhiên chưa được khai thác. Còn với Úc thì chiếc cầu là biểu tượng cho uy tín và ảnh hưởng của một nước vùng Nam bán cầu trong vùng Đông Nam Á.

Càng ngày Cao càng ý thức rõ không có vấn đề cục bộ hay biên giới quốc gia trong môi sinh. Đó là vấn đề của toàn vùng hay của cả hành tinh này. Và Cao đã không còn ngạc nhiên khi thấy những người bạn không phải chỉ từ Á châu mà cả từ Bắc Mỹ, Úc và Âu châu tới khu rừng mưa hoang sơ của xứ Lào này để bảo vệ sự thanh khiết của những dòng sông cho tới các giống cá.

Lane Sang Hotel, trên đường Thanon Fa Ngum. Đó là một tòa nhà 4 tầng lầu gồm hơn 100 buồng có gắn máy điều hòa không khí Liên xô và được kể là khách sạn hạng sang so với tiêu chuẩn nước Lào. Bây giờ là tháng Tư mùa khô, bầu trời cao trong xanh, từ bao lơn khách sạn có thể nhìn ra sông Mekong với những chiếc thuyền nhỏ qua lại. Cao quay qua hỏi người bạn Thái:

- Tôi nghe nói khúc sông Mekong này có loại cá Pla Buk dài tới 3 mét nặng tới 650 cân Anh, có thật không?

Chamsak thì rất am tường về hệ sinh thái sông Mekong kể cả những giai thoại dân gian Thái Lào sống hai bên bờ con sông ấy: Chamsak kể:

- Không phải chỉ có cá Pla Buk mà còn có cả cá voi nữa. Hàng năm cứ vào tháng Tư dân làng Chiang Khong bên Thái đều có tổ chức Hội thi

Pla Buk. Đó là một loại *Catfish* khổng lồ, cứ vào mùa này rủ nhau bơi ngược dòng sông Mekong từ mãi phía nam sang tới hồ Đại lý - *Tali* bên Trung quốc để đẻ trứng. Buổi sáng ngày lễ hội dân làng tụ tập hai bên bờ sông đón xem các tay ngư dân thiện nghệ chèo thuyền ra sông thử vận may kiếm cá Pla Buk. Ngư dân Lào thì kể rằng đoàn cá Pla Buk khi ngược dòng sông Mekong đều hội tụ ở vũng sâu Luang Prabang phía bắc Vientiane để bầu chọn xem con nào sẽ tiếp tục lên hồ xa đẻ trứng, con nào sẽ hy sinh làm mồi cho ngư dân Hội Pla Buk. Ngư dân Thái cũng như Lào đều tin rằng Pla Buk là thứ linh ngư, năm nào bắt được Pla Buk mà trên lưng nhiều vết đốm thì năm đó sẽ hên và lưới được thật nhiều cá. Nhưng những năm gần đây ngày hội của dân làng Chiang Khong đã kém vui vì ngư dân ít bắt được cá Pla Buk và lượng cá đánh được hàng năm cũng ít dần đi.

Cao không ngớt ngạc nhiên về con sông Mekong, anh hỏi:

- Lại còn có cả cá voi trong sông sao?

- Có chứ, đó là giống cá voi mõm ngắn *Irrawaddy Dolphin* có tên khoa học là Orchaella brevirostris. Giống cá voi này còn thấy được trên mấy con sông lớn của châu Á như sông Hằng ở Ấn, sông *Irrawaddy* ở Miến hay trong các vịnh Bengal vịnh Thái lan. - Nhưng chính anh đã thấy cá voi trên sông Mekong chưa?

- Chỉ một lần trên bờ sông Se Kong nhưng là một cá voi mới chết bị trôi dạt vào bờ. Anh cũng biết ngư dân không bao giờ lưới bắt cá voi mà tiếng Lào gọi là *Pakaa* hay là *nhân ngư* vì họ tin là giống cá thiêng. Có rất nhiều giai thoại trong dân gian Thái Lào là *Pakaa* luôn luôn giúp ngư dân trong mùa chài lưới, cả cứu người bị chết đuối. Họ tin rằng giống cá voi này gốc từ người nên có vú và âm hộ như đàn bà. Các ông già bà cả thường kể lại rằng thuở rất là xa xưa khi hai nước Tàu và Việt bị động đất rồi thiên tai thật khủng khiếp nên họ bị chết hết cả. Người Tàu tái sinh thành cá voi, người Việt thành loài giang nhạn. Khi trời yên biển lặng rồi thì cá voi gặp chim nhạn hỏi han nhau. Nhạn nói: *"Tôi sinh ra từ kiếp người nên chẳng bao giờ hại người ta cả."* Cá voi cũng nói: *"Tôi cũng vậy, sinh ra từ kiếp người nên chỉ biết có cứu người ta thôi."* Vào mùa mưa mực nước dâng cao, có khi dân làng thấy cá voi từ sông Mekong lội ngược lên con sông Se Kong. Nhưng rồi sau những năm bom đạn chiến tr anh người ta rất ít con thấy cá voi xuất hiện trên sông Mekong nữa.

Chamsak xuống giọng trầm buồn:

- Rồi ra khi con đập Pa Mong mà xây xong thì cũng chẳng còn đoàn di ngư hay ngày hội của dân làng Chiang Khong nữa. Ngày nay ngư dân chuyển qua đánh cá bằng tàu lớn, lại thêm lính Việt lính Miên dùng đủ loại chất nổ điện xuẹt sát hại cá bừa bãi chắc rồi cũng chẳng còn đủ cá ăn chứ

nói chi tới loài linh ngư như cá Pla Buk hay cá voi Pakaa.

Câu chuyện *giang nhạn và cá voi, ngày truyền thống hội cá Pla Buk* như đưa Cao về một quá khứ rất xa của nền văn minh sông Mekong nay đang có nguy cơ bị tiêu vong.

Trong tâm cảnh đó, Cao và người bạn Thái Chamsak rời khách sạn tới quán Nam Phou để gặp Fuji, viên đại diện của ADB. Nam Phou nằm trên đường Thanon Pangkham, là nơi lui tới của khách từ các tòa đại sứ, nhân viên Liên Hiệp quốc, các chuyên gia Úc và các tay doanh thương Thái lan, Nhật, Hồng kông và dĩ nhiên cả bọn nhà báo. Nơi đây thực đơn Pháp là chính nhưng vẫn có thể gọi thức ăn Lào kiểu Hoàng gia hay kêu món *blue cheese hamburger* kiểu Mỹ. Quầy rượu thì đủ thứ, nếu đã quá quen với rượu vang Pháp, khách có thể nếm thử rượu nhập cảng từ Đông Âu, rượu chát *Sophia* rất ngon từ Bulgary. Chủ quán là một phụ nữ Lào lịch lãm kiểu Tây phương. Cô ta ở cái tuổi xấp xỉ 40, vẻ đẹp điềm đạm và phúc hậu, mái tóc đen cuốn cao ngực tròn đầy nhưng vẫn thanh gọn trong chiếc áo lụa ngà mỏng và quấn quanh một chiếc váy bằng vải dệt theo lối y phục cổ truyền của xứ Lào. Nam Phou ngoài thức ăn ngon, khung cảnh thanh lịch và cách phục dịch thì *"impeccable"*. Giá trung bình một bữa ăn cho một người là 9 ngàn kip - 180 tờ giấy bạc 50 đồng có hình đập Nam Ngum, nghĩa là khoảng 1/10 lợi tức hàng năm của người dân Lào.

Fuji người Nhật đầy quyền uy là nhân viên cao cấp ADB - Ngân hàng Phát triển Á châu cũng tới quan sát thực địa để tài trợ cho các kế hoạch Phát triển vùng Lưu vực sông Mekong - *Greater Mekong Subregion.* Hắn không chống lại các khoản tài trợ cho nước Lào nhưng giọng nói thì đầy khinh bạc:

- Các ông biết chứ, Lào là xứ sở cuối cùng của Á châu mà người ta muốn đổ tiền vào, hàng triệu Mỹ kim cũng chỉ để làm lụn bại thêm xứ sở này. Người Úc tới xây cầu, người Nhật đổ vào những đoàn xe bus, Thái lan thì lập những đội phá rừng mở đường cho những Công ty Liên quốc - *Consortium* giành giật những con sông xây đập thủy điện. Cuộc sống người dân Lào có khá hơn gì không thì chúng ta không cần biết miễn sao thấy lương tâm yên ổn..

Vẫn giữ bình tĩnh nhưng Cao giọng nghiêm khắc:

- Không phải cuộc sống người dân Lào có khá gì hơn không mà ông phải hỏi là họ sẽ cơ cực ra sao khi họ mất hết nhà cửa, sinh cảnh sông ngòi bị phá hủy bởi hàng chuỗi những con đập do ngân hàng các ông tung tiền vào rồi thật giản dị bảo các nhà thầu "Làm đi".

Fuji rơi vào thế tự vệ và bào chữa:

- ADB thì đã tài trợ và Hội đồng sông Mekong đóng vai điều hợp cuộc nghiên cứu của Tổ hợp Tham vấn về những ảnh hưởng tích lũy của các con đập trên hệ sinh thái và xã hội vùng lưu vực hai con sông Se Kong và Se San. Tổ hợp này có sự tham gia rộng rãi của UK Engineering Firm của Anh, Electric Power Development Co. International của Nhật và MK Centennial của Mỹ - họ đang đi vào cuộc khảo sát chi tiết để chứng minh *"sự bền vững hài hòa - sustainability, khi xử dụng nguồn tài nguyên tái sinh - renewable resourse, để sản xuất năng lượng mà vẫn không gây hậu quả ô nhiễm trên toàn thể hay riêng trong vùng."*

Đến lượt tiến sĩ Chamsak giọng gay gắt:

- Chắc ông Fuji phải thừa biết ngay từ đầu kết luận cuộc nghiên cứu kéo dài 20 tháng của Tổ hợp Tham vấn ấy sẽ ra sao chứ? Dựa theo kinh nghiệm quá khứ của nước Thái lan chúng tôi với hơn 30 con đập đã hoàn tất, người ta có thể tiên đoán mà không sợ sai lầm là Nhóm Khảo sát sẽ đi tới kết luận rằng hậu quả xã hội và môi sinh của tất cả những con đập trên lưu vực hai con sông Se Kong Se San *"sẽ không có gì là nghiêm trọng, có thể chấp nhận được và có thể giảm thiểu"* hoặc *"kế hoạch ấy là có giá trị bền vững hài hòa và có thể chấp nhận được về phương diện môi sinh - sustainable and environmentally acceptable."* Thiếu vô tư và thiên vị như vậy sẽ chỉ đưa tới thảm họa cho những người dân sống trong vùng.

Fuji quay sang hỏi ngược lại như một thách đố:

- Trước khi đầu tư hàng trăm triệu đô la vào xứ sở nghèo nàn đầy bất trắc này , ADB đã chi thêm hàng triệu đô la khác chỉ để làm yên lòng các nhà tranh đấu môi sinh như các ông, vậy các tổ chức NGO's các ông còn đòi hỏi gì ở chúng tôi nữa chứ!

Không chút nhân nhượng, Cao đáp Lại: - Có chứ! Thay vì các ông cứ đẩy tới tiến trình xây thêm đập, thì trước hết hãy tập trung nỗ lực hoàn tất một cuộc lượng giá *"trung thực và công khai hóa"*có nghĩa là trong mọi trường hợp, chính người dân sống hai bên bờ những con sông ấy sẽ *có tiếng nói cuối cùng* rằng phát triển nào là hài hòa, dạng năng lượng nào là sạch, chứ không phải mọi quyết định là từ ADB...

Hai người rời quán Nam Phou vào trước nửa đêm. Fuji thì vẫn còn ở lại và uống rượu như hũ chìm. Bên ngoài trời mát dịu với những cơn gió nhẹ từ sông Mekong thổi vào, trên bầu trời là vầng trăng tròn tỏ, đêm nay là đêm trăng rằm. Nơi xứ Phật thì là ngày đi chùa ăn chay và tụng niệm. Sinh hoạt quen thuộc của mỗi buổi mai trên đất Chùa Vàng Xứ Phật là hình ảnh các vị sư áo vàng đi khất thực, dân chúng đứng hai bên đường cúi lạy và cung kính dâng xôi. Đấy cũng là cảnh cũ nơi ngôi làng Na Bon năm

xưa nay đã chìm sâu dưới đáy hồ Nam Ngum. Có điều mà dân làng Na Bon đã không hề biết là số phận của họ đã được người bên ngoài quyết định cách đây từ hơn 40 năm trước và họ cũng chưa bao giờ được hỏi ý kiến. Và rồi đây liệu còn biết bao nhiêu ngôi làng như Na Bon trên cao nguyên Na Kay sẽ cùng chung một số phận do quyết định của những con người phũ phàng không tình cảm và xa lạ như Fuji.

Tiến sĩ Chamsak giáo sư kinh tế Đại học Bangkok được biết đến như một nhà hoạt động môi sinh cấp tiến. Theo ông qua kinh nghiệm Thái lan, thì khác xa với những hứa hẹn khi xây đập lập các khu kỹ nghệ là để đem lại thịnh vượng cho nhân dân nhưng thực ra chỉ đem lại giàu có cho một thiểu số chủ hãng bóc lột với cái giá phải trả là sự tàn phá rộng lớn trên môi sinh. Ông đưa ra nhận xét tiếp:

- Như ông cũng đã thấy ở Thái lan, phồn thịnh kinh tế chỉ là ảo tưởng. Nó che dấu tình cảnh bất lợi của đa số người dân. Nếu cứ khăng khăng cho rằng phát triển đất nước theo phương cách ấy là thật sự thành công: nhưng mà là thành công cho ai? Đúng là cho thiểu số các nhà kỹ nghệ doanh nghiệp nhưng cho đa số dân chúng thì dứt khoát là không.

Đập Nam Ngum trên tờ giấy bạc 50 kip. Như một trớ trêu của lịch sử, khi tòa đại sứ vĩ đại của Liên xô vừa mới xây xong ở Vientiane, cũng là năm Lào phải chứng kiến sự xụp đổ của khối Đông Âu và Liên xô. Không còn chọn lựa nào khác, một lần nữa các lãnh tụ cộng sản Lào lại theo chân đàn anh Việt nam, cũng bắt đầu áp dụng một chánh sách mở cửa nhưng họ tránh không muốn gọi là Đổi Mới - *Glasnost* mà được biết đến qua tiếng Lào là - *Chin Thanakaan mai,* có nghĩa là *Ý Mới, Tư duy Mới:* bãi bỏ hàng rào mậu dịch, chuyển qua kinh tế thị trường và cho nông dân quyền tư hữu đất đai. Bức màn tre đã rơi xuống và dấu Búa Liềm đã được kín đáo xóa đi trên bảng quốc huy của Lào. Từ ngày có *"Tư Duy Mới"* Nam Ngum trở thành một tụ điểm du lịch. Là đập thủy điện lớn đầu tiên trên đất Lào cách Vientiane 90 cây số về hướng Bắc. Cao chọn quốc lộ 13 thay vì 10 để có thể qua thăm làng Lai nơi nổi tiếng về thủ công nghệ và đồ xứ. Anh cũng kịp tới phiên họp chợ sớm của các sắc dân miền núi ở thị trấn Phon Hong, chợ sớm vì họp từ sáng tinh mơ và chợ tan lúc 9 giờ sáng.

Hồ chứa đập Nam Ngum lớn hơn một phần ba diện tích đảo Singapore, là một cảnh tượng vô cùng ngoạn mục đối với du khách: nước thì trong xanh, với thấp thoáng chấm phá hàng trăm những cồn và đảo nhỏ nơi cư trú của những loài chim và rắn nước; và chân trời xa là cảnh sắc núi non như bức tranh thủy mạc không phân biệt được đâu là cuối bãi cuối bờ. Thật khó mà tin rằng đang có cả một khu rừng ở dưới đó với nguyên vẹn

những cây gỗ trắc quý đã không được khai thác trước khi ngập nước và cả một ngôi làng Na Bon với hơn 600 nóc gia đã bị dìm sâu. Dân làng Na Bon thì thất tán đi tứ phương bắt đầu cuộc sống vô định và không được phần trợ giúp nào. Mất làng mất ruộng lại chưa quen canh tác trên rẻo cao, họ chỉ biết phá rừng bừa bãi để có đất làm rẫy. Hậu quả là những triền núi trọc bị nước mưa sói mòn hết lớp đất màu mỡ chỉ còn trơ lại những lớp đá. Đất liên tục trút xuống hồ mau chóng làm cạn con đập. Giống như số phận những con đập ở Thái lan, đập Nam Ngum đã có triệu chứng bị thiếu nước và tr ở thành vô dụng trong một tương lai không xa.

Cảnh người đã vậy, số phận thú rừng cũng chẳng hơn gì. Nếu không bị chết chìm ngay thì cũng bị tù hãm trên những cồn nhỏ giữa hồ, nếu chưa bị chết đói thì cũng bị săn giết như những con thịt. Cá cũng không sống được khi mà lá cây rừng bắt đầu bị thối rữa, nước mất hết dưỡng khí và trở nên nặng mùi, đến cả ánh sáng mặt trời cũng không thể chiếu qua. Nhưng khối nước tù hãm ấy lại chính là thiên đàng cho những ổ muỗi lan truyền bệnh sốt rét sốt xuất huyết và của loài sên gây bệnh sán gan.

Cao được biết thêm là ngay dưới mặt nước trong xanh kia vẫn còn nguyên những ngọn cây không chỉ thường làm rách lưới của những ngư dân nhưng còn khiến việc di chuyển trên mặt hồ cũng trở thành bất trắc. Các tàu ngoạn cảnh chỉ chạy theo một thủy trình, đi qua những đàn sếu như đứng bất động trên bờ hay thỉnh thoảng gây động làm hoảng sợ những đàn diệc cất cánh tung bay kêu lên quàng quạc.

Cao chọn ở qua đêm trên một khách sạn nổi và anh đã xử dụng tối đa *insecte repellent* xoa khắp các vùng hở của cơ thể để chống muỗi - thứ muỗi *anopheles* truyền bệnh sốt rét ác tính.

Nam Ngum được xây dựng trong những năm giông bão của chiến tranh, lúc ấy chẳng ai còn bụng dạ nào mà nghĩ tới ngôi làng nào hay khu rừng nào sẽ bị phá hủy. Con đập được hoạch định rất sớm bởi ECAFE - *Economic Commission for Asia and Far East* của Liên Hiệp quốc từ 1957. Các cố vấn Ủy ban sông Mekong, Ngân hàng Thế giới và nhóm chuyên viên xây đập, họ chỉ quan tâm tới kỹ thuật và những con số trong khi chánh phủ Vientiane chụp ngay cơ hội để thu về ngoại tệ cho điều mà họ gọi là *"canh tân nước Lào"*. Và rồi con đập cũng được hoàn tất bằng tiền của Ngân hàng Thế giới và nhiều nước khác. Cũng khoảng thời gian đó, để hỗ trợ cho cuộc chiến tranh Việt nam đang bước vào giai đoạn cao điểm, Hoa kỳ ào ạt đổ tiền vào Isan xây dựng cầu cống xa lộ và cả 4 sân bay đồng thời giúp chánh phủ Thái cải thiện đời sông nông thôn bằng kế hoạch dẫn thủy, phát triển những khu trồng trọt kỹ nghệ và điện khí hóa. Mỹ cũng đổ thêm tiền vào giúp Lào hoàn tất xây đập Nam Ngum. Kết quả rất sớm là một

đường cáp dẫn 30 ngàn Kilowatt từ Nam Ngum đã tới được Udon một tỉnh Đông bắc Thái đang là căn cứ không quân chiến lược Mỹ thời bấy giờ. Năm 71, Nam Ngum hoàn tất giai đoạn một và đó là một ngày lịch sử khi hai vua Lào Thái đã gặp nhau trên một con phà lộng lẫy hoa đèn giữa dòng chính sông Mekong cùng bấm một nút nhấn để cùng một lúc điện và đôla chảy ngược chiều về hai quốc gia với những khuôn mặt quan trên rạng rỡ. Nam Ngum không những đem lại nguồn ngoại tệ đáng kể cho Lào mà còn cung cấp điện cho vùng Trung Lào.

Lợi lộc đem về thì như thế nhưng còn cuộc sống của những dân làng Na Bon ra sao là điều rất ít được ai quan tâm tới nhưng đó lại chính là mối ưu tư của Cao. Bữa ăn chiều cũng trên khách sạn nổi trên hồ Nam Ngum ấy, Cao được giới thiệu cho gặp Cham Thao, con chim lạc đàn của ngôi làng Na Bon ấy.

"Từ bao đời rồi chúng tôi quen sống và chết trên mảnh đất nơi chúng tôi sinh ra. Đang sống dưới một thung lũng phì nhiêu bên bờ con sông Nam Sane, chúng tôi đang có tất cả: đất đai và lúa gạo, sông ngòi và tôm cá, với chùa chiền và trường học, chúng tôi đang có một cuộc sống thanh bình và hạnh phúc, chúng tôi đâu cần có con đập chúng tôi không muốn phải rời đi đâu cả! Làm sao mà chúng tôi quên được cảnh thanh bình nơi ngôi làng Na Bon ấy: trẻ con thì bơi lội trên sông, phụ nữ trên bờ ngồi giặt rũ, đàn ông nếu không bận cầy cấy với các thửa ruộng xanh thì xuống những chiếc thuyền nhỏ đi lưới những thúng cá tươi đem về. Ngay cả những năm chiến tranh giữa quân Hoàng gia và Pathet Lào, cả với quân cộng sản Bắc Việt, cuộc sống có khổ hơn nhưng chưa bao giờ dân làng Na Bon có ý nghĩ sẽ bỏ làng mà đi. Thế rồi một buổi sáng, tôi còn nhớ rất rõ, có toán kỹ sư Nhật và một tiểu đội lính Hoàng gia tới bảo chúng tôi phải dọn đi vì con đập sắp xây xong và hồ nước sẽ phủ ngập cả ngôi làng. Chúng tô i thì vẫn không tin vì nghe nói đập xây cách xa làng tới cả trăm cây số. Lại thêm ban đêm những người du kích cộng sản Pathet Lào trở về trấn an chúng tôi rằng họ sẽ bảo vệ ngôi làng, rằng chuyện ấy chẳng thể nào xảy ra và họ sẽ cho đặc công đặt mìn phá vỡ con đập... Nhưng rồi thật là bất ngờ chỉ mấy tháng sau con nước từ xa đổ về dâng ngập hết cả nhà cửa và ruộng vườn, dân làng chỉ còn kịp chạy thoát lên núi với tay trắng. Hai mươi lăm năm qua rồi, cuộc sống của chúng tôi cũng như bao nhiêu gia đình khác vẫn thật nghèo và chật vật. Chúng tôi nghe nói có kế hoạch bồi thường nhưng khi hỏi thì được trả lời là nhà nước không có tiền và chỉ hứa cho chúng tôi dùng điện nhưng do không có đường dẫn nên cho đến nay chúng tôi vẫn chỉ có những ngọn đèn dầu... Đấy ông xem, người ta nói cho chúng tôi nghe bao nhiêu điều lợi

lộc khi xây đập thủy điện nhưng với dân làng Na Bon chỉ thấy toàn sự bất hạnh!"

Wendy Chamberlin, đại sứ Mỹ hiện nay, từng là đoàn viên Đoàn Chí nguyện Quốc tế IVS vào những năm 70, nói thông thạo tiếng Lào, đã nhận định: "Sau bao năm tự giam hãm sau bức màn tre, nhìn sang các nước láng giềng phát triển thịnh vượng, họ cũng muốn trở thành một thành viên trong đó." Họ đây là những nhà lãnh đạo cộng sản Lào già nua chỉ mong sao Lào thoát ra khỏi danh sách 25 nước nghèo nhất thế giới. Đổi Mới, Tư Duy Mới - Chin Thanakhaan Mai, hay gì đi nữa chỉ thì vẫn chỉ là độc quyền của Bộ Chánh trị đảng cộng sản Lào. Cũng ý tưởng mới ấy nếu phát xuất từ người trí thức Lào thì bị kết án ngay là phản động. Đó cũng là tình cảnh của ba người Lào bị kết án đang bị đầy ải giam cầm trong điều kiện hết sức ngặt nghèo và có thể chết trong tù.

Chỉ với khoảng cách một thập niên, lần thứ hai trở lại thăm Lào, Vientiane đang có dấu hiệu trỗi dậy sau một giấc ngủ dài. Như một con tằm vừa thoát ra khỏi chiếc kén, đất nước Lào mà biểu trưng là Vientiane đang có những chỉ dấu của môât xã hội tiêu thụ với những bảng hiệu quảng cáo *"Xuất Nhập cảng"* bằng tiếng Anh treo khắp nơi, bắt đầu tràn ngập các hàng nhập từ Thái lan Nhật và Trung quốc. Thanh niên thiếu nữ Lào bây giờ thì biết là họ muốn gì: thích phóng xe gắn máy Nhật, thích quần Jean Levi từ Mỹ và nhạc Rock từ Thái lan; ban đêm họ rủ nhau ra bờ sông Mekong dạo mát uống cà phê uống bia và yêu đương. Thay cho mấy chiếc 4CV Renault cũ rỉ, xe hơi mới kể cả Mercedes bắt đầu xuất hiện trên những đường phố chật hẹp. Phi trường đang được mở rộng với đường bay mới. Chánh phủ Lào luôn luôn được các chuyên gia ngoại quốc nhắc nhở rằng tài nguyên của họ rất phong phú và chưa được khai thác: vàng đá quý than sắt và nhất là thủy điện - chỉ mới khai thác 1% của 18 ngàn megawatt và các nhà lãnh đạo cộng sản Lào đang ôm mộng biến Lào trở thành xứ *"Kuwait về thủy điện"*. Thái lan vẫn là khách tiêu thụ điện chính của Lào và Ngoại trưởng Thái đang viếng thăm Lào đã rục rã: *"Các dự án thủy điện của Lào cũng như nàng công chúa còn im ngủ, phải chờ có vị hoàng tử - phải hiểu là Thái lan, tới đánh thức nàng dậy."* Và bây giờ không phải chỉ một mà có quá nhiều *"ông hoàng thô bạo"* là các *consortium liên quốc* đang đổ xô vào Lào để chiếm hữu những con sông đang vui xôn xao và rồi bắt phải câm nín.

NGÔ THẾ VINH
Catalina 01/98



NGUYỄN MẠNH TRINH

thơ cho j.

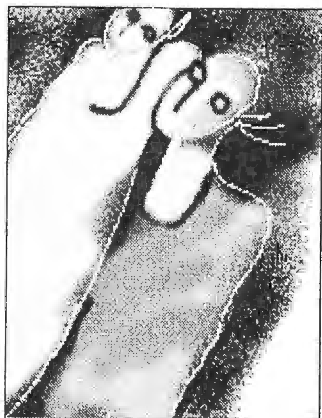
em bi tròn, anh bi vuông
em tươi thắm, anh tầm thường, nhớ nhau
cành xanh, có chú chim sâu
cứ trêu chọc ngó tình sầu em anh
chúng mình nằm giữa lá xanh
da thịt lạ vẫn xoay quanh, chạy vòng
anh bi vuông. em bi tròn
lăn điên đảo. lăn mỏi mòn. chơi vơi
tay cầm tay, giọt mưa phai
trong đáy mắt đọng mấy lời vu vơ
đất trời. trời đất. mơ hồ
sôi mây lạc chốn tình cờ, gọi ai.
anh gà trống. em thơ ngây
trang sách giở mấy tháng ngày mù xa
ngồi cuối lớp, đợi em qua
đâu biết được lúc chiều tà ngút sương
em cười nụ, em dễ thương
khuya biếc thắm ngát mùi hương, ngậm ngùi
anh thầm thì. anh ngược xuôi
đầy trang giấy, một tên người, chữ j.
đường kỷ niệm vẫn đi về
mấy sông mấy núi cơn mê, một đời

NGUYỄN MẠNH TRINH



NGÔ THỊ KIM CÚC

TIỀM SINH



Tiếng người nữ tiếp viên trong máy kéo tôi ra khỏi cơn mơ màng. "Phi cơ đáp xuống phi trường Đà Nẵng. Xin quý khách cài lại giây an toàn". Trí óc đang chập chờn nửa tỉnh nửa mê bỗng trở nên sáng suốt. Tôi nhoài mình nhìn xuống. Ngũ Hành Sơn hiện ra bên dưới, cô tịch trong làn nước xanh. Trời nhiều mây. Máy bay lượn vài vòng. Những căn nhà chi chít lớn dần, lớn dần qua cửa kính. Tim tôi thắt lại. Không làm sao diễn tả hết nỗi xúc cảm lạ lùng trong tôi. Dù sao thì tôi cũng mới mười chín tuổi và đây là lần đầu tiên tôi xa gia đình lâu đến thế. Hơn một năm. Hẳn là bao nhiêu thay đổi.

Tiếng động cơ nhỏ dần rồi tắt hẳn. Hành khách nối nhau bước xuống. Tôi ngồi yên trên ghế, cốt để lòng bình tĩnh lại trước khi đặt chân xuống vùng đất thân yêu. Tôi bước ra sau cùng. Viên phi công mỉm cười, gật đầu chào. Một làn gió ùa tới, thổi tung hai vạt áo dài bay phất phới như reo vui. Ôi, thành phố dấu yêu đây rồi.

Những bạn đồng hành của tôi có vẻ hăng hái quá. Họ mang đủ loại giỏ xách cồng kềnh và đã vượt qua cánh cổng dẫn vào phòng đợi. Hình như gió chẳng lạnh chút nào đối với họ. Mọi người hối hả lên xe ca. Tôi vẫn là kẻ sau cùng. Người bạn trai quen trên phi cơ nhường một phần ghế. Xe chuyển bánh. Khu vực phi trường lùi lại. Con đường dẫn vào thành phố ngắn dần. Hai mắt tôi mở to như muốn nuốt trửng hết cả cảnh vật. Nhưng một nỗi thất vọng se thắt xâm chiếm hồn tôi. Đây là thành phố của tôi sao? Là thành phố bậc nhì của Việt Nam sao? Có phải thành phố mà suốt một năm qua tôi vẫn nghĩ là đẹp nhất thế giới không? Sao có vẻ bơ phờ xơ xác

thế này? Sao có vẻ điêu tàn bất ổn thế này?

Những dãy nhà thấp lè tè nối đuôi nhau chạy qua trước mắt. Đường hẹp, chỉ vừa đủ cho hai xe tránh nhau. Những người đi trên đường nép vào một bên, nhìn theo xe ca. Hẳn họ đoán được chúng tôi là những kẻ về quê ăn tết. Hai mươi bốn tháng chạp rồi còn gì.

Hai bên đường, không một bóng cây. Dù gió lạnh, nắng vẫn có vẻ chói chang. Bụi mù thốc lên về phía sau xe.

Bên tay mặt, dòng sông Hàn nước vẫn xanh và đẹp. Xe qua đường bờ sông. Ngày xưa, đây là con đường đẹp nhất của thành phố. Bóng mát những hàng cây là nơi dạo chơi lý thú vào mỗi buổi chiều.

Gió từ mặt sông thổi lên, mọi người xuýt xoa vì lạnh. Người bạn trai hỏi tôi:

- Chị có cảm thấy chi không?

- Vui, nhưng buồn buồn.

- Có vẻ bị tàn phá quá phải không chị? Tàn phá kỹ quá.

- Chiến tranh mà anh. Với lại, đây là vùng địa đầu.

Im lặng. Chúng tôi cùng đưa mắt nhìn xuống đường. Người bạn thêm:

- Tệ hơn năm ngoái nhiều quá. Càng ngày càng tệ. Tệ hơn mình nghĩ nhiều.

Tệ hơn mình nghĩ nhiều. Thật vậy, mười tám năm tôi đã thở, ăn, ngủ, học một cách bình thường trong thành phố. Trong tôi, thành phố vẫn còn nguyên vẻ đẹp ngày xưa, dù cho cây càng ngày càng khô, đường càng ngày càng lở, Mỹ càng ngày càng nhiều. Vậy mà chỉ cần một băm xa cách, cái nhìn của tôi bỗng trở nên khách quan, một cách đáng chua xót. Nhưng dù sao đi nữa thì chính lòng người mới đáng kể.

- Chị có tính đi đâu không?

- Nhiều lắm. Tôi định đi tất cả các bãi biển, tất cả những ngọn núi, những cánh rừng thuộc thành phố chúng ta. Thanh Bình, Nam Ô, Mỹ Khê, Nam Thọ, Non Nước, Sơn Chà, Túy Loan, Phước Tường, Hòa Minh, Mỹ Thị...

Tôi tuôn ra một hơi, quên cả một vài địa danh nay chỉ còn nghe mà không được đến nữa, đã trở thành đất cấm. Người bạn, có vẻ chín chắn, hẳn có nhiều kinh nghiệm hơn tôi, cười cười:

- Để rồi coi thử chị đi được bao nhiêu chỗ.

Ga hàng không như thu nhỏ hẳn lại. Một dãy xích lô chờ sẵn bên đường. Phương tiện di chuyển duy nhất trong thành phố là xích lô đạp. Lác đác dăm chiếc xe jeep nhà binh, vài chiếc xe gắn máy với những gương mặt đầy vẻ nôn nao. Trong vòng rào của một trại lính bên kia đường, vài người lính đứng trông sang bên này.

Tôi vừa đặt chân xuống đường, một bác xích lô đã chạy tới:

- Cô đi xe, cô?

- Dạ, chú chờ cháu lãnh hành lý đã.

Người phu xe chạy vội lại rũ chiếc nệm ngồi. Tôi bước đi, thanh thản giữa đám đông. Không có ai đi đón cả. Tôi muốn về một cách bất ngờ mà. Quanh tôi là một không khí tin cẩn và thân thiện. Chiếc xe vận tải lớn chở hành lý từ phi trường về tới. Hành khách chen nhau vào kho. Những kiện hàng, va li được đẩy từng thứ một từ sàn xe xuống nền kho nhờ hai tấm gỗ. Phương tiện thật đơn sơ. Những cành anh đào cũng chịu chung số phận. Đó là hành lý của chuyến bay Đà Lạt. Mùi hôi của những bắp su mủm nát xông lên. Tôi nhận ra chiếc va li của mình trong đống hành lý hỗn độn kia. Trình thẻ cho nhân viên kiểm soát, tôi thấy ông chỉ liếc sơ qua rồi để mặc tôi xách lấy. Một người phu xe chạy đến đỡ chiếc va li trên tay tôi:

- Xe đây cô. Đi ngả ni nì.

Tôi theo sau, không để ý rằng bác không phải là người lúc nãy. Ra đến cửa, người phu xe lúc nãy trông thấy, cằn nhằn:

- Vừa vừa thôi chứ anh. Khi sáng tới chừ tôi chờ ở đây chưa được chuyến mô. Có khách thì anh giành mất.

Người phu xe già làm như không nghe thấy, vẫn lầm lũi bước. Đầu tóc hoa râm của ông cúi xuống, có lẽ không phải vì sức nặng của chiếc va li. Người phu xe trẻ nhìn bằng đuôi mắt rồi bỏ đi, lưng chiếc áo ấm nhà binh cũ đã bạc màu phồng lên vì gió.

Một chị bạn học năm đệ nhất của tôi ôm mấy cành đào nhìn ngược nhìn xuôi, trông thấy tôi reo lên:

- Mới về hả? Sài Gòn? Vui không?

Rồi chẳng đợi câu trả lời, chị bươn bả đi về hướng một chiếc xe hơi đang đợi sẵn. Ai cũng nôn nóng muốn về nhà ngay.

Tôi leo lên, nói tên đường cho bác phu xe. Đó là con đường dài nhất dẫn đến nhà tôi, con đường tôi đã đi lại suốt bảy năm trung học. Mười một giờ. Đường còn vắng tanh. Giờ bãi học thường lệ mười hai giờ.

Ngang qua ngôi trường cũ, trông thấy những dãy lầu bé nhỏ thân yêu, tôi chỉ muốn chạy ngay vào để thăm lại các thầy. Một đám học sinh đứng trước cổng trường, nhìn tôi với vẻ tò mò lẫn thích thú.

Đường quá tệ, nhiều đoạn thiếu cả lề để phân biệt lối cho xe và người đi bộ. Dù bác phu xe cố tránh, tôi cũng thót cả ruột gan vì bị dằn xóc.

- Đường xấu ghê bác hỉ?

- Nói chi nữa, cô. Tụi Mỹ mà. Tụi hắn chạy xe có kể chi. Lở đường lở sá hết. Quẹo ngả kia, cô hỉ.

Tôi gật đầu cho bác rẽ trái. Đây là đường dẫn tới trường tiểu học cũ

của tôi. Những hàng phượng đã bị đốn ngã khiến tôi thấy là lạ. Hình như nhà thầu chỉ chờ cơ hội là đốn hết tất cả cây của thành phố. Ngày xưa, đi học ít khi tôi đội nón. Vì nhác cũng có mà vì ỷ lại vào những bóng mát cũng có. Bây giờ? Tôi thở dài. Không biết những người có trách nhiệm với thành phố nghĩ sao về vấn đề này.

Xe chạy ngang qua khu chợ sầm uất nhất. Dù quang cảnh rộn rịp vẫn không giấu được một vẻ gượng gạo rất khó tả. Bạn hàng họp chợ choán cả một phần đường. Dân thành phố ngày càng gia tăng. Dù bị mệnh danh là *thành phố chiến tranh*, hầu như dân các tỉnh lân cận đều đưa nhau đổ dồn về Đà Nẵng. Để lánh nạn chiến tranh!

Một anh bạn trong đoàn văn nghệ học sinh đi trên lề, trông thấy tôi, kêu lên. Tôi không nghe rõ, định ngoái đầu dòm lại thì đã vội thụt ngay vào vì một chiếc honda phóng ngang qua. Xe cộ đông nghẹt, chen chúc nhau.

Người cảnh sát loay hoay trên cái bục giữa ngã tư trông thật vất vả. Chẳng rõ bao giờ mới có một hệ thống đèn lưu thông.

- Chợ tết năm ni có vẻ buồn bác hỉ?

- Chớ tui hỏi cô, tiền mô mà mua sắm nữa. Làm ho ra máu cũng không theo kịp. Vật giá đắt đỏ, gạo mắm leo thang. Tui đạp xe từ năm giờ sáng tới tối mịt, giành giật từng người khách mới được vài trăm bạc. Riết rồi không ai đi xe nữa. Họ đi bộ. Thắt lưng buộc bụng, khắc khổ cô ơi.

Tôi cười, xót xa. Chiến tranh khiến dân chúng trưởng thành. Bác phu xe đã nói một cách tự nhiên và sành sõi những danh từ lớn lẽ ra dành cho các chính trị gia, kinh tế gia.

Tôi nhìn hai bên đường. Ngõ vào nhà sao lạ hoắc thế này. Những dãy nhà lầu mới mọc lên, vênh váo. Tôi trả tiền, chào bác xe. Chiếc va li khiến tôi không thể bước nhanh. Còn có mấy thước mà sao nôn nóng quá sức, chỉ muốn bay ngay vào nhà.

Chị Duyên đang rửa ly tách trước hiên trông thấy tôi trước nhất. Chị phóng ra cổng, giằng lấy chiếc va li trên tay tôi, chạy vào, kêu lớn:

- Thu về, Thu về, mấy đứa ơi...

Hai em tôi chạy ra. Chao ơi, sao chúng thay đổi nhiều thế. Bé Tâm năm ngoái tóc cũn cỡn như con trai giờ đã phủ ngang vai, cặp mắt to lém lỉnh chớp lia chớp lịa. Vũ, vậu em út thì đứng cắn móng tay, nhìn tôi, cười cười. Tôi nhảy một bước dài từ cửa, bế thốc Vũ lên rồi ôm lấy Tâm, siết mạnh. Cả bốn chị em cùng ré lên cười.

Chị Duyên soạn các món đồ ra, sắp lên đi-văng. Thỉnh thoảng chị ngước nhìn tôi, hai mắt long lanh. Có lẽ chị cũng như tôi, mừng đến nghẹn ngào. Tôi chạnh nghĩ, mai kia lỡ hai đứa có chồng xa nhau, làm sao chúng tôi chịu nổi.

- Răng hôm qua Thu không về đưa ông Táo cho vui?

- Em mua vé không được, phải nhờ mấy người bạn. Chen không nổi nơi.

Tôi cởi giày, đi lung tung từ nhà trên xuống nhà dưới, từ buồng trong ra buồng ngoài.

- Cha chưa về hả chị Duyên? Mẹ cũng chưa nghỉ bán hả?

- Gần mười hai giờ, cha cũng sắp về rồi đó. Mẹ thì chỉ còn bữa ni là nghỉ luôn.

Cha tôi đi làm ở sở chẳng nói làm gì, mẹ tôi cho đến hôm nay vẫn còn phải bon chen, vậy mà gia đình cũng chỉ vừa đủ sống.

Căn nhà thân yêu của tôi vẫn không có gì thay đổi. Vẫn bé nhỏ, ấm cúng và quen thuộc. Phía sau nhà, những cây sầu đông, cây ổi khô cằn đã bị chặt từ bao giờ.

- Cha về! Cha ơi, chị Thu về nì. Chị Thu ơi, chị Thu...

Tâm vừa gọi vừa chạy xuống. Tôi đi lên. Cha tôi dựng xe, gỡ kính, nhìn tôi:

- Con về chuyến bảy giờ hả? Thay đồ đi con. Rồi nghỉ một chút đi xuống hàng cho mẹ mừng.

Giọng cha hiền từ. Vầng trán cha hình như nhăn thêm và mái tóc bạc thêm. Ôi, đến bao giờ cha mới được nghỉ ngơi.

Tôi thay chiếc áo dài đã nhàu, mặc áo cụt của chị Duyên. Hai đứa đi xuống chợ. Buổi trưa, gian hàng vắng khách. Mẹ tôi trầm ngâm. Tôi đi vào. Hình như mẹ tôi giật mình. Bà đứng lên:

- Chao ơi, Thu đó hả con? Răng không đánh điện cho chị đi đón?

Tôi ngồi xuống bên mẹ. Mẹ đặt tay lên vai tôi, vuốt tóc, vuốt lưng, nhìn tôi từ đầu đến chân.

- Tóc con dài quá. Con xanh hơn năm ngoái, ốm nữa.

Tôi cúi đầu, mân mê bàn tay gầy của mẹ, kể cho mẹ nghe về chuyến hải trình vừa rồi. Đôi mắt mẹ không rời tôi và tôi cảm thấy mình đang nghe thay vì nói. Trong đôi mắt mẹ, hình như những câu hỏi thành hình. Mẹ hỏi tôi đã sống thế nào, đã ăn ngủ thế nào trong cả một năm trời xa mẹ. Và trong bàn tay mẹ, tôi cảm thấy đời đời mình vẫn chỉ là một con bé yếu đuối.

Trong nhà tôi, việc đón tết coi như đã sẵn sàng. Những đồ thờ bằng đồng đã được đánh bóng, sáng rỡ. Màn cửa đã được thay mới. Những tủ chén dĩa ly tách được đem ra rửa lại. Mẹ tôi đã nghỉ bán và chị Duyên đã nghỉ sở dành hết thì giờ vào việc sửa soạn tết.

Mẹ mua những thứ trái cây để làm mứt chất đầy nhà. Cả ngày mẹ và chị Duyên bận tíu tít với những con dao và cái lò rim mứt. Mẹ chỉ thêm cho chị Duyên vài kiểu mứt mới, và tôi chỉ là kẻ dự thính trong những buổi đó.

Nhìn chị Duyên gọt tỉa công phu những củ cà rốt, củ cải, tôi có cảm tưởng lọ dưa chua của chị hẳn phải ngon gấp mười lần những thứ dưa thường. Mà thật thế, chỉ nhìn những chiếc thẩu trong những ngăn tủ kính đủ thấy một công trình không phải nhỏ. Những trái kim quất mọng nước đường, vàng óng ả, những múi mứt mãng cầu trắng đục trong lớp giấy gương. Thẩu mứt chùm ruột với những trái bé xíu màu đỏ thẫm. Rồi mứt cà chua, mứt khế, mứt hồng, mứt dừa, mứt bí, mứt gừng, mứt hạt sen... cứ loạn cả lên. Đã hết đâu. lại còn bánh khô, bánh tổ, bánh nổ... hạt dưa, hạt bí đầy các ngăn khiến hai em tôi cứ luôn miệng trông mau tết. Tôi giành làm mứt me dầm. Đó là món ruột của mấy đứa tôi.

Mấy năm nay, cha tôi không còn bỏ công chăm sóc những chậu cúc, vạn thọ, thược dược vào dịp tết nữa. Hình như ông đã cảm thấy mỏi mệt với công việc ở sở làm. Cành mai nho nhỏ đã được cha tôi cắt tỉa cho vừa mắt. Không đẹp nhưng có còn hơn không. Cha tôi bảo thế. Làm gì có mai đẹp. Mai chỉ có ở vùng quê. Mà quê thì chạy hết ra thành phố. Tết đến, về quơ quào vài cành, những cành cây mai đã được cây tự nuôi lấy không có bàn tay của chủ vườn thì đẹp thế nào được.

- Chiều hăm tám. Tôi đòi chị Duyên dẫn đi dạp phố mà tôi nói là "em quên hết rồi, không có chị thì đi lạc đường". Tôi giả vờ thế chứ chỉ có mấy con đường, nhắm mắt tôi còn đi được nữa là.

- Với lại cả năm ni hai đứa mình chưa đi với nhau lần mô cả.

Lẽ ra tôi không cần nói thế, vì chị Duyên sẵn lòng chìu tôi. Chị nhắc tôi khoác thêm măng tô. Từ hôm về, tôi chẳng dám đi đâu. Trời lạnh quá.

Đường phố khá tấp nập. Dù chiến tranh giày xéo, dù cuộc sống dằn vặt, ngày tết vẫn là những ngày thiêng liêng nhất.

- Đẹp ghê chị duyên hỉ, cái cảnh phố xá như ri. Ai cũng mặc áo ấm. Chị coi, gió thổi tung cả tóc mấy người kia.

Hình như khu phố chính quy tụ tất cả những khuôn mặt trẻ quen của thành phố. Trong những tiệm cà phê hai bên đường, khói thuốc tạo thành những khung cảnh ấm êm.

Một đám thanh niên khoác măng tô Đà Lạt đi ngược chiều, ngoái đầu lại nói lớn:

- Trời ơi, răng hai người giống nhau thế ni. Chị em hả?

Chị Duyên nhìn sang tôi. Chúng tôi mỉm cười với nhau.

Hai chị em ghé vào một hiệu sách. Chị Duyên tới chọn nhạc ở kệ nhạc. Tôi đi thẳng vào phía trong. Một thanh niên đang giở mấy cuốn tạp chí Anh quay lại... Đó là Hà, một người bạn học hơn tôi vài lớp.

- A, Thu! Mới về hả?

- Dạ. Anh cũng mới vô?

- Cỡ một tuần rồi. Trường chưa nghỉ nhưng anh chuồn đại.

- Gan hỉ. Huế có chi vui không anh?

- Không khí ngoài nớ cũng từa tựa Đà Nẵng thôi. Không có chi đáng nói.

Hà ngắm chiếc áo tôi đang mặc, chiếc áo dài màu xanh.

- Chao ôi, lớn quá. Răng, có chi vui chưa cô bé? Vĩnh gởi thư thường chớ?

Tôi dạ khẽ, đỏ mặt vì câu nói của Hà. Lớm? Tôi lớn thật hay vì chiếc áo dài? Tôi chỉ mới mặc áo màu cỡ một năm nay. Hà kể một vài kỷ niệm thời còn ở trung học. Anh nhắc tên một vài người bạn hiện đang học ở Huế mà tôi nghe thật quen.

- Thu đi một mình?

- Dạ không, với chị của Thu.

Tôi chỉ về phía chị Duyên. Vừa lúc chị trả tiền xong. Tôi chào Hà. Anh nói:

- Tết anh tới nhà Thu đó. Nhớ để dành hạt dưa nghe.

Bước ra đường, tôi thấy vui hẳn lên. Về đây thật dễ gặp lại người quen. Ở Sài Gòn, dù thật thân nhau, nếu học khác phân khoa thì mỗi năm tôi chỉ tới nhà bạn độ vài lần. Đứa ở đầu thành phố, đứa ở cuối thành phố, đi lại thật nhọc nhằn. Chen chân giữa một rừng xe cộ là điều tôi kỵ nhất.

Ở đây, tôi có thể thủng thẳng thả bộ tới nhà từng đứa một, hoặc xuống các hiệu sách, thế nào lại chẳng gặp bạn cũ.

- Đi một vòng bờ sông nghe chị Duyên?

- Ừ, nhưng lạnh lắm. Thu đi nổi không?

- Được mà.

Hai chị em rẽ qua con đường thoai thoải dẫn xuống bờ sông. Gió khiến tôi không bước đi được. Phổi tôi nặng nề như có nước đá. Tôi cứ nấp phía sau lưng chị Duyên, hít hà, khiến chị buồn cười. Đường Bạch Đằng tương đối còn khá. Có lẽ vì có tòa Thị Chính ở đó. Phía trước tòa Thị Chính, cái băng đá dưới giàn hoa giấy đã bị rào lại. Giàn hoa héo xàu, buông thõng những dây leo mỏi mệt trước cái nhìn thất vọng của tôi. Đây là nơi một vài năm trước lũ bạn và tôi vẫn thường xuống ngồi khi có những giờ nghỉ. Và thường thường, cho đến lúc nước sông dâng lên, vỗ vào bờ, làm bắn nước lên mình, chúng tôi mới đứng lên, ra về.

Về phía tay mặt, ngọn Sơn Chà vẫn ung dung với một đám mây lững lờ trên đỉnh. Đó là một điểm lý tưởng cho những buổi picnic vào ngày xưa. Con suối nhỏ và những bãi hoa dại là nơi ghi rất nhiều kỷ niệm thuở mười lăm, mười sáu của tôi. Đã mấy năm rồi, Sơn Chà trở thành vùng cấm địa, từ khi có những giàn ra đa được đặt trên đỉnh núi. Như một may mắn hiếm

hoi, chúng tôi đã được đặt chân lên dãy núi này trong một cuộc trại sinh hoạt. Tôi đã đứng ở lưng chừng núi, ngơ ngác nhìn chung quanh. Phía dưới chân núi, những dãy nhà gỗ đẹp đẽ và kiêu hãnh, hình như là một bệnh viện ngoại quốc. Trên sườn núi cheo leo, những người phu Việt Nam lầm lũi làm việc dưới nắng. Họ đưa cao búa đập liên tiếp trên những tảng đá lớn. Một vài người quảy những thúng nhỏ bước men trên những tường núi. Trông họ từa tựa những tù nhân, hay tệ hơn, những nô lệ. Có một nhà máy xay đá gần đó thì phải.

Bây giờ, tôi đứng bên bờ sông Hàn nhìn lên đỉnh Sơn Chà, như nhìn một miền đất xa xôi nào đã-không-còn-là-của-tôi-nữa.

Gió lồng lộng. Bốn tà áo dài quấn lấy nhau. Nước sông đập vào bờ làm bập bềnh một vài giề lục bình lẻ loi. Có lẽ chúng đã trôi đến từ một nơi xa lắm. Tôi phục những cái hoa tím mỏng manh kia đã tấp được vào đây. Bất cứ thứ gì trôi ngang qua chân cầu Trình Minh Thế đều bị bấn nát.

Bên kia đường, tòa nhà bưu điện mới xây cất, đẹp đẽ trang trọng. Phía trước vẫn còn những bức tường đổ nát, di tích một thành trì ngày xưa của Nguyễn Tri Phương. Những họng súng cổ lỗ đã bị rỉ sét chĩa về hướng sông, có lẽ sẵn sàng nhả đạn vào tàu binh Pháp. Vài hôm nữa, chắc người ta sẽ đập phá hết để xây hàng rào.

Phía trên đầu tôi, bầu trời bị chia nhỏ vì những nhánh cây. Những cây còng khô héo, đưa những cành trơ trụi như những bàn tay. Những cây còng thân yêu ngày nào. Thuốc khai quang đã khai tử chúng.

Chị Duyên chỉ cho tôi:

- Đây này, Thu, những cây đang được trồng lại.

Tôi nhìn mấy cây dừa con còi cọc, ngao ngán. Đến bao giờ chúng mới có thể thay thế được những hàng cây cũ? Bao giờ chúng mới cho tôi, cho lũ em tôi một bóng mát? Thuốc khai quang đã khai quang cả bóng mát của tuổi thơ. Thảo nào tâm hồn của những người hai mươi hôm nay đều cháy nắng, cằn cỗi.

Hai chị em đi chầm chậm. Ngang qua một căn cứ hải quân Mỹ, mấy viên sĩ quan mặc những bộ quần áo dạ đút tay trong túi quần nhìn chúng tôi. Có lẽ họ thắc mắc không hiểu chúng tôi đứng nhìn cái gì ở bờ sông vào một lúc lạnh lẽo thế này.

Cầu Trình Minh Thế vẽ những đường cong rất đẹp trên nền trời trắng đục. Ngày xưa, cầu có tên một viên tướng đã đánh nhau ở Việt Nam: De Lattre. Tôi tự hỏi không biết bao giờ tôi mới được đứng tì tay một cách thoải mái trên những lan can cầu để ngắm dòng nước đang trôi bên dưới. Bây giờ, những cặp mắt và những họng súng trên những vọng gác là một đe dọa thường xuyên cho các bộ hành.

Cổ viện Chàm nằm khuất bóng, buồn rầu ở một góc phố. Cây đa lớn vẫn sum suê. Trong óc tôi, những hình ảnh cũ hiện ra. Tôi đã đến đây nhiều lần, đã chơi trên những cầu tuột, xích đu kia, đã chăm chú vẽ cho giống một bức tượng Chàm như lời cô giáo bảo. Một dân tộc đã bị tiêu diệt. Đây là những gì còn lại của nền văn hóa ấy. Mấy người cảnh sát đã chiếm đóng phía trong sân, nằm ngồi la liệt. Rất nhiều kẽm gai giăng kín lối ra vào. Tôi nhớ tới lời hứa với lũ em. Làm sao dẫn chúng vào xem như chúng vẫn ao ước đây. Những bức tượng thấp thoáng bên trong hình như đang nhìn ra bên ngoài, qua những vòng kẽm gai. Hình như chúng cũng có những ước ao nào đó, muốn được thoát ra ngoài những vòng kiềm tỏa. Tôi tự hỏi có bao giờ mình cũng biến thành những bức tượng như thế chăng.

Không!!! Tôi kéo tay chị Duyên. Hai đứa đi lui trở lại.

- Kẽm gai nhiều quá chị Duyên ơi.

Không nhìn tôi, chị Duyên quay ra phía dòng sông.

- Nước sông Hàn trong và xanh ghê chưa. Vậy mà đã có một thời gian nước đã đục đi vì lụt đó, Thu nợ.

Tôi ậm ừ. Vâng, có lẽ nước sẽ cuốn trôi tất cả rác rưởi ra một vùng biển xa xăm nào đó.

Khi đã mỏi chân và không còn chỗ nào để đi, trời đã tối, chúng tôi ghé vào chợ. Chị Duyên mua thêm vài ký kẹo, mấy chai rượu, một ít trái cây. Đó là thứ dành cho bọn trẻ tuổi. phố đã lên đèn từ lâu. Ai nấy vội vã bước nhanh.

- Tết mới được đông người như ri. Thu biết không, ngày thường cỡ bảy tám giờ là người ta lo đóng cửa hết cả. Dạo ni hay nổ lắm.

Tôi nhìn quanh. Quả thật phố xá đã mất hẳn cái sinh khí một ngày cận tết. Có phải là bảy giờ bốn mươi chiều hăm tám tháng chạp không đây?

Trong một quán cà phê, người thu ngân ngồi chống tay nhìn những bàn ghế trống. Một giọng hát rã rời vọng ra:

"Anh nằm xuống sau một lần đã đến đây..."

Đời sống và nỗi chết ôm lấy nhau.

Ba mươi tết. Từ sáng sớm, mẹ và chị Duyên đã lo gói bánh tét. Mẹ muốn nấu chín để kịp vớt cúng giao thừa. Tôi đã làm bữa cơm rước ông bà, một bữa cúng chay. Tụi em lăng xăng bên tôi, lặt rau, gọt trái cây. Đứa trẻ giúp việc đã xin về từ hôm hai mươi. Mẹ vẫn chú ý vào việc làm của tôi, từng lúc. Mẹ bảo:

- Tập làm cho quen, lớn rồi.

Câu nói của mẹ khiến tôi cúi mặt. Tôi nghĩ tới Vĩnh. Lá thư của anh, tôi vẫn còn cất trong tập, chưa trả lời.

Còi hụ mười hai giờ. Chúng tôi dọn cơm lên cúng. Cha tôi quỳ trước bàn thờ lâm râm khấn vái. Đèn sáng trưng. Tấm vải điều phủ trên bức hình ông nội bà nội được giở xuống khiến tôi thấy bàn thờ có vẻ là lạ.

Buổi chiều, khi mọi công việc đã xong xuôi, tôi xin phép mẹ ra khỏi nhà, nói là đi xem cảnh đường phố chiều ba mươi tết. Tôi dắt theo hai đứa em. Trời lạnh cắt ruột. Mặc hai áo len, khoác thêm áo choàng, thế mà hai hàm răng tôi cứ đập vào nhau. Hai em tôi có vẻ thích thú được đi như vậy lắm. Chúng ôm lấy hai cánh tay tôi.

Hầu hết các nhà đều kéo kín cửa. Chỉ vài gian còn mở hé. Họ đang rước ông bà, khói hương nghi ngút. Trên những ban công, vài thanh niên nhìn xuống đường, những đầu thuốc đỏ rực lên khi có gió.

Tôi hỏi đứa em về thầy cũ, một giáo sư văn:

- Thầy Quân còn dạy trường Tâm không?

- Dạ hết rồi. Thầy về hưu rồi.

- Chừ thầy làm chi?

- Em cũng không biết nữa. Mà đều mấy đứa bạn trong lớp nói là thầy đi xe thồ.

Đi xe thồ. Đó đâu phải là nghề của một người ốm yếu, ít nói như thầy. Tôi nhớ đến hai người con thầy, đều đang học sư phạm ở Sàigòn. Vài năm nữa, họ sẽ ra trường, tiếp tục nghề dạy của cha. Thầy Quân đã dạy tôi, dạy em tôi và bây giờ thầy đi xe thồ.

Ba chị em đi qua chợ. Những ngọn đèn soi rõ bức tranh hỗn độn. Trên mặt sình màu đen sánh đặc, lăn lóc những trái cây thối, những giấy gói, những rác rến của cả một năm cũ. Thật không còn gì xơ xác hơn cảnh chợ chiều ba mươi. Vài gian hàng vẫn còn mở cửa, cố níu kéo những người khách cuối cùng. Tiếng một người đàn bà vọng ra:

- Chao ơi, bán đổ bán tháo thế ni mà cũng không ai mua thì làm chi cho hết hả trời!

Tôi nhìn vào. Những đống bom, cam cao ngất nghểu như nhạo báng nỗi tuyệt vọng của người chủ hàng. Dù có nhiều vitamin, trái cây vẫn là một thứ xa xỉ phẩm.

Những bãi rác khổng lồ khắp đường bốc một mùi chua thật gớm ghiếc khiến tôi lợm giọng. Một gian hàng hoa được dời ra ngay trên mặt đường. Người bán mời tôi, gần như nài nỉ:

- Cô ơi, mua giùm một chục đi cô. Tươi lắm, ngày mai nở vừa kịp đó.

Ban chiều mẹ tôi đã mua mấy chục hoa rồi nhưng tôi vẫn dừng lại. Những bó huệ trắng muốt óng ánh nước. Những búp glaieul tươi rói. Tôi

lựa mấy hoa cúc vàng, một búp hồng đỏ, vài nhánh măng tây rồi trả tiền. Người đàn bà thối lại, rối rít cảm ơn. Nhìn lên ngực bà, tôi thấy miếng băng tang.

Bước đi, tôi chia cho hai em mỗi đứa một hoa cúc:

- Hoa cúc tượng trưng cho sự cao quý của dòng giống.

- Việt Nam hả chị Thu?

Câu hỏi của Vũ rất bất ngờ nhưng tôi cũng ừ.

Đường vắng tanh. Thỉnh thoảng một người còng lưng trên chiếc xe đạp vút qua. Trước mắt tôi chỉ có những ngọn đèn đường. Ánh điện rải một thứ ánh sáng trễ tràng lên mặt đường dơ bẩn. Khuất trong tối, người phu quét đường chậm chạp đưa từng nhát chổi. Có lẽ ông ta là người phải làm việc cho đến tận phút chót của năm.

Đến khu phố chính của thành phố, ba chị em tôi quay lại. Gọi một chiếc xích lô vừa trờ tới, chúng tôi ngồi lên. Hai em tôi có vẻ đăm chiêu, chẳng hiểu chúng đang nghĩ gì. Tôi gợi chuyện với bác xe:

- Giờ ni bác còn chạy xe nữa không bác?

- Định chở cô xong tui về đây. Còn rước ông bà nữa cô ơi.

Tôi ngồi im, không dám hỏi thêm. Với người nghèo, cái khổ phải được chia cho cả ông bà nữa.

Vũ chỉ vào cái bóng của chúng tôi in trên đường, reo lên. Cái bóng đổ về phía trước, chạy lùi chầm chậm, ngắn dần, đứng lại, rồi ngả về đàng sau, lúc một dài ra. Tôi giải thích hiện tượng đó do những ngọn đèn đường cách quãng nhau, cái bóng khi đến gần một cột đèn nào sẽ đổi chiều theo cột đèn đó.

Hình như lâu rồi các em tôi không có dịp đi đâu vào ban đêm. Đà Nẵng giới nghiêm từ chín giờ tối.

Chiều mồng một, tôi ngồi khai bút cho Vĩnh. Đã ba năm nay, luôn luôn Vĩnh là người tôi viết cho trước tiên. Tách trà trên bàn vẽ những đường khói ẻo lả trên bức tường màu xanh. Cành mai chỉ mới nở vài bông. Hình như vì trời lạnh quá. Đóa hồng tôi cắm trong chiếc lọ nhỏ vừa hé nở, tỏa một mùi thơm rất nhẹ. Đỉnh trầm nghi ngút khói trên bàn thờ khiến không khí quanh tôi có vẻ ấm áp và thanh thoát.

Tôi đọc lại bức thư của Vĩnh: "...Dù đã tự hứa là sẽ không buồn, anh biết mình sẽ chẳng giữ được lời. Lần này là lần thứ ba anh đã phải ăn tết một mình. Kể ra cũng có bạn bè đó nhưng họp nhau lại mà mặt đứa nào cũng buồn bã, đăm chiêu thì cũng chẳng hơn gì. Vả lại, thành phố này có rất ít sinh viên Việt Nam.

Không đâu bằng quê hương cả, Thu nhỉ. Dù quê hương có điêu tàn xơ xác hay thế nào chăng nữa. So sánh thành phố của chúng mình và thành

phố anh đang sống, về phương diện kỹ thuật, thật là một trời một vực. Nhưng anh tin chắc chẳng có dân tộc nào trên thế giới chịu đựng được một cuộc chiến tranh dằng dai như trên quê hương mình.

Ở đây bình yên quá, sự bình yên đôi khi khiến anh khó chịu. Nhiều lúc anh có một ao ước rất độc ác là phải chi nơi này cũng biến thành một vùng lửa đạn, để anh xem phản ứng của dân chúng thế nào. Họ sống hồn nhiên quá, hơn cả trẻ em nước mình.

Nhiều đêm khi giật mình thức giấc, anh không sao ngủ lại được vì cảm thấy thiêu thiếu cái gì. Hình như là tiếng súng ì ầm, hình như là tiếng phản lực gầm gừ, hay là cái ánh sáng hỏa châu bệnh hoạn. Tuổi trẻ mình đã bị buộc chặt với chiến tranh mất rồi. Anh ngồi dậy mặc quần áo vào, đi xuống những công viên trong thành phố. Sau một ngày sống no đầy, thành phố ngủ một giấc thật phủ phê. Anh cắm cúi bước như một tên không nhà. Những đóa hoa trong vườn như kiêu ngạo với vẻ đẹp của mình, lộ vẻ trêu cợt sự điên rồ của anh, lang thang vào lúc hai ba giờ khuya trong mưa tuyết.

Thu ơi, gần tết rồi. Tết. Tết. Ôi, anh nhớ nhà quá, nhớ Thu quá. Nhớ tiếng pháo dòn dã trong đêm giao thừa. Nhớ những con đường xôn xao quần áo mới. Nhớ hương trà và vị cay của lát mứt gừng. Nhớ buổi sáng đầu xuân lắc rắc mưa phùn. Nhớ cây sầu đông buồn ủ rũ trong những cơn mưa. Nhớ nhiều, nhiều lắm, Thu ơi.

Ba năm rồi anh không được nhìn thấy những hoa sầu đông bé nhỏ, duyên dáng ấy. Ba năm rồi, mau nhưng lâu quá phải không Thu. Còn mấy năm nữa...

Nhưng thôi, anh không thèm buồn như thế nữa, vì đã có Thu ăn tết giùm anh mà. Nhớ nghe, Thu.

Mấy món quà Thu gởi qua khiến anh rất cảm động. Nhưng quý nhất, thương nhất vẫn là tấm hình của Thu. Thu mặc áo dài sậm trông lạ hẳn ra. Cô con gái ông chủ nhà khen Thu khả ái đó.

À, Thu có đi chùa T.Q. không? Anh gởi lời thăm khu vườn ăn trái nhé. Anh biết rằng đêm nay anh sẽ mất ngủ. Gởi Thu tất cả những thương nhớ của anh...".

Tôi chớp mắt. Ba năm rồi. Hẳn Vĩnh đã khác đi nhiều lắm, cũng như tôi đổi khác. Tôi còn nhớ cặp mắt sáng, lúc trìu mến, lúc tinh quái của anh, đôi môi ngạo nghễ và gương mặt bất cần đời. Bỗng dưng, một tình cảm dào dạt dâng lên khiến tôi muốn khóc. Tôi muốn có Vĩnh bên tôi, ngay bây giờ. Chúng ta xa cách nhau nhiều quá, Vĩnh ơi.

"Anh Vĩnh,

Chiều mồng một, em đang ở nhà. Ở nhà để viết cho anh, vì có bạn tới

rủ đi chơi mà em không đi. Em đang hưởng những ngày tết đáng nhớ nhất, những ngày đầu tiên của năm hai mươi tuổi. Giã từ tin-tin rồi đó, anh Vĩnh. Anh có biết là em buồn đến thế nào không. Chẳng bao giờ tìm lại được tuổi mười chín nữa, phải không anh.

Khi hôm, giờ giao thừa, em nằm thao thức, nghĩ lan man đến trăm thứ chuyện. Dĩ nhiên, nghĩ đến anh, nhiều nhất. Chung quanh em, một yên tĩnh lạ lùng. Hàng đêm, có tiếng súng ì ầm vọng về. Nhưng đêm nay, hưu chiến. Hẳn những người lính của cả hai bên đang nát lòng nghĩ đến gia đình. Dù hưu chiến nhưng nào có ai được về nhà đâu. Đèn trên bàn thờ chói ngợp. Ba em đang làm lễ giao thừa.

Mười hai giờ, bỗng có tiếng pháo dòn tan. Đã có lệnh cấm đốt pháo nhưng vẫn có người làm và vẫn có người đốt. Họ không đáng bị trừng phạt. Tết mà không có pháo thì còn chi nhạt nhẽo hơn. Đã ba năm ni nhà em không đốt pháo. Đó là một thiếu sót lớn phải không anh Vĩnh? Buồn ghê.

Em ra đứng trước hiên. Nền trời âm u, lặng lẽ. Gió thổi từng luồng buốt cả da. Viên trung úy trước nhà em bắn một loạt súng chỉ thiên. Tiếng nổ khiến em vui quá. Giá mà giờ đó súng có loạn cả lên em cũng ngỡ là pháo. Hẳn không có ai ra đường giờ đó cả dù giới nghiêm được giải tỏa một đêm.

Sáng ni, em đi chùa với mẹ và chị Duyên, lúc bốn rưỡi. Mẹ bảo xuất hành giờ đó mới tốt. Em quỳ sau lưng mẹ. Đố anh biết em cầu nguyện điều chi? Em xin một cái tết thanh bình, ngày đó mọi người đều mặc quốc phục. Con gái thì mặc áo dài hẳn rồi nhưng con trai cũng phải áo dài khăn đóng. Chắc vui lắm anh Vĩnh hỉ. Anh cũng mặc áo dài chớ bộ. Nhưng... có phải áo dài người ta hay mặc để làm... đám cưới không anh? Em thấy mắc cỡ vì ý nghĩ của mình.

Rồi em xin một điều cho riêng em, đố anh biết điều chi? Em không nói ra đâu. Anh có đoán được thì đoán.

Lúc về, em cũng hái một nhành lộc. Sáng ra, mới hay đó là một cành ngâu. Có phải mưa Ngâu là nước mắt của Chức Nữ Ngưu Lang không hả anh?

Trời Đà Nẵng lạnh lắm nhưng chắc không thấm vào đâu so với xứ anh đang ở. Hình như khoảng mười độ. Nhưng chừng đó đủ khiến em không dám ra đường rồi. Em đã uống dùm anh một tách trà rồi đó. Và cho em một tách nữa, tưởng tượng là anh đang cùng ngồi uống với em. Anh ăn mứt gì? Mứt gừng? Hay mứt me do em làm, chua chua, ngọt ngọt, ngon lắm.

Có lẽ chiều mai hay chiều mốt em sẽ đi chùa T.Q. Và thư sau em sẽ gởi cho anh một món quà bất ngờ...".

Tôi nhìn đóa hồng trước mặt. Tôi sẽ ép và gởi qua cho Vĩnh. Hẳn là anh vui lòng.

Phía sau nhà, mọi người đang đổ xăm hường. Tiếng hột va vào thành bát leng keng. Tiếng hô vang lên từng lúc:

- Tứ tự.

- Nhị hường.

- Thượng mã.

- Hạ mã.

Tôi gấp tập lại. Sẽ viết cho Vĩnh mỗi ngày, kể cho anh nghe tất cả những gì xảy ra trong lần tết thứ hai mươi của tôi.

Chiều mồng ba, mẹ đi chùa T.Q., bảo tôi và Vũ đi cùng. Thế là giữ được một lời hứa với Vĩnh.

Trên xe, tôi ngồi phía ngoài để dễ nhìn hai bên đường. Xe rời thành phố thì trời lắc rắc mưa phùn. Vùng ngoại ô có vẻ im lìm, kém rộn rịp. Những đống rác cao ngất ở phía bắc thành phố vắng bóng những trẻ em la lết. Ít ra các em cũng được thở cái không khí trong sạch một đôi ngày. Một khu tân lập nằm ngay giữa một nghĩa địa rộng lớn. Đó là dân mới định cư trong vài năm nay. Họ đã xây nhà ngay trên những ngôi mộ. Thật là kinh khiếp đối với tôi nếu phải kê giường trên một phần mộ nào đó.

Câu chuyện của hai người thanh niên rất trẻ bên băng kia lọt vào tai tôi.

- Chừng nào mày đi trình diện?

- Đừng hỏi. Khi mô tau thích thì tau đi. Ăn cái tết ni xong đã. Lính chi cũng là lính. Thủ Đức cũng là lính mà Quang Trung cũng là lính.

Màn mưa khiến cho những dãy núi quanh thành phố trở thành mờ nhạt. Càng xa, những dãy núi càng trở nên hư ảo, như trong một cơn mơ. Thành phố dấu yêu của tôi được che chở bởi những vòng tay thiên nhiên. Tôi nhìn những dãy núi hiền lành dễ thương kia, tự hỏi vì sao trở về đêm, chúng lại xanh xanh đỏ đỏ một cách đĩ thõa đến không ngờ.

Vùng đồi này có rất nhiều lính Mỹ. Ngày thường có những cô gái áo quần lòe loẹt phấn son diêm dúa đứng hai bên đường chờ xe Mỹ đi ngang là vẫy kêu lên ầm ỹ. Hôm nay đường vắng tanh. Có lẽ các cô ấy cũng dành một vài ngày để nhớ tới ông bà. Đa số các cô đã đến từ các vùng lân cận hơn là sinh trưởng ở thành phố.

Xe qua một khu phố đã bị thiêu rụi trước đây vì một vụ nổ kho đạn. Nhà một chị bạn của tôi cũng thuộc vùng này. Nhà chị là một ngôi nhà cổ và khang trang nhất xóm trước kia. Bây giờ nhìn những dãy nhà mới cất lên

tạm bợ tôi chẳng thể biết được nhà chị là cái nào. Nhà nào trông cũng như nhau, cũng vá víu một cách thảm hại. Vách là những tấm gỗ tháo từ thùng Mỹ. Mái là tôn thứ mới, được chặn thêm những bao cát, có lẽ để gió khỏi thổi trốc. Bụi đỏ đóng thành lớp dày trên tất cả các mái. Tôi đọc được những dòng chữ nguệch ngoạc: ice cream, barber shop, tailor... Vài gian hàng được cất bằng gạch, vẻ cách biệt với chung quanh, kẻ những khẩu hiệu màu sắc lòe loẹt, vài cô gái đứng ở cửa ngó mông ra đường.

Một chiếc xe dodge Mỹ chạy ngang. Có tiếng hò reo tở mở vọng xuống. Một vài cái đầu thò ra, nheo mũi, nhăn mặt. Tôi quay mặt vào phía trong.

Xe đỗ bến. Lác đác chỉ có vài chiếc xe đang đậu chờ khách. Vùng ngoại ô này cũng thuộc loại đông đảo nhưng ngày tết trông vắng và buồn quá. Vài đứa trẻ chạy đùa trên hiên nhà nhìn ra rồi thản nhiên tiếp tục cuộc chơi. Mẹ dắt tay em Vũ.

Ba mẹ con đi chầm chậm. Qua một vài đường đất, ngõ vào chùa rất quen thuộc, hơi vắng lạnh một chút. Trong những nhà hai bên đường vang lên những giọng nói miền quê. Vài cô gái đứng trong sân, nhìn tôi với vẻ tò mò.

Cổng vào chùa mở rộng. Một đám trẻ con đang ví nhau trong sân. Những chiếc áo ấm dày che bớt một phần các bộ đồ mới toanh của chúng.

Ngôi chùa bị sụp hẳn một bên đang được sửa sang lại. Trước đây một chiếc phi cơ bị hỏng máy đã tạo nên tai nạn khủng khiếp ở vùng này. Cả một vùng rộng lớn đã bị san bằng khi chiếc phi cơ hỏng lết đi một quãng hàng trăm thước. Ngôi chùa cũng nằm trong số những thiệt hại. Tôi nói với mẹ:

- Coi có vẻ buồn quá hả mẹ?

Mẹ gật đầu. Ba mẹ con vào lễ Phật. Điện Phật vẫn trang nghiêm. Mẹ cho hai đứa vào chào vị thượng tọa trụ trì. Rồi mẹ ở lại hầu chuyện. Tôi dắt Vũ ra vườn rau. Những thứ rau trái được trồng thành luống, mơn mởn tươi, có vẻ được chăm sóc kỹ càng.

Tôi chỉ cho Vũ những cây trong vườn:

- Đây này, Vũ thấy những dây đậu tây không, đậu mà mình hay xào với thịt đó. Cà tím là để hấp cơm hay nướng. Vũ thấy giàn su nhiều trái ghê chưa. Còn đây là những trái chanh non, coi chừng kẻo gai cào mặt. Đó kìa, hoa cải vàng đẹp không? Cà pháo ni là để làm mắm đó...

Em tôi bỗng hỏi lại:

- Răng em thấy cải nhà mình ăn có hoa đâu mà.

- À, vì đó là cải non. Còn ở đây, thầy để giống lấy hột, đem gieo chỗ khác.

Vũ ngó mấy bụi ớt xiêm, trái nhỏ xíu, lại có những cây ớt tím, ớt vàng chen vào. Dưới gốc cây vả, những chùm trái bám chi chít. Những luống xà lách chạy dài đến tận cuối vườn, tươi nõn. Một chú tiểu đang giặt đồ gần giếng nở một nụ cười hiền hậu với hai chị em.

Tôi dắt Vũ ra sân giữa. Trước những bậc cấp, hai cây anh đào trổ hoa lác đác. Những đóa hoa bé nhỏ có vẻ khờ khạo và lẻ loi. Tôi dạy Vũ phân biệt một cây trắc bách diệp với những cây thuộc bài, thông thiên và thiên tuế. Đàng xa là những gốc mít, gốc xoài rất già cạnh những cây bồ đề mới được trồng.

Đứa em chín tuổi có vẻ ngạc nhiên với tất cả. Chưa bao giờ em tôi được trông thấy một cảnh vườn rộng lớn thế này. Để mặc Vũ chạy rong khắp nơi, sờ cái hoa này, ngửi chiếc lá kia, tôi tới ngồi trên một bậc thềm. Trong những bồn được viền bởi gạch đỏ, những bụi mồng gà rực rỡ, bên cạnh dạ lai hương màu tím. Bên cạnh tôi, những chậu hải đường với những hoa be bé màu hồng. Lá hải đường thật xanh và bóng láng. Những chậu cúc trắng, cúc vàng với những đóa hoa sởn sơ, sung mãn. Khắp chợ hoa Đà Nẵng cũng không tìm được chậu cúc thế này. Tôi cúi xuống trên những bông hoa. Mùi hương rất nhẹ chỉ nghe thoang thoảng.

Đưa mắt qua khu vườn ăn trái, hồn tôi bỗng nhiên vàng vọt như một chiếc lá thu. Trong khu vườn có rất nhiều ổi, đào, vú sữa, mãng cầu, xa bô chê... đó, lần đầu tiên tôi đã gặp Vĩnh. Bốn năm rồi. Có lẽ ngày đó tôi bé lắm vì câu đầu tiên mà Vĩnh nói với tôi là:

- Cô bé ơi, làm chi đó? Hái trái hả?

Tôi rất ghét ai kêu mình bằng cô bé, nhưng cũng chẳng nói gì, chỉ lẳng lặng bước đi, tưng tức trong bụng vì nghĩ có thể người ta đang nghi mình hái trộm.

- Người học giỏi khó tính thật. Năm ni, cô bé còn lãnh một lúc hai ba phần thưởng không?

Tại sao ông này biết mình kìa, tôi thắc mắc nhưng chỉ đứng im khoanh tay nhìn lên mấy quả đào vừa chín ưng ửng.

- A, cô bé không thích nói chuyện với người, cô bé chỉ thích trái cây thôi.

Vĩnh với tay ngắt đưa tôi chùm đào ấy. Và tôi cũng đưa tay đón, vô tình chấp nhận sự làm quen của anh. Rồi Vĩnh tự giới thiệu mình, hỏi tên tôi, tôi trả lời. "Kể ra Vĩnh cũng dễ thương". Đó là ấn tượng đầu tiên của tôi về Vĩnh.

Qua mấy năm, tình cảm của chúng tôi vẫn trong trẻo nhẹ nhàng như lần gặp gỡ đầu, và chuyển biến một cách âm thầm sang một tình cảm khác mà tôi không hay biết. Từ khi Vĩnh viết cho tôi, một ngày cách đây hai

năm. "Thu có biết, anh không chỉ nghĩ tới Thu bằng trí óc, anh còn nghĩ cả bằng trái tim nữa". Vĩnh khiến tôi thao thức mấy đêm liền. Tôi chẳng biết phải nói gì với Vĩnh. Trong thư trả lời, tôi không đá động gì tới chuyện đó, coi sự im lặng của mình cũng đã là một cách trả lời.

Vĩnh ơi, sao vườn xưa hoang vắng thế này. Lá cây thưa thớt, héo hon. Bây giờ là mùa xuân hả anh. Sao cảnh vật úa khô, buồn bã thế này. Có lẽ một phần vì đợi chờ anh đó.

Mẹ đi ra, cúi xuống bên tôi.

- Con gái hư ghê, ra đây ngồi. Thầy hỏi thăm con đó. Vũ mô rồi. Vô chào thầy rồi về, con.

Chẳng biết cậu Vũ của tôi chạy đâu mất rồi. Tôi đi vòng quanh, hy vọng tóm được cậu em có đôi chân thỏ. Tôi bắt gặp cậu bé đang níu một hàng rào kẽm gai, lom lom nhìn vào căn nhà bên cạnh. Ở đó có một bầy gà con đang chíu chít dưới chân gà mẹ, một chú khỉ bị xiềng dưới gốc mít và mấy con ngỗng đang kêu quang quác. Cơ khổ, em tôi chưa trông thấy con ngỗng bao giờ. Nó bảo:

- Mấy con vịt ni bự quá chị Thu hỉ?

Chúng tôi chào thầy, lễ Phật rồi ra về. Mẹ dắt Vũ đi trước, tôi bước chậm rãi đàng sau. Nhìn em tươi tắn, trong sáng như một bông huệ tung tăng nắm vạt áo dài của mẹ, tôi thấy buồn nghèn nghẹn. Bây giờ em tôi chín tuổi. Chiến tranh có còn tiếp tục mười năm nữa hay không? Chính tôi, cha mẹ tôi tưởng đã được đã được hít thở không khí thanh bình, mà rồi tuổi tôi chỉ được ươm bằng tiếng súng. Nếu là con trai, hẳn tôi đã là một mối lo nghĩ cho cha mẹ.

Tôi đưa mắt nhìn hai bên đường. Những khóm tre mới nứt mang những lá màu xanh bên cạnh những gốc già đã bị gãy ngang. Tiếng tre nghiến vào nhau cho tôi cảm tưởng đang bước trên đường làng quê nội. Đã lâu lắm rồi tôi không được về quê, miền quê đã bị cưỡng đoạt và san bằng bởi xe bọc thép.

Đây là vùng mà bụng chiếc phi cơ bị nạn đã lết ngang qua. Trong vòng rào kẽm gai, những thân cây bị đứt ngang, trụi trơ giữa một bãi đất trống. Mắt tôi dán vào những cái gốc sần sùi, cằn cỗi đó, và tôi trông thấy...

Ôi, mầu nhiệm làm sao! Có phải những mầm xanh mơn mởn đang được phủ ngoài bởi một lớp phấn cây mỏng không? Có phải những chiếc lá li ti non bóng còn dán sát vào nhau đó không? Tôi buột miệng reo lên:

- Cây sầu đông!

Cây sầu đông yếu ớt, nạn nhân đầu tiên của thuốc khai quang. Cây sầu đông, sau những năm tháng ngắc ngoải, khô hết nhựa đất vẫn còn sống sót, vẫn chống lại được những cơn gió bụi điên đảo của cuộc chiến tranh



NGUYỄN NAM AN

biển thuở chờ ai

"Well that was fun"
tay mùa xuân, tình dáng núi
tôi gọi gì em những nhành lộc mới
đâm chồi ngon, tiếng thở nhẹ đôi môi
sáng thức dậy nối đời khơi điếu thuốc
tình rất gần tình cũng đã thật xa
ly cà phê, cửa hiên nhà và gió
đâu vô cùng về thổi lộng hồn ta
em mỏng manh áo trăng huyền diệu lạ
vươn tay ngoan vàng rớt xuống sông hồ
tôi mỏi cổ cúi hoài trong mắt đó
trong vô cùng chết lặng giữa bao la
sáng mở cửa tháng hai trời căng gió
sao là mưa hay trăng bỏ tay rồi

NGUYỄN NAM AN
(3 tháng 2, 98)

này.

Sức sống tiềm tàng trong thân cây đã thắng.

Thế nào tôi cũng tìm xin một nhánh đem về trồng trong sân. Ngày Vĩnh về nước, chắc hương hoa đã rộn khắp mùa hè.

Mẹ đang đi, quay lại. Thấy tôi vẫn còn đứng nhìn vào bên trong một vùng kẽm gai, mẹ hỏi:

- Chi đó, con?

- Chồi non, mẹ à.

NGÔ THỊ KIM CÚC

Truyện này đã in trên tạp chí Bách Khoa số 361-362, ra ngày 1 tháng 2 năm 1972, với bút danh Vô Ưu.



TRẦN LONG HỒ

THẦY BẮT BÓNG



Mấy ngày qua, gió từ Đầm Thị Nại đột nhiên trở lạnh. Cùng với gió, mưa xuống nhỏ hạt, lất phất và dai dẳng.

Năm nào có gió lạnh và mưa nhiều như vậy, người ta cho là điềm chẳng lành, sẽ có chuyện lạ xảy ra trong dân gian.

Quan tổng đốc Nguyễn Đà không tin như vậy, ông cho rằng, thời tiết xoay chuyển, gió đổi theo mùa. Gió mưa nằm trong sự chuyển vận của trời đất. Hơn nữa, bao năm qua, dân chúng sống an lạc dưới sự chăm sóc của ngài, một người văn võ kiêm toàn. Nếu có chuyện lạ xảy ra, quan tổng đốc tin rằng, phải là điềm may mắn.

Tuy suy nghĩ như vậy nhưng quan tổng đốc cảm thấy không yên. Ông thường bị cơn nhức đầu, buốt từ phía trước trán, lan qua hai thái dương đến sau ót. Mỗi lần ông xoay đầu, cơn đau nhức tăng lên dữ dội. Cùng lúc với cơn đau, mạch máu hai bên thái dương cứ nhồi phập phồng.

Càng bị cơn nhức đầu hành hạ, Nguyễn Đà càng sợ hơn. Nỗi lo hình như không phải vu vơ, mà ông biết rõ, do những nguyên nhân phát xuất từ bao nhiêu năm qua.

Năm nay, Nguyễn Đà đã hơn năm mươi tuổi. Già rồi, ông biết rõ, ở vào giai đoạn mà công danh và sự nghiệp lên cao nhất trong cuộc đời, cũng là lúc sức khỏe ông bắt đầu suy kiệt.

Nguyễn Đà nhìn qua cửa sổ. Trời đất u ám, ảm đạm. Gió lạnh và ẩm ngoài kia thổi rít từng cơn. Gió luồn qua khững khe cửa, rít, và lạnh quái quỉ.

Tuy bác bỏ những lời đồn đãi của dân chúng, Nguyễn Đà không thể quên những điềm xấu mà dân gian thêu dệt. Ông nhìn mông lung qua khung cửa.

Gió rít không ngừng, lạnh buốt.

Lạ thật. Nguyễn Đà lẩm bẩm. Những cái mụn trên trán, hai bên gò má, dưới cằm, mọi khi nhỏ li ti, tự dưng mấy ngày nay, chúng sưng lên, nổi mủ, đỏ hum húp.

Nguyễn Đà vốn người xấu tướng. Dáng ông nhỏ thó, hơi thấp nếu so với chiều cao trung bình, da sạm đen, mặt đầy mụn. Những cái mụn, khi to, khi nhỏ, phát sinh từ dạo Nguyễn Đà mới lớn. Đối với mọi người, mụn mặt chỉ nổi lên một thời rồi lặn đi. Nhưng với Nguyễn Đà, mụn cứ bám lấy mặt ông, từ dạo đó cho tới bây giờ. Có lúc, mụn sưng to làm mủ, nhức nhối, đến nỗi, ông phải mời lương y đến điều trị. Thông thường, chúng nổi đều trên mặt, hết cái này đến cái khác. Vì thế, dù làm đến tổng đốc một tỉnh, Nguyễn Đà không bỏ được thói quen, ngồi nặn mụn.

Mặt Nguyễn Đà vuông nhưng cằm không bạnh, mũi không cao, cặp môi vừa đen vừa dày, tóc đen mốc, nhám cứng, tua tủa. Mắt Nguyễn Đà tuy to nhưng lộ, chân mày dài mà không đen. Khuôn mặt Nguyễn Đà đầy mụn mà thân hình thấp nhỏ, nên ông làm đến tổng đốc mà thiếu oai phong, không có dũng khí.

Nguyễn Đà nhìn vào gương đồng, cố ép tóc hai bên đầu cho sát lại, nhưng chúng cứ ngang chướng chỉa ngược lên. Vuốt tóc một lúc, Nguyễn Đà đột nhiên nổi giận, quát:

— Bây đâu.

Có tiếng dạ ran. Lập tức một người, từ phía sau màn cửa, bước ra, lom khom đi tới. Người ấy đi, lưng còng, cúi mặt, hai tay chắp lại. Rõ ràng, người này đã từng trải trong chốn quan trường.

Nguyễn Đà lớn giọng hỏi:

— Tùy Hầu, bức tranh đó như thế nào?

Người hầu cận, Tùy Hầu cung kính đáp:

— Kính thưa đại nhân, đẹp và oai hùng lắm.

Nguyễn Đà nhếch mép cười:

— Ta muốn hỏi, mặt của người trong tranh ra sao?

— Thưa...

— Ngươi cứ nói.

— Dạ, khuôn mặt trong tranh vẫn còn như thế.

— Nó không chịu sửa đổi hay sao?

Tùy Hầu cúi mọp người, run giọng đáp:

— Thưa ngài, tiểu nhân đã dùng mọi cách khảo hình mà chúng vẫn

không tuân phục.

Nguyễn Đà gằn giọng hỏi:

— Thế thì chúng muốn gì?

Tùy Hầu sợ hãi, đáp:

— Ông ta nhất định không chịu sửa lại bức tranh.

— Ngươi có nói cho nó biết. Nếu nó chịu sửa khuôn mặt trong tranh sẽ được trọng thưởng năm chục lượng vàng hay không?

Tùy Hầu kính cẩn gật đầu:

— Thưa ngài, tiểu nhân hết tra khảo rồi dỗ dành. Tiểu nhân bảo hắn rằng, chỉ sửa lại mấy cái mụn trên mặt thôi. Chỉ sửa lại có mấy cái mụn mà được cả năm chục lượng vàng. Nhưng hắn nhất định không chịu làm.

Nguyễn Đà bực bội hỏi:

— Còn bài văn chép lại tiểu sử của ta đã xong chưa?

— Thưa đại nhân, bài tiểu sử đã xong rồi.

— Phần công đức trong thời làm quan của ta, nó có chép lại hay không?

Tùy Hầu run sợ, mọp người xuống:

— Tiểu nhân đã đánh đập rồi cố thuyết phục nhưng hắn không chịu nghe theo. Hắn nói rằng...

Viên hầu cận nói đến đây đã líu lưỡi. Hắn lập bập mãi vẫn không ra lời. Nguyễn Đà nổi giận, hét lớn:

— Nó nói điều gì?

— Dạ, tiểu nhân không dám lập lại.

— Ta cho phép, ngươi cứ nói.

— Thưa đại nhân, hắn nói rằng, ở đời có ba điều xằng bậy, không có tài mà đòi trèo cao, không có công mà ham hưởng bổng lộc nhiều, không có đức mà muốn người đời tuân phục.

Nguyễn Đà đứng phắt dậy, giận đến tím mặt:

— Bọn láo, dám mang lời lẽ thánh hiền để nhạo báng ta. Nó còn nói gì nữa không?

— Dạ, tiểu nhân không dám...

Thấy thuộc hạ quá sợ hãi, Nguyễn Đà phải ngồi xuống, dịu giọng:

— Ta không trách phạt ngươi, cứ nói hết cho ta nghe.

Tùy Hầu lắp bắp:

— Hắn nói rằng, đại quan tuy có tài đó nhưng công ít và đức mỏng, tại sao phải chép vào sử sách những điều không thật. Hắn còn quyết liệt cho rằng, cái chết cũng không thể bắt hắn viết sai sự thật huống chi một trăm lượng vàng ban thưởng.

Nguyễn Đà đứng lên, im lặng nhìn qua cửa sổ. Mưa vẫn rơi lất phất

ngoài kia. Gió len qua khe cửa lay tấm mành mành kêu lạch cạch không ngừng.

Tùy Hầu quì mọp dưới sàn, không dám nhúc nhích. Kinh nghiệm trong đời hắn cho biết, những khi quan tổng động im lặng là lúc đáng sợ hơn cả. Lúc quan nổi giận, đập bàn, hắn còn có thể van xin và cầu khẩn được. Nhưng khi quan im lặng, chỉ có cách là nín thinh, quì mọp và chờ đợi.

Thời gian trôi qua chừng tàn nửa cây nhang. Tùy Hầu mệt quá, hai đầu gối đau buốt và ống chân tê dại.

Thời may, Nguyễn Đà quay lại, tằng hắng, rồi xuống giọng:

— Ngươi đứng dậy đi.

— Dạ.

— Truyền lệnh của ta, cạo đầu chúng nó, tháo giày, bắt đi bộ về làng. Cấm tuyệt, không cho ai giúp đỡ, bất cứ kẻ nào tìm cách giúp chúng, sẽ bị tội khảo hình và chung thân.

Giọng Nguyễn Đà đanh thép và lạnh lùng. Tùy Hầu không dám nhìn lên nhưng qua bao nhiêu năm, hắn đã biết quan tổng đốc đang trợn mắt, cắn chặc hàm răng, quai hàm bạnh lại. Bất cứ một lời nói hay cử chỉ nào, dù vô ý, cũng có thể xem như xúc phạm quan tổng đốc, và dĩ nhiên, kẻ không may mắn ấy sẽ chịu nhiều tai ương.

Biết vậy, Tùy Hầu im lặng quì mọp dưới sàn. Hắn không dám cử động, thậm chí đến chẳng dám thở mạnh.

Chờ khá lâu, không thấy người hầu cận nhúc nhích, Nguyễn Đà nguôi ngoai giận, dịu giọng nói:

— Ngươi còn chần chờ gì nữa.

Tùy Hầu lật đật nhõm dậy:

— Thưa ngài, tiểu nhân thi hành ngay. Trước khi đi, tiểu nhân có chuyện này cần bẩm với ngài.

Nguyễn Đà lấy làm hài lòng vì thái độ phục tòng của thuộc hạ:

— Được, ngươi cứ nói.

— Thưa ngài, tiểu nhân biết có một người có thể giải quyết chuyện này.

— Ngươi nói đi.

— Người này thông hiểu mọi chuyện trên đời, có thể tìm ra căn nguyên để giải quyết vấn đề cho đại nhân.

Nguyễn Đà vui vẻ gật đầu:

— Tốt lắm, người cho người gọi hắn đến đây.

Tùy Hầu lưởng lự một lúc rồi nói:

— Người này không thể mời được.

Nguyễn Đà trợn mắt, giận dữ hỏi:

— Tại sao? Hắn là ai?

— Người này ở xa, lại lánh mặt thế nhân. Ngài phải thân hành đi mới được.

Nguyễn Đà nhíu mày, lấy làm khó chịu:

— Hắn là ai mà làm cao như vậy?

Tùy Hầu cúi đầu đáp:

— Người này làm việc không vì tiền, không vì danh, không vì lợi. Không có điều gì trên thế gian có thể sai khiến ông ấy được.

Nguyễn Đà nhếch mép, cười sắc lạnh:

— Ngươi nói có thật không? Trên đời có kẻ như thế sao? Thế hắn sống bằng thứ gì?

Tùy hầu lễ phép đáp:

— Người này sống ẩn trên núi cao, sống cùng đất trời, ăn rau cỏ mà trường thọ.

Nguyễn Đà bật cười:

— Ngươi chỉ nghe lời đồn nhảm.

Tùy Hầu cúi đầu, không dám cãi, chỉ nhỏ nhẹ nói:

— Tiểu nhân chỉ nghe người ta bảo thế. Người này ngồi một chỗ mà biết hết mọi chuyện trên thế gian.

Nguyễn Đà thấy thần sắc cung kính của viên hầu cận, không ngăn nổi tính hiếu kỳ, liền hỏi:

— Thế hắn dùng cách gì để biết chuyện thiên hạ?

— Thưa đại quan, người này không cần biết ngày sinh tháng đẻ, không coi tướng, không xem chỉ tay, thậm chí đến không nhìn mặt.

— Như vậy, hắn căn cứ vào điều gì để biết chuyện người ta?

— Thưa đại nhân, người này chỉ nhìn bóng.

Nguyễn Đà bật cười:

— Nhìn bóng để đoán chuyện người. Ngươi tin điều đó hay sao?

Tùy Hầu cung kính đáp:

— Tiểu nhân chưa gặp người này bao giờ. Tiểu nhân chỉ được những người trong họ hàng và quen biết kể lại cho nghe mà thôi.

Nguyễn Đà hoài nghi hỏi:

— Người ta nói về hắn như thế nào?

— Thưa đại nhân, người này thông biết mọi chuyện trong thiên hạ, chưa bao giờ nói sai. Ông ấy ăn rau cỏ, sống cùng gió mưa.

— Tên của hắn là gì?

— Tiểu nhân không biết, chỉ nghe thiên hạ gọi ông ta là Thầy Bắt Bóng.

Nguyễn Đạt ngửa mặt lên trời cười:

— Được, ta sẽ đi gặp hắn. Ngươi chuẩn bị lên đường.

*

Nguyễn Đà không đi ngựa mà dùng kiệu. Quan Tùy Hầu cho lựa bốn tráng đinh lực lưỡng để khiêng kiệu. Quan tổng đốc giả làm một phú ông, cả bọn quan quân hóa trang làm người hầu.

Đường lên núi Bích Kê quanh co, hiểm trở. Trời mưa lầy lội. Đường dậy bùn trơn trợt. Đoàn người ngày đi đêm nghỉ. Bốn tráng đinh phải bám chân mà đi. Mới qua một ngày đầu mà bàn chân của họ đều rướm máu. Họ biết quan tổng đốc rời dinh, giả làm thường dân để lên núi, hẳn nhiên chuyện này phải quan trọng. Bốn người đều biết, sơ sẩy để rớt kiệu, gây thương tích cho quan tổng đốc, tội đáng rơi đầu.

Đi dọc theo dãy núi Kim Sơn đã hết ba ngày, đoàn người qua khỏi quận Hoài Nhơn, đoàn người theo đường mòn men nhánh núi này. Thêm một ngày nữa, khi qua vùng Lại Khánh, núi cao dựng, chất ngất.

Tùy Hầu bước gần lại kiệu, hỏi nhỏ:

— Thưa đại quan, chúng ta có nghỉ ngơi không?

Nguyễn Đà khoác màn, nhìn cảnh núi non trùng điệp, lưỡng lự hỏi:

— Đã tới núi Bích Kê phải không? Nhà ông ta ở phía nào?

Tùy Hầu chỉ tay về phía hai ngọn cao nhất:

— Đó là ngọn Chớp Chài và Hòn Cao của núi Bích Kê. Hai ngọn núi này đứng song song, gần nhau. Ngọn Chớp Chài ở phía Nam, còn Hòn Cao ở phía Bắc, nhìn xuống biển Đông. Nhà Thầy Bắt Bóng ở lưng chừng ngọn Hòn Cao.

Nguyễn Đà thấy hai ngọn núi cao ngất. Cả hai ngọn đều cao hơn sáu trăm thước. Mặt Bắc nhìn xuống sông Lại Dương quanh co, uốn khúc. Mặt Đông đi sát biển, nhìn xuống, chỉ thấy nước xanh ngắt một màu, mênh mang vô tận. Mặt Nam quay về cánh đồng Phù Mỹ bao la và đầm Trà Ô láng lai, êm ả. Mặt núi xoay ra biển, dốc đứng, cheo leo nhưng có nhiều cây cối. Mặt quay vô đất liền thai thoải hơn nhưng khô cằn, trơ trọi.

Nguyễn Đà thấy cảnh trời đất mênh mông, bao nhiêu sự bực bội trong lòng chợt lắng dịu. Ông muốn dừng chân nghỉ ngơi nhưng biết chung quanh chẳng có dân cư ngụ, hơn nữa, sự nôn nóng gặp Thầy Bắt Bóng cứ thúc dục trong lòng. Ông liền nghiêm giọng:

— Chúng ta tiếp tục đi, phải gặp ông ấy trong ngày hôm nay.

Đoàn người vừa dừng chân, chưa kịp nghỉ ngơi lại phải cất bước lên đường.

Nhà Thầy Bắt Bóng ở lưng chừng ngọn núi Hòn Cao, phía quay ra

biển. Nhà cất đơn sơ, làm bằng phên tre, lợp lá. Nhà chia làm ba gian. Phía ngoài là chỗ tiếp khách, có hai cửa thông ra phía sau. Một bên là nơi làm việc. Một bên là chỗ nghỉ ngơi, vừa là nhà bếp, vừa là phòng ngủ.

Khi đoàn người của quan tổng đốc đến nơi, trời đã quá trưa. Mưa tạnh từ hôm qua nên cảnh vật tươi mát. Quan Tùy Hầu cho hạ kiệu ngoài sân rồi đích thân mang tặng phẩm, cúi đầu bước qua cửa.

Trong nhà vắng lặng. Tùy Hầu chỉ thấy một đứa trai chừng mười sáu tuổi, đứng buông thõng hai tay, im lặng chờ đợi.

Tùy Hầu biết người này tên Côn, tớ trai của Thầy Bắt Bóng. Từ bao nhiêu năm qua, Thầy Bắt Bóng chỉ sống cô độc với đứa tớ trai này.

Thằng Côn vốn xấu xí, dị dạng từ thuở mới sinh ra đời. Gia đình Côn ở dưới chân núi. Từ nhỏ, lúc sinh ra, Côn đã tỏ ra quái dị. Nó chỉ có một mắt bên trái. Mắt bên phải có cái hốc mà không tròng. Nó bị sứt môi, đường chẻ môi trên đi vào lỗ mũi trái. Do đó, môi miệng mũi của Côn thông nhau, trống phọc. Thân hình Côn ốm yếu. Lồng ngực nó bị lép bên trái, gồ lên bên phải. Tay trái teo nhỏ nên nó chỉ làm việc với tay phải. Chân trái Côn cũng tật nguyền. Chân này vừa ngắn vừa nhỏ. Các ngón chân dính vào nhau. Khi bước đi, cánh tay trái đung đưa còn tay phải quơ tới lui để giữ thăng bằng. Vì thế mà dáng đi của Côn khập khễnh. Côn lại nhìn nghiêng vì con mắt còn lại bên phải bị lé. Gia đình Côn biết khó có thể nuôi sống thằng bé nên đã đem nó cho Thầy Bắt Bóng từ mới lọt lòng. Thầy đã nuôi nó bằng nước cháo với đường. Do đó, thằng Côn vốn đã dị dạng, lại thiếu ăn nên người nó ốm tong, chỉ có da bọc xương.

Mặc dù bộ dạng xấu xí nhưng Côn rất khôn lanh. Nó siêng năng, một mình quán xuyến mọi việc, từ chuyện trong nhà, nấu ăn, quét dọn, cho đến bên ngoài, trồng trọt và chăn nuôi.

Người còn lại trong nhà là Thầy Bắt Bóng. Người ta không biết tên thầy là gì. Họ chỉ biết thầy sống cô độc trong căn chòi lá trên núi với đứa tớ trai. Họ căn cứ vào công việc của thầy mà gọi là Thầy Bắt Bóng.

Thầy giúp cho thiên hạ mà không nhận tiền thù lao nên người ta mang cho thầy thức ăn và quần áo. Thầy chỉ nhận chút ít, phần còn lại, phân phát cho dân nghèo.

Người ta không biết Thầy Bắt Bóng già hay trẻ, chẳng rõ thầy bao nhiêu tuổi. Dân chúng cho rằng thầy già lắm vì các bô lão trong làng đều biết Thầy từ lâu. Dân làng cũng không biết mặt mũi Thầy ra sao. Quanh năm, Thầy Bắt Bóng mặc quần áo vải thô, quấn khăn che mặt kín mít. Người ta truyền miệng rằng, Thầy mắc bệnh hủi, lở loét khắp người.

Tùy Hầu chờ mợt hồi lâu vẫn không thấy thằng Côn cử động hay nói năng gì. Hắn bèn chắp hai tay, hướng mặt vào trong, kính cẩn nói:

— Chúng tôi là những người ngưỡng mộ tài nghệ và công đức của Thầy, hôm nay lặn lội đến đây để nhờ Thầy giúp đỡ đôi lời.

Tùy Hầu vừa dứt lời thì thằng Côn chỉ tay vào chiếc bàn ở giữa nhà, cất giọng khàn đục, âm ngọng nghịu:

— Khách quan để quà ở đó. Ai là người muốn gặp Thầy?

Tùy Hầu cúi đầu đáp:

— Ông chủ tôi muốn gặp Thầy.

Thằng Côn hỏi tiếp:

— Ông chủ ở đâu?

Tùy Hầu liền đáp:

— Chủ tôi còn chờ ngoài kiệu.

Côn nói như ra lệnh:

— Mời ông chủ vào.

Thằng Côn vừa dứt tiếng thì Nguyễn Đà đã bước qua ngưỡng cửa. Ông dừng lại ở đó, quan sát chung quanh. Trong nhà Thầy Bắt Bóng trống trơn. Giữa phòng khách chỉ có một cái bàn và một cái băng gỗ cũ kỹ, đã mục hết mấy chân. Nền nhà bằng đất. Vách lá loang lỗ. Chân vách đã mục nát.

Sự đơn sơ và nghèo nàn của Thầy Bắt Bóng làm Nguyễn Đà cảm thấy xao xuyến. Ông hoài nghi về lời đồn của dân chúng. Một người có khả năng như Thầy Bắt Bóng, nổi tiếng, được thiên hạ kính nể, sao lại sống trong một căn nhà thảm hại như thế này. Còn đứa tớ, nói năng như kẻ man di, mọi rợ.

Trông nét mặt của quan tổng đốc, Tùy Hầu biết ý, liền bước lại gần, nói nhỏ:

— Thưa đại nhân, dù sao chúng ta đã đến nơi rồi.

Nguyễn Đà trầm ngâm suy nghĩ. Càng suy nghĩ ông càng chán nản. Tùy Hầu đứng khép nép một bên, không dám nói gì nữa.

Trong lúc mọi người đang phân vân, bỗng nhiên có tiếng nói từ sau bức vách vọng ra:

— Đại nhân đã không quản ngại đường xa, trải qua nhiều ngày cực khổ mới đến đây. Kẻ hèn này cảm động và tủi thẹn lắm. Nếu đại nhân không muốn gặp mặt, xin cho kẻ này mời một chút trà để tỏ lòng cảm kích.

Giọng Thầy Bắt Bóng thật sắc, lời rõ từng chữ, âm như xoáy vào tai những người hiện diện. Cách nói không cầu kỳ nhưng vẫn lịch sự, vừa tỏ ý chào mừng khách mà cũng vừa lộ vẻ bất cần.

Nguyễn Đà vốn đã quen nghe lời xưng tụng. Trong đời chưa có ai dám khước từ một lời yêu cầu nào của ông. Chỉ có người van xin và lạy lục Nguyễn Đà, chứ ông không hề cầu khẩn ai.

Tuy trong lòng bực bội, Nguyễn Đà cố đè nén, giữ giọng bình thản:

— Tôi nghe người đời xưng tụng Thầy là người thông thiên đạt địa, quán triệt quá khứ và vị lai. Thầy ngồi một chỗ mà biết mọi chuyện của thiên hạ. Hôm nay, tôi không ngại đường xa để đến đây để xin Thầy chỉ dạy cho đôi điều.

Giọng nói từ sau bức vách đáp lại:

— Đại nhân đã có lòng thương tưởng, kẻ hèn này quyết tận lòng phục vụ cho ngài.

Nguyễn Đạt cảm thấy vừa lòng về những lời của Thầy Bắt Bóng. Ông gật đầu, hỏi:

— Tôi đến chỉ xin Thầy giải đáp cho vài điều rồi đi ngay, không dám quấy rầy Thầy lâu. Bây giờ, tôi phải làm gì?

Thầy Bắt Bóng nói vọng ra:

— Côn, sao không mời đại nhân.

Thằng Côn liên bước tới đưa tay mời Nguyễn Đạt đi vào khung cửa có phủ màn đen.

Bên trong tối lờ mờ. Ánh sáng phía ngoài chỉ hất vào được khoảng phân nửa phòng ngoài.

Nguyễn Đà bước vào trong, vội đứng dừng lại, vì trong phòng tối quá. Trong khi ông đang lưỡng lự, chưa biết phải làm sao, chợt phía sau bức vách có tiếng một vật, hình như là chung trà, rơi vỡ toang trên nền đất. Nguyễn Đà đưa tay ra trước mới biết trước mặt ông có tấm màn đen. Sau tấm màn ấy có một người. Ông biết người ấy là Thầy Bắt Bóng.

Sau tiếng vỡ của chung trà, trong phòng vẫn tối om và im lặng ngột ngạt, ngoại trừ hơi thở nặng nề của Thầy Bắt Bóng.

Hơi thở nhẹ dần rồi tiếng Thầy Bắt Bóng cất lên, giọng hoảng hốt:

— Đại nhân không phải là người bình thường. Xin tha tội, nếu đại nhân là bậc thiên tử, kẻ hèn này đã tiếp đón không đúng cách.

Giọng Thầy Bắt Bóng thảng thốt, khác hẳn giọng trầm tĩnh lúc ban đầu. Sự thay đổi giọng nói và kiểu cách hạ mình của Thầy Bắt Bóng làm cho Nguyễn Đà hồ nghi thêm. Ông nghiêm giọng hỏi:

— Thầy chưa thấy tôi, chưa nhìn mặt tôi, tại sao Thầy xưng tụng tôi quá nhiều như vậy?

Thầy Bắt Bóng vội đáp:

— Xin lỗi, chính thật, không phải tôi ám chỉ đại nhân.

Nguyễn Đạt ngạc nhiên hơn, liền hỏi:

— Thế thì Thầy nói về người nào?

— Tôi muốn nói đến cái bóng của đại nhân.

— Bóng của tôi?

— Thưa đúng, ánh sáng tuy mờ từ bên ngoài nhưng đủ cho tôi thoáng thấy cái bóng của đại nhân trên vách.

Nguyễn Đà nhìn lại, lúc này mắt ông đã quen với bóng tối. Ông thấy ánh sáng lờ mờ từ bên ngoài soi bóng ông chập chờn, lờ mờ trên bức vách. Nguyễn Đà càng hoài nghi, cái bóng không có gì đặc biệt, tại sao Thầy Bắt Bóng dám đại ngôn như vậy. Hay là, Thầy chỉ khoa trương để lòe thiên hạ. Nghĩ đến đây, ông cười nhẹ:

— Cái bóng của tôi vẫn là bóng tôi như tự thuở nào, nó có gì khác lạ đâu.

Giọng Thầy Bắt Bóng vừa u buồn vừa lãnh đạm:

— Cái bóng của đại nhân đã theo ngài từ khi ngài được sinh ra đời. Bao nhiêu hoài bảo, ước muốn, tâm nguyện của ngài đều được cái bóng cưu mang. Chẳng qua đại nhân nhìn bóng mà không thấy được cái bên trong của bóng nên không tự biết được mình. Tôi chưa thực sự thấy hết bóng của ngài, chỉ mới nhìn thoáng qua mà thôi...

Thầy bắt Bóng ngưng một chút rồi thở dài, tiếp lời:

— Bây giờ, đại nhân cho phép tôi làm việc.

Nghe những lời thành khẩn của Thầy Bắt Bóng, Nguyễn Đà bớt xem thường Thầy nhưng lòng nghi ngờ vẫn không suy giảm. Ông muốn biết sự việc sẽ đi đến đâu, liền hỏi:

— Bây giờ tôi phải làm sao?

Thầy Bắt Bóng lạnh lùng nói:

— Mời đại nhân ngồi trên cái ghế bên cạnh nhưng ngài không được ngồi yên mà cử động, xoay chuyển liên tục.

— Tôi chỉ làm bao nhiêu việc như vậy sao?

— Đúng vậy, ngài cứ làm theo lời tôi dặn.

Rồi Thầy Bắt Bóng lên giọng:

— Côn đâu, sao không thắp đèn lên.

Thằng Côn đang đứng bên ngoài phòng khách, lật đật đi vào trong, lấy một cái đèn, mồi lửa lên. Nó đặt cái đèn nơi cửa, sau bức màn, phía trước Nguyễn Đạt. Ánh đèn soi cái bóng của Nguyễn Đạt chập chờn trên vách.

Thắp đèn xong, Côn lẳng lặng rút lui ra ngoài. Bấy giờ, Thầy bắt Bóng nghiêm giọng nói:

— Xin mời đại nhân cử động.

Nguyễn Đà ngồi trên cái ghế không có lưng dựa và tay gác. Ông làm theo ý muốn của Thầy Bắt Bóng, xoay chuyển liên lục, lúc quay ra trước, khi xoay ra sau, khi nghiêng, lúc ngửa, lúc cúi. Trong phòng im lặng hoàn toàn. Chỉ có tiếng mấy chân ghế lỏng khớp, hở chêm, kêu kèn kẹt.

Sự việc diễn ra đều đặn và buồn chán như thế được một lúc, hơi thở của Thầy Bắt Bóng càng lúc càng nặng nề hơn. Thêm một hồi lâu, Thầy thở mệt nhọc, phát âm khèn khẹt như bị nghẹt đường thở rồi đột nhiên Nguyễn Đạt nghe tiếng Thầy Bắt Bóng ú ớ:

— Côn... Côn...

Sau đó có tiếng người ngả xuống nền đất. Tiếng kêu huỳnh huych, nặng nề. Nguyễn Đà biết Thầy Bắt Bóng đã ngã xuống đất nhưng không biết lý do tại sao. Ông không còn nghe tiếng thở của Thầy Bắt Bóng nữa.

Thằng Côn khoác màn chạy vào, hoảng hốt kêu lên:

— Thầy... Thầy tỉnh dậy mau.

Nguyễn Đà hé màn nhìn qua, thấy thằng Côn đỡ Thầy Bắt Bóng lên. Phòng tối mờ, Nguyễn Đà không thấy rõ sắc diện của Thầy Bắt Bóng, chỉ nghe hơi thở ông ta thoi thóp như sắp đứt hẳn.

Thằng Côn vừa khóc vừa kêu gào:

— Thầy ơi! Đừng chết. Thầy ơi! Đừng chết.

Côn cứ khóc và lập đi lập lại mấy chữ đó mãi khiến Nguyễn Đà bực bội. Ông định quát bảo nó câm họng thì Thầy Bắt Bóng đột nhiên cựa quậy rồi ngồi dậy. Thầy ngồi điềm nhiên, giọng tỉnh táo:

— Côn, im đi! Thầy có chết bao giờ.

Thằng Côn nín bặt, nhìn Thầy Bắt Bóng trân tráo một hồi rồi lẳng lặng đi ra ngoài.

Nguyễn Đà không thấy được mặt Thầy Bắt Bóng vì tấm khăn che hết cả mặt ông ta. Nguyễn Đà chỉ thấy đôi mắt sáng long lanh. Ông cảm thấy ngạc nhiên vì Thầy Bắt Bóng không có vẻ gì là người vừa mới bất tỉnh. Ông lo lắng hỏi:

— Thầy không sao chớ?

Thầy Bắt Bóng lắc đầu:

— Tôi khỏe như bình thường. Vừa qua tôi chỉ bị kích ngất vì xúc động quá.

Nguyễn Đà ngạc nhiên hỏi tiếp:

— Mỗi lần Thầy bói cho người nào cũng phải té xỉu vậy sao?

— Không! Đây là lần đầu tiên trong hơn ba mươi năm, tôi mới bị xúc động nhiều như vậy. Chẳng qua...

Thầy Bắt Bóng ngưng bặt. Hình như Thầy vẫn còn bị cơn xúc động chi phối tâm thần. Nguyễn Đà tò mò hỏi:

— Thầy xem như vậy đã xong chưa?

Thầy Bắt Bóng gật đầu:

— Bao nhiêu đó đủ rồi. Bây giờ, tôi muốn biết đại nhân muốn hỏi điều gì?

Nguyễn Đà thấy thái độ Thầy ngập ngừng, không biết chuyện tốt hay xấu. Cảnh Thầy Bất Bóng xúc động đến ngất xỉu, chứng tỏ sự việc chẳng phải tầm thường. Suy nghĩ như vậy nhưng ông cố giữ bình tĩnh, điềm nhiên nói:

— Tôi đến đây để nhờ Thầy chỉ dạy. Thầy cứ nói sự thật, không có chuyện gì trở ngại cả.

Thầy Bất Bóng vẫn e ngại:

— Xin đại nhân hứa không phiền giận và không bắt tội kẻ hèn này.

Nguyễn Đà gật đầu:

— Tôi xin hứa với Thầy.

Thầy Bất Bóng cẩn thận nói:

— Đây chỉ là lời đoán mò cho vui vậy thôi. Đại nhân nghe xong xin bỏ qua cho.

Nguyễn Đà đồng ý nói:

— Tôi đã hứa với Thầy rồi.

— Vậy, đại nhân muốn hỏi điều gì?

— Điều tôi muốn biết, tại sao tôi giữ quyền cao chức trọng trong hơn hai mươi năm qua, chăn dắt trăm họ, trên tuân phục triều đình, dưới hết lòng với dân, không nề hà gian lao cực khổ. Dân chúng sống yên lành, sung túc. Vì sao người đời vẫn không phục tôi?

Thầy Bất Bóng cúi đầu, nhỏ nhẹ đáp:

— Đại nhân giữ chức cao, quyền hạn lớn, không tham ô, trên dưới phân minh nhưng người dân không phục ngài chỉ vì một kẻ chận đứng đức độ của ngài.

Nguyễn Đà nghe qua, rùng mình kinh hãi. Ông nắm quyền cao, đứng đầu một tỉnh. Nếu có người cản trở ông, kẻ đó phải ở xa, tận trong triều đình.

Thấy Nguyễn Đà lặng thinh, Thầy Bất Bóng khẽ nói:

— Thưa đại nhân, ngài có cần biết thêm nữa không?

Nguyễn Đà nôn nả nói:

— Thầy cứ nói tiếp.

— Kẻ cản trở đại nhân, không ở đâu xa, lúc nào cũng ở bên cạnh ngài.

Nguyễn Đà liên tưởng ngay đến những người chung quanh. Trong gia đình, vợ con và anh em trong họ, không ai có thể làm chuyện này được. Chỉ có một người, Nguyễn Đà nghĩ ngay đến quan Tùy Hầu.

Thầy Bất Bóng trầm giọng:

— Xin đại nhân đừng nghĩ oan cho những người vô tội.

— Vậy Thầy cho tôi biết kẻ đó là ai?

Thầy Bất Bóng lạnh lùng nói:

— Kẻ đó là cái bóng của đại nhân.

Nguyễn Đà giật mình. Câu trả lời của Thầy Bắt Bóng làm cho ông cảm thấy ngạc nhiên và nghi ngờ khả năng của Thầy. Ông không lộ sự bực bội, nói qua giọng cười:

— Cái bóng của tôi là từ tôi mà ra.

Thầy Bắt Bóng nghiêm giọng:

— Nhưng chính nó là kẻ đã cản trở ngài.

Nguyễn Đà càng không thể tin được:

— Bóng của tôi lại cản trở tôi. Hừ! Thế thì tôi phải làm sao?

— Đại nhân hãy suy nghĩ cho kỹ. Nếu cái bóng đã cản trở đại nhân thì một khi không còn có nó nữa, người đời sẽ tâm phục ngài.

Giọng Thầy Bắt Bóng thật nghiêm trọng. Nguyễn Đà liên tưởng đến chuyện Thầy vừa ngất xỉu, tâm trạng hoang mang, nửa tin nửa nghi ngờ, bèn nhỏ nhẹ nói:

— Xin Thầy nói rõ hơn.

Thầy Bắt Bóng vẫn trầm giọng, nghiêm nghị:

— Đại nhân là người văn võ song toàn, trí cao hơn thiên hạ. Ngài suy nghĩ, tự khắc sẽ có cách giải quyết.

— Nhưng...

Bên kia bức màn, không có tiếng đáp lại. Một hồi lâu, tiếng Thầy Bắt Bóng cất lên đều đặn:

— Đạo có thể nói được không phải là đạo thường; tên có thể gọi được không phải là tên thường. Không, là gọi cái trước trời đất; có, là gọi mẹ muôn loài...

Giọng Thầy Bắt Bóng trầm ấm, đều đều. Nguyễn Đà định hỏi nhưng tiếng Thầy cứ vang đều:

— Đạo có thể nói được không phải là đạo thường; tên có thể gọi được không phải là tên thường. Không, là...

Nguyễn Đà biết không thể hỏi thêm gì được nữa. Bên kia, tiếng Thầy Bắt Bóng vẫn vang lên trầm đều.

Tiếng Thầy nhỏ dần rồi im bặt. Chờ một lúc, không nghe một chút động tĩnh nào, Nguyễn Đà đành lặng lẽ cáo lui. Ông cho viên Tùy Hầu để lại vàng bạc, vải vóc để tạ ơn Thầy Bắt Bóng rồi cùng đoàn tùy tùng ra về.

*

Ba ngày trôi qua. Mưa đã dứt. Gió lạnh cũng ngừng. Trời trở nên sáng sủa. Đất khô ráo. Sinh hoạt của dân chúng sôi động trở lại. Ngoài chợ, người đông đảo. Trong quán, khách ăn uống náo nhiệt. Người ta xầm xì về

chuyện quan tổng đốc lên núi tìm Thầy Bắt Bóng. Kẻ xấu miệng, cho rằng mưa gió thảm sầu trong mấy ngày qua là điềm không tốt cho quan tổng đốc. Người hiền lành, cho rằng Thầy Bắt Bóng nhờ quan tổng đốc ban phát điều tốt lành cho trăm họ.

Ngoài dân chúng xôn xao như vậy, trái lại, trong dinh tổng đốc im lặng khác thường. Nguyễn Đà không làm việc, công văn chồng chất trên bàn.

Suốt ngày, Nguyễn Đà ngồi yên lặng trong phòng riêng. Ông không tiếp bất cứ ai. Chỉ có một người được phép ra vào, là quan Tùy Hầu.

Nguyễn Đà ngồi bên cửa sổ, hút thuốc liên tục. Quan Tùy Hầu vấn thuốc cho ông không kịp. Mặt Nguyễn Đà đen sạm, mụn nổi nhiều hơn. Thần sắc càng ngày càng nghiêm trọng.

Quan Tùy Hầu đi tới lui lặng lẽ trong phòng. Hắn không dám ho và thở mạnh. Sau khi từ núi Bích Khê trở về, Tùy Hầu liên tưởng đến những điều ghê gớm, có thể ảnh hưởng đến vận mạng và sự nghiệp của quan tổng đốc, nhưng hắn không biết là chuyện gì. Hắn không dám cử động mạnh huống chi là mở miệng hỏi han. Những lúc đến gần Nguyễn Đà, quan Tùy Hầu cố liếc nhìn. Chỉ thoáng nhìn qua mặt quan tổng đốc, Tùy Hầu phát kinh hãi. Mặt Nguyễn Đà vốn xám xịt, bây giờ trở nên đen xạm. Những cái mụn nhỏ nổi to lên. Những cái mụn to phát mủ. Hai chân mày của Nguyễn Đà châu lại, như dính vào nhau. Ông hít thuốc liên tục, phà khói tràn ngập cả phòng. Mùi khói thuốc khét nghẹt khiến Tùy Hầu ngộp thở.

Quan Tùy Hầu phát giác một điều kỳ lạ. Quan tổng đốc cứ ngồi nhìn cái bóng của ông trải dài trên nền nhà. Nắng xuyên qua cửa sổ, chiếu gay gắt lên người Nguyễn Đà, kéo cái bóng của ông dài ngoằn, quái dị. Mỗi lần Nguyễn Đà nghiêng qua, vói lấy điếu thuốc trên bàn, cái bóng lay động, chập chờn, biến dạng. Những khi cử động như vậy, Nguyễn Đà càng quan sát cái bóng kỹ hơn.

Đến ngày thứ ba, đột nhiên, Nguyễn Đà vẫy tay, gọi quan Tùy Hầu lại gần. Ông nghiêm giọng hỏi:

— Ngươi thấy cái bóng của ta có gì lạ không?

Tùy Hầu nghe giọng khàn đục và yếu ớt của quan tổng đốc, hắn cảm thấy ngạc nhiên, nhưng điều khiến hắn run sợ là chuyện cái bóng. Hắn không biết tại sao, mấy ngày qua, quan tổng đốc bỏ ăn uống, cứ ngồi nhìn cái bóng trừng trừng, thần sắc sầu thảm và bi thiết. Cả đời theo hầu hạ Nguyễn Đà, quan Tùy Hầu chưa bao giờ thấy quan tổng đốc sa sút tinh thần như vậy. Bây giờ, quan tổng đốc hỏi về cái bóng, hắn nghĩ, chính là nguyên nhân của sự thay đổi kỳ quái ấy, bảo sao hắn không run sợ.

Thấy Tùy Hầu cứ run rẩy, ngập ngừng, Nguyễn Đà gắt gỏng:

— Ngươi thấy cái bóng của ta như thế nào?

Tùy Hầu giật bắn người, ấp úng đáp:

— Tiểu nhân thấy nó vẫn vậy, đâu có gì lạ.

Nguyễn Đà bực bội hỏi tiếp:

— Ngươi có nhìn nó kỹ chưa?

Tùy Hầu vâng dạ, chăm chú ngắm nghía cái bóng của Nguyễn Đà lung lay trên nền nhà. Một lúc sau, hắn run giọng:

— Dạ... da... tiểu nhân không thấy gì lạ.

Nguyễn Đà thở ra một hơi dài, chán nản nói:

— Lão thầy bói nói rằng có kẻ kề cận bên ta đã ngăn cản đức độ ta, cho nên người đời không tâm phục ta.

Tùy Hầu kinh hãi đến thất sắc, khuỵ chân, quì ngay xuống sàn, đập đầu khóc rống:

— Xin đại nhân xét cho, tiểu nhân một lòng một dạ trung thành với ngài từ bao nhiêu năm qua.

Vừa nói Tùy Hầu dập đầu "binh binh" xuống sàn nhà đến chảy máu. Giọng hắn rên rỉ thật thảm thiết.

Nguyễn Đà bực tức quát:

— Ngươi có im đi không?

— Dạ!

— Lão thầy bói ấy cho rằng, cái bóng của ta đã cản ngăn đức độ của ta.

— Cái bóng của đại nhân?

Tùy Hầu há hốc miệng, quên cả kêu khóc. Hắn chăm chú ngó cái bóng rồi khẽ liếc nhìn quan tổng đốc. Tùy hầu cứ nhìn qua liếc lại. Nguyễn Đà biết nhưng không thèm nói gì. Một lúc sau, Tùy Hầu ấp úng nói:

— Tiểu nhân không nhận thấy điều gì lạ.

Nguyễn Đà gật đầu:

— Đúng vậy. Cái bóng là cái bóng, ta là ta. Cái bóng từ ta mà ra. Cái bóng biết gì mà hãm hại ta.

Tùy Hầu im lặng suy nghĩ. Hắn càng nghĩ càng sợ. Nếu lão già ấy nói hắn có mưu mô hại quan tổng đốc thì ba đời nhà hắn cũng toi mạng.

Nghĩ như vậy, Tùy Hầu vội lết lại gần, khẩn thiết nói:

— Thầy Bắt Bóng quá già rồi. Không ai biết ông ta bao nhiêu tuổi nhưng tiểu nhân ước chừng ông ấy phải gần chín mươi tuổi. Lão đã già như vậy, làm sao mà còn sáng suốt để dạy người khác.

Nguyễn Đà gật gù:

— Ngươi nói cũng phải.

Tùy Hầu phấn khởi, bèn nói tiếp:

— Cái bóng của đại nhân là từ đại nhân mà sinh ra. Người ta thường nói, như hình với bóng, không có hình làm sao có bóng.

Nguyễn Đà cảm thấy thoải mái với lời bàn của thuộc hạ, ông thố lộ:

— Lão nói rằng, phải giết cái bóng thì người đời mới tâm phục ta.

Tùy Hầu giật mình, liền hạ giọng nói nhỏ:

— Đại nhân chớ làm vậy. Cái bóng và đại nhân là một. Nếu cái bóng bị giết thì... thì...

Nguyễn Đà khoác tay nói:

— Ngươi không cần phải nói thêm. Cái bóng bị hủy diệt thì ta phải chết chứ gì.

Tùy Hầu gật đầu:

— Đúng vậy, thưa đại nhân.

Nguyễn Đà cắn chặt hàm răng, quai hàm bạnh ra, mắt mở trừng nhìn về núi Bích Kê:

— Lão thầy bói này láo thật.

Tùy Hầu cúi đầu nói:

— Lão đã phạm thượng, mưu đồ chuyện phản như vậy...

Quan Tùy Hầu cứ ấp úng, nói không ra lời. Nguyễn Đà chăm chăm nhìn cái bóng im sửng dưới sàn nhà. Mỗi lần ông lay động, cái lại bóng oằn oại, biến dạng trông thật quái dị. Ông đứng im thì nó cũng bất động. Nguyễn Đà nhìn cái bóng một lúc, trong lòng vừa hoài nghi vừa bực tức. Thầy Bắt Bóng đã quá già, gần đất xa trời. Lão không nói láo hay đùa cho vui. Có thể lão đã lú lẫn. Nguyễn Đà không tin như vậy. Thầy Bắt Bóng nói chuyện rất khôn ngoan, lời lẽ mực thước, chứng tỏ lão rất tinh tường. Hừ, tại sao lão che mặt, còn cái bóng của ta, nó là ta, nó vô tri vô giác, làm sao nó hại ta cho được. Suy nghĩ miên man một hồi, Nguyễn Đà bực bội, gằn giọng:

— Lão không nên sống tiếp nữa... Tùy Hầu!

— Dạ! thưa đại nhân.

— Ngươi biết phải làm gì chưa?

— Dạ! Tiểu nhân biết rồi.

— Ngươi hiểu ý ta, bằng cách nào cũng được, nhưng phải hành xử cho kín đáo.

Tùy Hầu gật đầu vâng dạ. Hắn ngước nhìn qua khung cửa sổ, về phía núi Bích Kê mà cảm thấy nhẹ nhõm trong lòng.

Nguyễn Đà quay lưng lại, cũng nhìn về núi Bích Kê nhưng trong lòng ông cảm thấy nặng trĩu. Những lời nói của Thầy Bắt Bóng còn ngân vang bên tai và xoáy xốc trong đầu ông. Cái bóng, hừ, nó đâu biết gì, làm sao nó hại ta cho được.

Nắng xuyên qua cửa sổ càng lúc càng gay gắt. Nguyễn Đà nhìn xuống sàn. Cái bóng nằm im, đen xám, méo mó,...bất động.

*

Như thường lệ, sau bữa cơm chiều, thằng Côn đổ nước trà vào cái bát lớn cho Thầy Bắt Bóng. Nó cẩn thận trút cả gói thuốc bổ vào bát nước. Nó vừa làm việc vừa mừng khấp khởi.

Mấy năm gần đây, Thầy Bắt Bóng không ăn nhiều, sức khỏe suy yếu dần. Thầy ít khi ra ngoài như mọi năm trước. Suốt ngày, Thầy ngồi trong phòng. Thầy đọc nhiều sách dưới ánh đèn vàng mờ nên mắt Thầy gần như lòa, không thấy rõ mọi vật. Do đó, hôm qua, khi quan Tùy Hầu đưa mấy gói thuốc bổ, tặng Thầy Bắt Bóng, nó mừng lắm.

Thằng Côn đem nước trà cho Thầy rồi trở ra ngoài, lau chùi và dọn dẹp. Lo xong việc nhà, nó trở vào. Nó đến ngưỡng cửa, hé mắt nhìn vào trong.

Thầy Bắt Bóng đã uống được nửa bát nước trà. Thầy để cái bát xuống bàn, ngồi yên lặng. Thầy nhắm nghiền hai mắt. Một lát sau, Thầy ngồi không vững, lay động như sắp ngã.

Thầy Bắt Bóng cứ lắc lư một hồi lâu như vậy rồi dùng ngón tay chấm nước trà, viết mấy chữ trên bàn. Nó không hiểu Thầy viết chữ gì. Được một lúc, thằng Côn thấy máu ứa ra mũi và tai của Thầy. Dưới ánh đèn vàng mờ, màu máu trở nên đen bóng. Máu chảy qua mang tai, xuống cằm của Thầy. Máu ứa ra mũi, thấm ướt cả tấm vải che mặt của Thầy. Máu ứa hai bên mắt, chảy dài thành dòng qua hai bên má của Thầy.

Thầy Bắt Bóng lay động một hồi lâu rồi im sửng. Thằng Côn cắn chặt hàm răng đến bật máu. Nó không ngờ thuốc của quan Tùy Hầu mạnh đến như vậy. Quan bảo nó là thuốc bổ để tạ ơn cho Thầy. Hắn còn dặn dò nó đừng cho Thầy biết. Thầy là người đức cao, lòng bác ái rộng như biển cả, nếu nó nói là thuốc bổ của khách hàng dâng tặng, Thầy sẽ không nhận. Quan Tùy Hầu còn nhắc đi nhắc lại với nó như vậy. Hắn bảo, cứ bỏ thuốc bổ vào nước trà của Thầy.

Thằng Côn thấy Thầy không còn cử động nữa, bèn rón rén đi vào, cúi nhìn mấy chữ trên bàn. Màu nước trà quá nhợt nhạt nên nó không đọc được chữ. Nó nắm cườm tay Thầy. Da Thầy còn ấm nhưng mạch đã ngưng. Nó sờ mũi Thầy. Bấy giờ nó mới biết Thầy không còn thở nữa.

Thằng Côn lăn xuống đất, vật vả, khóc rống. Nó tự cào cấu đến rách nát mặt, tươm máu khắp người.

Khóc thảm thiết một hồi lâu, thằng Côn ra ngoài, gom cây củi khô.

Nó để những khúc cây lớn phía dưới, gác dọc và xếp ngang những khúc ngắn, làm thành một cái giàng vững chắc. Nó còn cẩn thận, nhét những nhánh cây khô phía dưới và chung quanh cái giàng.

Thằng Côn bắt đầu làm cái giàng từ lúc sẩm tối. Nó hì hục làm việc, mệt quá, lăn ra ngủ. Nhưng mỗi khi nó chợp mắt, cứ thấy Thầy Bắt Bóng đứng bên cạnh, nhìn nó trừng trừng.

Khi thằng Côn choàng tỉnh dậy, trời rạng sáng. Mặt trời vừa lên. Nắng chiếu xiên qua mái chòi tranh, bóng phủ chụp người thằng Côn, và trải dài đến tận cái giàng củi khô. Thằng Côn nằm sóng soài giữa sân, người ướt đẫm sương đêm.

Sực nhớ tới Thầy Bắt Bóng, thằng Côn khập khiễng đi vào trong. Thầy Bắt Bóng vẫn ngồi yên trên ghế. Bàn tay Thầy còn gác hờ trên cạnh bàn. Côn bước lại gần, gỡ cái khăn che mặt Thầy. Khuôn mặt Thầy tái nhợt. Máu khô còn dính hai bên khóe mắt, quanh mũi, trên má, và hai bên vành tai của Thầy.

Thằng Côn vừa khóc tức tưởi, vừa cố lôi xác Thầy Bắt Bóng ra ngoài. Người Thầy cứng đơ. Thằng Côn phải bẻ tay chân Thầy thẳng ra. Xương kêu răn rắc. Rồi nó lôi Thầy ra sân, để nằm trên giàng củi.

Bây giờ, thằng Côn không khóc nữa. Nó cắn chặt hàm răng, lầm lì làm việc. Khi đã đặt Thầy Bắt Bóng yên vị trên giàng hỏa, nó đi vào trong lấy nửa bát nước trà còn lại.

Trời sáng tỏ. Mặt trời lên cao. Nắng bắt đầu gay gắt. Cái bóng căn chòi thu nhỏ lại, rút về phía cuối sân. Nắng chiếu nóng rát lên da thịt rách nát của thằng Côn.

Thầy Bắt Bóng nằm ngay ngắn trên giàng củi. Thằng Côn đứng kế bên, lầm bầm những điều gì, không ai rõ. Một lúc sau, nó quẹt lửa, mồi vào củi. Cây khô bắt lửa thật nhanh, cháy phừng phựt. Gió thổi lên, lửa bốc phừng phừng. Thằng Côn ngước mặt lên trời cười sằn sặc một hồi rồi ngửa cổ uống sạch nửa bát nước trà còn lại.

Gió tốc hết những mảnh vải trên người thằng Côn. Da nó trầy nát, máu me đầm đìa. Thịt nó chẳng còn, xương nổi cồm cộm. Thằng Côn trợn trừng một con mắt có thể trợn được, khuỳnh một cánh tay có thể đung đưa được, ném cái bát vào giàng hỏa.

Lửa bốc cao, nóng hừng hực. Ánh lửa loang loáng trên màu máu đỏ sậm. Da thịt thằng Côn sáng ngời ngời. Lửa reo như tiếng xương người bể nát, vỡ vụn.

Thằng Côn cười như điên dại, nhảy tốc vào giàng hỏa. Nó ôm chặt cái xác Thầy Bắt Bóng. Lửa cháy xèo da thịt thằng Côn. Lửa bẻ cong thân hình còm cỏi thằng Côn. Lửa táp mặt, nuốt tóc thằng Côn. Lửa reo hòa điệu

tiếng cười thảm khốc thằng Côn. Lửa uốn éo theo cái thế cong oằn thằng Côn. Lửa... lửa... lửa...

*

Khói từ núi Bích kê bốc lên đen kịt một góc trời. Dân chúng xôn xao kéo nhau đi xem. Lời đồn đãi về một điềm xấu càng lúc càng lan rộng.

Trong dinh tổng đốc, quan Tùy Hầu cố trấn an mọi người. Hắn không rõ khói đen vì sao mà có nhưng biết ngay sự việc đã thành tựu. Đối với hắn, đây là điềm lành.

Từ sáng sớm, quan tổng đốc Nguyễn Đà cảm thấy không an tâm. Ông không hiểu tại sao lại có cảm giác lạ như vậy. Mặt ông nóng phừng, mụn nổi lên dày và to. Trong lòng ông nôn nao. Ông không thể đứng yên một chỗ.

Nguyễn Đà nhìn qua cửa sổ. Đột nhiên, ông thấy khói đen từ núi Bích Kê bốc lên mù mịt. Nguyễn Đà đang hoang mang không biết chuyện gì đã xảy ra thì quan Tùy Hầu đã lật đật chạy vào. Hắn quì mọp xuống, hổn hển báo cáo:

— Thưa đại nhân, mọi sự mà ngài giao phó đã thực hiện xong.

Nguyễn Đà cau mày:

— Ta đã bảo ngươi hành xử cho kín đáo.

Tùy Hầu lết lại gần, khẩn thiết nói:

— Thưa đại nhân, không ai biết được chuyện này. Chỉ có ngài và tiểu nhân rõ mọi sự mà thôi.

Nguyễn Đà cảm thấy mỏi mệt, nặng ngực, và khó thở. Ông thả người, ngồi dựa vào ghế.

Quan Tùy Hầu vẫn quì dưới sàn, nín lặng.

Nắng bên ngoài chiếu qua cửa sổ. Nguyễn Đà cảm thấy hoa mắt và choáng váng. Ông nhìn xuống sàn, đột nhiên, cái bóng không còn nữa.

Nguyễn Đà thảng thốt hỏi:

— Bóng của ta. Cái bóng của ta đâu?

Quan Tùy Hầu kinh ngạc, ngước lên nhìn quan tổng đốc, rồi ngó xuống sàn nhà. Nắng soi cái bóng của Nguyễn Đà dài ngoằn trên sàn nhà. Hắn buột miệng đáp:

— Cái bóng của đại nhân đây mà.

Nguyễn Đà thở hổn hển:

— Bóng của ta, bóng của ta đâu rồi?

Tùy Hầu lắp bắp:

— Đại nhân, nó đang ở trên sàn nhà.

Quan Tùy Hầu nói mấy lần mà không nghe Nguyễn Đà nói gì nữa.



HOÀNG XUÂN SƠN

mười bẩy

Phủi rớt bụi trăng
trên chéo áo ngoài tình mới lớn
cắn thẹn thùng hạt răng
cười bạch ngọc
ngõ thuôn như lưng
đêm thẳm diệu vợi mắt lá tre
lấp láy
uống khóe rưng rưng giọt sao
mỗi chặn nhìn chấp chới

không là vướng vất trần gian
chỉ còn có đôi
thư cưu đạp mùa về
líu ríu

HOÀNG XUÂN SƠN
9/97

Hắn ngước lên nhìn.

Bấy giờ, Nguyễn Đà ngồi im trên ghế, bất động. Mặt ông nhợt nhạt, không còn chút huyết sắc nào.

Quan Tùy Hầu kinh hãi, quì mọp xuống. Mọi khi, sắc mặt quan tổng đốc thay đổi như vậy, hắn thường nhận những chỉ thị tàn nhẫn. Nhưng chờ mãi vẫn không thấy quan tổng đốc nói gì, Tùy Hầu ngồi dậy, rón rén bò lại gần. Hắn đến sát bên mới biết Nguyễn Đà đã ngưng thở. Ông ngồi cúi đầu, hai tay để trên đùi, hai mắt trợn trừng, mặt tái nhợt, đầy vẻ kinh hãi.

Tùy Hầu hoảng hốt, vừa đi lui, vừa ú ớ. Hắn định kêu lớn nhưng mở miệng mà không nói nên lời.

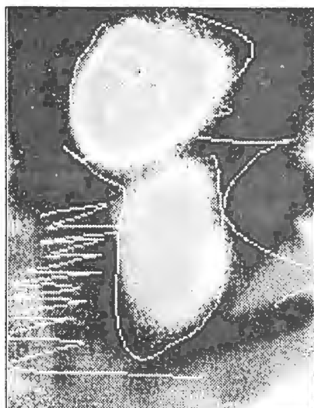
Bên ngoài, mặt trời lên cao. Nắng chiếu qua cửa sổ, in bóng Nguyễn Đà dài ngoằn, bất động trên sàn nhà.

TRẦN LONG HỒ



TRẦN THỊ NGH.

NGƯỜI THUẬN TAI TRÁI



Sau khi tự tử vài lần vì tò mò, tôi quyết định thôi, không chơi nữa, lấy chồng. Chàng là một quý tử, con trai duy nhất của một bà đỡ ở vậy nuôi con trong khi chồng theo cách mạng ra Bắc. Chàng là kỳ vọng, niềm hãnh diện, nguồn an ủi duy nhất của bà mẹ độc thân. Tôi gặp chàng ở Đại Học trong khi cả hai đang theo khóa báo chí. Dễ thôi, mình sẽ "tút" nó lại, từ cách ăn mặc đến kiểu tóc cắt. Mình sẽ tập cho nó quen nghe thay vì nói. Nó hơi mập ư? Cũng dễ, cho nó ăn chay một thời gian theo cái kiểu "*Ăn cơm ba chén lưng lưng, uống nước cầm chừng để bụng thương em*" - Tôi tự nhủ - Vậy là đám hỏi.

Là sinh viên ở tỉnh, chàng ở trọ trên một căn gác nhỏ trong hẻm sâu của đường TMG. Vào mọi lúc trong ngày, mùi nước sông xộc lên tới óc. Trong khi tôi dị ứng với mọi loại mùi và màu của cuộc sống, chàng tỉnh bơ. Cha này ngon. Tôi thầm khen. Nhưng sau đám hỏi, ngoài giờ đi học chàng lảng vảng ngay trong nhà tôi, *tối ở quên dìa*. Phải có tôn ti trật tự chứ, mẹ tôi gầm lên. Chàng ngoan ngoãn nằm tòn teng trên cái võng treo ngay bên dưới phòng tôi. Đêm nghe tiếng kẽo kẹt của dây võng cạ vào khoen sắt, tôi nổi điên. Vừa thôi cha. Chẳng những mùi, màu mà cả tiếng động nữa. Tôi dị ứng hầu như với tất cả những cái gọi là dấu hiệu của sự sống. Đám cưới được quyết định sáu tháng sau đó. Hơi lâu so với mức chịu đựng tiếng võng kẽo kẹt. Chàng bắt đầu ở rể.

Ngay đêm tân hôn chàng khóc. Sao vậy? Nhớ má. Tôi dỗ dành, ngủ

nổi đi mai tôi đưa ông về nhà trọ thăm bà già. Sau khi rước dâu về chính nhà cô dâu, bà cụ còn ở nấn ná chơi vài hôm, ở trọ trên căn gác thuê của chàng. Chắc hẳn đời chàng đang qua một khúc quanh. Còn đời tôi? Trước đó chúng tôi không có hẹn hò, sau đó không có tuần trăng mật. Đời con gái đêm tân hôn phải dỗ nín đời trai. Tôi "tút" lại chàng như đã tự hứa. Một tí ria mép trên cái mặt có nước da quá trắng, cho có vẻ đàn ông, thêm ba phân tóc cho có vẻ nghệ sĩ. Tôi chọn mua vải quần tây, đo sơ mi, thêm cả giày vớ thắt lưng da và ví đựng tiền. Có một điều tôi không chỉnh lại được: chàng ngáy.

Tôi thao thức từ đêm này sang đêm khác, mắt có quầng, da xanh lè, tay nổi gân. Chắc ốm nghén, mẹ tôi nhận xét. Không đâu, đời nào! Tôi chưa sẵn sàng để có con. Chàng ngáy như sấm và tôi nằm phân tích những tiết điệu trầm bổng nhặt khoan của tiếng ngáy, phối thành một bè cho đại hồ cầm, một bè cho vĩ cầm, có cả một bộ gõ cho tiếng nổ lóc bóc giữa hai bè. Ít lâu sau đám cưới, chúng tôi ra trường. Chàng quyết định đưa tôi về Trung giới thiệu với bà con bên họ nhà chồng, đồng thời hi vọng không khí miền biển sẽ giúp tôi hồi phục sức khỏe.

Trong khi bạn bè người thân của tôi trầm trồ cái vẻ ngoài bắt mắt của chàng - một d'Artagnan thứ thiệt sau khi đã được "tút" lại (chỉ thiếu ngựa và thanh kiếm) và chê tôi ốm đói suy kiệt như Cosette của "*Những kẻ khốn khổ*", thì họ hàng phía bên gia đình chàng kêu lên thất thanh khi trông thấy bộ râu tóc bầy hầy của chàng. Họ cũng nhìn tôi như nhìn một kẻ có khả năng gây ra nạn tuyệt chủng. Tôi sống trong không khí hình sự của một tập thể tỉnh nhỏ, loay hoay không biết làm gì để đối phó với bối cảnh mới. Bao lâu? Chàng nói, cứ tập thích nghi đã, chàng có vẻ tự tin hơn trong quần thể của chính chàng.

Mùi. Mùi gió biển trộn lẫn trong mùi phân heo Yorkshire. Mùi nước giếng có lẩn cát. Mùi ruồi nhặng trên tấm thớt gỗ. Tôi mở hé cửa sổ nhìn mấy con heo đứng hàng dọc thò đầu ra từ các ô chuồng. Để đi ra nhà tắm ở cuối sân sau, phải len qua hàng chục cái mõm heo dài thòn, nghe tiếng thở hàm hồ của lũ mắc dịch. Tôi văng tục. Không còn lối vào để tránh. Lối đi nhỏ lót gạch tàu nằm giữa một vựa nước mắm và chuồng heo. Tôi nhịn tắm, nhịn đi vệ sinh trừ phi thật cần thiết. Mùa gieo giống, chàng trả tiền cho chủ một bầy heo nọc ở xóm bên. Con heo đực chạy xộc qua cổng, bon bon theo hẻm nhỏ bên hông nhà, da đỏ hừng hực, mép lòng thòng rớt rãi trắng sệt. Tôi rình. Nhưng bỏ cuộc. Tự nhiên nhớ tới những lúc ở nhà, thỉnh thoảng mẹ tôi mua nhầm thịt heo hôi, bà giải thích: heo nái hoặc heo nọc. Tại sao hôi? Ở thì.. Tôi ói một hơi.

Một lũ heo con ra đời sau đó. Trông cũng loi nhoi, vui. Tôi thỏ thẻ

hỏi xin.

- Cho một con đi.

Chàng lừ mắt ngạc nhiên.

- Thích heo rồi ư?

Tôi tha thiết.

- Cho một con đi mà - Rồi ngập ngừng - để đá cho nó đã.

Chàng nuốt đánh ực sự giận dữ. Mùi. Cá biển không biết từ đâu được đưa về đổ vào cái thùng phuy trong vựa. Tanh trong dăm ba ngày rồi thối. Từng giọt, từng giọt cá tẩm muối nhĩ ra từ ống dẫn nhỏ, hổ phách đậm đặc. Xung quanh miệng thùng hứng, một lũ dòi. Tôi bỏ cơm một tuần. Chắc ốm nghén, mẹ chồng tôi nhận xét. Chưa đâu. Tôi chưa sẵn sàng mà.

Tôi quơ tay đuổi lũ ruồi bu kín đen trên tấm thớt tròn, thè lưỡi lừa mấy hạt cát lẫn trong nước bọt, đưa mắt nhìn vòng vèo. Tại sao cái màn màu xanh da trời cài vô cái cửa màu vàng chanh? Tại sao cùng một lúc ba tấm lịch thánh cường toe toét ba mỹ nhân đứng ẹo, tay cầm hoa? Trong phòng khách tại sao có kê một cái giường? Tại sao hoa bụt đỏ trộn lộn với hoa vạn thọ màu cam? Tại sao D'Artagnan mặc áo sọc ca-rô trắng đen với quần tây màu gạch cua, mang dép cao su xanh? Tại sao cạo râu?

Tôi lắng nghe tiếng dép chàng lẹt xẹt trên cái lối đi lót gạch tàu. D'Artagnan đang cho heo ăn. Tiếng gió lùa qua khe cửa lá sách đuổi đong đưa cái gàu múc nước bằng thiếc máng ẩu trên cái cần ngang trên miệng giếng. Tôi đếm những giọt nước mắm nhĩ lẫn trong tiếng thở phì phò của Yorkshire và tiếng ngáy của chàng ngự-lâm-pháo-thủ.

- Bế dùm cái ống dẫn nước mắm được không? để mai cho nó chảy ào một lần luôn.

Chàng gầm gừ.

- Khùng hả? Ngủ đi cho rồi.

Ngủ thì ngủ. Tôi nằm nghiêng ngó trừng trừng vào bóng tối.

Trong quần thể này, tôi thua. Chàng hiện nguyên hình một nông dân có bằng cấp, một đứa con hiếu thảo, một tay chăn nuôi với qui mô lớn, một chàng tuổi trẻ thành đạt trong tỉnh nhỏ. Chàng kinh doanh nước mắm nhĩ và heo Yorkshire. Tôi nhớ màu trắng ngà trên phím đàn ở nhà hết sức. Nhớ muốn chết nốt Si điếc khi đánh Fugues của Bach. Chắc nó cũng còn điếc. Nhớ chúng tôi với cái đầu niễng về bên phải lắng nghe tay trái bắt chéo đánh bè cao trong khi tay phải quấn phần trầm thành một dòng nặng và buồn. Trước khi về Trung tôi có viết một bức thư dài cho piano, bỏ trong thùng đàn hẹn ngày về.

Nửa đêm tôi bật hát *Một làn khói trắng, ru đời vào quên lãng...* Rồi ngồi dậy lần ra phòng khách hút thuốc, nhìn say đắm ba mỹ nhân trong

ánh sáng nhá nhem của ngọn đèn đường tạt qua mấy cái bông gió trên đầu tường. Tại sao ẹo? Tại sao cầm hoa ny-lông? Chàng lần ra theo. Khùng hả? Chàng im lặng ngồi chờ, ngáp. Tôi quay trở vô giường nằm ép nghiêng phía bên phải lắng nghe những-dấu-hiệu-của-sự-sống bằng lỗ tai còn lại.

*

Lình xình một hồi, chàng quyết định đưa tôi về vườn. Một căn nhà lọt thỏm giữa vườn cây ăn trái. Một căn phòng nhỏ mới xây thêm cho tân lang và tân giai nhân. Nhà tắm ở đầu này vườn, bên cạnh một giếng nước. Lại nước giếng. Miền biển mà. Nhà vệ sinh ở đầu kia vườn. Trước nhà là một hồ cá hình chủ nhật có thành cao bằng xi-măng, lớn bằng cái huyệt dành cho ba bốn người chôn tập thể. Tôi nghĩ, được, có nhiều màu xanh lá cây, không có hoa. Mẹ chàng ở một mình trong căn nhà này. Chàng rao - Người này sợ heo, không ăn cá, cữ nước mắm.

Bà mẹ chồng rượt bắt gà, nấu cháo cho con dâu ăn. Vẫn ruồi. Một tập đoàn ruồi quây quần bu kín tấm thớt tròn. Một cái quơ tay, đàn ruồi bay lên. Tôi ói cháo gà ở một góc cây chuối. Họ tử tế thiệt. Trong quần thể này chàng quẫy như cá gặp nước. Việc tôi qui hàng về Trung là một thắng lợi về phía họ, bởi vậy họ vô cùng tử tế.

Nhưng chắc phải vậy không? Những ngày hôm sau tôi luôn thấy bóng bà mẹ chồng ngoài cửa sổ. Hai con mắt lấp ló giữa những song sắt nằm ngang. Chẳng lẽ đóng luôn cửa sổ? Mỗi lần chàng vào phòng hơi lâu, bà gọi.

- Khâu ơi Khâu! (Chàng tên Khôi).

Cứ như vậy, tôi luôn luôn cảm thấy bị rình. Một bữa, loáng thoáng qua cành lá của vườn cây tôi nghĩ là mình thấy hai mẹ con D'Artagnan đang tắm chung bên cái giếng. Tự nhủ hoài là lầm, lầm - Họ xối nước cho nhau. Tiếng gàu va vào thành giếng, tiếng nước ào mạnh rồi chảy ròng theo cơ thể. Chắc là tưởng tượng thôi. Tôi không dám mon men đến gần, chỉ đứng thập thò sau cây dừa như ăn trộm.

Tôi sẽ có con ư? Không biết. Nhưng tưởng tượng đứa nhỏ được sinh ra lớn lên trong khung cảnh này, cũng được. Trẻ con thành phố bây giờ đâu có biết cái thú làng quê. Nhưng cũng tưởng tượng coi, một bữa nào đó nó bập bẹ nói.

- Bà nậu, hái cho con trái ẩu!

Rồi ba bốn người tắm chung. Chắc chết. Nó làm sao phát âm chuẩn vần ôi. Thử tưởng tượng một câu cảm thán.

- Âu! lâu thâu quá!

Tôi phá ra cười, chảy cả nước mắt. Cứ mỗi lần chàng ra cái nhà ở phố để chăm lũ heo, tôi khoái chí ngồi một mình trong phòng nghĩ ngợi

lung tung. Cũng tìm đôi mắt điệp viên qua mấy khe cửa. Không có. Tôi viết thư cho piano, hẹn: chờ nhé!

Ban đầu nó chỉ hơi nghễnh ngãng rồi ít lâu sau điếc đặc. Tôi tự hỏi hay là tại mình thường nằm nghiêng bên phải. Bịt kín riết, nó phải ù. Thật kỳ lạ. Hai lỗ tai giống hai cái loa trong máy cassette. Một bên toàn nghe trống ình ình cạch cạch, một bên thì nốt lỏng, cao. Có bữa hai chúng tôi đã thay sẵn áo quần chuẩn bị ra chợ, chợt thấy bà mẹ chồng gào lên một câu gì đó, môi run giật, chắc là "tông" mí. Tôi hỏi.

- Có chuyện gì vậy?

Chàng hỏi trả.

- Bộ điếc hả?

Sau đó thì tôi biết là bà không bằng lòng cho D'Artagnan đưa vợ đi chợ khi đám dứa chưa được bứng xong. Lúc bà thở phì phì, khàn giọng, tôi nghe mồn một.

- Đồ con bất hiếu, coi vợ bằng bà. Tao sinh ra được mày thì tao cũng có quyền giết mày...

Bà ngân chữ m...à...y... thêm ba nhịp nữa. Hàng nút áo sơ mi của chàng bị bà giật phăng. Hai người dằng co một hồi. Bà lên "tông", mắng ngắt quãng, hoặc là do tai tôi nghe vậy. Toàn là dấu huyền à dấu nặng.

- Mày... vợ... nào... mày còn là... mầy... được quyền...

Những dấu sắc, hỏi, ngã, không dấu đều lặn mất tăm vào tai phải. Tôi lẩn thẩn giải mã.

- Mày nể vợ, lúc nào mày còn là con tao mày không được quyền...

Dám trúng lắm à. Bỗng nhiên hai người buông nhau ra, rồi D'Artagnan đi lừ lừ xuống bếp mang lên con dao phay. Bây giờ thì chàng ngự lâm chỉ còn thiếu con ngựa - có hiếu thiệt - Bà cụ bảo lấy dao cho bà đoạn chi tình mẫu tử. Không dám chém đâu. Nhưng không, bà hươi dao lên. Tôi nhảy bổ vào giữa, sau đó thấy mình bị xô ngược. Không biết đứa nào xô. Đầu táng vào cây mận rồi. Khúc xạ vào thành xi-măng của hồ cá. Một tay bịt tai, không nhớ tai nào, tay còn lại vuốt mặt thấy máu. Vẫn còn nghe rần rần. À thì ra đã bịt nhầm tai phải. Tôi bò vô phòng. Yên lặng một lúc rồi nghe tiếng sụt sịt - Tôi rình qua tấm màn (cũng màu xanh da trời mắc lửng lơ trên khung cửa màu vàng chanh). Họ đang ôm nhau khóc, con dao nằm dưới đất.

Ha! Tôi cười như hiệp sĩ sau khi tuốt kiếm. Mình là cái gì trong nhà này? Đêm nằm tửng tửng, ban ngày đi ra đi vô chờ có bầu.

- Âu! lâu thâu quá!

Tôi ở đây để duy trì dòng họ Nguyễn nhà chàng? Cho tuyệt chủng cho chết, tôi lầm bầm. Dạo sau này tôi hay chửi thề - Mình chửi mình nghe,

khỏi cần lỗ tai.

Tôi cuốn gói dông về Nam. Chào piano! Sau một hồi ụa mửa. Không vì màu sắc, mùi vị hay tiếng động nào, tôi biết mình có bầu - D'Artagnan vào Nam ra Trung theo đường con thoi, nhưng nhịp đi thưa dần. Chàng mệt. Tôi vượt cạn một mình. Một bé gái đẹp như mơ. Chắc là Tây thuần chủng rồi. D'Artagnan lấy Cosette mà. Tôi trở thành cá mập, chỉ bơi vòng quanh một đích nhắm. Khỏi thắc mắc "*người đi qua đời tôi không nhớ gì sao người*". Tôi dạy đàn nuôi con, với cái xe nôi để sát chỗ ngồi dạy. Nó ngó niễng sang phía mẹ nghe đàn. Sợ con điếc, tôi đẩy xe ra xa - Nó niễng theo... Tôi đổi vị trí xe để con nhỏ không phải niễng mãi một bên. Bốn tuổi nó đã phổ nhạc tiếng chó sủa Fa - Fa. Tiếng rao ve chai Sol - Si - Sol. Chai bán hôn? Cũng có giọng rao xôi đô thăng, chè đậu mi giáng. Nó nhận biết hết. Lỗ tai cực kỳ âm nhạc. Tôi khoái hết biết. Nó bắt đầu học đàn khi chưa biết chữ. Dù chỉ còn tai trái, tôi nghe được hết trong đầu những bài nhạc nó chơi. Mozart nằm trên giường bệnh gần chầu trời vẫn nghe ra tiếng rầm rập của một đạo binh ma. Beethoven điếc đặc còn nghe được tiếng gõ cửa của định mệnh trong Hòa Tấu Khúc số năm. Pầm. Pầm. Pầm. Quá đã.

TRẦN THỊ NGH.
tháng giêng. 1998



ĐỖ QUYÊN

nếu nói về một ngày thứ bẩy

Đón mở
một ngày thứ Bẩy
tiếng vui
                    róc rách
                      trong lòng bồn *toilet*

Nước
có thể tới tận cùng —— ống cống, rãnh luồng, rồi sông và biển
để không gì ở lại mãi với trần gian

Với những lần thứ Bẩy, cuối tuần...
với những chỗchót các khoảnh đời
anh tới được chốn nào
trong lòng thời gian
tinh hoa anh đã phát tiết
suốt thường nhật khổ sai —— ngục tù hải ngoại

Cuối các trận tình ấy
khi là người nam
anh có hay thở hộc
bằng một cuộc *barbecue* nướng cháy —— từng mẩu họ hàng
                                                            rồi tới từng khúc bè bạn;
một bài thơ ngoại khổ đả đảo tập đoàn
            Nguyễn Đình Chiểu - Nguyễn Du cùng bè lũ ca dao - lục bát;
một màn biểu tình ném đá không đủ thời gian chờ xem tăm?

Anh có thích sắm vai người nữ thảng thốt kêu rên
bằng những bức tranh Đông - Tây gặp gỡ,
những đại nhạc hội tiểu Sài Gòn,
những giờ đếm tuyết theo đồng hồ cát?

Anh định đi,
                đi nữa à?
Tất nhiên,
theo nước thì không lạc
dẫu không đánh mốc với các ngày cuối tuần thở hộc

Nếu chảy
nước nào cũng là nước:
tuần trước qua cầu chở thời gian trên cành lá vàng;
tuần này trong lòng bồn *toilet* báo hiệu một ngày sang

Hãy viết cho tôi
một cách thực lòng
rằng anh có gì đổi thay theo mỗi lần nước chảy?

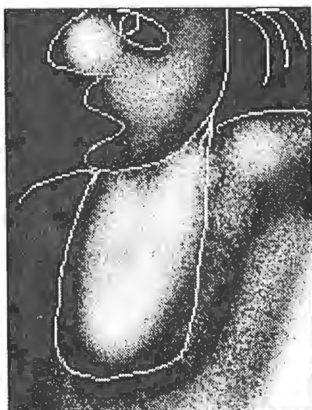
Nước chỉ khác
khi đọng lại.

ĐỖ QUYÊN
Toronto 25.10.98



VÕ THỊ HẢO

MÙI CHUỘT



"Một năm chó dài bằng bẩy năm người." Ai đó đã nói thế nhỉ. Một nhà thơ?

Hưng nhìn con Hẩm nằm gác đầu lên chân trước và đang lim dim đôi mắt có đường vằn nâu y như mắt phượng. Ả mèo đen bụng to kềnh lổn nhổn những bào thai nằm nghiêng thoải mái trên sườn con Hẩm. Hình con mèo ấn lên đám lông đã ngả mầu gio tàn một đường viền dìu dịu. "Con Hẩm đã già rồi" - Hưng nghĩ vậy, và se sẽ bước qua, sợ làm con Hẩm tỉnh giấc.

Bỗng con Hẩm đứng phắt dậy, khiến cho con mèo rơi đánh "bịch" một cái rồi lồm cồm vần cái bụng to tướng xù lông ra giận dữ. Con Hẩm lao vụt vào chân tường, nơi có tiếng sột soạt rất khẽ vừa phát ra. Nhưng ức nó đập đánh huỵch vào chân tường và toàn thân nó bị dội trở lại. Con Hẩm co người lại, lăn lộn trên mặt đất. Nó không biết rằng nó vừa lao vào một bức tường rắn hơn cái ức của nó rất nhiều. Hẩm đau đớn lết trên mặt đất, mũi hít hít theo cái mùi hoi hoi nồng nồng kích thích vừa thoảng qua và khiến nó phải chồm dậy.

Mùi chuột. Hẩm bị thong manh nhưng kịp hít hít cái mùi vừa thoảng.

Hưng rất sợ chuột. Anh sợ chuột hơn đàn bà. Đàn bà làm duyên bằng cách sợ chuột. Còn Hưng, Hưng không sợ hình dáng của những con chuột một tẹo nào. Anh thấy hình hài chúng dễ thương, thậm chí xinh xắn, đôi mắt chúng vừa rụt rè vừa tinh quái và luôn luôn mở không hề nhấp nháy. Anh thấy được vẻ mềm mại mượt mà của lông chuột thậm chí còn muốn đưa tay vuốt ve chúng. Em gái anh thậm chí còn mắc võng cho lũ chuột con

chưa mở mắt bằng những chiếc khăn đỏ và ru "À ơi! Em ơi em ngủ cho ngoan... sang canh trăng lặn..." Còn Hưng, Hưng sợ lũ chuột vì cái mùi hoai hoai của chúng. Một cái mùi chẳng giống ai. Mà trời phú cho anh cái mũi quá nhạy, trong khi vị giác lại kém cõi. Lúc nào anh cũng xét đoán mọi sự vật qua cái mũi. Anh ngửi thấy mọi sự chân thành và giả dối bằng bản năng thính nhậy của loài chó.

Hưng luôn luôn cảm thấy cái mùi hoai hoai của chuột bao phủ khắp nơi anh đứng, anh ngồi và anh nằm. Đêm anh không ngủ yên và thường nằm mơ thấy mình biến thành con mèo đen to tướng sau một tiếng "Ngoào hừ!..." dữ dội. Và suốt đêm, trái tim anh lăn lộn trong ngực phi theo cuộc săn lùng chuột. Những con chuột mà anh không bao giờ săn được vì chúng nhỏ bé và chúng lẩn quá khéo vào những ngõ ngách của các đường phố, các lâu đài, các nhà ổ mướp, các cống rãnh và các kho đụn. Của đáng tội, công bằng mà nói, có lần Hưng đã săn được chuột thật, chuột ở ngoài đời, ở trong căn hộ 6 m2 của anh hẳn hoi.

Đó là ngày tận thế của một con chuột cống. Hôm đó có lẽ thần chuột nản chí không phù hộ cho thằng cháu ngỗ ngược của mình nữa, nên giữa ban ngày ban mặt, thằng chuột cống to cỡ con lợn bỏ ống bằng nhựa của lũ trẻ hay bày bán ngoài chợ, lừ lừ bò vào nhà Hưng. Hưng không tin ở mắt mình nữa - Và, theo bản năng của loài chó, anh nhẹn tay đóng sập cửa lại.

Mãi sau này Hưng vẫn buồn nôn khi nhớ lại cái ngày có một không hai đó. Tất nhiên là con chuột bị chặn hết đường ra. Bắt đầu một cuộc săn đuổi không cân sức giữa một kẻ lớn xác và vụng dại, với một kẻ bé nhỏ nhanh nhẹn nhưng bị tổ tiên ruồng bỏ. Và kết cục là sau vài giờ đồng hồ, con chuột bị Hưng ép vào xó nhà, giữa chân giá sách và chân tường. Trước khi chết hẳn, con chuột kêu ụt ụt như tiếng lợn vậy.

Từ ngày con chuột chết, mùi chuột bên nhà Hưng càng đậm kịt. Anh gầy hẳn đi. Bây giờ hình như anh ngửi thấy mùi chuột cả ở những trang sách anh đọc. Bắt đầu nhìn quanh với vẻ ngờ vực: Chao ôi! Thiên hạ người ta hân hoan thế kia - Chẳng lẽ người ta không biết đến mùi chuột sao?

Và con Hẩm - con chó giống phốc lai becgiê được tìm về ở với anh cũng không ngoài mục đích là có kẻ trừ khử cho anh thoải mái khỏi mùi chuột.

Anh gọi nó bằng một cái tên thuần Việt - tên Hẩm, để theo cái lối các cụ anh xưa, hay đặt tên con là cái Hem, thằng Phèo để lấy "độc trị độc" - khử rủi. Thực ra, thằng con anh thì gọi nó là con "cánh cụp cánh xòe" vì nó có một tai vểnh và một tai cụp. Anh thu phục được Hẩm trong một trận hỗn chiến của đàn chó nhà lẫn đàn chó hoang đang tranh giành nhau điều gì không biết ngoài bãi rác thành phố. Và Hẩm là kẻ bé nhỏ nhưng đã

chiến thắng. Hẩm đĩnh đạc bước đi trên bãi rác như một Hoàng đế đang dạo gót trên thuộc địa của mình. Mõm Hẩm ngậm một con chuột chính hiệu có cái bụng trắng. Và Hẩm không ăn, mà tung lên tung xuống để chơi. Hưng chờ con chó chơi chán mới lẳng lặng theo nó về nhà chủ. Chủ Hẩm nhà có ba con chó. Hai con kia mỹ miều hơn và có vẻ rất được nuông chiều. Còn con Hẩm về nhà mà không dám bước vào cửa, đứng ngó ở bên ngoài. Vẻ sang trọng của nó ngoài bãi rác biến đâu mất. Chỉ còn đọng lại ánh buồn nản trong đôi mắt nâu đen ươn ướt.

Hưng mặc cả không khó khăn lắm. Với một món tiền khá cao. Hai bên cùng thở phào nhẹ nhõm. Chủ nhà khẽ vỗ vào lưng con chó: "Thôi nhé! Từ này mày theo chủ mới. Tao cũng chẳng đủ cơm đâu mà nuôi cả ba đứa chúng mày."

Con Hẩm về nhà Hưng - anh lót cho nó cái thảm chùi chân bằng cói và Hưng được ngủ yên - Mùi chuột không còn ám ảnh nữa - Hưng có phần đẫy ra.

*

Nhưng chỉ được vài năm. Rồi mùi chuột lại trở lại. Có lẽ chỉ là vì con Hẩm - Ban ngày thì không sao - Nhưng ban đêm, chốc chốc nó lại chồm lên sủa và lao sồn sột đi khắp các xó xỉnh. Khi không, mỗi lần con Hẩm sủa, anh lại ngửi thấy mùi chuột. Lần này, mùi chuột không còn hoai hoai, mà còn tanh tanh như mùi máu. Nghe nói thời Trung cổ người ta từng phạt tội người bằng cách vứt người đó xuống một cái hầm tối nhốt toàn chuột đói, để hàng ngàn con vật bé tí răng nhọn đó rút dần từng mẩu thịt người đến khi người đó chết hẳn. Nhưng đây có phải là thời Trung cổ đâu - Hưng tự nhủ - Và cố gắng dỗ giấc ngủ - Nhiều đêm anh ngủ được nhờ thế.

Nhưng con Hẩm thì không. Nay mắt nó đã kém nhiều vì mắc bệnh thong manh, có lẽ do những năm tháng bị chủ cũ bỏ mặc lang thang ngoài bãi rác. Mắt càng kém, thính giác nó càng nhạy lẹ và đêm đêm, nó thường lồng lên sủa.

"Nhà tôi nhiều chuột lắm" - Hưng than vãn với người bạn.

- Lấy đâu ra - Nhà của anh sạch mà lại bé như cái lỗ mũi thế này! Lại có cả một con chó!

- Nhiều chuột thật đấy! Tôi phải kiếm một con mèo - Con chó này bị thong manh.

Người bạn nhìn anh ngao ngán vì không lần nào đến nhà mà anh không trở lại đề tài chuột: "Cái thằng cha Hưng này cũng âm ấm đầu thế nào ấy nhỉ. Hắn sợ chuột quá đàn bà."

Và Hưng để công đi tìm một con mèo - Con mèo có bộ lông đen như trong giấc mơ của anh - Anh mua nó tại chợ Bưởi - Chủ nó biếu luôn cho anh một cái lồng chim để nhốt mèo. Đó là một người bán mèo nghiệp dư.

Con mèo về, Hẩm và con mèo nhìn nhau gầm gừ thủ thế, rồi nhanh như... mèo, mèo ta nhẩy phắt tới, vung tay vả cho con Hẩm một cái vào mặt. Hưng lăn ra cười "Xấu thế, tao cho mày nhịn cơm trưa cho biết thân mà lễ phép với anh Hẩm mày" - Con mèo liền bị nhốt vào lồng chim, anh còn cẩn thận úp một chiếc rổ nhựa có mắt to và dằn bằng ba quyển từ điển dầy cộp. Con mèo gào chán lại nằm trong lồng và lim dim nhìn ra con Hẩm qua khe mắt xanh biếc. Hẩm ta lúc đầu ngoáy đuôi tỏ vẻ khoái chí - Nhưng sau đó cũng chán.

Hưng không biết con mèo và con chó thân nhau tự lúc nào. Có lẽ từ hôm Hẩm ta tha một con chuột từ xó xỉnh nào ngoài kia - Hẩm vốn có tính thích săn chuột mà không ăn chuột. Nên mèo ta được Hẩm cho chuột thì thích lắm - Lâu dần thành quen. Bây giờ, mèo ta chỉ việc nằm lên sườn con Hẩm mà ngủ cho ấm và chỉ biết ăn chuột mà không ngửi được chuột nữa.

*

Nhưng con Hẩm càng ngày càng bị cái mùi chuột hành hạ - Cả đêm nó không ngủ và cái ức gầy guộc già nua của nó cứ liên tiếp bị đập vào tường - Lông nó xơ xác và mèo không thích nằm trên sườn nó nữa.

Hẩm ốm, nó bỏ ăn và không thể lết đi được. Nhưng chốc chốc cái mũi của nó lại hếch hếch và mắt nó lại lộ rõ vẻ đau khổ - Những lúc đó, y như rằng, Hưng lại ngửi thấy mùi chuột - Bây giờ mùi chuột phảng phất hương nước hoa Chanel rởm - Nghe cũng thơm - Nhưng Hưng biết chắc đó vẫn là mùi chuột - Cái mùi đó khiến con Hẩm phải sụp đi trông thấy - Cái mùi mà tựa mùi máu được chưng cất ở ngoài phố, Hưng nghe người ta đồn rằng con chuột ẩn trong tòa lầu nọ vừa đẻ ra người bé xíu. Người này vừa rời ổ chuột liền lớn phổng lên, có comple mặc sẵn đàng hoàng. Hưng không trông thấy nhưng tin rằng người ông ta sặc mùi chuột.

Và cái ngày mà con Hẩm chết chính là ngày mà không gian sực nức mùi nước hoa Chanel rởm. Hưng đang tập thể dục ngoài sân và sửng sốt vì cái mùi đó theo gió đường phố ập đến. Anh chạy vào nhà thì mùi đó cũng vừa sộc vào nhà. Và con Hẩm hộc lên một tiếng - Mắt nó rỉ ra hai giọt nước đặc sánh - Nó thu hết sức tàn rít lên, lao ra cửa và ức nó đập vào bậc cửa lần cuối cùng. Hẩm giẫy chết trong tay con trai Hưng - Nó giấu mặt vào đầu gối và nức lên khóc.

Hưng đặt làm một chiếc hộp bằng gỗ. Anh bỏ xác con Hẩm vào đó, đi

tìm đất chôn. Anh lang thang khắp thành phố. Chôn ở đâu để không có mùi nước hoa rởm Chanel?

Khó quá! Cuối cùng, Hưng tìm đến bãi rác - Nơi ngày xưa, con Hẩm đã khoan thai dạo gót kiêu hùng.

Anh đào huyệt chôn nó, dưới những chiếc chiếu rách, những gói ni lông vỏ cam, chẳng lẽ nghĩa trang của Hẩm là chỗ này sao?

Hưng uể oải đứng lên và vặn lưng - Và kìa, xa xa dưới kia là sông Cái, sông Mẹ kiêu bạc chảy đưa đẩy dòng nước đỏ ngầu đục chỉ đầy rác rưởi kinh thành.

Hưng hái vài bông cúc dại nở buồn buồn bên sông. Anh buông chiếc hộp nhỏ đã trở nên nặng trĩu - Và rắc hoa lên mặt nước - Sông đưa chiếc quan tai của con Hẩm đi. Những bông hoa cúc dại như những ngọn đèn vàng nhỏ xíu bập bềnh trôi theo, ru con Hẩm vào cõi không có mùi chuột.

Hưng về nhà.

Con mèo đen gào lên hoang dại trong tiếng "Ngoào ừ!" Nó vừa đẻ ra ba con mèo bé xíu còn ướt đẫm. Một con vằn vàng và hai con đen.

VÕ THỊ HẢO



NGU YÊN

chuyện người khổng lồ

đơn diễn

những đàn ông ham chơi
thích ra đường
tụ tập   ăn nhậu   tán dóc

những đàn ông ham danh
thích ra nơi công cộng
cặp kè mi-crô
tuyên bố   vỗ tay

mỗi ngày họ cao dần lên
thành những ông khổng lồ
nghênh ngang đạp đổ
vô tình đạp nát vợ con và người chung quanh

những đàn bà cấm đàn ông đi chơi
nhốt đàn ông trong nhà
đàn ông lùn dần
mỗi ngày họ lùn xuống
người đàn bà cao lên
thành những bà khổng lồ
nghênh ngang đạp đổ
vô tình đạp nát chồng con và người chung quanh

đổi giọng sang đọc kinh nhà thờ

hỡi những người khổng lồ
xin thương xót chúng tôi
hỡi những người khổng lồ
xin nhìn xuống chúng tôi
hỡi những người khổng lồ
xin đừng đạp chết chúng tôi

NGU YÊN
Houston 06.2.98



NGUYỄN THỊ HOÀNG

KHÔNG MỘT AI



Mùa tình đã qua rồi. Chúng tôi không còn tụ tập trên những tầng mái cao khi đêm về nữa. Mỗi đứa, tùy theo sở thích và quan hệ, tìm về một góc nhà ấm cúng nào đó, ngồi thu hình lim dim rình chuột. Bọn nó thường trở về nhà, hiền lành, ngoan ngoãn chờ chút cá đổ cơm rơi từ những bàn ăn. Tôi thì chẳng dại gì về nhà, nơi đào bới khắp cùng cũng không ra một vết gì nhai. Người ta nấu nướng vừa đủ ăn, đủ có nghĩa là luôn luôn thiếu, và dẫu có còn chút gì sau bữa ăn cũng đậy đần cất đặt chờ một lần khác lại dọn ra. Đã vậy, không một người nào đếm xỉa gì tới chút hiện diện lặng lẽ trong nhà suốt gần chục năm dài. Kể cả đùa nghịch chọc phá cũng không. Bọn họ, người lớn thì làm lụng rồi nhậu nhẹt, cãi vã, xong lăn đùng ra ngủ và ngáy như lợn rên. Con nít thì đòi hỏi, khóc la, và suốt ngày tru tréo theo những món quà vặt bán rong ngoài đường. Cả xóm này đều sinh hoạt gần như vậy cả. Có một nơi duy nhất tôi khám phá được từ ngày đi theo dấu vết em mui tam thể xinh đẹp và thẹn thùng của tôi. Nhà ấy sát vách nhà tôi, nhưng là một thế giới hoàn toàn tương phản, từ người đến cảnh.

Họ phần nhiều là người lớn, không bóng trẻ con, lại toàn là người nữ. Những con người này thỉnh thoảng nói cười, theo một âm điệu khác, thánh thót hoặc ngất ngây, không như tiếng cười rộn ràng trơ trẽn của bọn người nơi nuôi tôi sống. Thường thường, mấy cô trẻ tuổi đi vắng. Chỉ có bà ấy ở nhà một mình, ngày và đêm. Bà ấy trở thành chủ nhân của tôi. Tôi cũng trở thành khách thân của bà ấy, đầu tiên thì ngày hai bữa, tôi qua ăn cơm cá. Lâu dần, tôi nghỉ lại ba ngày, trên những tấm nệm màu êm ái ngoài hiên khi trời nắng. Ban đêm tôi quanh quẩn dưới lũ bàn ghế láng bóng. Thỉnh

thoảng một cánh tay cuối xuống, ôm tôi vào lòng. Tôi cụng đầu mình vào cánh tay ấy, đáp lại. Cuộc hòa âm lặng lẽ kéo dài cho đến một hôm...

Những tiếng động ầm ỉ rõ ràng nổi lên từ khu vực ấy. Người ta đập phá trong hai ngày liền tan nát thành từng mảnh vụn vôi gạch ngổn ngang căn nhà nhỏ xíu ấy. Tôi chạy lên mái nhà cao nhất ngắm nhìn cảnh tượng tàn phá kinh hoàng này. Bọn người phá phách đều lạ hoắc. Nhưng tôi yên lòng hơn một chút khi trông thấy mấy người nữ trẻ trong nhà ấy trở về, nói năng chỉ chỏ gì với bọn người phá phách hung hăng kia. Họ như cùng vui vẻ tiếp tục công việc.

Tôi nhìn ra con đường hẻm nhỏ, cố mà hiểu bà ấy đi đâu và liệu biết nhà mình bị đập phá tan hoang rồi không. Tôi mong bà ấy về. Nhưng mỗi ngày chờ, chờ cho đến lúc những cơn mưa lâm thâm đầu năm tỏa xuống, vẫn không nhìn thấy bóng dáng thoăn thoắt ấy. Tôi nghĩ, chắc không bao giờ bà ấy trở về, vì sao thì không thể hiểu, nên dần dần, tôi rời mái xuống thấp, không trông ngóng nữa, đi theo những cuộc tình vụn vặt của tôi. Dù sao, cứ mỗi lần trông qua chỗ xưa kia là khoảng hiên nhỏ có đặt ghế nệm dài, tôi lại nhớ. Nhớ trời. Nhớ nắng. Nhớ đêm. Nhớ người. Nhớ những gì không còn nữa. Không bao giờ còn nữa.

Thế rồi, không biết bao lâu sau đó, chỗ nhà đập phá bỗng mọc lên một căn nhà mới màu hồng và trắng. Một chiều, tôi đi từ nhà bếp lên mái trước bỗng nghe tiếng kêu quen thuộc từ nhà mới ấy vẳng sang:

- Mui Đen, Mui Đen, me đây này này.

Tôi quay sang, dừng cái bước ngu xuẩn sắp sửa nhảy vọt qua mái khác đi tìm một cái gì không biết. Chớp chớp mắt, nhắm lại, mở ra mấy lần, tôi không tin vào cái đang nhìn thấy. Trong khung cửa mới, vẫn ở vị trí cũ, nửa hình bà ấy trong bộ quần áo cách đây đã vài năm, hiện lên trong ý nghĩ tôi mỗi lần nhớ đến. Như không có gì thay đổi, cũ và mới, hôm ấy và bây giờ, biến mất và hiện ra. Không có gì đổi khác được nơi bà ấy. Đúng ra giữa bà ấy với tôi. Thế nhưng, xa lâu, tôi chợt ngại ngùng, phải đi quanh qua vài ba mái nhà, trước khi luồn qua cửa trước để vào phía ấy.

Cửa đã lấp kín bằng một tấm lưới sắt lớn. Tôi nhảy len khoảng hở sát tầng trên, ngay đầu cửa, tìm đường nhảy xuống. Như tôi chỉ nhìn xem thử có gì lầm lẫn về cái nhìn lúc nãy. Tôi không còn nhận ra cái gì cũ trong nhà. Mọi thứ đều mới. Chỉ có bà ấy là cũ, và như cũ. Tôi chớp mắt, định chờ đến tối sẽ vào thăm, lúc không còn ai bắt gặp tôi trong dáng vẻ một thứ chỉ đi rình ăn cơm cá.

*

Một cánh tay buông thỏng xuống bất động từ giường nệm nhỏ kê sát

tường. Những ngón tay hình như cử động cố nhếch về phía tôi vừa nhảy vào không tiếng động. Tôi rón rén thêm vài bước, nhận ra bàn tay xương xẩu vẫn vuốt ve tôi, vẫn rỉa xương cá trộn cơm cho tôi ăn từng buổi.

Bà nằm sấp trên giường, đầu và toàn thân lún vào giữa nệm, bất động, như một cái xác khô.

- Me ơi, tôi thử gọi.

Không tiếng đáp lại. Tôi tới gần, cọ mặt vào bàn tay. Một ngón tay di động nhẹ lên đầu tôi. Tôi hỏi tiếp:

- Me ơi, me không ngủ à, khuya lắm rồi.

- Không ngủ. Miu đen à.

- Không ngủ, vậy me đang làm gì.

- Ta đau, đau lắm con ạ. Đau đến không cử động được, và cũng không ngồi dậy được. Ta khát nước quá, phải chi có một hớp nước, nước trên cái bàn kia kìa, ở đó, có một chén sâm, một tách trà, và một chai nước lọc... nhưng ngoài tầm tay của ta.

Tôi cúi đầu rên rỉ:

- Còn con, con cũng không đi lấy nước ấy được cho me. Con phải làm sao bây giờ.

- Không phải làm sao cả, con có mặt là được rồi, lúc này ta cần có mặt bất cứ một sinh vật gì cũng được, thật quý giá, huống gì con, con hiểu và nghe ta, con cũng nói và ta nghe được tiếng con. Tóm lại, cái quý giá nhất là những lúc không một ai này, lại còn có một cái gì đó đối thoại được cùng mình, đối thoại, con hiểu đối với con người, điều đó cần thiết đến chừng nào không, nhưng phải đúng thứ tiếng phải nghe hiểu nhau mới được...

- Con hiểu rồi, nhưng me đau, cần phải lành, khát, cần uống nước. Con không làm được hai điều đó. Hay là...

- Con nghĩ đến mấy chị ấy, có phải không.

- Dạ, con nghĩ đến việc làm thế nào gọi được mấy chị ấy về ngay.

Bà ấy hình như cười trong mớ tóc rối lật úp.

- Có thể nào ta gọi để mấy chị ấy phải bỏ một buổi làm, chỉ để về cho ta uống nước. Ta nhịn khát được đến mai, hoặc đến hết cơn đau sẽ tự dậy lo liệu lấy... Nhưng để hết cơn đau, ta cần có một chút dầu... một chút dầu đánh vào gáy, cườm tay và phía sau xương sống. Buổi tối, ta đã tự xoa bóp khắp người cho nóng khí lại, nhưng những chỗ ấy thì... tại trời không cho thêm con người một bàn tay phía sau lưng...

- Làm sao gọi mấy chị ấy về xoa chút dầu cho me. Con đi gọi.

Cánh tay quờ quạng nhẹ vào khoảng không như xua đuổi điều gì đó trên mình tôi.

- Con làm sao mà gọi được...

- Ờ, mà con quên hỏi, me đau cái gì vậy?

- Ta đau mà chẳng mắc bệnh gì. Con người hoặc sống vật chất, hoặc sống tinh thần, hoặc tình cảm, hoặc thần khí. Hoặc tất cả ấy. Ta không cần và không sống bằng các thứ kia. Ta chỉ sống bằng khí. Khí kiệt thì đau.

- Tại sao mà khí kiệt.

- Khí kiệt vì thần suy.

- Tại sao thần suy.

- Thần suy vì tâm tán.

- Tại sao tâm tán...

- Đừng bắt ta nói tiếp cái không thể nói ra nữa. Vả lại, con cũng không thể nào hiểu được. Hãy biết ta đau vì thiếu khí, như người ta thiếu máu ấy.

- Khí ấy ở đâu, con đi lấy về, có được không.

- Không những không lấy được, mà ta cũng không lấy được, trời cũng không lấy được. Vì, khí ấy không một ai lấy được mà chỉ tự đến.

- Khí ấy ở đâu vậy me, mà tự đến.

- Từ trời.

- Từ trời thì đi lên trời lấy xuống.

- Đi lên trời thì cũng có thể được, nhưng lấy khí ấy từ trời thì không.

- Tại sao như vậy, me.

- Bởi vì, tương thông thì nối, đứt lìa thì khí tan. Con lấy làm sao được...

- Con không hiểu, nhưng con phải làm gì cho me ngay tức thì, con nghe tiếng me nói, một lúc một yếu dần, như hụt hết cả hơi...

- Phải rồi, ta hụt hết cả hơi, ta nói với con, bằng im lặng. Còn bằng tiếng người lúc này thì... muộn rồi, không thể nữa, ta không nói năng, cử động, xoay trở gì được nữa rời. Miu đen ơi, một chút dầu vào sống lưng lạnh ngắt của ta...

- Hay là... con thử xoa dầu cho me...

Như có tiếng cười xa vẳng từ trong gối vọng ra:

- Miu Đen ơi, con xoa dầu ư,... rồi da ta sẽ te tua như nùi giẻ rách thôi. Ta không phải là con chuột cho con xoa... con hiểu không. Con không xoa được. Mà chỉ tát, chỉ cấu, chỉ xé. Bàn tay tát thì không phải là bàn tay xoa. Mà bàn tay xoa thì không bao giờ tát. Không, ta nói dối đấy, bàn tay tát thì không bao giờ xoa. Nhưng bàn tay xoa lại cũng có thể là bàn tay tát... Đó là cách ta nói chỉ là một cách nói trừu tượng, còn thì không tát cũng không xoa.

- Trừu tượng là gì me.

- Là cái gì vô hình, không thức, chỉ trong ý niệm.

- Chuyện con người, quá chừng khó hiểu.

- Chuyện con người, con người cũng không hiểu, huống gì con. Nhưng con vừa hỏi ta cái gì... Ừ, ta nhớ ra rồi. Một bàn tay tát, một bàn tay xoa... con có tin không, ngày xửa, ngày xưa, có một vị thần, hai bàn tay khác nhau, một bàn tay thì cứu người, một bàn tay thì giết người... Cả hai ấy cùng trong một con người, một trái tim, một thế giới...

- Vị thần ấy đâu me.

- Trong cổ tích.

- Thế, chặt bớt tay tất chỉ còn tay xoa được không...

- Không, không, ta yêu quý cả hai bàn tay ấy của vị thần, bởi vì tay tát hay tay xoa cũng là một, khi ta đang tát thì vị thần tát, khi ta đang xoa thì vị thần xoa, đó là công lý của ta. Và ta chưa bao giờ bị trừng phạt dài lâu.

- Thế bây giờ me đau và thiếu khí cứu sống, có phải là hình phạt không.

- Đó là hình phạt lớn nhất và sau cùng, nhưng chính ta chuốc lấy...

- Con không hiểu...

- Ta không thể giành phần sống cho ta và hao bớt phần sống của những người khác, nên ta nhịn thở, như người khác nhịn ăn vậy...

- Trời, con cảm thấy khí lạnh từ mẹ toát ra, con đi gọi chị ấy về.

- Ta làm gì có khí mà lạnh hay nóng. Gió đấy, gió từ cánh cửa mở trời sắp mưa mà ta không đứng dậy được để đóng cửa và kéo lại màn.

- Con đi... con đi điện thoại gọi mấy chị về, giờ này, họ còn ở quầy đếm tiền không.

- Con có làm nổi việc này không chứ, nhưng ta không viết được nữa rồi, con ghi lấy đi, bằng nhớ hay bằng chữ, vào bên kia bàn, số như thế này... này...

Tôi chống cả hai chân lên gờ nệm. Bà ấy không nói gì nữa. Tôi làm sao mà ghi cái số ấy lại, trên tờ giấy, trong bộ nhớ. Làm sao mà đi ra đường, tìm chỗ điện thoại, quay số và gọi... Những gì có thể làm, nói năng hay diễn tả, chỉ có thể xảy ra giữa quan hệ duy nhất trên cõi con người là bà ấy nói với tôi, ngoài ra, đối với cuộc đời này tôi chỉ là con mèo đen câm nín còn bà ấy thì... thì... có cách gì cứu được bà ấy... trời, hay người, hay một ai...

Bỗng nhiên, tôi nghe lại giọng nói của bà ấy, vừa xa xăm vừa thánh thót như nhắc đến điều gì đó... điều gì ở vị thần cổ tích ấy... Tôi cố moi hết đầu óc thông minh, những khả năng súc vật có thể của tôi để nói hay làm một cái gì, tôi tin là sẽ đổi thay được tình thế, còn rồi ra sao, chỉ có trời trên cao ấy may ra...

Tôi không tính toán suy nghĩ, như có cái gì nhập vào tôi tiếp sức:

- Me ơi... me nói bàn tay xoa ấy... dẫu là thần, dẫu là cổ tích nhưng

bây giờ nơi đâu...

Hình như thân thể bất động ấy xoay chiều nhẹ và êm trên mặt nệm. Cái đầu từ từ nâng lên khỏi gối, hai cánh tay cất khỏi mặt nệm, khuôn mặt tái xanh, già cỗi, lụi tàn của bà ấy, như một người nào khác con người tươi cười tôi vẫn thấy hiện ra nơi cửa sổ ngày nào hắt lên một vết sáng mờ nhợt nhạt.

- Bàn tay ấy... bây giờ ở đâu... nơi đâu, miu đen ơi, con nói cái gì, con nói cái gì thế... Con ơi, ta đang mê, giấc mê dài thăm thẳm và không bao giờ tỉnh ra được nữa. Mà sao con đánh thức ta dậy, con phục hồi lại ký ức ta, con... con con cào cấu vết thương của ta... con, con...

Hình hài ấy bật dậy khỏi giường. Bên ngoài, trời chuyển gió. Những vết sét sáng ngoằn ngoèo trong chân mây kết thành ánh chớp xanh giật liên hồi từng cơn, và bỗng nhiên, trong thinh không vắng lặng tuyệt mù kia tiếng sấm giông chợt nổi dậy như lay chuyển cõi xa vời nào. Rồi hơi mát lan tỏa mỗi lúc một gần từ những tầng trời âm u mây và chớp ấy, cho đến khi, nghe như hàng loạt những đàn chim bé nhỏ vỗ cánh trên mái nhà trú xứ của đời tôi. Trời mưa.

- Trời mưa, mưa được rồi, phải không miu đen.

Bà ấy đứng lên, như có phép lạ dựng đứng một tĩnh vật khô, hai tay vịn vào vách trống, bước dần ra cửa lớn. Mưa tỏa nhẹ như trời rây bột xuống cái màn đen thăm thẳm ngoài kia, giữa những vết sáng lòa bốc mùi thơm của đất. Tất cả mọi cánh cửa của ngôi nhà đều mở, như từ buổi chiều, từ đầu hôm... Bà ấy ngửa mặt nhìn trời rồi quay ngoắt lại, nhanh hơn cả tôi khi vồ miếng mồi tạt ngang bóng tối, lấy quần áo khoác vào người, tuôn xuống nhà dưới.

- Mẹ ơi, khuya, khuya lắm rồi, trời mưa, mẹ đau, mẹ đi đâu, mẹ ơi, tôi gào lên, bằng tất cả hơi sức có thể của một con mèo.

Tôi gào lên trong tiếng gió tiếng mưa, tiếng cửa mở và tiếng chân bước ra ngoài bóng tối.

- Mẹ ơi, mẹ ơi, mẹ đi đâu mẹ ơi...

- Ta đi tìm trời, miu đen ạ, đi tìm trời để lấy lại khí sống của ta...

Nhà cũ, bà ấy bỏ đi. Bây giờ, cả nhà mới bà ấy cũng bỏ đi. Hẳn còn một ngôi nhà nào đó khác ở trên trời. Chắc trên ấy không có chuột, không có cơm. Và tất nhiên là không làm gì có cá. Nhưng bà ấy đi đến đó, đi tìm cái để sống, vì nơi này không có, hay không còn nữa. Nơi ấy, bà sống được, thì tôi sao lại không.

Tôi lách mình ra khe cửa mở, lao nhanh ra ngoài đường hẻm tối. Tôi không nhìn thấy bà ấy đi về phương hướng nào, nhưng nghe tiếng chân và cảm được mùi hương, một mùi hương đã tắt từ lâu rồi, bỗng thoảng lên như



NGUYỄN BẮC SƠN

cỏ và người đàn bà

Tôi thích nơi nào nhiều cỏ mọc
là nơi mặt đất rất hồn nhiên
nằm lăn xuống đó tha hồ mộng
tỉnh ra xóa hết mọi ưu phiền

xem thường đau khổ

Phật bảo đời như là bể khổ
ta cười sướng khổ bổ sung nhau
còn sống còn vui còn múa hát
khổ đau như nước chảy qua cầu

đi câu

Ta thích ngồi câu bên bờ sông
để cho tâm trí được phiêu bồng
cá chẳng đớp mồi càng thích chí
miễn là câu được đám mây bồng

NGUYỄN BẮC SƠN

từ cơn mưa mà tới. Tôi lại gào lên, không phải tiếng gào tuyệt vọng đầu tiên nữa, mà mừng vui.

- Me ơi, chờ chút xíu, cho con đi tìm với, cho con đi lên trời tìm khí ấy với, me ơi.

Chỉ có tiếng đêm hú trong lời gió lan dài cuối ngõ.

NGUYỄN THỊ HOÀNG



NGUYỄN MAI NINH

BÃO CÁT



Trong khoảng giữa buổi chiều thăm viếng cơ sở và dạ tiệc, tôi chạy về nhà thay quần áo. Dưới vòi nước ấm, tôi nao nao xúc động nhớ lại từng khuôn mặt bạn bè. Ngoài một hai người thỉnh thoảng gặp nhau nhờ ở lại nơi này sau khi tốt nghiệp, còn hầu hết thì sau một phần tư thế kỷ đã qua đi, bây giờ mới tái ngộ. Làm sao không ngẩn người trước những tên bạn ngày xưa mặt mũi căng hồng tí tửng nhố nhăng, giờ đây làn da gấp nếp, râu ria đạo mạo, ra dáng xếp lớn xếp nhỏ cả rồi. Và dấu chân chim của thời gian càng rõ rệt hơn nữa, nơi những cô đầm bạn gái của tôi.

Sau bao năm biệt tích, cách đây mấy tháng, vợ chồng tên trưởng lớp gọi tìm tôi ngỏ ý muốn làm cuộc họp mặt bạn bè toàn lớp kỷ niệm hai mươi lăm năm và nhờ tôi tổ chức buổi viếng thăm trường cũ cùng vài cơ sở liên hệ quanh vùng. Trong đám bạn tôi ngày ấy, hai người này đã là vợ chồng khi vào năm thứ nhất; năm sau nữa lại một cô đám cưới và đến năm cuối cùng thì một tên khác lấy vợ. Đa số đã về đây từ tối hôm trước, nhưng sáng bữa sau tôi mới gặp lại tất cả trong giảng đường của ngôi trường đã khác hẳn năm xưa, hiện đại hơn, đồ sộ hơn với sự đóng góp của nhiều ngành kỹ nghệ. Bạn bè nhận ra nhau, qua lúc đầu bỡ ngỡ là ồn ào niềm vui. Đến nỗi, sau khi ông giám đốc hiện thời vừa chấm dứt vài lời chào đón bọn học trò cũ, tên nghịch ngợm nhất khi xưa đã cởi ngay áo veste, trèo lên bàn, phóng tung những chiếc tàu bay giấy mà hắn vừa gấp vội vàng. Chúng tôi vỗ tay la ó náo nhiệt như thuở nào.

Bữa tiệc đêm được tổ chức trong một trang trại đã tân trang thật

thích hợp với kiến trúc trong vùng. Những xà nhà nâu bóng, những bức tường đá nổi cùng bàn ghế gỗ mượt nước thời gian, đã được chủ nhân chủ tâm chọn lựa khi biến nông trại này thành một khách sạn nhà hàng nổi tiếng. Sự tân trang này tạo ra khung cảnh lịch sự ấm cúng bên trong mà vẫn giữ lại được chút quê mùa nên thơ của cảnh vật ngoài vườn. Khoảng sân nuôi gà vịt, súc vật xưa kia nay trở thành sân chính, ba bên được bao bọc bằng những dãy nhà ăn, khách sạn và phòng tiếp tân. Đây đó còn một miệng giếng đá cổ dưới giàn hoa leo tim tím và bồn nước uống cho ngựa. Góc kia là chỗ chất cỏ khô, máy ép nước táo với những thùng gỗ sồi đựng rượu. Chung quanh, những hàng cây xum xuê ửng đầy táo đỏ của mùa thu. Trang trại cách thành phố khá xa, đường đi quanh quất. Tôi chạy lạc một vòng nên đến nơi khi mọi người đang vào bàn. Chưa biết ngồi đâu, tôi chạm phải ánh mắt N., một thúc đẩy vô hình, tôi ngồi xuống cạnh anh. Bên phải N. là một người đàn bà mảnh mai, tóc bạch kim sáng dưới ánh đèn. N. giới thiệu vợ mình. Tôi đưa tay ra, cầm lấy một bàn tay mềm nhưng hờ hững, giống màu mắt xanh thẳm lạnh lẽo của cô. Chúng tôi bắt đầu ăn uống trong không khí ồn ào náo nhiệt. Sau một ngày hội họp, tuy có lúc vui tếu nhưng thường bắt buộc phải nghiêm trang, bây giờ mới được thả giàn thoải mái. Cả bọn hồi sinh, hoàn đồng, đứa nào cũng tranh nhau thăm hỏi. Nghe từng mẩu chuyện, nhìn từng người bạn một, diện mạo thay đổi đã đành, tôi còn ngạc nhiên biết bao trước những thay đổi về cung cách, về con người. Hình như chẳng phải do thời gian, mà chính là đời sống và cách sống đã làm người ta đổi khác đến như vậy.

Anh chàng M. chuyên học gạo hồi xưa, lúc nào cũng chúc đầu vào đống sách, cặp kính cận dầy nặng trễ xuống tận miệng, đang huênh hoang khoe rằng, bây giờ cái giường của anh ta kê trên máy bay. Làm phó giám đốc một hãng truyền thông lớn, cứ rời các buổi họp là anh ta trèo lên máy bay ngủ khò lấy sức. Bao năm nay không sờ tới một quyển sách. Còn cậu J. mặt mày trắng bóc thư sinh, vô cùng nhút nhát, cứ đứng trước mặt các cô là bắt đầu lắp bắp. Thế mà giờ đây cũng điềm đạm, chững chạc bên bà vợ khá duyên dáng. J. giảng dậy ở mọt thành phố khác, nghề nghiệp giúp J. chế ngự được tật nói lắp của mình. Còn con bạn tếu của tôi! Cuối cùng nó cũng lấy tên bồ bác sĩ, nhưng rồi li dị sau đó. Nó là đứa duy nhất đã bỏ hẳn cái ngành chúng tôi theo học. Không dưng, nó chán nghề, ghi tên học môn luyện giọng cho trẻ em bị ngọng. Nó cười khoe:

-Bây giờ, tao giao thiệp toàn với bọn tai to mặt lớn. Thấy tôi tròn mắt, nó nhún vai:

-Mày không biết, con nít đến tao chữa, toàn là con của họ. Ấy, bọn chính khách chuyên dối gian thánh tướng, nên lũ con thường ngọng cả!

Cuối bữa ăn, khi nhà hàng dọn cà phê và rượu mạnh, chúng tôi bắt đầu giở ra những tập hình cũ của mỗi người mà trước đó tên trưởng lớp đã dặn dò mọi người nhớ đem theo. Tấm này, cả nhóm mặt mày còn non, bảnh chọe trong y phục dạ hội, tấm kia trong khu chợ souk, mấy đứa đang dằng dai mặc cả mua cái púp trong nửa tiếng đồng hồ, chỉ để xuống giá vài đồng! Những gian hàng vải vóc, gia vị màu mè sặc sỡ. Quán trái cây bên đường treo những chùm cam qBt kết thành dây vàng rực...Và tôi, trên con lạc đà có con mắt lồi thật hiền từ với hàng mi dài rậm. Chỉ nhìn qua đã nhớ ê ẩm cơn đau đáy lưng và hai bên đùi. Những hình ảnh gợi lại các pha đùa nghịch hài hước trong chuyến đi sa mạc Bắc Phi hai mươi lăm năm trước, trải đầy trên mấy chiếc bàn. Có cả tấm chúng tôi quấn chăn chùm mền mỗi người một đống ngồi sát bên nhau. Bao nhiêu kỷ niệm tưởng chừng đã quên không ngờ sống lại đêm nay với những lời bàn ra tán vào, chọc ghẹo. Bỗng tên trưởng lớp cầm một tấm ảnh giơ cao:

-Ê, đứa nào nói được hai cái bóng ma âu yếm này là ai, tao thưởng! Mọi người nhao nhao:

-Đưa xem, đưa xem... Tấm ảnh chuyền đi, người bảo tên này, kẻ nói tên khác, tên trưởng lớp vẫn lắc đầu. Khi đến bàn tôi, con bạn nhanh tay chụp trước, tôi chưa kịp ngoái sang tay nó, hắn đã nheo mắt ngó lại tôi. Tên trưởng lớp cũng nghi ngờ ngửng lên, ánh mắt nửa xác định nửa chế riễu, vợ hắn đứng sau lưng cười mỉm. N. choàng tay với lấy. Tôi liếc qua. Một tấm hình thiếu ánh sáng, mờ mờ hai bóng người dựa bên nhau, nhưng một cái lu đất sáng rõ hơn trong góc ảnh, như có ánh đèn rọi thẳng vào. Vợ N. cũng quay sang ghé mắt nhìn. N. đút ngay tấm ảnh vào túi áo, rồi thản nhiên cầm ly rượu giơ cao về phía tên trưởng lớp:

-Cám ơn bạn, đã cứu ta trong cơn bão cát, lại còn chụp cho tấm hình kỷ niệm.

-Hì hì, cho gì! Tao bán đấy. May mà lúc nào tao cũng đeo theo cái máy ảnh. Bọn còn lại chợt hiểu ra, vỗ bàn rầm rầm:

-A, nhớ rồi, hai đứa nó trốn biệt vào đó bàn chuyện thế sự để tụi mình lo sốt vó! Bên kia N., vợ anh cũng cầm ly mình lên uống cạn rồi cô chau mày đặt xuống. Tôi không uống rượu, nhưng mặt nóng bừng, hai tay loay hoay, không biết để vào đâu. May thay, lúc ấy, ban nhạc trên cái sân khấu nhỏ ở góc phòng, vẫn chơi nhạc nhẹ từ đầu bữa ăn, vừa đổi qua một điệu nhảy sống động. Vợ N. đứng ngay dậy kéo tay chồng, N. bước theo. Con bạn bấy giờ huých tôi:

-Hắn tỉnh bơ thật, mà có sao, đâu còn gì giữa họ nữa! Tôi trông theo, chẳng hiểu sao không chút ngạc nhiên nào. Vợ N. nhảy rất đẹp, nhưng mặt cô không tươi cười mà lành lạnh.

-Này mày, giọng nói và màu tóc cô ta không hẳn Pháp. Con bạn gật đầu, chép miệng:

-Ờ, gốc Đức, bởi vậy quen gì nổi cái xứ mênh mông là biển của N. Rồi nó chợt nghiêm trang:

-Còn mày, chia xẻ bớt chuyện đời cho tao nghe đi. Tôi gạt liền:

-Thôi mày ơi, chuyện tao như con cá chết, mày nên nghe mấy đứa kia kể chuyện vợ chồng con cái, tậu nhà tậu cửa, coi bộ thích thú hơn. Mày có biết D. đang tính bỏ việc sang Dakar chạy đua xe hơi không? Vừa nói tới đó thì D. xuất hiện, nghiêng mình kiểu cọ mời tôi một bản, còn đùa thêm:

-Nhảy hết bài nghe M., đừng có xô tôi nhào xuống đất như hồi xưa đó nhé! Tôi bật cười. Bao nhiêu năm rồi, anh ta vẫn chưa quên! Trên sàn nhảy, thỉnh thoảng chúng tôi đến gần vợ chồng N. Chỉ thoáng qua màu áo nâu nhạt và chiếc cà vạt hồng của N., tôi bâng khuâng thoáng nhớ một lần nào như thế khi chúng tôi còn rất trẻ.

Bản nhạc vừa dứt, tôi cảm thấy ngột ngạt vì khói thuốc, nên bước về phía bên kia phòng ăn, có cửa mở ra một khoảng sân nhỏ che kính, trồng nhiều loại hoa miền nhiệt đới. Bầu trời đêm đen thẫm, xa xa trong vườn, vài trụ đèn lồng rọi trên sân sỏi và những giậu hoa hồng nở muộn. Tôi dễ thở hơn với bóng tối dìu dịu. Một nỗi buồn khó tả, nhè nhẹ trong hồn tôi. N. đã đẩy cửa bước vào, tôi thốt nhiên rùng mình, đưa tay ôm lấy hai vai. N. làm như không thấy, mà có lẽ anh chẳng thấy thật, nói tự nhiên:

-M. ra nhảy chứ, đứng đây coi chừng lạnh. Tôi biết không thể nào khác hơn, đành theo anh. Nhiều cặp chuyển động giữa sàn, nhưng vợ N. với màu áo voan xanh nổi bật hơn tất cả. N. vừa nắm tay tôi bước vào điệu nhạc vừa nói:

-Cô ấy có thể như thế cho tới sáng. Tôi cố thản nhiên:

-Thì anh cũng vậy, chìm trong biển, từ sáng đến chiều! N. chẳng trả lời, kéo tôi vào một góc thoáng, rồi hỏi thật bất ngờ:

-Sao tối nay M. không mặc áo dài như đêm năm xưa?

-À, tôi...không nghĩ tới.

-Cũng may, M. mà mặc, thằng D. lại dành mất!

Thật lạ, cả N. và D. cùng gợi lại đêm khiêu vũ mà bọn sinh viên năm cuối chúng tôi tổ chức theo thông lệ của trường, để lấy tiền du lịch trước khi mãn khoá. Trong lớp, hai mươi mấy học trò, chỉ có năm đứa con gái. Chúng tôi làm nữ tiếp viên mệt khờ cho đêm ấy đông gần ngàn người vì nổi tiếng nhất thành phố, luôn luôn thành công. Số tiền lời dư thừa cho cả lớp lang thang hơn mười ngày qua Bắc Phi, xuống sâu vùng sa mạc.

Trong buổi dạ hội năm đó, đến khoảng nửa đêm, khi phận sự hướng dẫn quan khách đã xong, bọn tôi mới được vui chơi. Vừa cởi tấm khăn

quàng tiếp tân ra khỏi chiếc áo dài lụa bạch là tôi bị D. chạy tới lôi ra sàn nhảy. Hắn tấn công ngay:

-Không ngờ áo Việt Nam đẹp quá! Tao... D. chưa dứt câu, mấy tên bạn nhảy gần đấy với qua:

-Ê, không được giữ lâu nhé, nhường phần cho tụi tao. D. lắc đầu quầy quậy:

-Tao độc quyền, với cái áo này, ôm cổ trong tay cứ y như là cổ chẳng mặc gì hết! Tôi ngượng chín người, xô mạnh D. ra, anh ta loạng choạng mấy bước, bọn bạn chung quanh cười òa. Không biết N. đang ở đâu gần đó, chạy tới gỡ rối, rủ tôi ra quầy nước. Khi tôi đã nguôi, N. mới nói:

-Hôm nay M. thật khác. Không thể nhận ra cô sinh viên ngày thường tôi vẫn thấy, áo pull, giầy ống. Ở xứ M., cô gái nào cũng mặc áo kiểu này ư? - Tôi gật đầu:

-Vâng, bọn con gái đi học đồng phục như vậy cả, màu trắng - rồi nói thêm - nhưng vải dầy hơn! N. nheo mắt cười, xoay ly rượu trong tay:

-Chỉ tưởng tượng thôi, đã thấy dễ thương quá! Mình ra nhảy nghe M.

Đã hai mươi mấy năm trôi qua, bây giờ hơi thở N. cũng nồng thơm mùi rượu. Cánh tay anh ấm áp sau lưng, và bàn tay kia anh xiết nhẹ những ngón tay tôi. Tự nhiên tôi muốn thả người để được rơi vào một cõi bình yên. Tâm hồn lơ lửng theo tiếng nhạc, chập chờn trong hai tà áo dài của thời tuổi trẻ lượn bay như cánh bướm. N. ôm sát tôi vào anh hơn, cúi xuống trên mái tóc, lùi xa dần những người khác. Vai tôi chạm vào tấm ảnh anh bỏ trong túi áo sơ-mi. Cả hai cùng bật tiếng cười. N. nói nhỏ:

-Sao M. không hỏi thăm tôi ra sao từ độ ấy? Tôi kêu thầm trong bụng, ừ, anh khôn lắm, muốn tôi hỏi anh ra sao, để anh có thể hỏi lại tôi thế nào chứ gì? Và tôi sẽ phải trả lời anh! Tôi biết tôi vẫn nợ anh câu trả lời từ độ ấy rồi mà. Xin anh hãy tha tôi đi, N. ạ.

N. đưa tay đẩy tôi quay một vòng rồi dịu dàng kéo lại. Không thể tránh được, tôi cười trong mắt anh:

-Không cần hỏi, tôi đã biết, trước sau gì anh cũng trở về vùng biển của anh. Nghe nói anh có việc làm quan trọng nơi ấy mà.

-M. đâu biết được, trước khi tìm ra việc ở đó, tôi qua nhiều thăng trầm, khó khăn. Mỗi lần chán, hết tinh thần, là mỗi lần nhớ lời M. chế nhạo, tôi có chút thông minh nhưng hay để cho xúc động chiếm lĩnh trí tuệ. Tự nhiên tôi thở dài tiếp lời anh:

-Nhưng cũng chẳng ra gì, thứ trí năng trần trụi cảm xúc! Nghe tôi nói thế, N. buông tay, nâng nhẹ cằm tôi, ngập ngừng:

-Này, cô bạn nhỏ, sao cô nói vậy...cô hạnh phúc không? Ôi thôi rồi, tôi phải nói gì đây! Tôi luôn luôn sợ phải nói về mình như chạm phải một

con rắn độc. May thay, bản nhạc chấm dứt ngay lúc đó. Tôi nhẹ nhàng gỡ tay, trước khi bước đi tôi ghé vào tai anh:

-Đừng giữ tấm ảnh, bão cát trong sa mạc đã ngừng nghỉ lâu rồi.

Sa mạc sắp hiện ra, sa mạc mênh mông, hoang vu mà chúng tôi náo nức đợi chờ ngay từ đầu cuộc hành trình. Cuối con đường quốc lộ tráng nhựa, khi xe qua một cây cầu lớn là bắt đầu địa phận hoàn toàn trấn ngự bởi thiên nhiên. Hai bên cát vàng cháy, khi cuộn tròn thành những đồi xoáy mịn màng, lúc thênh thang trải tràn tận chân những dãy núi chập chùng. Có ngọn trắng xóa nhọn tưởng xuyên trời, có ngọn đỉnh cắt bằng như một bức tường đỏ quạch khổng lồ. Thế giới bên kia dãy núi ra sao? Có khác thế giới bên này, không bóng người, không sự sống, không màu xanh cây cỏ? Trong chiếc xe ca lắc lư trên con đường đất nện, bọn con trai chụp hình lia lịa. Những luồng gió nóng rát tát qua mặt, hừng hừng. Tôi đang mải mê nhìn cảnh vật, con bạn ngồi đằng sau vỗ vai:

-Này mày, nếu xe bị pan, ngừng lại chỗ này, chắc chết! Tôi giật mình, đồng tình với nó, nhưng nạt:

-Mày chỉ nói bậy. N. ngồi dãy ghế bên kia phụ họa:

-Đẹp ghê, y hệt phim cao bồi, nhưng hoang vu quá, tao thích biển hơn. Con bạn quay sang:

-Mày thì lúc nào cũng biển! Cứ thử đắm tàu giữa biển mà xem, đâu hoang vu hơn. N. không cãi, thò đầu ra ngoài khung cửa, bỗng reo lên:

-Ê, nhìn xem, có sinh vật! Cả lũ chồm ra. Từ đằng xa nhiều đốm màu đang di động, xe đến gần, một đoàn du mục. Những bị, những túi, đồ dùng soong chảo, bầu nước...đầy màu sắc lủng lẳng đeo cổ những chú lạc đà lênh khênh. Những người đàn ông miền núi mặc áo vải thô, đầu quấn khăn vành dầy. Mấy người đàn bà chùm khăn mỏng chỉ để lộ cặp mắt, ôm vài trẻ nhỏ, lắc lư trên lưng lạc đà, giữa hai bướu u cao. Ngoài tiếng vật dụng va chạm kêu loeng xoeng, cả đoàn im lặng. Tôi có cảm tưởng họ đang làm một cuộc hành hương, vừa đi vừa âm thầm cầu kinh. Xe lướt qua, chúng tôi ơi ới vẫy chào. Họ vẫn thản nhiên, lặng lẽ tiếp tục cuộc hành trình hàng một. Con bạn lại than thở:

-Trời ạ, có vài con lạc đà, còn cả lũ đi bộ! Bao giờ mới tới nơi, rồi đêm xuống? Tôi trấn an:

-Mày khéo lo, sống quen thế, họ phải biết. Nói vậy nhưng tôi bắt đầu nghĩ ngợi đến đêm nay, sẽ trú ngụ ở đâu, có đến kịp một thị trấn nào trước khi trời tối?

Và chiều hôm ấy, chúng tôi vào đến một nơi không phải làng, chẳng là xã. Chỉ là một cụm nhà nhỏ giữa sa mạc. Khi người hướng dẫn viên bản xứ chỉ căn nhà lớn nhất bảo đó là nơi chúng tôi sẽ ở lại đêm nay, bọn con

trai ồn ào huýt sáo, mấy đứa con gái nhìn nhau e ngại. Ông ta và cả bác tài lái xe quay lại nhắc nhở:

-Các cô cậu đòi sống giống hệt dân du mục cơmà! Thế là cả bọn đành im miệng, xuống xe líu ríu ôm hành lý, ba lô đi vào căn nhà đá trắng. Trời đã chạng vạng, nhiệt độ thấp hơn thấy rõ. Đây là một căn nhà hai từng, chắc đã quen đón khách du lịch. Họ dẫn chúng tôi lên lầu trên, ngoài dãy nhà tắm có hai phòng ngủ lớn, mỗi phòng hơn mười cái giường. Lũ con trai một bên, con gái một bên, tấm bảng trên tường chỉ rõ như thế. Năm cô gái nhìn căn phòng thênh thang, con nhỏ bạn rên rỉ:

-Lại cũng hoang vu! Trong khi bên kia, tụi con trai không đủ giường, ồn ồn nhào qua khuân luôn mấy cái sang phía họ. Tầng dưới là dãy nhà ăn, có cả phòng đọc sách. Vài ba cuốn tiếng Anh, một ít tiếng Tây trên kệ, còn lại là những giòng chữ ngoằn ngoèo. Giữa tầng trệt này là một sân rộng hình tròn. Nhìn lên cái nóc bằng kính, tôi thấy một vòm trời bắt đầu cuộn mây, nhưng là một thứ mây mang áng trời rất đỏ. Khí lạnh bắt đầu từ dưới đất bung lên, từ trên ập xuống.

Sau bữa cơm chiều, chúng tôi mừng rú khi có đoàn vũ công dân tộc đến biểu diễn. Họ chỉ có năm người, hai nhạc công và ba cô gái mặc váy màu sặc sỡ, thân trên quấn áo thật sát ngang ngực, một chiếc khăn voan che kín mặt và tóc. Chúng tôi ngồi vòng quanh khoảng sân tròn, trên những tấm thảm len. Trong khi họ sửa soạn, dù mặc hai ba lớp áo mấy đứa tôi đã bắt đầu run lập cập. Một tên có sáng kiến, thế là cả bọn leo lên phòng, gỡ hết ra giường và chăn đem xuống. Mỗi đứa quấn chùm quấn đụp quanh người thành một ụ. Ngồi gần, tôi loáng thoáng thấy mấy cô vũ nữ vừa uốn người theo điệu trống vừa không nhịn được cười sau làn voan mỏng. Chương trình chỉ kéo hơn nửa tiếng. Tuy thông cảm các cô gái ấy chịu làm sao hơn cái lạnh này trong thứ y phục quá mong manh, nhưng cả lũ tiếc rẻ kêu ca chẳng biết làm gì cho qua buổi tối. Người hướng dẫn tội nghiệp mách cho, cách đấy chừng ba cây số, băng qua những đồi cát, có một hộp đêm rất lịch sự đồng thời cũng rất 'nóng'! Bọn con trai rú lên, đòi đi bằng được, dù biết có thể có một cơn bão cát đêm nay. Nghe thế, họ lại càng thích, đi cho biết phong trần! Mấy đứa con gái than mệt và sợ nguy hiểm, lũ con trai om sòm phản đối:

-Các cô không đi, tụi này nhảy nhót với ai? Bão cát nhỏ, có gì mà sợ!

Người hướng dẫn chỉ đường, giao cho hai cái đèn bão, cả bọn nhào ra, hí hửng. Riêng tôi, bước khỏi cửa, nhìn bầu trời đen mù, mãi tít xa mới có ánh đỏ chập chờn, tôi đâm lo sợ, chùn chân. Chung quanh dường như có sự chuyển động nào đó, ngấm ngầm. Tôi tìm quanh, muốn chia xẻ với con bạn nhát gan, nhưng quay đi quay lại, nó đã đi trước với bọn con trai đang

hào hứng ca hát. Còn lại N. và tên bạn khác gần đấy giục:

-Nhanh lên M., không lạc tụi nó mất!

Thế là tôi đành miễn cưỡng đi theo hai ánh đèn bão thấp thoáng phía trước. Đi chẳng được bao lâu, những tiếng động mà tôi mơ hồ nghe ra, đã từ mọi phía dâng lên, trở thành hiện thực. Chỉ trong vòng một hai phút thôi, những luồng cát mù mịt đã ầm ầm ào ào lao tới. Tiếng bọn đang hát thay bằng tiếng kêu la sợ hãi. Tôi đưa tay ôm lấy mặt, nhắm nghiền mắt, đứng tại trận, tưởng phải buông người quỵ xuống. Có tiếng N. gọi nhưng tôi không thể mở miệng trả lời. Bỗng có người đâm xầm vào tôi, khi chập choạng đứng dậy nhận ra N. và người bạn. Cả hai xốc cánh tay tôi kéo đi. Tôi can nên quay về, nhưng N. bảo không thể nào nhìn ra phương hướng nữa. N. cố gọi to, nhưng chỉ còn gió và cát trả lời.

Cũng may, thỉnh thoảng như ân huệ của trời, gió tạm ngưng, tôi mở mắt ra, cả ba đứng lại lấy hơi thở, nhận định xem đang ở nơi nào. Nhưng dưới đất không có gì khác hơn là cát, và trên trời, những đám mây đen đe dọa. Chẳng biết nhờ đâu, sau ba giờ đồng hồ vật vã, cuối cùng chúng tôi cũng nhìn ra những đốm sáng lân tinh đằng trước. Đấy chính là những ánh đèn xanh đỏ của hộp đêm.

Khi N. đẩy cửa, tôi ngỡ mình vừa tái sinh, rơi hẫng vào một thế giới luân hồi nào khác. Lung linh thủy tinh và màu rượu nâu trong các chai lọ óng ánh. Trên những chiếc ghế đẩu cao bao quanh quầy rượu, có đến năm sáu cô gái ăn mặc không đủ vải, những đôi mắt đen sâu, viền quanh xanh nhờn nét vẽ, những cặp chân duỗi dài đong đưa đôi giầy gót nhọn. Các cô cười đón, mời vào. Cũng không hiểu do đâu, rốt cùng cả bọn lục tục đến nơi đầy đủ, không mất đứa nào. Mỗi người được các cô ban phát cho ly rượu. Chẳng bao lâu, trong tiếng nhạc và hơi ấm từ hai lò sưởi đỏ hồng, cả bọn hầu như quên mất cơn tai biến vừa rồi, nhất là bọn con trai. Con bạn ngồi dựa vào thành ghế, lắc đầu:

-Coi đó, mấy tên này thật vô ơn! Bắt bọn mình đến đây, thiếu điều chôn thân dưới cát, vậy mà mới nhảy được vài bài, tụi nó đã bỏ bọn mình ngồi trơ. Tôi cười an ủi:

-Càng khoẻ, nghỉ đi, còn lấy sức mà về. Ngoài sàn nhảy, mấy tên bạn xoắn lấy các cô vũ nữ. Trong góc kia, vài đứa xúm lại tán một cô có mái tóc lượn sóng chảy xuống tận lưng. N. đem đến cho tôi một ly rượu khác. Con bạn vội vàng nói:

-Này, gió đang ngừng, tao nghĩ, kêu cả bọn về thôi. Lời cô ta có lý, nên dù luyến tiếc, lũ con trai cũng đồng tình, trừ D., tên play-boy nhất bọn đang quấn qBt bên cô tóc dài. Hắn quàng tay ôm cô ta, hào hùng tuyên bố:

-Tao ở lại đây, bảo xe ca sáng ghé đón tao. Tên trưởng lớp định can

ngăn, nhưng một người lên tiếng:

-Ấy, nó khôn hơn bọn mình!

Nào ngờ, đường về giông tố nhiều lần hơn bận đi. Gió cát lại nổi lên đùng đùng, cả bọn lại lạc mất nhau. Tôi theo sát bên N. Có lúc chúng tôi không bước nổi, cát từng luồng xoáy tròn chung quanh. Da đầu và cổ ê rát, tóc quất vào mặt, tôi hét lên, rời rã. N. biết tôi đau, cởi áo khoác chùm đầu hai đứa lại. Thỉnh thoảng anh hé ra đưa cái đèn pin, đã cẩn thận xin ở quán rượu, rọi đường. Bước một bước tôi cảm tưởng lại lùi hai, người run lên vì lạnh. Tôi ôm chặt cánh tay N., tôi chỉ sợ N. bay theo cơn bão, bỏ tôi ở lại với hàng tỉ hạt cát qủy thần này. Tôi muốn cầu nguyện một lời gì đó, nhưng chỉ nghe tiếng cát vần vũ, tạt tới loạn mù. Bỗng N. kêu, có cái gì trước mặt. Khi đến gần, hoá ra là một căn nhà gạch, một cái chòi thì đúng hơn. Không biết ai dựng làm gì giữa sa mạc trống lốc này. Nhưng hai cánh cửa mở toang ra trước sức gió như hai cánh cổng thiên đường. N. đẩy tôi vào một góc khuất, mực cát còn thấp. Tôi thả người, thở hồng hộc.

Những hạt cát bấy giờ từ tóc tai đầu cổ rơi xuống. Dưới ánh đèn pin yếu ớt, tôi cố nhìn quanh, chẳng có gì ngoài một cái lu đất đã lún sâu. Tôi kéo N. ngồi xuống bên cạnh, nhắm mắt mỏi mệt. N. quay người dựa lưng vào tường, chợt bật tiếng kêu đau đớn. Tôi hoảng hốt giật cái đèn pin, mặt N. đang nhăn nhó, tay khoành ra sau lưng. Lúc ấy, tôi mới để ý, N. chỉ mặc có mỗi chiếc áo sơmi, áo len và áo khoác đã cởi ra quấn đầu quấn cổ cho tôi. Chẳng ngại ngần, tôi kéo áo N. lên, tấm lưng đỏ rần đầy cát, chúng đã cứa da N.! Tôi bật khóc. Anh quay lại, ôm lấy đầu tôi, tay gỡ nhẹ mái tóc rối bời. Khi bớt xúc động, tôi bối rối:

-Thế này là đau lắm. Tại tôi cả! Cám ơn anh. Trong bóng tối, N. nhẹ nhàng:

-SBt, đừng cám ơn. Mà có gì đâu, tôi còn nợ M. bằng mấy ở những kỳ thi! Tôi bật cười, N. cũng vui vui:

-Này, không nhờ M. cho cóp bài chắc bây giờ tôi vẫn ngồi năm thứ nhất! Rồi N. tiếp tục, giọng trầm hơn:

-Nghe nói, ra trường, M chưa về nước, cũng không đi kiếm việc mà ở lại học thêm, phải không?

-Ừ, chắc vậy quá, tôi chỉ giỏi làm tính vẽ hình, chứ viết đơn hay đi phỏng vấn xin việc dở ẹc, chẳng ai thèm nhận! Tôi hay đùa như thói quen. N. vội buông đầu tôi ra, ngồi thẳng dậy, sốt sắng:

-Chuyện đó dễ, tôi viết cho M. Tụi mình đi tìm việc làm cùng một nơi nghe M. N. làm tôi ngạc nhiên quá:

-Tại sao? Hết thi rồi, anh đâu cần tôi nữa!

-Tôi không biết tại sao, nhưng những lúc có chuyện gì, tôi cứ nghĩ giá

có M. bên cạnh, thế nào cũng xong! Tôi buột miệng:

-Trời, xong gì mà xong! Coi như bây giờ đây này! Thôi, anh đừng đùa.

Trong phút giây, tôi nhớ lại những kỳ thi. Tôi họ T, anh họ Q, không có ai vần R và S, nên hai đứa luôn ngồi cạnh nhau. Ngay lần thi đầu, cúi xuống nhặt cái thước đánh rơi, ngửng lên, chỉ nhìn thoáng hình vẽ và công thức tên tờ giấy nháp của N., tôi đã biết N. nhầm. Hình như vì chút lòng tốt, tôi cố tình đẩy tờ giấy của mình ra giữa. N. rất thông minh, chỉ ngó sơ đã hiểu ngay. Cứ thế nhiều lần, như một điều hẹn trước, tôi luôn luôn để bài gần về phía anh, dù chẳng bao giờ N. ngỏ ý yêu cầu. Lần đầu tiên ra khỏi phòng thi, N. dợm nói cám ơn, nhưng tôi đã cười cười khoát tay bỏ chạy trước.

Ba năm học chung, ít lần tôi trò chuyện với N.. Thường, giữa những giờ cua, đám học gạo chui vào thư viện, bọn còn lại tụ tập đánh bài, nghe nhạc và tán dóc trong phòng giải lao. Lúc đầu, tôi cũng ngồi cạnh học mấy lá bài, nhưng chẳng tiến bộ bao nhiêu, nên bỏ đi tìm một góc vắng, chăm chỉ đọc mọi thứ tạp chí vớ được. Con nhỏ bạn hay nói, lúc đầu thường khó chịu:

-Sao mày ham đọc báo thế! Cái gì cũng đọc. Tôi thật tình:

- xứ tao không nhiều sách báo về kiến thức tổng quát. Tao nhét vào đầu được chút nào hay chút nấy.

Những người bạn tốt bụng thường đem cho những tạp chí in đẹp đủ loại, văn chương, nghệ thuật, phim, kịch, phong cảnh.. N. cũng thế, một lần anh tặng tôi một cuốn sách về vùng biển Bretagne nơi anh đã sinh ra và sống suốt quãng đời niên thiếu. Vẻ hoang dại của đá, cát, cùng sóng nước của bờ Đại Tây Dương cuốn hút lạ lùng. Lần đầu tiên N. say mê nói với tôi về mơ ước và ý thích của anh ta. Và tôi đã hiểu tại sao vốn thông minh, nhưng N. không mấy tha thiết với những phương trình, công thức. Anh chỉ chờ cuối tuần được trở về nhà, ra đứng trước đại dương cuồn cuộn sóng. Sinh viên thời đó không có nhiều phương tiện, chỉ vợ chồng tên trưởng lớp và N. có xe hơi. Thỉnh thoảng sau giờ cơm trưa, N. gọi vài người lên xe, chở ra biển cách vài cây số, vào uống cà phê ở một cái quán lộng gió. Bỏ chúng tôi ngồi cãi nhau, N. xuống bãi cát, hai tay trong túi quần, thanh thản. Sự say mê của anh khi nói về biển đã khiến tôi nhiều lần xúc động, tự hỏi, phải chăng bao nhiêu nước biển và bọt sóng anh ngắm nhìn từ thuở lọt lòng cho đến hôm nay, đã gột tẩy đi màu xanh trong mắt anh, nên nó ngả ra thứ màu xám bạc lạ lùng?

Thấy tôi không nói gì, N. nhắc: - Sao, M.? Tôi giật mình, thế là, những suy nghĩ lập tức xoay đảo, tiến thoái trong cái đầu cân nhắc của tôi. Ừ thì, rõ ràng tôi rất thích màu mắt N., và anh đang ngồi cạnh đây, giọng nói, bàn

tay, hơi thở...tất cả đều truyền sang hơi ấm, đem đến cho tôi cảm giác an toàn, đến nỗi tưởng chừng chưa bao giờ được có. Nhưng, làm sao nghe theo lời anh cơ chứ? Tại sao tôi phải lăn vào đời ở cái tuổi này. Kể từ ngày bỏ nhà đi năm mười mấy tuổi, hình như tôi có lớn thêm, già dặn hơn chút ít, nhưng, như mẹ tôi vẫn bảo, tôi hãy còn trẻ dại lắm! Vì sao phải đi làm nuôi thân, trong khi vẫn có học bổng để tiếp tục cái đời đi học không âu lo? Và nữa, tôi sẽ phải trở về một nơi vô cùng yêu dấu, tự nhiên thôi, như N., anh phải về với biển. Tôi cũng còn có P., chắc chắn P. sẽ cùng tôi trở lại quê nhà, và anh sẽ được những người thân bên đời tôi chấp nhận, đơn giản, chỉ vì anh cùng nguồn cội. Tất cả giản dị, gọn gàng như thế, làm sao tôi có thể phá vỡ cái trật tự ù để bay bổng phút giây như ngựa hồng soãi vó trên đồi cỏ! Tôi nói, lạ chưa, tôi đâu thể đi kiếm việc theo anh, để mãi mãi trôi giạt ở xứ sở này!

Thế đấy, gió đang tàn bạo lùa tung trần thế quanh đây, cát đang điên cuồng đập vào căn chòi này như loài thiêu thân liều chết, và N. đang xót xa làn da rướm máu. Thế mà tôi...tôi bình tĩnh xoay tính trong đầu mọi điều hơn thiệt. Vẫn chẳng thấy tôi trả lời, N. cũng im lặng, anh tìm cách dựa nhẹ vai vào tường, sát bên tôi. Rồi tôi cũng dần dần mê thiếp đi.

Chúng tôi giật mình nhỏm dậy khi có tiếng người thì thào ở cửa:

-Ô, đúng hai đứa nó!

-Từ từ, không họ sợ.

-Thì cũng phải kêu tụi nó dậy, về chứ! Một luồng ánh sáng đảo qua, tôi nhìn ra ngay tên trưởng lớp đang giơ cao cái máy ảnh, và ông hướng dẫn tay cầm đèn bão. Hoá ra, cả bọn đã về đủ, chỉ thiếu hai đứa tôi, nên họ sợ, đi tìm. Sức gió bên ngoài đã giảm cường độ. Thực ra, nơi chúng tôi trốn bão chỉ cách chỗ trọ hơn nửa cây số, nhưng ngược hẳn hướng đường.

Về tới nơi, tôi chạy thẳng lên lầu, hai dãy phòng tối om, mọi người đã yên ngủ cả. Lần mò vừa tìm ra công tắc đèn, thì đã nghe con bạn la lối:

-Trời, mày ở đâu từ nãy tới giờ, tao sợ muốn chết. Sọ đánh thức vợ tên trưởng lớp và hai cô bạn đang say ngủ, tôi đưa tay sBt nó nói nhỏ, rồi lại gần giường thầm thì:

-Tao và N. bị lạc. Nó lắc đầu nghi ngờ:

-Lạc thật hay giả? Tôi mặc kệ, đến chỗ hành lý lục mấy cái túi. Nó không để yên:

-Mày tìm cái gì? Áo ngủ mày vất trên giường rồi mà.

-Tao tìm cái túi cứu thương, mày thấy đâu không?

-Tao để lại trên xe rồi. Mà ai bị gì vậy? Chẳng hiểu sao tôi không muốn kể dài dòng.

-Cái lọ nước hoa của mày đâu? Con nhỏ mất kiên nhẫn gắt:

-Trong cái va-li đỏ, nhưng tại sao mày đòi nước hoa?

-Thì không có cồn, lấy tạm sát trùng cho N., hắn bị chảy máu nhưng không sao. Mày ngủ đi đừng có lộn xộn. Tìm ra cái lọ, tôi sắp nhào xuống lầu, con nhỏ gọi giật:

-Ê, mày biết gì không? Chưa hết câu, nó đã cười hinh hích. Tôi tò mò quay trở lại. Nó chừng như không cầm được, cười to hơn:

-Anh chàng D. về ngủ rồi đó! Tôi ngạc nhiên:

-Sao hắn bảo ở lại tới sáng, tụi mình ghé đón.

-Thế mới nói! Tụi mình vừa đi, anh ta tấn công liền, ai ngờ con tóc dài chính thị là đàn ông. Cả bọn mày ơi! Hắn vội vã cuốn gói chạy ra, lính quýnh không biết đường về. May, ông hướng dẫn tới kịp. Nhớ đến bộ mặt hí hửng của D. tôi cũng không nhịn được cười.

-Mà tự nhiên sao ổng tới đó?

-Cha này ghê lắm! Biết trước mà vẫn xúi bọn mình đi. Sau, hối hận đi tìm, trên đường gặp vài đứa nói D. ở lại, ổng quýnh lên. Con nhỏ hãy còn thích thú, muốn nói thêm, nhưng chợt nhớ tới N., tôi vội vàng bỏ no đi xuống lầu.

Trong phòng đọc sách, N. đang ngồi lui cui cời khúc củi cháy gần tàn trong lò sưởi. Tôi vén áo anh lên rồi lại kéo xuống:

-Để rửa tay đã! N. kêu:

-Tôi đã bảo mà, sao M. lúc nào cũng sáng suốt. Phủi sơ những hạt cát, tôi đổ nước hoa vào lòng tay, cố gắng xoa thật nhẹ, N. rùng mình chịu đựng. Tôi vẫn chần chừ để tay trên lưng N., làn da anh mềm lạ. Anh không nói gì, lẳng lặng nắm lấy tay tôi bóp chặt đến làm tôi nhói đau. Khúc củi được N. khơi đang bùng lên ngọn lửa, tiếng gỗ nổ tí tách. Tôi bỗng muốn cùng N. ngồi bệt dưới sàn này, dựa vào nhau như trong căn nhà trốn bão biết bao. Tôi muốn N. vòng tay qua người mình, truyền cho tôi chút hơi ấm, quên đi những mỏi mệt này. Thế nhưng, không, tôi chỉ đã cúi xuống trên tóc N. để nói rằng:

-Về phòng ngủ thôi, trời sắp sáng.

Ba ngày còn lại chúng tôi đi sâu xuống phiá nam Sahara trước khi trở lên theo hướng đông. Đường về bình lặng hơn, vài lần bắt gặp những ốc đảo cây cối xanh tươi cùng những đầm nước mát. Mỗi khi loáng thoáng một mảng màu xanh xuất hiện từ xa là cả bọn rú lên mừng rỡ. Dù chỉ là bụi xương rồng chĩa lơi khơi như có người vừa cắm xuống, cho đến những hàng cây cọ cao nghều, đầu khoe lá tròn xoe làm tôi cứ mơtới những quả dừa xanh lủng lẳng trên đó, như ở quê mình. Nhất là tưởng tượng đến dòng nước ngọt lịm chảy qua cổ họng, giữa cái nóng sa mạc thiêu đốt này. Tôi vẫn xót xa nghĩ đến những vết đau trên lưng N., nhưng luôn luôn tránh ánh

mắt anh.

Buổi sáng cuối cùng, lúc đang chất hành lý lên xe ra phi trường, ngoài cửa khách sạn thì mấy đứa trẻ ùa đến, mời mua những đoá hoa hồng bằng cát kết tủa. Bọn bạn kêu đừng mua bán với bọn nhỏ này, chúng dai dẳng lắm đó. Nhưng một bé gái năm sáu tuổi đang giương cặp mắt tròn như viên bi nhìn tôi, hàng mi dài cong vút, mấy lọn tóc xoăn phủ xuống trán trông thật ngây thơ, khiến tôi dừng lại. Không như những đứa kia có cả một rổ, cô bé xoè tay ra, gọn lỏn một bông hồng cát, cánh xếp tròn thật nhỏ. Tôi đang loay hoay tìm trong túi những đồng tiền dinar cuối, N. đứng sau lưng đã cầm lấy đoá hoa và đưa tiền trả. Thấy tờ bạc quá lớn, con bé lắc đầu ra ý không có tiền thối, N. bảo cho hết. Nó cười nhe hàm răng chẳng còn mấy cái, chạy vù đi, sung sướng phất cao tờ giấy bạc. N. đưa đoá hồng cho tôi:

-Để M. đừng quên những hạt cát. Suốt hai giờ bay, không hiểu sao tôi chẳng hề nghĩ cất nó vào hành lý, cứ cầm trong tay, tại nó bé nhỏ, dễ vỡ quá chăng?

P. tới đón tôi với gương mặt sáng nụ cười. Gia đình, bồ, bạn những người khác cũng đến đầy trên sân ga. Cả bọn vào quán, uống nước chia tay. Tôi vừa ngồi xuống đặt đoá hoa trên mặt bàn, P. kéo ghế bên cạnh quơtay, đoá hoa rơi xuống, vỡ tan bên chân tôi. Con bạn gần đấy xuýt xoa. N. ngồi cách đấy không xa, cũng quay lại nhìn tôi đang nhặt lên vài cánh hoa vỡ vụn, cát nâu lấm tấm trên tay. Tôi mấp máy định nói một lời xin lỗi, nhưng N. đã quay đi.

Từ đó, tôi không gặp lại anh. Ngày phát bằng mãn khoá anh cũng không về. Chẳng ai hiểu vì sao.

Thời gian trôi qua, tôi không cần viết đơn xin việc, việc tự nhiên đến. Như đời sống tôi, mọi điều tự nhiên đến, rồi tự nhiên đi. Phần đông tôi làm những gì tôi thích, nhưng không phải điều gì tôi muốn, tôi đều làm được. Tôi có giỏi băn khoăn, suy tính, xếp đặt đếm mấy, thì cuối cùng, cũng có một bàn tay vô hình cầm tôi lên như một quân cờ, rồi đặt xuống ở một vị trí nào đó - mà tôi, tuy bất mãn nhưng cảm thấy rời rã, trống không, nên bỏ lơi, thờ ơ, để mặc mọi điều tuần tự diễn biến. Không chụp bắt, cũng không hề tháo gỡ.

Và, đã bao nhiêu năm tháng trôi qua, tôi vẫn chưa về quê tôi, vẫn còn ở lại xứ người, để mãi mãi day dứt, dằn vặt, về một điều chưa trọn.

Khi dàn nhạc bắt đầu một điệu slow, đèn chợt tối, biết sức khoẻ không cho phép ở lâu hơn, tôi vội vã đứng lên. Đây là lúc thuận tiện để ra về, tránh phải chào từ giã hay bị níu kéo ở lại. Trời đêm đầu thu đã lạnh, vừa quấn sát chiếc khăn len trên vai tôi đi vội ra chỗ đậu xe dưới giàn kim ngân thoang thoảng mùi thơm. Có tiếng chân ai bước nhanh trên sỏi. N.

đang đến gần, cất giọng lo âu:

-M. chắc lái xe về được chứ? Để trấn an N., tôi nói to:

-Đừng sợ, tôi có uống rượu đâu, anh vào đi kẻo lạnh. N. vẫn đứng đó chờ cho đến khi tôi ra khỏi trang trại. Đường làng đêm không đèn, không ánh trăng. Tôi bắt đầu thấy mệt. Thỉnh thoảng một chiếc xe chạy ngược, đèn loé sáng chói chang. Tất cả bỗng nhoè nhoẹt, mắt tôi nhói buốt. Vài lần như thế, tôi hoảng sợ, cơn bệnh cũ đây rồi, những cơ bắp quanh mắt kéo co lệch lạc. Ban ngày, một vài dấu hiệu đã đành, bỗng đêm nay, chúng trở chứng giữa lúc đang lái xe một mình trong tăm tối, không còn phân biệt rõ đâu là lề đường, đâu là lằn ranh ở giữa. Nhưng, ngừng lại chỗ đồng không mông quạnh này ư? Tay nắm chặt vô-lăng, tôi tự nhủ, nếu ngôi sao bản mệnh chưa tới hồi phải tắt, nếu con đường cứ thẳng băng, và chỉ một mình mình trên hướng về thành phố, thì thế nào cũng tới nơi thôi!

Không ngờ, loáng thoáng bảng chỉ đường báo hiệu một ngã ba. Không quen vùng này, rẽ hướng nào đây? Đèn nhoá sáng trưng vào hai cái bảng hợp thành hình chữ V trước mắt, nhưng tôi không thể nào đọc nổi. Tôi cuống cuồng đạp thắng, chiếc xe chồm lên rồi dừng lại, giận dữ hất ngược tôi ra sau. Cơn nấc trào lên ngực, ruột quặn đau, tôi buông người gục trên vô lăng. Đèn pha vẫn chiếu.

Không biết bao lâu, chắc chẳng lâu gì lắm, tôi nghe tiếng xe ngừng, chân người chạy đến, mở vội cửa xe. Rồi giọng N., phải, không ai khác, chính là N., hốt hoảng:

-M! trời ơi, tôi đã linh cảm trước mà, M. có sao không? Tôi cố ngửng đầu ra dấu cho N., anh vòng tay vừa đỡ tôi dậy vừa rối rít gọi kêu. Sau khi tôi khoát tay cho biết chẳng hề gì, N. lấy lại bình tĩnh, gượng nhẹ kéo tôi ngồi sang ghế bên cạnh, tắt đèn pha. Anh đem xe mình đậu vào một lối mòn gần con đường chính, rồi lên xe tôi, lái về thành phố. Thỉnh thoảng anh quay sang xiết cánh tay tôi, lo lắng. Như bao nhiêu năm trước đây, tôi chẳng cầm cự nổi, gục vào một bên vai N. Nước mắt, trước rơi lặng lẽ, sau, tuôn ra từng dòng nấc nghẹn. Anh không nói gì, cứ để tôi khóc. Cuối cùng, thì N. vẫn đi theo, có mặt đúng lúc, kịp thời, như ngày nào trong cơn bão cát.

Tôi từ chối không chịu cho N. đưa thẳng vào bệnh viện, hứa rằng sẽ gọi bác sĩ sáng mai, rồi thiếp đi, mơ hồ nhận biết N. đã đem tôi vào đến tận nhà. Khi tôi choàng tỉnh, đồng hồ trên bàn ngủ đã bốn giờ sáng. Có ánh đèn ngoài phòng khách hắt qua cánh cửa khép hờ. Tôi lần đứng dậy đi ra, N. đang ngồi đọc cuốn sách thiền tôi bỏ dở. Tôi sửng sốt, sao N. kiên nhẫn, tử tế đến vậy. Còn tôi, tôi là thứ người gì? Hình như tôi chỉ đem lại những điều tai vạy vạ gió. Như thể trách mình chẳng đủ, tôi đâm bẵn gắt:

-Đêm khuya rồi sao anh không về đi. Tôi đã khỏe. Anh đợi làm gì! Không chấp nhất, N. dịu dàng nhìn tôi:

-Cũng phải đợi sáng ra mới gọi được người tới đưa tôi về chỗ đậu xe. Nhà chẳng có ai, tôi không thể để M. một mình. Tôi thở dài trong đầu, tôi đã quen một mình từ lâu nay, quen đến nỗi nó thành bạn keo sơn, nó trấn giữ, canh gác đời tôi. N. đã đoán ra, P. không còn ở đây. Chắc thế. Bối rối, không biết sao hơn, tôi lùi lũi vào phòng lấy đưa N. cái gối, tấm chăn.
Sáng ra, khi bừng mắt, N. đã đi rồi, chùm chìa khoá xe tôi nằm chặn trên tấm danh thiếp: M. đừng xem thường sức khỏe. Cầm nó trên tay, tôi ngồi phịch xuống thảm. Đây, tên N., nghề nghiệp, và địa chỉ cùng số điện thoại. Cơn đau dịu bớt, con mắt nhìn rõ hơn, đầu óc tỉnh táo, tôi nhớ lại từng sự việc, lúc này N. đã trở về nơi dạ tiệc đêm qua. Chắc anh đã gọi cho họ biết, bạn bè, và nhất là cô vợ của anh...Tôi lại nhớ cái nhíu mày của cô ấy trước tấm ảnh lờ mờ năm xưa.

Liên tục mấy ngày sau, bệnh tôi không giảm. Nhưng tôi chẳng cảm thấy đau, mà hồn chơi vơi nghiêng ngửa. Bao nhiêu hình ảnh quá khứ bùng dậy, phủ chụp tâm hồn. Những hạt cát bay tung mù mịt trong giấc mơ. Ngàn cành xương rồng bỗng đâu mọc lên, mọc lên mãi trong bóng đêm, khi tôi vừa tắt ngọn đèn. Lưng tôi rát nóng, vai tôi tím bầm. Màu đỏ, màu tím lẫn lộn với cát vàng cam cùng màu xanh của biển cuộn tròn, xoay tít, cuốn lốc quanh quỹ đạo một mặt trời sáng loé. Mắt tôi chói loà, nhức nhối vô tận. Tôi hét lên, bàng hoàng bừng tỉnh cơn mơ.

Trở dậy tìm tấm thiếp của N., nhưng tôi không gọi cho anh. Từ bao năm xưa tôi biết N. chẳng đùa khi bảo tôi là một phần tư tưởng của anh. Chao ơi, nào có gì đâu so với những điều N. đã cho tôi. Nhưng kỳ lạ thật, tại sao N. vẫn thường nghĩ đến tôi mỗi khi gặp khó khăn, nan giải. Còn tôi, tôi nào ngây thơ quá lắm để chẳng nhìn ra từ trong ánh mắt xám tro của N. những điều anh không cần phải nói thành lời. Nhưng tôi đã chẳng mở lòng hồn nhiên. Con người vốn sâu xa nhút nhát, e dè cuộc đời, hay con người luôn luôn đắn đo, nề nếp, con người tỉnh táo, phân tích rành rọt, lý luận đến chi li mọi thứ, đã đưa tôi đến khô cằn cạn kiệt? Mọi ngọn lửa đã tắt ngấm mất rồi! Có phải thế không N.? Nhưng có là như vậy, làm sao chối cãi được rằng, trong những cơn đau đời như lúc này đây, tôi đều thèm muốn được nhỏ bé lại, thu mình như chiếc gối trong tay anh.

Gần hai tuần sau, N. gọi tìm tôi ở sở, bảo sắp có dịp trở lại vùng sa mạc cũ. Tôi vội vàng than thở đang nhiều công việc. Bên kia đầu dây, N. thở dài cho biết anh muốn đi một mình, nhưng cô vợ đòi theo. Tôi cố tình thúc đẩy:

-Anh không nên ích kỷ, cảnh nơi đó đẹp bao nhiêu, phải đưa vợ đi,

cho cô ấy biết.

Chẳng ngờ chỉ vài ngày sau, một người bạn báo tin N. gặp tai nạn. Chiếc 4x4 chở vợ chồng N. và hai người đồng hành băng trên sa mạc bị một xe hàng xuyên bắc nam chở quá tải đụng tan nát. N. đã thấy trước, nhanh trí đẩy vợ tung vào triền cát, cô thoát hiểm, hai người kia bị thương nặng, còn xác N. đã đem về quàn nơi anh ở. Không suy nghĩ nửa giây, tôi chạy ra ga, leo lên chuyến tàu tốc hành sớm nhất. Nhưng cũng đã muộn. Người gác nhà xác chỉ về cuối con đường dốc. Hai hàng cây nghiêng trong nắng chiều, đoàn người đưa tang đang sửa soạn lên xe đến nhà thờ, nghiêm trang áo đen áo trắng. Loáng thoáng vài người bạn quen, và tôi nhận ra vợ N. với mái tóc vàng óng búi cao, cần cổ trắng ngần nổi bật trên chiếc áo đen, vẫn đẹp và kênh kiệu, nhưng sao lạnh lùng quá đỗi.

Ông già gác cổng thấy tôi còn đứng đó, nhắc to:

-Này cô nhỏ, nhanh lên, họ sắp đi rồi!

Cô nhỏ? Tôi cúi xuống nhìn tôi. Vội ra đi, tôi quên thay quần áo. Trên người, một cái quần jean, một chiếc áo len rộng. Này N., có phải tôi vẫn là cô sinh viên năm xưa? Này N., tôi muốn nhìn thấy anh, muốn vuốt tóc anh, cầm tay anh, muốn soi thấy tận tường dáng điệu đơn độc của mình trong lòng mắt anh đã bạc lâu rồi vì nước biển. Tôi muốn được một lần trả lại cho anh sức nóng đốt cháy của tình cảm, chứ không phải, như anh nghĩ, tự bao giờ, trong tôi, chỉ thuần là trí tuệ, một thứ trí tuệ giá băng, lạnh lẽo. Đã lỡ làng rồi. Trí tuệ chỉ biết nhận lấy. Tình cảm thanh thản cho đi. Từ lâu tôi loanh quanh co rút trong ngôi nhà nguyện với bao lần cửa khép, tôi không biết cho đi. Còn điều nhận lại? Bây giờ, hẳn anh hiểu hơn ai, chính nó đã tước đoạt của tôi, từ trong trứng nước, tất cả ước mơ và hạnh phúc.

Đoàn xe tang bắt đầu chuyển bánh. Những giọt nước mắt tràn ứ trào lên từ ngực tôi, đau đớn. Mọi thứ nhoà đi. Chỉ toàn là những khối trắng khối đen lẫn lộn, rời xa, lăn đi, lăn mãi...trên con đường trước mặt.

NGUYỄN MAI NINH



PHẠM VIỆT CƯỜNG

những cái tên

những cái tên đẹp đẽ khác thường
dành đặt cho con
lũ con trai tôi chọn
phần em tên con gái

em nắn nót
như trẻ thơ tập ráp vần
những chữ hoa dịu ngọt
nơi trang đầu quyển nhật ký chung

nhưng không bao giờ có những đứa con chung
những cái tên
không bao giờ được gọi

sau nhiều năm xa nhau
có lần tôi
thử hình dung khuôn mặt những đứa bé

và giữa những cái tên vang lên

thơ ngây quá
chính là đôi mắt em



sân khấu nắng

bước ra bậc thềm chói nắng đó
bất ngờ
em dừng lại
trong một khoảng lặng ngừng
nho nhỏ
thiên thu
hè xanh hồng nụ môi mùa

lúc đó
tôi đang thơ trẻ nhìn trời
mật chú một tên người
tìm lại số điện thoại nào trong giấc mơ đêm trước
chợt rực rỡ trong lòng
thứ ánh sáng khác

xuyên
t hấu
những đêm lạnh
tôi - nhìn - thấy - em

nơi sân khấu cao huyền hoặc kia
nắng thềm hè mãi
em thành nhân vật chính
nói cuộc đời thay tôi

khi tôi bắt đầu lắng nghe

những tình cờ chợt trở thành tất yếu

PHẠM VIỆT CƯỜNG

LÂM CHƯƠNG

MẪU CHUYỆN NHỎ



Quán cà phê Nghệ Sĩ là nơi quy tụ nhiều đấng thiên tài của các bộ môn nghệ thuật. Quán nổi tiếng vì cách pha chế cầu kỳ, và cà phê hảo hạng thơm lừng. Đặc tính của khách, đóng trụ bền và chắc. Sau đây, mẫu chuyện nhỏ, ghi từ quán cà phê Nghệ Sĩ.

Nhân vật A, ăn mặc chải chuốt, quần áo thẳng nếp, có thắt cà vạt đàng hoàng. Nhân vật B, mặt hốc hác, tóc tai bù xù (*nhân dáng nghệ sĩ thời thượng*). Cả hai đều hút thuốc, phun khói mù mịt như ống bô xe hơi mùa lạnh.

A: Lâu quá không gặp. Sao? Dạo này còn ở chỗ cũ?

B: Đi lâu rồi. Nhà ấy nhiều con nít ồn ào quá, chịu không nổi.

A: Tôi cũng ớn lũ con nít. Bởi thế, nhiều người biết tôi là nhà văn, muốn gã con gái, nhưng tôi không dám nhận.

B: ớn lũ con nít thì phải rồi, nhưng con gái thơm quá đi chứ. Làm nhà văn cần con gái để gợi hứng sáng tác. Sao không nhận?

A: Thơm thì có thơm, nhưng sợ xáp vô vài năm, đổ con đổ cái ra đấy. Bận bịu thê nhi thì hứng thú gì mà sáng tác. Cứ ở tình trạng độc thân, tạo điều kiện phất phơ la cà tán tỉnh. Tròng chiếc nhẫn cưới vô ngón tay, coi như chết đi một nửa cuộc đời. Sao? Bạn vẫn làm hãng cũ?

B: Nghỉ lâu rồi. Thằng superviser cà chớn, không khám phá được tài năng tôi. Nó đề nghị sa thải. Thằng chủ hãng gà mờ, nghe theo lời nó. Cũng may, nó cho tôi nghỉ sớm. Nếu không, tôi cũng bỏ việc. Toàn một lũ kỳ thị!

A: Kỳ thị là một hội chứng kinh niên bất trị. Thế bạn đang thất

nghiệp?

B: Không! Tôi xin được việc làm khác, trong Sở Thú. Công việc cũng nhàn.

A: Được đấy. Làm gì trong Sở Thú?

B: Chả là có một con dã nhân già chết đi, chưa tìm được con khác thay thế. Người ta lột da nó, và tôi đội lốt dã nhân, nhảy nhót trong chuồng, đánh lừa thiên hạ. Bọn du khách khả ố cứ tưởng thật, xúm nhau xem và cười thích thú. Thế thôi. À này, đám nhân viên Sở Thú tinh đời lắm, mà còn phải khen tôi đội lốt dã nhân linh động hơn cả dã nhân thật.

A: Trên đời này, có nhiều người không cần đội lốt dã nhân nhưng họ cũng biểu lộ bản chất giống y như loài dã nhân. Bạn đừng tưởng chỉ mình bạn có tài.

B: Ồ, nói thế là bạn chưa tận mắt nhìn thấy lúc tôi ở trong chuồng.

A: Có gì đặc biệt?

B: Vào những lúc con dã nhân cái động đực, chính tôi phải làm tình với nó trước mắt bọn du khách. Các bà các cô ngượng đỏ mặt, che mắt. Nhưng tôi biết, qua kẻ ngón tay, họ không bỏ sót một hành động nhỏ nào của tôi.

A: Thế thì bạn chỉ có tài diễn xuất trước đám đông thôi. Chứ trong khuất lấp, không thiếu những trường hợp người làm tình với thú. Không nghe ai nói chuyện này, không có nghĩa rằng điều đó không xảy ra.

B: Bạn vẫn chứng nào tật ấy, chỉ nhìn bề trái cuộc đời. Suy cho cùng, bên cạnh bộ mặt sần sùi của xã hội, còn có những điều tốt đẹp làm cho con người thăng hoa.

A: Xin cho một thí dụ?

B: Nghệ thuật. Chính nghệ thuật nuôi sống tâm hồn. Bạn có nghĩ rằng tôi đang làm nghệ thuật không?

A: Nếu đội lốt dã nhân là một nghệ thuật, thì bạn chính là diễn viên nghệ thuật đấy.

B: Không! Nghệ thuật đâu rẻ rúng thế. Tôi coi đấy chỉ là một nghề cơm áo như trăm nghìn nghề khác. Tôi làm thơ. Thơ là một trong những bộ môn nghệ thuật.

A: Trời đất! Thần kinh ngạc nhiên của tôi bị tê liệt từ lâu rồi. Bạn làm cho nó cảm ứng trở lại.

B: Đừng diễu dở. Không sợ người anh em chạm tự ái sao? Này nhé, trong mục nhắn tin, các ông chủ báo đều trân trọng gọi tôi là nhà thơ, hoặc thi sĩ.

A: Xin lỗi. Tôi thật không ngờ bạn làm thơ. Có thể kể cho nghe nguyên nhân nào đưa bạn vào nghệ thuật làm thơ?

B: Cũng ngẫu nhiên thôi. Nghề sinh nghiệp. Làm nghề đội lốt dã nhân, khi có bọn du khách, thì mình lượn qua lượn lại trong chuồng, chổng mông cho họ coi khu coi đít, hoặc ngồi gãi háng bắt rận. Du khách đi qua rồi, thì mình ngắm trời ngắm mây. Thế là tức cảnh sinh tình, nổi hứng làm thơ. Làm thơ cũng dễ thôi. Đếm chữ. Chấm câu. Xuống hàng. Gieo vần theo đúng luật bằng trắc là thành thơ. Nếu không muốn gò bó trong khuôn khổ chật hẹp, thì làm thơ tự do. Bây giờ, người ta còn sáng chế ra loại thơ tân kỳ lắm: thơ trình diễn. Nhiều người làm thơ theo loại này mà trở thành thi sĩ nổi danh, và chiếm được chỗ ngồi rất chắc trên thi đàn. Bạn nghĩ xem, nghề làm dã nhân của tôi, có thể được liệt vào trường phái loại thơ trình diễn không?

A: Tôi không nghiên cứu kỹ về thể loại thơ này, nên không dám khẳng định. Nhưng, nếu lấy bốn sợi lông, cắm bốn góc, được coi là một bài thơ trình diễn, thì làm dã nhân "ngồi rù gãi háng dái lăn tăn" là một bài thơ trình diễn sinh động hơn nhiều. Ngày xưa, thơ chỉ dành cho giới tao nhân mặc khách. Ngày nay, thơ bành trướng mạnh trong mọi tầng lớp quần chúng. Thơ soi rọi khắp hang cùng ngõ ngách. Thơ lột trần những mặt dọc mặt ngang. Thậm chí, người ta còn tìm thấy thơ trong sự ỉa đái. Hiện thực là ở chỗ ấy.

B: Nhà văn lý giải về thơ, nghe sướng cả người. Thế, nhà văn có nhận định gì về văn?

A: Thơ với văn như cặp song sinh. Thơ hiện đại đi vào quần chúng. Văn hiện đại từ quần chúng đi ra.

B: So sánh quái gỡ thế, bố ai hiểu được?

A: Này nhé. Thơ có khuynh hướng xúc cảm. Văn nghiêng về mô tả. Ban đầu văn ở trong quần chúng để quan sát, nhận xét. Sau đó, đi ra đứng ở vị trí khách quan, tả chân những gì đã thấy. Làm văn sĩ là pha trộn hiện thực và hư cấu. Người đọc chỉ nhìn thấy một khối đồng nhất, không phân biệt. Hiện nay, con người đã đạt đến tốc độ siêu thanh. Không ai còn muốn nhai lại một số triết lý viển vông. Có những vấn đề, ngày xưa úp mở, e dè không dám nói, thì ngày nay phơi bày toác toạc ra đấy. Làm văn sĩ phải chìu theo thị hiếu độc giả, và luôn luôn đặt câu hỏi: viết gì, viết thế nào, viết cho ai? Trả lời đúng những câu hỏi ấy, là thành công. Đề tài đang được ăn khách là chuyện phòng the, tả sự việc trên giường. Một vấn đề xưa như trái đất, nhưng nóng hổi như bánh mới ra lò.

B: Bạn biết phân tích, chắc văn của bạn đang ăn khách?

A: Không đâu. Còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác. Thí dụ như phải biết gây sự chú ý của độc giả.

B: Viết văn chứ đâu phải làm quảng cáo?

A: Muốn làm tổng thống cũng phải quảng cáo. Này nhé, một tác phẩm ra đời, nếu chẳng ma nào thèm liếc mắt, sẽ đi vào quên lãng, mất hút luôn. Đó là nỗi buồn lớn của tác giả. Vì thế, phải có người viết bài bốc thơm, để gợi sự chú ý. Đôi khi, còn phải mướn thằng viết bài chưởi bới nữa, để lôi kéo sự tò mò. Xin nhắc bạn, một hiện tượng quảng cáo rất độc đáo đang xảy ra ở Việt Nam. Cứ y như rằng, tác phẩm nào bị nhà cầm quyền cấm phổ biến, thì tác phẩm ấy được nhiều người tìm đọc hơn hết. Hoặc, tác giả nào bị công an văn hoá mời tới mời lui vài lần, thì thế nào tác phẩm của họ cũng bán rất chạy. Tôi đã nghĩ được một cách quảng cáo, hơi táo bạo nhưng chắc chắn thành công.

B: Nói nghe thử?

A: Tôi sẽ về Việt Nam, đứng giữa chợ Bến Thành, tuyên bố chống đối vung vít. Công an sẽ nắm đầu tôi, nhốt tức khắc. Thế là trúng kế. Báo chí hải ngoại bắt đầu loan tin rùm beng, la làng tranh đấu đòi thả tôi ra.

B: Rồi sao nữa?

A: Còn phải hỏi. Mọi người chú ý và tò mò tìm đọc tác phẩm của tôi.

B: Quảng cáo kiểu ấy có phần ma giáo, nhưng đấy là chuyện tương lai. Còn hiện tại, bạn viết văn có đủ kiếm sống không?

A: (thở dài) Thời kỳ văn học cực thịnh, văn thi sĩ xuất hiện nhiều như sao trên trời. Thơ văn trở thành lạm phát. Bài gởi cho báo, chỉ đăng chùa. Đăng không hết, mấy ông chủ báo vứt vào sọt rác là chuyện thường. Người ta bỏ tiền mua cuộn giấy đi cầu, nhưng công trình tim óc của mình lại vứt đi. Lắm khi muốn ứa nước mắt.

B: Thấy bạn ăn mặc bảnh bao, tưởng đời đang lên. Ai ngờ...

A: Bạn bè chẳng giấu. Đói rã ruột, nhưng phải làm ra vẻ phồn vinh giả tạo ngoại hình. Mục đích để dễ mượn tiền. Nhiều người muốn gã con gái cho tôi cũng vì lầm cái mã bề ngoài.

B: Thì cứ nhào vô. Vừa được vợ, vừa có miếng ăn hàng ngày.

A: Trên đời làm gì có của cho không. Khi họ khám phá mình là loài ký sinh tầm gửi, họ tống mình ra khỏi cửa ngay. Thà cứ hư hư thực thực, che thân bằng nhản hiệu nhà văn. Thế mà còn mượn được tiền.

B: Nhà văn nói nghe thảm quá. Dù sao, tôi cũng có nghề có việc được đồng lương, lại mang thêm cái nghiệp làm thơ, loài nghệ sĩ dễ thông cảm nhau. Thôi thì chầu cà phê này, tôi trả. Sắp đến giờ Sở Thú mở cửa. Tôi phải vào.

Nhân vật B (*nhà thơ*) rời quán Nghệ Sĩ. Nhân vật A (*nhà văn*) ngồi lại, không biết để tìm hứng sáng tác, hay chờ đợi người quen, kế tiếp.

LÂM CHƯƠNG



TƯỜNG VŨ ANH THY

trăng đỏ

mưa rơi trên lá cỏ
trăng đỏ tuổi ba mươi
nốt ruồi như dấu chấm
cười theo chữ xuống giòng

mưa rơi trên lá cỏ
tôi bỏ nhà
                    đi trần thế mênh mông
nốt ruồi như nốt nhạc
                              lạc vào tôi
                              âm vọng
                              đọng
                                    tình
                                          tang

em
ngây ngô bé bỏng
lỏng vòng tay
                    bay khói
                          mất
                              hoàng hôn

mưa không rơi trên lá cỏ
con cá ghẻ
đẻ trứng bướm đêm qua

ta
ồ ta
là sương bụi
chút tình   xa

TƯỜNG VŨ ANH THY



THIÊN YÊN

thầm thì với tóc

đã chẳng bảo gì em
rằng tóc đang nổi dậy
đậy che gian trá
tẩy xóa
diện mạo
lấp ló phía bên kia

em khám phá điều này
sáng hôm nay
khi anh không ở bên cạnh
em nhổ kéo từng sợi -
từng sợi thật hiển nhiên
quấn quanh bồn rửa mặt
lòng mất vui

rồi đôi mắt sáng chợt xám xanh
dõi tìm những tháng năm còn lại
trên hai cánh bạc
lướt bay trần lắng
qua những cánh đồng ngà ngọc

Hãy cùng gặt hết với em
những chương sách cách lBchia biệt
chỉ biết nối kết sau cái chết
bởi tình yêu là
sự khao khát không ngừng
cớ sao Madame Butterfly
hát mãi một điệp khúc buồn
và sóng sông Hằng vẫn chờ đợi
như những ngón taBve vuốt kiếp đời sau
đã chẳng bảo gì em cả
rằng
tóc bạc sẽ tự tìm đến một mình
hoán đổi tuổi
thanh xuân
không một lời
biện bạch

THIÊN YÊN



PHAN HUYỀN THƯ

ĐỘ LƯỢNG



Một cái chết lâm sàng trắng nhích dần giữa khoảng vàng và xanh. Bây giờ chỉ còn rất nhạt. Ước gì cái gì đó là cái chết giả.

Hoàng hớn hở trong điện thoại. Kết quả xếp hàng giành giật suốt buổi là đôi vé hòa nhạc giao hưởng. Buổi diễn duy nhất của một danh cầm ngoại quốc. Kèm theo, là thông báo giá vé chợ đen cùng giá trị thặng dư nếu vụ thưởng thức nghệ thuật bị hủy bỏ. Hoàng cẩn thận đến mức Tâm chưa bao giờ thấy anh làm việc gì thừa. Anh ghét cay đắng sự thừa của người khác nhưng cũng rất tiết kiệm sự thừa của mình. Trong quan hệ, một cách toán học thì phân số của họ luôn là 1. Tâm bỏ ra một thì anh bỏ ra một, Tâm bỏ ra hai thì anh cũng hai. Bình đẳng. Thế nhưng Tâm lại là người muốn một lúc cả tỉ. Cả tỉ tỉ. Cả trời... Biết làm sao. Ai bảo Hoàng đẹp. Ở tuổi ba mươi, Tâm không còn mơ mộng người tài hay người giàu hay người hiểu biết. Chỉ cần đẹp thôi là đủ. Hình như đàn bà thời nay ai cũng thế, đi cạnh đàn ông đẹp hãnh diện không kém đàn ông đi cạnh hoa hậu. Khốn nỗi, đàn bà bây giờ lại phải cố tình quên mộng mị về một người đàn ông dám xả thân cho tình yêu. Nhìn mình trong gương đầy thương xót, Tâm cố xua đuổi tình yêu cổ phần trách nhiệm hữu hạn ràng buộc vô hạn của Hoàng. Nào, thì đi.

Đứng ngọ. Nắng nhạt. Những vờn mây ghi uể oải như chực tụt từ nền

trời nhợt nhạt xuống mặt biển ốc bươu. Ngoài đó đang bão to chị biết không - anh ta hỏi kiểu tùy muốn trả lời hay không cũng được. Tâm gật nhẹ. Ngoài đó. Lại ngoài đó. Biết đi đâu cho thoát khỏi ngoài đó. Ngoài đó ở đây là Hà Nội mà Hà Nội bây giờ là thù hận, là cố quên, là... ừ, mà Hà Nội đang bão to, cây đổ, nhà đổ. Nha Trang thì xậm xịt thế này đây. Thở dài đánh sượt, Tâm lảng chuyện - Anh không tắm à? Anh ta quay sang ý tứ - Xin lỗi, chị muốn ngồi lại một mình phải không? Tâm hơi hoảng - Không, tôi hỏi vậy thôi. Trong lòng thoáng bực bội: thằng cha khái tính! Đứng dậy kêu tính tiền, anh ta nhã nhặn - Tôi ở buồng 204 đối diện với chị. Sẽ gặp lại chiều nay dưới phòng ăn chứ? Tâm cười hiền hòa định bụng bỏ bữa chiều.

Long tung tăng từ chỗ đậu xe ghi số về phía bồ mới. Vẫn con bé đó. Tâm cứ tưởng Long phải thay đến năm lần bồ là ít. Cô đã đoán sai. Bao nhiêu thỏa mãn tinh thần được Hoàng chăm sóc chạy sạch khỏi Tâm - Hay là mình đi chơi đâu đó em ngại nghe nhạc cổ điển quá. Hoàng lúng túng trước vẻ thất thần của Tâm - Tùy em. Chờ anh bán vé đã.

Còn lại một mình. Bãi biển vắng tanh không có nổi ngọn gió. Tâm lim dim. Một lần nữa, hàng cơm nguội vàng với những tia nắng quái xiên xiên lại hiện ra trước mắt Tâm. Một cái chấm trắng di động trong khoảng xanh và vàng. Cái chấm ấy là Long. Chàng đút hai tay túi quần cúi đầu bước chậm. Tâm đâu biết Long đang thảng thốt: nàng yêu ta vậy sao? Như đoạn phim tua đi tua lại Tâm phải xem ở bất kỳ chỗ nào cô một mình. Lúc đó, Tâm đứng dựa gốc cây cơm nguội lòng trống rỗng độ lượng - Ta tha thứ, vì chàng đẹp - Tâm nói bất kỳ lúc nào một mình.

Tiếng chuông gọi cửa réo Tâm ra khỏi những thước phim tư liệu đời mình; Những bản nháp không có cơ hội trau chuốt, lồng nhạc hay ráp nối nữa. Sau đêm đó, Tâm lên tàu về Nha Trang như chạy trốn. Trốn sao bây giờ. Chuyện gì cũng như vừa xảy ra hôm qua. Anh ta cười ấm áp sau cái hé cửa - Chị mệt hay sao mà không ăn cơm chiều? Tâm ra vẻ bị làm phiền - Vâng, tôi mệt. Anh ta nhìn định lượng - Nếu ti-vi tối nay chương trình dở chị có thể chợt nhớ ra tôi đang đợi dưới bãi biển. Tâm nổi cáu, không trả lời chỉ lẳng lặng đóng cửa vừa chột nhận ra điều ngốc nghếch của mình là muốn được yên thân. Đàn bà làm sao yên thân được khi ba mươi tuổi, khi đi một mình. Chỉ có thể tạm yên thân khi núp vào một bóng đàn ông cho khuất. Ừ, đàn ông nào.

Ngồi quán cà phê xế góc bên đường Tâm thấy Hoàng từ xa: năng nổ vung chân tay lý lẽ với mấy tay anh chị ôm vé trước cổng nhà hát. Người này đi. Người khác tới. Rồi quay lại. Rồi đi. Tâm bắt đầu sốt ruột. Loáng thoáng vài người đứng gần Hoàng chỉ trỏ rồi nắm tay, giật áo. Rồi tiếng cãi cọ và đám đông che khuất. Tâm băng qua đường chen được vào thì một bên mắt Hoàng đã tím bầm vai áo rách toạc. Một tay anh chị lơ láo liếc qua Tâm mồm vẫn oang oang - Đất có Thổ Công, sông có Hà Bá mày muốn chết thì được chết con ạ!

Một người đàn ông độc thân. Một cô gái ba mươi muốn được yên thân. Hai buồng đối diện trong một khách sạn. Những bữa ăn đúng giờ. Những buổi chiều đi dọc bờ biển và hàng trăm thứ khác lôi Tâm về phòng đối diện sau cuộc dạo chơi buổi chiều thứ bảy. Trừ một ngày đầu thời tiết xấu vì ảnh hưởng bão. Sáu ngày qua, thần sắc mỗi ngày một trở lại với bãi biển kiều diễm này. Anh tắt đèn, lột phăng áo và lao vào Tâm. Sau nụ hôn dài sóng sánh, loáng thoáng hiện trong cô đám đông, đèn đường và bộ mặt bị thương của Hoàng. Cúc áo Tâm đã bật hết, cô nghe thì thầm bên tai tiếng nói của Long. Tâm không áo quần trên đệm vần vện. Một chấm trắng di động trong khoảng xanh và vàng. Tâm hé mắt. Anh ta bắt đầu mở khóa quần. Vơ vội áo quần, Tâm nhận ra thêm một điều ngốc nghếch nữa cho mình. Hình ảnh cuối cùng trước khi đèn bật sáng là những bước tung tăng của Long chạy về phía bồ. Tâm ấp úng xin lỗi trong tiếng nức nở và bộ mặt sững sờ của chủ nhân buồng đối diện.

Một gương mặt đẹp rất phong trần. Tâm thoáng nghĩ khi tàu chầm chậm rời ga.

PHAN HUYỀN THƯ

10/1996



LÊ THỊ THẤM VÂN

cuộc tình

I.
Tại sao
muôn tỉ người
lướt qua, lướt qua
trên đường đời
anh lại dừng
ở môi em?

Bóng tối mờ
làn da keo,
sạm
mớ tóc mỏng
thưa, tựa
nỗi ưu phiền
rượu cay
vữa,
rã thân xác
cúi môi hôn
bãi đất trống phủ màu hoàng hôn.
tiếng hát
vỗ về &
vẻ dịu dàng
người đàn bà
lấp đầy bãi trống hoàng hôn không
anh?

Chiều tàn,
như đời anh
chiều tà,

như bóng anh.

Em thấy rõ màu mây trắng đang loãng dần
trong tròng mắt anh.

Và tiếng gió
chẳng nói
được lòng hai ta.

Những ngón tay
mân mê
lý trí
mãi không ngừng.

Nằm bất động
vẽ hình em trong bóng đêm.

Ngón tay xanh,
cằn khô
đuổi xua
cảm xúc.

Nỗi buồn sao không thể như mây trong tròng mắt
loãng tan?

II.
Hỡi anh,
cùng nỗi cuồng điên khát vọng.
Bóng đêm và khoảng tối dài mênh mông-nối liền hai ta.
Em nghe tim anh thở không đều nhịp.
Giọt nước mắt lăn dài trên da mặt xám ngắt.
Hai tay run rẩy
Em đâu?em đâu?
Đêm toác hoác
Vuốt từng cọng tóc úa,
rụng.
Liếm sạch giọt nước
cuối.
Ôm sát,

"à ơi... à ơi..
có em đây."
Tìm đốm hồng nhạt, nút khẽ khàng
Yên lành.

Ôm chặt đời nhau,
trễ tràng.

III.
Em lao vào bóng tối
bất trắc
Vòm cây cuối hạ
lặng im.
Tiếng nhạc ngân dài,
dứt.
Em nhớ anh.

Màu nắng mật trên môi anh em hớp chiều nào
trước sân sỏi trắng nhà ai lao xao
cùng những ngón chân khua rộn
trong đôi dép mùa hè.

Hơi thở hắt
mạnh, bất thường.

IV.
Mùa hè con gái
đứng mút ngón tay
lòng nghe thèm gọi
nhìn giấc mơ
giạt xa dần.

V.
Dứt lìa một sớm bình minh
em thổi vòng tròn
vào một sớm bình minh
sầu bi khác.

U đất, tiếng dế dứt đoạn trong đêm
âm u.

Từng nốt nhạc
rời. Gợi nhớ
khoảng trống hiên nhà
tuổi thơ. Đá & đất & cỏ khô ngập gió chướng
& hai hồ mắt trủng vớt từng cơn mơ.
Nắng hè rờn rợn da.
VI.
Anh,
em đang đua cùng máy bay
đến bên anh.
tìm,
quên giờ khắc ngắn ngủi
thời gian con gái
sót lại.

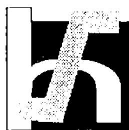
Trên em là mây
dưới em là mây.

Nơi em tới
có là mây bát ngát?

Những đêm nén
tiếng trở mình, chùi nước mắt
gõ cửa hỏi thầm định mệnh.

VII.
Mùa hè,
tàn lá mộng.
Ngọn gió nồng
ủ thơm háo hức ngực anh
phà trong gió.
Em hớp,
hớp từng ngụm.
Nắng khét da thịt.
Liếm giọt mồ hôi
tình.

LÊ THỊ THẤM VÂN



NGUYỄN TRẦN

SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT



KỊCH TÁC GIA WOLE SOYINKA THAM GIA LIÊN MINH LƯU VONG

Một trong những khuôn mặt lỗi lạc nhất của văn học châu Phi là nhà thơ, kịch tác gia Wole Soyinka vừa cho biết là một liên minh gồm các người lưu vong Nigeria đang vận động một phong trào nhằm phục hồi thể chế dân chủ tại quốc gia Tây Phi này.

Ông Soyinka, hiện đang sống lưu vong tại Hoa Kỳ, cho biết qua một tuyên cáo là nhiều nhóm người Nigera ngoài nước đã tham gia vào liên minh lưu vong này để vận động chống lại nhà cai trị quân sự là tướng Sani Abacha.

Không được rõ có bao nhiêu nhà hoạt động tham dự vào tổ chức nhưng người ta thấy có chữ ký tên của cựu bộ trưởng Thông tin Nigeria Anthony Enahoro trên bản tuyên cáo được phổ biến.

Ông Soyinka là một nhà thơ và kịch tác gia nổi tiếng đã từng đoạt giải Nobel Văn Chương năm 1986, hiện phụ trách chương trình African-Americans Studies tại đại học Emory University tại Atlanta. Ông đang bị nhà cầm quyền quân sự Nigeria truy nã về tội phản quốc và có thể bị án tử hình nếu ông trở về nước. Từ khi cầm quyền năm 1993 sau một cuộc đảo chánh, tướng Abacha đã bị chỉ trích mạnh mẽ vì đã cầm tù hàng trăm người chống đối trong nước. Abacha đã hứa hẹn sẽ tổ chức bầu cử vào cuối năm nay.

MƯỜI NHÀ VĂN VÀO VÒNG BÁN KẾT GIẢI VĂN CHƯƠNG IMPAC CỦA Á-NHĨ-LAN

Mười nhà văn đã vào danh sách bán kết của giải thưởng IMPAC của Ái nhĩ-lan, một giải thưởng lớn mở ra cho các nhà văn khắp thế giới, nhằm trao cho tác phẩm tiểu thuyết xuất sác nhất in trong năm. Các tên tuổi lớn trong danh sách bán kết năm nay là các nhà văn Margaret Atwood (Canada), Andre Brink (Nam Phi) và Graham Swift (Anh). Nhà văn thắng giải sẽ được công bố vào ngày 18-05 và sẽ nhận phần thưởng trị giá $100.000 tiền Di-nhĩ-lan.

Trong 88 tác phẩm in từ đầu tháng giêng đến cuối tháng mười hai năm nay, tác phẩm "Alias Grace" của nhà văn Atwood được chọn vào bán kết, Swift với "Last Orders" và Brink với "Imaginings of Sand."

Các nhà văn khác được đề cử với tác phẩm là David Foster với tác phẩm "The Glade within the Grove", Guy Vanderhaeghe với "The Englishman's Boy", Lawrence Norfolk với "The Pope's Rhinoceros" và nhà văn Ru-ma-ni Herta Mueller cho tác phẩm dịch thuật "The Land of Green Plums."

Người đoạt giải thưởng năm ngoái là Javier Marias, nhà văn Tây Ban Nha, cho tác phẩm đầu tay là "A Heart so Whie". Tác phẩm "Remamber Babylon" của nhà văn Bc David Malouf đoạt giải năm đầu tiên thành lập giải 1996.

Hội đồng giám khảo gồm nhà thơ Canada Greg Gatenby, nhà văn nhà phê bình Mễ Margo Glantz, nhà thơ Di nhĩ lan Paul Muldoon, tiểu thuyết gia Phần Lan Marta Tikkanen và nhà thơ Hoa Kỳ Al Young.

Thủ đô Dublin của Di Nhĩ Lan là thành phố duy nhất trên thế giới tự hào có được đến ba người đoạt giải Nobel Văn Chương là George Bernard Shaw, William Butler Yeat và Samuel Beckett và nay là nơi cư ngụ của người thi sĩ thắng giải Nobel văn chương năm 1995 là Seamus Heaney.

BỆNH TÂM THẦN MỚI VÀ QUYỂN KINH DSM!

Mới đây, các nhà chuyên môn vừa cảnh cáo rằng chuyện nổi nóng, hung dữ ngoài đường trong lúc lái xe không phải là chuyện thường đâu. Nó đang phát triển ở một mức độ đáng ngại, gần như trở thành một thứ dịch trên khắp nước Mỹ. Trong một nghiên cứu mới đây, Hiệp Hội Xe Hơi Hoa Kỳ (American Automobile Association) cho biết là kể từ năm 1990 đến nay, con số các vụ tài xế có phản ứng giận dữ khi lái xe ngoài đường đã tăng lên thêm 51 phần trăm. Và thứ dịch đó làm lan truyền một thứ bệnh hẳn hoi đấy!

Nếu bạn nhún vai, nói đơn giản là: "Ôi mấy cha tài xế điên!" thì đó chính là điều mà một bác sĩ tâm lý ở Whittier tên là Amold Nerenberg, rất tán đồng. Ông bác sĩ này cho biết phản ứng đó là bệnh chứ không phải chỉ thuần là tánh khí con người. Ông có hẳn một chương trình phát thanh hàng tuần chỉ để chứng minh rằng cái thói tật nổi giận khi lái xe trên đường là một chứng bệnh tâm thần có thể cấp giấy chứng nhận được. Hay như người Việt mình hay nói đùa là "điên có giấy tờ."

Với sự tài trợ các ngân khoản nghiên cứu của tiểu bang và liên bang, những người như bác sĩ Nerenberg đang cố gắng làm giảm bớt các tử vong gây ra do các anh tài xế nổiỉ cuồng khi lái xe - điều mà họ cho là một sự rối loạn tâm thần đã đến lúc chín muồi nên bộc phát ra. Ông và các đồng nghiệp tin chắc là các phản ứng hung tợn bất thường này đang sắp được chấp thuận như một chứng bệnh chính thức trong Cẩm Nang Thống Kê và Chẩn Đoán Bệnh Tâm Thần (Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorders).

Quyển Cẩm Nang DSM này mà dân trong nghề xem như quyển kinh sách, dầy 886 trang do American Psychiatric Association đưa ra. Các bác sĩ tâm lý và nhà chuyên môn từ trước đến giờ vẫn dùng nó để xác định một số các hành vi được xem là bệnh tâm thần. Nếu chứng nổi khùng khi lái xe này được chấp thuận thì nó sẽ gia nhập vào hơn 300 chứng bệnh tâm thần khác được xem là chính thức trong kinh DSM.

Sự chuẩn nhận của DSM cũng có thể có những thuận lợi về mặt pháp lý. Mới đây, một số bác sĩ đã cho rằng một phụ nữtrấn nước đứa bé sơ sinh của mình trong nhà tắm có thể là bị chứng rối loạn tâm lý hậu sản và như thế đã giúp bà này khỏi bị truy tố về tội cố sát.

Về chứng nổi hung ngoài xa lộ, bác sĩ Nerenberg định nghĩa như thái độ "bày tỏ sự giận dữ đối với một tài xế khác" vì một điều gì đó mà người kia đã làm, với những phản ứng như làm các cử chỉ thô tục, nhìn chăm chăm thù nghịch, la lối, bấm còi, có hành động hung hăng cố ý... Ông nói là nếu đương sự tái phạm hai lần hoặc hơn trong vòng một năm thì đó chính là dấu hiệu của bệnh giận dữ khi lái xe và phải được xem là một bệnh tâm thần. Ông cho biết có hơn phân nửa người Mỹ bị chứng này vào lúc này lúc khác.

Một số chứng bệnh khác cũng đang được xem như "ứng viên" cho quyển thánh kinh DSM nói trên gồm có chứng "rối loạn tiền kinh nguyệt", một hình thức nặng của các stress trước khi hành kinh ở phụ nữ; chứng "rối loạn khả năng tập trung" trước chỉ có ở trẻ em nay đã thấy ở một số bệnh nhân người lớn... Ngoài ra còn nhiều chứng khác như tên gọi diễn dịch ra rất "ngớ ngẩn" và đầy tính miêu tả, chẳng hạn chứng "rối loạn khi phải làm nhiệm vụ bồi thẩm", chứng "rối loạn vì vé sổ số"...

Tóm lại, sự quy bệnh trong quyển thánh kinh DSM vẫn là chủ yếu vì tất cả các chi phí về bệnh tâm thần và việc trả bảo hiểm tùy thuộc vào mã số ghi trong quyển cẩm nang này.

Vậy thì đến một lúc nào đó, khi bạn đang tà tà vừa lái xe vừa thả hồn về quê cũ mà bỗng dưng có tiếng còi xe lỗ mãng hay tiếng chửi thề thô bạo làm tan vỡ giấc mộng vàng của bạn, hoặc thậm chí được tặng cho ...một ngón tay... chẳng hạn, thì bạn có thể bỉu môi cười tha thứ và thương hại cho kẻ hung hăng kia đi, vì chắc hắn là một người điên...có giấy tờ rồi!

TẠP CHÍ VIỆT RA MẮT TẠI ÚC

Từ đầu năm đến nay, sinh hoạt văn học Việt Nam tại Úc sôi động và khởi sắc hẳn lên nhờ sự xuất hiện của tạp chí Việt. Nếu không kể tờ Tập Họp vốn chỉ ra được ba số và không định kỳ vào những năm 1987 và 1988, thì Việt là tạp chí văn học đầu tiên của cộng đồng người Việt tại Úc (gồm khoảng 200,000 người).

Để số báo đầu tiên của tờ tạp chí văn học đầu tiên ấy đến được với đông đảo người đọc, nhóm chủ trương và thân hữu tạp chí Việt đã tổ chức hai buổi ra mắt tại hai thành phố lớn và đông dân cư nhất: Melbourne và Sydney.

Tại Melbourne, buổi ra mắt được tổ chức vào ngày 14. 2. 1998 tại trường Victoria University of Technology với phần trình diễn văn nghệ đặc sắc của ban nhạc Hương Xưa. Sau khi nhà thơ Phan Việt Thuỷ, chủ nhiệm, trình bày lý do dẫn đến sự ra đời của tạp chí Việt, nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc, chủ bút, nêu lên vài nhận xét về công việc làm báo, nhất là báo văn học. Theo Nguyễn Hưng Quốc, ở một khía cạnh nào đó, có thể ví việc làm báo, nhất là báo văn học với việc đãi tiệc: cả hai đều gắn liền với một niềm vui rất 'vị tha'. Người đãi tiệc nào cũng mong khách ăn ngon, ăn nhiều, ăn thật tình và tận tình: thức ăn càng vơi bao nhiêu chủ nhà càng hài lòng bấy nhiêu. Làm báo cũng thế: các bài viết của người khác đăng trên tờ báo càng nổi, càng sáng, càng gây nhiều dư vang bao nhiêu, người điều hành tờ báo càng hả hê bấy nhiêu. Đó không phải là vấn đề tự nguyện mà còn là một vấn đề có tính nguyên tắc: không có tờ báo nào được xem là hay, là lớn nếu nó không giới thiệu được những tài năng mới, những tên tuổi mới. Kế tiếp, ông Lê Văn Thanh và ông Hoàng Minh Chiếu, chủ tịch và phó chủ tịch Cộng đồng người Việt tại tiểu bang Victoria, đồng thời là những người thỉnh thoảng làm thơ và viết văn trên nhiều tờ báo tại địa phương, đã lên phát biểu những cảm tưởng tốt đẹp về tờ Việt số 1 vừa phát hành với những nhận xét và những ví von dí dỏm khiến không khí buổi ra

mắt vui nhộn hẳn.

Tại Sydney, buổi ra mắt được tổ chức vào Thứ Bảy, 28.2.1998, với phần giới thiệu nồng hậu của luật sư Lưu Tường Quang, giám đốc đài phát thanh SBS tại Úc. Tiếp theo, Nguyễn Hưng Quốc nói về vai trò của các tạp chí văn học: tuy là một phát minh rất mới, riêng tại Việt Nam, chỉ mới xuất hiện cách đây hơn một nửa thế kỷ, các tạp chí văn học đã trở thành trung tâm của sinh hoạt văn học, nơi xuất phát của những biến động văn học quan trọng. Nhạc sĩ và nhà thơ Hoàng Ngọc Tuấn, một trong vài cây bút trụ cột của tạp chí Việt, bằng một kiến thức uyên bác và một lối nói sinh động, đã khai triển thêm ý nghĩa của công việc đọc thơ, chủ đề chính của Việt số 1, nhằm giúp những người tham dự hiểu rõ hơn tại sao bản thân việc đọc thơ hay cách đọc thơ lại là một vấn đề quan trọng không những đối với người đọc mà còn đối với những người cầm bút nữa. Sau đó, ông Võ Minh Cương, chủ tịch Cộng đồng người Việt tại Úc, nhà báo Gia Du và giáo sư Trần Đình Lương lên phát biểu những cảm tưởng ưu ái của họ về tờ Việt. Chương trình buổi ra mắt được điểm xuyết bằng những tiếng hát hàng đầu tại Sydney như Phương Mai, Lệ Hoàng và Trầm Hương.

Cũng nên biết, tạp chí Việt mỗi năm chỉ ra hai số. Số 2, sẽ phát hành vào tháng 7.1998, mang chủ đề "Sống và viết ở hải ngoại".

Địa chỉ toà soạn:

177 Civic Parade, Altona, Victoria, 3018, Australia. (Thi Thi ghi)

TRIỂN LÃM HỘI HỌA

Chưa đầy ba tháng kể từ đầu năm đến nay, sinh hoạt hội họa của họa sĩ gốc Việt tại nhiều tiểu bang trên đất Mỹ có phần khởi sắc. Ở miền Đông, với hai triển lãm của hai họa sĩ lão thành: Thái Tuấn và Duy Thanh. Tại Nam California, triển lãm mùa Xuân của hơn 10 họa sĩ tại phòng sinh hoạt nhật báo Người Việt. Cách một tuần sau, một triển lãm cóqui mô rộng, với trên 34 họa sĩ tham dự tại chùa Phật Giáo Việt Nam thuộc địa phận Orange County, nằm trong kế hoạch gây qũy cứu trợ nạn nhân bão Linda.

Gần hơn nữa, là triển lãm của 7 họa sĩ Nguyễn Việt, Nguyên Khai, Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Khánh Trường, Lệ Chi, Ann Phong đã được tổ chức tại The Cuttress Gallery, thành phố Pomona. Người ta ước lượng có trên 600 khách (99% là người Mỹ) đến tham dự trong buổi tối khai mạc. Đây là một cuộc triển lãm khá thành công, về mặt tinh thần lẫn tài chánh.

NGUYỄN TRẦN



DU TỬ LÊ

trên những luống hồi ức tầm xàm

thổi tắt. thổi tắt. thổi tắt. thổi tắt
những ngọn nến rạo rực cháy trong trí nhớ
những ngọn nến hào hển cháy khắp cùng thân thể
thổi tắt xao xuyến. thổi tắt ham muốn tới ân hận
trên những luống hồi ức tầm xàm
những điều ta biết rõ mặt, mũi
biết đích danh
mà chẳng thể kêu tên
(cách gì ta cũng còn chút xấu hổ với ta trước nhất)

thổi tắt. thổi tắt. thổi tắt. thổi tắt
ngọn nến vô luân đã mượn thân thể em để cháy
đêm cứng như củi. đêm mềm như bún
đêm chập choạng trên chiếc gậy trắng của người mù
(gậy. gậy. gậy. gậy. gậy...)
đêm thiên phước. đêm mặc khải hư vô

thổi tắt. thổi tắt. thổi tắt. thổi tắt
mọi thứ
đạo đức / vô luân / thân thể / dục vọng / cây gậy người mù /
(mềm hay cứng?)

những ngọn nến chết tiệt đã tắt
hồi nào / lâu lắc / tận đáy giấc mơ
chỉ những giọt lệ (sáp) cười nhạo trên mặt bàn gỗ mọt
kịp lúc ta lén lút rời ngón tay đẫm mồ hôi
khỏi thân thể em
và, chợt nhận ra
có thể ta,
sẽ khóc.

CÁ VÀ KHỈ TRONG EM, CÙNG LÚC

bây giờ là đêm
liệu có đêm như thế này /ở những hành tinh khác/
hãy tin tiền thân của loài người

(theo thuyết Darwin)
là cá
dù cho cả nghìn năm nay
chúng ta không ngừng săn đuổi, đánh lưới chúng
để ăn
thỏa thích

và /trong giấc mơ ta /mỗi đêm/
hằng thấy em quẫy, đập.

bây giờ là ngày
liệu có ngày như thế này /ở những tinh cầu khác/
hãy tin tiền thân của loài người
(theo thuyết Darwin)
là khỉ
dù cho cả nghìn năm nay
chúng ta không ngừng đập óc khỉ
để ăn
thỏa thích

và /trong hình dung ta /lâu lâu /
lại thấy em như... khỉ
lí lắt giữa trò chơi cút bắt

bây giờ là đêm
liệu có ngày lúc này /ở môt hành tinh khác/
hay tiền thân của loài người
là...con người
do Thượng đế?
bởi sau bao nhiêu triệu năm
vẫn chẳng thấy có môt con cá nào chẻ đuôi, làm chân
vươn vây làm tay /.../
tiến lần tới... khỉ

trừ em / hằng đêm / trong ta /
là khỉ và,
cùng lúc,
cá.

DU TỬ LÊ



ĐẶNG MY LỘC

DẪN NHẬP NGHIÊN CỨU TIẾNG VIỆT VÀ CHỮ QUỐC NGỮ

cuả Võ Long Tê
(Reichstett: Trung Tâm Nguyễn Trường Tộ, 1997)



0 Quyển sách gồm hai phần: phần I là nội dung bài giảng cùng tên cuả tác giả dành cho lớp Đại Học Hè Việt Nam Hải Ngoại 1996 tại Orsonnens (ThB Sĩ), phần II là một bảng Thư Mục chi tiết, giúp cho việc tìm hiểu Tiếng Việt và Chữ Quốc Ngữ. Đây là một nỗ lực lớn cuả tác giả và Định Hướng Tùng Thư cuả Trung Tâm Nguyễn Trường Tộ đối với việc nuôi giữ lòng quan tâm cuả giới trẻ hải ngoại đối với văn hoá dân tộc.

Trong ngót trăm trang đại cương bài giảng này, tác giả giới thiệu ba vấn đề: (a) lịch sử tiếng việt; (b) lịch sử phát triển chữ quốc ngữ; (c) đặc điểm cuả tiếng Việt. Bài giảng dẫn nhập nghiên cứu tiếng Việt cuả tác giả, cùng với bảng thư mục rất dồi dào tư liệu, chưá đựng một khối lượng thông tin rất lớn cho các bạn trẻ thiết tha với việc tìm hiểu sâu về tiếng Việt. Các bạn có thể dò tìm được rất nhiều điểm mốc lớn về các vấn đề liên quan đến tiếng Việt, để từ đó tra cứu thêm tài liệu thư tịch mà tác giả đã kĩ lưỡng ghi chú trong bài giảng và sau đó lên một danh mục khá phong phú. Độc giả không khỏi thán phục hùng tâm cuả tác giả, thể hiện qua lề lối làm việc cẩn trọng, sự chăm chút đối với thế hệ trẻ bằng sự thu thập những tài liệu gợi ý. Với một bản đồ hướng dẫn chu đáo như vậy, tác giả quả là đã đạt được mục đích hướng đạo và gợi ý cho độc giả Việt Nam trẻ tại hải ngoại, để họ biết hướng để tìm về nguồn mà không sợ mông lung lạc lối.

1 Mở đầu bài giảng là khái quát về nguồn gốc cuả tiếng Việt. Tác giả đã tóm lược ngắn gọn một vài giải thuyết khoa học trước đây để quy về kết luận là tiếng Việt là một ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Nam Á, và tiếng Việt là một nhánh lớn cuả ngữ hệ này. Đây là một đề tài nghiên cứu rất thú vị, và phức tạp; cho nên tác giả không thể gói hết ý trong ít trang ngắn ngủi được. Tuy nhiên, trong chừng mức các tài liệu trưng dẫn, người đọc dễ nhận thấy là tác giả dụng công giới thiệu quan điểm cuả Henri Maspéro qua bài nghiên cứu nổi tiếng cuả vị học giả này: *"Études sur la Phonétique historique de la langue annamite: les initiales"* (tài liệu số 72 trong thư mục). Maspéro đã nhìn ra từ rất sớm mối quan hệ giưã tiếng Việt và nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer, nhóm Thái, và một yếu tố thứ ba mà chính ông cho rằng đã có vai trò rất lớn đối với việc hình thành tiếng Việt ở những thời kì xa xưa. Yếu tố đó là gì, các nhà nghiên cứu sau Maspéro vẫn cố gắng truy tìm. André Haudricourt, đã xác định trong các công h tiếp nối cuả ông. Haudricourt cho rằng tiếng Việt có yếu tố ngôn ngữ Nam Á. Những tìm tòi cuả Haudricourt về nguồn gốc thanh điệu tiếng Việt đã góp phần rất lớn để ông nhận ra mối quan hệ giưã tiếng Việt cổ và nhóm ngôn ngữ Nam Á.(1) Có thể nói là Maspéro và Haudricourt đã nhìn mối quan hệ giưã tiếng Việt và Môn-Khmer và Thái khác nhau mà đi đến những kết luận khác nhau về nguồn gốc tiếng Việt.

Nhưng việc tìm hiểu nguồn gốc tiếng Việt sẽ còn là một việc dài lâu, và những giải thuyết dưạ trên cứ liệu ngôn ngữ cổ có thể sẽ không đầy đủ. Trước nay, đã có nhiều công phu tìm hiểu nguồn gốc dân tộc qua các cứ liệu dân tộc học, nhân chủng học, khảo cổ học, và cả cứ liệu văn hoá dân gian. Trên ngưỡng cưả vào thế kỉ XXI, có lẽ bạn trẻ Việt Nam nay cũng đã có thể nhận ra là việc tìm hiểu nguồn gốc tiếng Việt - và qua đó có thể góp phần tìm hiểu nguồn gốc dân tộc - đòi hỏi nhiều kiến thức liên khoa: khảo cổ học, dân tộc học, văn hóa học, và ngữ học. Công việc này khó có một cá nhân đơn thương độc mã mà có thể thực hiện đến nơi đến chốn được. Đất Việt là điạ bàn cư dân cuả hơn năm mươi dân tộc, việc tìm hiểu ngôn ngữ và các mặt khác cuả các cộng đồng dân tộc này sẽ góp phần làm sáng thêm mối quan hệ giao lưu ngôn ngữ giưã ngôn ngữ Việt-Mường và các ngôn ngữ khác trong ngữ hệ Nam Á. Đó là một bài toán khoa học mà thế hệ các nhà ngữ học Việt và quốc tế hiện nay chưa có những giải y đủ.

Nói cho đúng thì các nhà nghiên cứu trước đã bắt đầu đi vào khảo hướng này. Bình Nguyên Lộc là một. Những gợi ý cuả Georges Coedès đã

---

(1) Xem A.G.Haudricourt (1953) "De L'Origine des tons en Vietnamien" (tài liệu 167 trong thư mục)

dẫn nhà văn tài danh này vào hướng tìm hiểu nguồn gốc dân tộc qua những cứ liệu khảo cổ, nhân chủng học, nhân học và ngữ học. Ông đã lao vào một địa hạt nghiên cứu liên khoa với một nhiệt tâm nóng bỏng. Trực giác của một nghệ sĩ (ông là một nhà văn xuất thân) đã đưa ông đến những nhận xét độc sáng, có khả năng nối kết những luận cứ khoa học khảo cổ, nhân học, nhân chủng, ngữ học với những tư liệu văn hoá dân gian, để rồi ông phác hoạ lại quá trình tiến hoá của nhóm dân Lạc trong đại gia đình Nam Á mà ông gọi là 'Mã Lai' cổ. Nhiều người công kích ông chỉ vì cái tên 'Mã Lai' mà không hề tìm hiểu nội dung của thuật ngữ ông dùng, dẫn đến những tranh cãi phù phiếm. Giả thuyết của Bình Nguyên Lộc về đại gia đình Bách Việt rất đáng được tìm hiểu thêm. Bằng tinh thần và phương pháp khoa học thấu triệt, thế hệ ngày mai sẽ có thể hiểu rõ hơn về dĩ vãng ng m của dân tộc chúng ta.

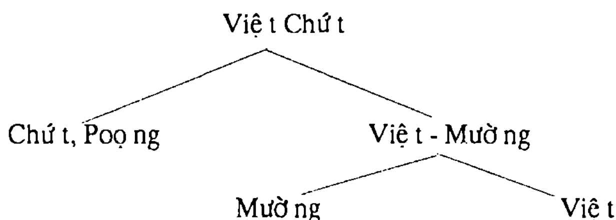
Mặc dù kịch liệt công kích Bình Nguyên Lộc, một nhà ngữ học Việt Nam khác lại cũng đã đi bước đầu nghiên cứu theo chiều hướng liên khoa như thế: Nguyễn Bạt TB đã âm thầm đi vào địa hạt dân tộc ngữ học trong hơn mười năm ròng rã, và đã có những phát kiến ban đầu về nguồn gốc của "ngữ Giao" trong mối quan hệ với các chi nhánh ngôn ngữ khác của ngữ hệ Nam Á mà ông gọi là 'nhóm Môn-Khâme', và nhóm 'ngữ Nê'. Theo ông Nguyễn thì tiếng Việt ngày nay là hậu thân của họ ngôn ngữ Giao (ngày xưa phát âm là / kao/ , thuộc nhóm ngôn ngữ Giao-Thái.(2) Tiếc rằng cho đến khi ông qua đời (1995), chưa có dịp nào ông được trình bày giải thuyết về nguồn gốc tiếng Việt, ngoại trừ ít trang ngắn ngủi trong hai bài viết, và loạt bài phê bình sách kể trên của Bình Nguyên Lộc. Các công trình quan trọng về đề tài nghiên cứu này cũng như về ngữ học tiếng Việt nói chung của ông để lại đến nay vẫn đang còn đợi được phổ biến cho học giới các nơi.

Ngoài ra, những công trình của giới nghiên cứu ở Hà Nội về nguồn gốc tiếng Việt cũng đáng chú ý. Trong một công trình xuất bản gần đây, các nhà nghiên cứu tại Viện Đông Nam Á khẳng định thêm bằng những tư liệu ngôn ngữ, và cho rằng tiếng Việt thuộc họ ngôn ngữ Nam Á, là một họ ngôn ngữ bao trùm địa bàn rộng khắp vùng Đông Nam châu Á. Đại gia đình ngôn ngữ Nam Á này có ba chi nhánh lớn là nhánh Munda, nhánh Môn-Khmer và nhánh Nam Đảo. Tiếng Việt có nguồn gốc cổ sơ là nhóm ngôn ngữ Việt-Chứt - là một thành phần của nhánh ngôn ngữ Môn-Khmer định cư ở địa bàn Đông Dương ngày nay. Đến khoảng hơn hai ngàn năm

---

(2) Xem Nguyễn Bạt TB (1965) "Các ngữ ở Việt Nam" *Nghiên Cứu Việt Nam* số 2 (Hè 1966), tr. 3-24.

trước, nhóm Việt-Chứt này đã giao tiếp với nhóm ngôn ngữ Thái mà hình thành một nhóm ngôn ngữ mới: nhóm Việt-Mường cổ. Sau đó khoảng hơn một ngàn năm, nhóm Việt-Mường cổ lại chịu một thay đổi lớn khác, khi tiếp xúc với ngôn ngữ Hán: nhóm Việt Mường tách làm hai nhóm: nhóm Việt và nhóm Mường. Mối quan hệ họ hàng giữa tiếng Việt và Mường ngày nay có thể được diễn tả như trong ưới đây, phối hợp kết quả nghiên cứu của Phạm Đức Dương và Nguyễn Tài Cẩn(3):



2 Sau khi hướng dẫn tìm hiểu nguồn gốc tiếng Việt, tác giả giới thiệu vấn đề lịch sử tiếng Việt. Qua lịch sử hơn bốn nghìn năm, tiếng Việt đã trải qua sáu thời kì tiến hoá: tiền Việt................>..nguyên Việt................>..Việt thái cổ Việt thượng cổ................>..Việt trung cổ................>..Việt hiện đại. Bảng khái lược lịch sử sáu thời kì của tiếng Việt cũng là phần dựa trên công trình nghiên cứu của Henri Maspéro. Mà Maspéro thì - như vừa trình bày ở trên - đã bỏ sót một yếu tố can hệ đến sự hình thành tiếng Việt cổ, là yếu tố Nam Á, cho nên những luận điểm của ông ở hai thời kì đầu của lịch sử tiếng Việt, đến bây giờ cần phải xem lại.

Trong tình hình nghiên cứu hiện nay, rất khó xác định đâu là giới thuyết của hai thời kì đầu, và đâu là đặc tính của mỗi thời kì. Nhưng những gợi ý quan trọng của Maspéro về quá trình tiến hoá của tiếng Việt vẫn rất có giá trị. Chẳng hạn, gợi ý về tiếng Hán Việt của ông đã dẫn đến phát hiện khá quan trọng của Nguyễn Bạt TB về tiếng "nho xưa", "nho nay" và "nho xưa-nay" trong mối quan hệ với "nôm trước" , "nôm sau" và "nôm xưa-nay" - rất đáng cho chúng ta suy ngẫm.(3)

Trong lúc trình bày, có đôi khi tác giả cho rằng trình độ tiến hoá của tiếng Việt qua các thời kì là sự tiến hoá theo trình độ nâng cao về phẩm chất. Chẳng hạn, khi tác giả cho rằng tiếng Việt ở thời kì thượng cổ đạt đỉnh cao là ngôn ngữ văn học trong Quốc Âm Thi Tập của Nguyễn Trãi (tr. 19), rồi chữ quốc ngữ dần dà trở nên một ngôn ngữ văn học (tr. 20), lịch

(3) Xem Phạm Đức Dương (1983) " Nguồn gốc tiếng Việt: từ tiền Việt-Mường đến Việt-Mường chung" in trong *Tiếp Xúc Ngôn Ngữ ở Đông Nam Á*. Hà Nội: Viện Đông Nam Á; Nguyễn Tài Cẩn (1995) *Giáo Trình Lịch Sử Ngữ Âm Tiếng Việt*. Hà Nội:

sử tiếng Việt hiện đại đồng nhất với lịch sử phát triển chữ quốc ngữ (tr.25). Cách nhìn nhận như trên có mấy điểm cần làm sáng tỏ:

Trước hết, nhìn nhận trình độ tiến hoá ngôn ngữ qua trình độ ngôn ngữ văn học có thể dẫn đến một thái độ xét đoán giá trị về sự tiến hoá ngôn ngữ. Thật ra, ở đây nên tách sự tiến hoá khỏi ý niệm tiến bộ: nếu tiếng Việt ở thời Nguyễn Trãi nói là *đá* mà ngày hôm nay chúng ta nói *đá* thì không phải bây giờ chúng ta nói tiến bộ hơn, hay hơn thời Nguyễn Trãi; cũng thế, tiếng Việt trung cổ còn nói con *tlai*, trong khi ngày nay chúng ta nói là con *trai*, thì chỉ là do sự tiến hoá đã dẫn đến những cách nói khác nhau để diễn đạt ý nghĩ cuả con người mà thôi.

Một điểm khác cũng đáng chú ý là ngôn ngữ văn học với ngôn ngữ viết là hai phạm trù ngôn ngữ khác nhau. Ngôn ngữ văn học thời bây giờ có thể là ngôn ngữ viết. Nhưng ngôn ngữ văn học cũng còn có thể là ngôn ngữ nói, nếu văn học đó là loại văn học truyền khẩu. Ngôn ngữ văn học có thể tiến lên một đỉnh cao ở một thời kì văn học nào đó, nhưng ngôn ngữ viết ở thời kì đó có thể không tiến lên cùng nhịp. Sự phát triển ngôn ngữ không nhất thiết phải đi đôi với sự phát triển một hệ thống chữ viết. Xét về mặt sâu sắc cuả ngôn ngữ văn học thì câu văn truyện Kiều (ở thời kì tiếng Việt trung cổ) có thể vẫn là những mẫu mực về ngôn ngữ văn học cho những giai đoạn sau này cuả tiếng Việt thời hiện đại. Nhưng chữ nôm ở thời điểm sáng tác truyện Kiều vẫn không tiến bộ vượt trội hơn những thời kì trước. Cũng thế, hệ thống chữ viết bằng mẫu tự Latin ngày nay đã hoàn chỉnh ngay từ khá sớm, nhưng ba trăm năm nay chữ quốc ngữ vẫn không trách nhiệm gì về những thăng trầm và đình đốn cuả ngôn ngữ văn ếng Việt.

Chúng tôi cũng hiểu là tác giả có ý đặt song hành giưã sự tiến hoá cuả tiếng Việt và sự phát triển cuả chữ quốc ngữ, chứ không có ý đồng nhất chúng. Nhưng như thế thì vẫn cần trả lời thêm: đâu là những tính cách đặc trưng cuả tiếng Việt thời kì hiện đại, kể từ cái mốc 1838 - là năm Taberd xuất bản bộ Từ điển tiếng Việt đồ sộ tại Serampore ? Việc hình thành và phát triển 'chữ quốc ngữ' chỉ là một tính cách về hệ thống văn tự mà thôi. Chúng tôi thấy còn vài tính cách khác rất đáng chú ý, nhưng chưa thấy bàn đến, đó là: thứ nhất, tiếng Việt đã đóng vai trò rộng khắp trong mọi hoạt động xã hội (tiếng Việt bây giờ là chuyển ngữ ở mọi cấp bậc sinh hoạt xã hội, sự phổ biến bộc phát truyền thông bằng ngôn ngữ viết, cụ thể là qua báo chí, sách vở); sau nưã là hoàn cảnh đất nước từ ba trăm năm nay đã dẫn đến một sự giao tiếp với ngôn ngữ phương tây không thể tránh được, mà kết quả cuả nó là hệ thống chữ quốc ngữ, là một khối lượng từ vay mượn, và nhất là những ảnh hưởng đến cú pháp tiếng Việt.

Qua kinh nghiệm giao tiếp ngôn ngữ phương tây, chúng ta nhìn thấy

rõ hơn tính cách đồng văn cuả tiếng Việt và tiếng Hán: đó là những ngôn ngữ cách thể, có quan hệ giao tiếp trên ngàn năm. Tiếng Hán đối với tiếng Việt không phải là "một chữ ngoại quốc" - hiểu theo cơ tầng văn hoá. Ngay ở thời kì hiện đại, người Việt vẫn cần trau dồi vốn từ Hán Việt nếu muốn làm phong phú vốn ngôn ngữ tiếng Việt. Đó cũng là một điểm đáng được nhắc đến trong một quyển sách dẫn nhập vào tiếng Việt như sách này.

3 Sách dành một phần khá phong phú để phác lại lịch sử phát triển chữ quốc ngữ. Đây là một bản phác hoạ khá đầy đủ quá trình phát triển cuả chữ quốc ngữ trong suốt ba trăm năm. Trước kia chỉ có một vài công trình nghiên cứu về từng thời kì, mà nổi bật là công trình tìm hiểu lịch sử phát triển chữ quốc ngữ ở thời kì đầu tiên (1620-1659) cuả Lm. Đỗ Quang Chính (xem tài liệu số 235 trong sách). Lần này, tác giả giới thiệu một bản tường trình theo thứ tự biên niên các chặng phát triển cuả chữ quốc ngữ, từ khi là phương tiện truyền giáo cuả cộng đoàn Thiên Chuá Giáo, đến khi được chính quyền thuộc điạ và bảo hộ quyết định dùng chữ quốc ngữ làm hệ thống chữ viết chính thức cuả nhà nước (tr. 55-56). Sự phát triển chữ quốc ngữ đã có hai yếu tố rất thuận lợi, là chính quyền đã dùng phương tiện nhà trường và báo chí làm phương tiện phát triển hệ thống chữ viết này. Việc các nhà trí thức yêu nước trong phong trào Đông Kinh Nghiã Thục cổ vũ cho việc học chữ quốc ngữ, là do một đông cơ khác với nhà đương cục thuộc điạ. Đó chính là đòn "tương kế tựu kế" như tác giả đã nhận xét rất đúng (tr. 53).

4 Phần bàn về các đặc điểm cuả tiếng Việt cũng là một bản tập hợp những nét đặc trưng cuả tiếng Việt về mặt ngữ âm, từ ngữ và về cú pháp.

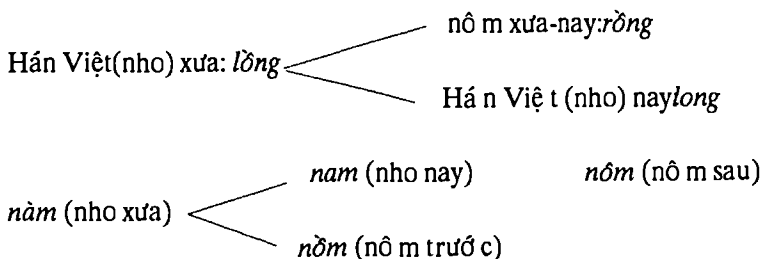
Về mặt ngữ âm, tác giả giới thiệu những "luật" ngữ âm quan trọng trong tiếng Việt: luật bổng trầm, luật thanh trọc, luật hỏi ngã, luật tương đồng đối xứng... (tr. 74). Phần này hãy còn khá sơ sài. Chúng tôi nghĩ rằng đặc sắc cuả tiếng Việt về mặt ngữ âm trước hết là sự hoà phối ngữ âm (phonological harmony), ở mọi thành phần âm tiết tiếng Việt, mà nổi bật lên là sự *hoà phối âm chính* và *hoà phối thanh điệu* qua luật bổng trầm.

Về mặt từ vựng,tác giả có bàn về từ thuần Việt và từ vay mượn. Tác giả có nêu một nhận xét mà chúng tôi nghĩ là rất đáng bàn thêm: ông đưa ra một bảng các tiếng vay mượn từ tiếng bắc Phạn, tiếng Tamoul, tiếng Môn-Mên, tiếng Thái (tr. 69). Tác giả cho rằng các nhà ngữ học cho đó là những từ tiếng Việt có vay mượn, nhưng ông lại cẩn thận cho rằng: nếu có vay mượn thì "đã Việt hoá từ thuở xa xưa đến độ xuất hiện như tiếng Việt

thuần tuý, nhưng cũng nên nghĩ đến trường hợp **"tương đồng hơn là liên hệ thân tộc"** (tr. 68). (chúng tôi cho in đậm).

Tất nhiên là không thể đồng nhất giưã vay mượn và tương đồng, cho dù có nhiều hiện tượng ngôn ngữ tương đồng trong tình cờ. Trong trường hợp tiếng Việt chúng ta, hiện tượng vay mượn trong thân tộc ngôn ngữ là hiện tượng có thật, và rất sâu sắc. Qua sự đối chiếu ngôn ngữ, nhà nghiên cứu có thể truy tầm những nét vay mượn giưã các ngôn ngữ có quan hệ tiếp xúc với nhau. Hãy tưởng tượng, ngày xa xưa khi cộng đồng ngôn ngữ Môn-Khmer ở đất Văn Lang giao tiếp với cộng đồng dân Thái cuả Thục Phán, để hình thành nước Âu Lạc, sự hôn phối ngôn ngữ đã xảy ra phức tạp đến mức nào ! Ngày nay, chúng ta nói *tre pheo, heo cúi, chó má, chợ buá, đường sá....* trong đó cả hai từ đều cùng một nghiã, nhưng một từ là cuả gốc Môn-Khmer và một từ gốc Thái. Trong những trường hợp như thế khó mà trả lời được đâu là vay mượn, và đâu là từ thuần tuý, bởi vì ngày nay, những từ ghép vưà kể đã là bộ phận "từ thuần tuý" cuả tiếng Việt cả rồi. Hiện tượng vay mượn sẽ trở nên rõ ràng, khi ta nói đến từ mượn trong từ vựng các tiếng Ấn-Âu, do cuộc giao tiếp ngôn ngữ ở thế kỉ XX. Những từ như *xà phòng, cùi dià, (*nhà*) ga, cao bồi...* hiển nhiên là những từ vay mượn trong vốn từ ngữ tiếng Việt ở thế kỉ XX.

Chúng tôi nhìn kho từ vựng tiếng Việt như một vùng đất do nhiều cơ tầng phù sa đắp bồi: lớp cổ nhất là gốc Môn-Khmer, rồi lớp Thái, lớp Hán, và ai biết sẽ ra sao sau cuộc giao tiếp ngôn ngữ với phương tây từ ba trăm năm nay. Nhân nói về chuyện vay mượn và vốn từ riêng trong ngôn ngữ, chúng ta cũng nên nhìn qua trường hợp tiếng Hán-Việt. Tiếng Hán-Việt đã là kết quả cuả cuộc giao tiếp ngôn ngữ lớn, kéo dài hơn nghìn năm, khi dân tộc Lạc Việt bị nhà Hán đô hộ. Tiếng Hán Việt là một bộ phận từ ngữ quan trọng, đã góp phần hình thành ngôn ngữ văn hóa cuả dân tộc chúng ta trong hơn ngàn năm qua. Luận điểm về "nho xưa", "nho nay" cuả Nguyễn Bạt TB rất đáng chú ý, vì ông đã truy tìm được mối quan hệ như được hình dung ở hai thí dụ dưới đây (tr. 55 và 62)4:



Qua những gợi ý trên đây, chúng ta có thể nói lại một lần nưã với các bạn trẻ, rằng tiếng Hán-Việt là một bộ phận không thể thiếu được trong việc phát triển vốn ngôn ngữ văn hoá cuả người Việt.

Về mặt ngữ pháp, tác giả tập hợp bốn đặc điểm cuả tiếng Việt, là: quy luật xác minh, quy luật liên tục, quy luật bất định, và quy luật tiết điệu.(tr. 89-92). Chúng ta tự hỏi: liệu bốn đặc điểm nêu ra trong sách đã phải là những tính cách cốt lõi cuả tiếng Việt chưa ? Chúng tôi ngờ rằng hai đặc điểm đầu chỉ là kết quả cuả một đặc điểm bao trùm hơn cuả loại hình ngôn ngữ cách thể, không biến hình, và ngữ pháp dựa trên trật tự trước sau cuả từ. Nếu ta nói:*"người nông phu cầm cuốc cuốc đất"* thì ai cũng hiểu từ *cuốc* thứ nhất là một công cụ (danh từ), còn tiếng cuốc thứ nhì chỉ động tác (động từ). Đó là vì cú pháp tiếng Việt là một cú pháp không biến hình các từ mà hoàn toàn dựa trên vị trí cuả từ trong câu nói. Đặc điểm loại hình này đã dẫn đến các quy luật xác minh, và liên tục. Ở đây cũng cần nói thêm là: ngôn ngữ nào thì cũng có chức năng xác minh. Khác nhau về cách xác minh qua lối diễn đạt câu nói, là do tính cách cuả ngữ pháp mà thôi. Cho nên nói quy luật xác minh trong tiến có lẽ là thừa. Bảo rằng cú pháp tiếng Việt hoạt động theo nguyên tắc trật tự các từ, thì phải hơn.

Quy tắc mà Cadière gọi là bất định có thể cần phải bàn lại. Hiện tượng ngôn ngữ là một hiện tượng đa nguyên. Nếu chúng ta bàn về nó ở bình diện ngữ pháp (grammar) thì nên tạm đóng ngoặc các dữ kiện khác như phong cách nói, chủ đích người nói, và ngữ cảnh. Vì đó là đối tượng cuả nghiên cứu ngữ dụng học (pragmatics). Xét về cấu trúc ngữ pháp thì một câu tiếng Việt hoàn chỉnh phải là một câu xác định chứ không thể bảo là bất định. Xét rộng ra hơn thì quy tắc bất định không phải là một đặc trưng riêng cuả tiếng Việt, mà có lẽ ngôn ngữ nào cũng có; không thể dựa trên một vài lối nói phiếm chỉ để bảo rằng tiếng Việt là ngôn ngữ bất định, nếu không sai lạc thì cũng hàm ý khinh miệt một ngôn ngữ dựa trên tiêu chuẩn ngữ pháp Ấn-Âu.

Đặc điểm thứ nhì cuả tiếng Việt là sự nhịp nhàng cân đối, do đặc tính cuả thanh điệu mà có. Tiếng Việt có sáu thanh, và chúng hoà phối với nhau theo quy luật bổng trầm cuả thanh, mà tác dụng cuả hoà phối là tiết điệu nhịp nhàng cuả lời nói. Đây là một đặc tính thuộc loại hình ngôn ngữ chúng ta - là một ngôn ngữ cách thể và có thanh điệu. Cũng từ đặc điểm này mà trong văn học dân tộc, luật thơ phú rất chú trọng luật bằng trắc, và sự đối xứng nhịp nhàng. Điều thú vị cho bạn trẻ Việt Nam là khi xem xét tiếng Việt theo tinh thần và phương pháp khoa học thì chúng ta sẽ nhận ra tính hệ thống và khả năng diễn đạt cao cuả nó. Vì tiếng Việt cuả chúng ta

đã nghiễm nhiên là một ngôn ngữ văn hoá từ lâu đời rồi.

Hai đặc điểm có tính loại hình cuả tiếng Việt đã dẫn đến những đặc điểm về ngữ âm (luật bằng trắc, luật bổng trầm, nói chung là sự hoà phối ngữ âm), về từ vựng (không biến hình thể cuả từ theo hình vị), về ngữ pháp (cú pháp theo trật tự cuả từ, diễn đạt theo trật tự thời gian). Nhìn nhận vấn đề như thế có lẽ sẽ bao trùm hơn, hệ thống hơn là bốn quy luật như đã nêu ra trong sách.

5 Chúng tôi muốn dành một ít hàng để thảo luận với tác giả về việc dùng một số thuật ngữ ngữ pháp tiếng Việt: ông theo quan điểm Trần Trọng Kim và Lê Văn Lý, mà nhất luật gọi tên các tiếng từ loại là - tự, còn - từ thì để chỉ vai trò, chức năng ngữ pháp cuả các "tự" đó trong câu. Để bàn luận về vấn đề này, cần trở lại hai vấn đề nền tảng: một là vấn đề định nghiã 'từ', hai là giới thuyết phạm vi đối tượng nghiên cứu ngôn ngữ.

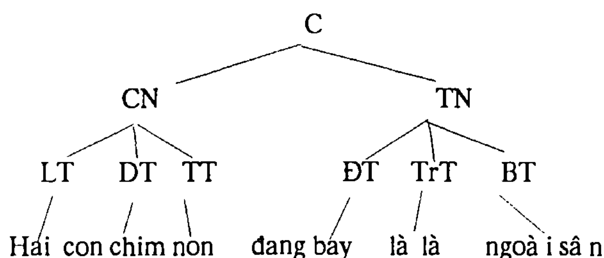
Vấn đề thứ nhất, chúng ta có thể đồng ý với nhau rằng: 'từ' là một 'tiếng', một đơn vị phát âm cuả tiếng nói có ý nghiã tối thiểu. Từ có thể nói lên hay viết ra. Khi phát ra thì từ cuả tiếng Việt thường là một âm tiết. Nhưng một chữ viết chưa hẳn đã là một từ. Ví dụ: *trái cà* là hai từ, nhưng *ca* và *chớn* trong từ cà chớn thì chưa thể gọi là từ đúng nghiã. Một từ có thể nghiên cứu ở nhiều bình diện khác nhau: về mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ý nghiã, ngữ dụng.

Vấn đề thứ nhì, cần dựa vào một luận điểm quan trọng cuả Saussure (xem tài liệu 296) về đối tượng cuả ngữ học là xem xét ngôn ngữ nói, ngôn ngữ sống cuả xã hội. Văn tự (chữ viết) chỉ là đối tượng thứ yếu. Trên thế giới có năm ngàn ngôn ngữ, nhưng không phải ngôn ngữ nào cũng có chữ viết. Cho nên ngôn ngữ học phải xác định cho mình đối tượng nghiên cứu là tiếng nói trước tiên, sau đó mới xét đến mặt chữ viết cuả tiếng nói đó. Vậy thì đối tượng cuả nghiên cứu ngôn ngữ trước hết, và trên hết vẫn là các "từ" (tiếng nói và chữ viết) chứ không phải chỉ là "tự" (chữ viết).

Từ tiên đề này, có thể thấy là dù nhìn từ mặt từ *loại* (parts of speech) hay mặt *từ vụ* (grammatical function) cuả từ trong câu, chúng ta cũng đều dựa vào "từ" chứ không nên dừng lại ở "tự". Để giải quyết vấn đề thuật ngữ phân biệt hai phạm trù ngữ pháp trên đây, các nhà ngữ học đã có những cố gắng giải quyết. Chẳng hạn,Trương Văn Chình và Nguyễn Hiến Lê dùng các thuật ngữ *thể từ, trạng từ* và *trợ từ* để chỉ từ loại các tiếng, và dùng các thuật ngữ ù *chủ ngữ, thuật ngữ, trạng ngữ, phó ngữ* để chỉ từ vụ cuả từ trong câu nói. (Xem tài liệu số 204 và 226). Nguyễn Kim Thản và các tác giả khác thì dùng: *danh từ, động từ, tính từ, phó từ, trợ từ* ...(từ loại) và cũng

dùng *chủ ngữ, vị ngữ,* ... để chỉ vai trò ngữ pháp cuả từ trong câu. Cố gắng cuả các tác giả vừa kể là đã xem xét vấn đề trong tinh thần mà Saussure đề xướng: san định thuật ngữ để đẩy nghiên cứu khoa học hơn, chính xác hơn.

"Ngữ" là cấu trúc cấp trên "từ". Trong câu nói, không phải chỉ một từ sắm một vai trò ngữ pháp, mà có khi là cả một nhóm từ. Vì thế mà đưa khái niệm 'ngữ' vào trong cú pháp để chỉ công năng cuả một nhóm từ là xác đáng hơn. Chẳng hạn, câu dưới đây có hai nhóm từ: một nhóm đứng làm chủ ngữ (subject) trong câu, nhóm thứ nhì làm thuật ngữ (predicate). Câu *"Hai con chim non đang bay là là ngoài sân"* có thể phân tích ngữ pháp như sau:



Cho nên việc chọn lựa một cách định danh trong ngữ pháp tiếng Việt phản ảnh quan điểm nghiên cứu cuả chúng ta. Trong tình trạng nghiên cứu ngữ học cuối thế kỉ XX này, vấn đề định danh đã được giải quyết khá trọn vẹn, thiết tưởng chúng ta không nên quay trở lại những dụng ngữ cũ đã tỏ ra thiếu bao quát. Theo cách đó, chúng tôi cũng thấy là có thể theo Lm. Nguyễn Khắc Xuyên khi ông dịch bài cuả Durand sang tiếng Việt. Ông Nguyễn hiểu "impressifs" là những "cảm từ" hơn là những "ấn tự". (Xem tr. 77 và tài liệu 195 kê trong sách). Chúng tôi cũng nghĩ rằng những ấn tượng mà các từ thuộc loại này chỉ là một mặt cuả sắc thái biểu cảm cuả từ đó.

6 Nhân đọc sách, chúng tôi nhặt ra một vài điểm nhỏ, cũng xin bàn góp với tác giả:

Trước hết, xét trong mạch văn thì khi Ngô Thì Nhậm tán dương văn nôm và tiếng nói dân tộc, ông muốn nói đến "quốc ngữ" chứ không phải "quốc tự" (tr.6).

Trang 47 có nhắc đến tiếng *là đá* trong Từ Điển Việt-Bồ-La, với nghiã lầu "toàn đá". Đây là một từ cổ có hai âm tiết, nhưng chỉ có nghiã là "đá" mà thôi. Từ này có thể là dấu vết hiếm hoi cuả mảng từ cổ mà phụ âm đầu có mang tiền tố. Trong *Quốc Âm Thi Tập* cuả Nguyễn Trãi có ba lần

dùng từ này, và các nhà phiên âm trước đây (Trần Văn Giáp và Đào Duy Anh) đều thất giải. Riêng câu ở bài 87 đã phiên sai thành *Bia,* mặc dù bản nôm khắc là *"la"* (võng trên duy dưới), rất rõ:

Dấu người đi *là đá* mòn (b. 21)
Cội cây *là đá* lấy làm nhà (b. 54)
Là đá hay mòn nghiã chẳng mòn (b.87)

Cả ba trường hợp chỉ cần hiểu *là đá* là "đá". Từ điển Việt Pháp cuả E. Gouin (1957) (tài liệu 174bis trong sách), cuả Génibrel (1898) (tài liệu số 58 trong sách) cũng có ghi từ này. Trong một số tài liệu chữ nôm viết tay cuả giáo sĩ Jeromino Maiorica (thế kỉ XVII) cũng có từ này:

"Đức chuá Giê Su thấy Si Mông đến liền phán rằng: mày là Si Mông con Giu Ông. Tao cải tên mày là Phê Rô nghiã là *là đá...*" (MB 20-14 d 8/t 41, h.1)

"Vì hòm gỗ để bia *là đá* trong ấy..." (MB 8a 10 / t.20 , h.9)

Tập *Chỉ Nam Ngọc Âm Giải Nghiã* ở thế kỉ XVII (xem tài liệu số 17 trong sách) cũng có hai trường hợp dùng *là đá* để giải nghiã từ thạch (đá):

Thach Khối hòn *là đá* chồng (Điạ lí bộ II)
Bàn Thạch *là đá* cả thay (Điạ lí bộ II)

Ngôn ngữ nhóm Việt-Mường hiện nay vẫn còn dùng từ này : la tá (Mày Rục), ta tá (Mã Liềng), a té (A Rem).(4) Như thế thì rõ là là đá là một từ cổ mà nay tiếng Việt không còn dùng nưã, nhưng các ngôn ngữ cùng hệ ngôn ngữ Nam Á thì vẫn còn dùng nó. Có thể ở một thời kì nào đó, người Việt còn nói / la đá/ hay gọn hơn: / lđá/ (đá), như đã từng nói /blăng/ (trăng), /klâu/ (trâu)... chăng?

7 Phần đóng góp cuả sách, theo chúng tôi, là ở nưả sau: một Thư Mục khá hoàn bị từ trang 97 đến trang 168 cuả sách, bao quát được hầu hết những công trình nghiên cứu ngữ học Việt Nam từ khá xa xưa đến gần đây nhất: xưa thì có thể kể đến quyển *An Nam Dịch Ngữ* ở thế kỉ XVI (tài liệu số 165 trong sách); gần đây nhất thì có quyển *Tiếng Việt: Sơ Thảo Ngữ Pháp Chức Năng* cuả Cao Xuân Hạo (1991) (tài liệu số 262 trong sách). Thư mục này sẽ rất có ích cho những ai muốn đi vào tìm hiểu nghiên cứu tiếngViệt một cách sâu sắc và khoa học. Chúng tôi tưởng là chỉ riêng phần Thư Tịch này cũng đủ làm cho quyển sách có giá trị lớn cho các bạn trẻ cuả Đại Học Hè trong tương lai.

---

(4) Xem Trần Xuân Ngọc Lan (1980) "Góp một số ý kiến về bản phiên âm *Quốc Âm Thi Tập"* in trong *Nguyễn Trãi Kỉ yếu Hội Nghị Khoa Học 600 Năm Nguyễn Trãi tại Tp.HCM*. Sài Gòn: Viện KHXH, tr. 372-379.

Đọc kĩ phần Thư Tịch này, chúng tôi cũng có đôi điều bàn góp cùng tác giả, chỉ nhằm mục đích hoàn bị hơn nữa một công cụ nghiên cứu rất quý giá cho bạn đọc về sau.

Trước hết, chúng tôi thấy là ở khoảng thế kỉ XVII, có thể thêm vào 10 tác phẩm chữ nôm do giáo sĩ Maiorica (thế kỉ XVII) chủ biên. Đây là kho tư liệu khổng lồ về mọi mặt liên quan đến tình trạng tiếng Việt ở thế kỉ XVII. Tất cả các tác phẩm do giáo sĩ Maiorica chủ biên đều là bản chép tay ở dạng bản thảo, hiện còn lưu trữ ở thư viện Vatican, gồm có:

1 Ngắm lễ trong muà Phục Sinh đến tháng bảy (1634)
2 Thiên Chuá thánh giáo hối tội kinh (1634)
3 Thiên Chuá thánh mẫu (1634-35)
4 Đức Chuá Chi Thu (1638)
5 Các thánh truyện (1650-80)
6 Truyện Đức Chuá Chi Thu (1668)
7 Dọn mình trước chịu Cô-mô-nhong (16?)
8 Thiên Chuá thánh giáo khải mông (16?)
9 Kinh những lễ muà phục sinh (16 ?)
10 Những điệu ngắm trong các ngày lễ trọng (16 ?)

Vì số lượng tác phẩm khá nhiều, lại do chính những người Việt như một nhà sư được nhắc đến trong sách (tr. 20-21) cộng tác, thì những tác phẩm như thế sẽ rất có ý nghiã để tìm hiểu về ngữ âm, về từ vựng và cả về ngữ pháp tiếng Việt ở thế kỉ XVII. Đây sẽ là nguồn tài liệu quan trọng, bên cạnh bộ từ điển Việt-Bồ-La cuả De Rhodes (tài liệu số 9 trong sách) ra đời cùng thời kì. Nghiên cứu những tác phẩm cuả Maiorica sẽ là những đóng góp vào việc nghiên cứu tiếng Việt lịch sử. Một thí dụ nhỏ về từ *là đá* ở một đoạn trên đã gợi cho thấy ý nghiã tiềm tàng cuả việc nghiên cứu kho tác phẩm này.

Các tác phẩm nghiên cứu về tiếng Việt cuả người Việt ở những thời kì đầu cần bổ sung tác phẩm cuả Trà Ngân Lê Ngọc Vượng, *Khảo Cứu Về Tiếng Việt Nam* (Hà nội, 1942). Đây là một tác phẩm nghiên cứu về tiếng Việt một cách nghiêm túc, mà đến nay vẫn ít người được biết. Tập sách này chứng thực cái nhiệt tâm cuả một người thiết tha yêu tiếng mẹ đẻ.

Một tác giả lớn cuả nền ngữ học nước nhà như Nguyễn Bạt TB, mà tập *Ngôn Ngữ Học Việt Nam* (tài liệu số 183 trong sách) đã hé cho thấy những kiến giải xuất sắc về ngữ âm (chẳng hạn về bản chất cuả âm vị nguyên âm trong những tiếng như *anh ách, long lanh*, thuyết độ chạm, quan niệm về quan hệ kết hợp giưã âm chính và âm cuối trong âm tiết tiếng Việt, thể dài và thể ngắn cuả nguyên âm tiếng Việt) là một đóng góp

gợi ý cực kì quan trọng. Ông còn một vài công trình nhỏ đã phổ biến trên các tạp chí. Mỗi bài của ông đều có những phát hiện nào đó rất đáng cho thế hệ trẻ tiếp nối. Dài dòng như thế để chúng tôi xin bổ sung một số bài có giá trị khác của ông, đáng để đưa vào Thư Mục khi tái bản:

1. "Tên người Việt Nam" in trong *Kỷ Yếu Hội Khuyến Học Nam Việt* Sàigòn,1952.

2. "Những phương pháp thực nghiệm để nghiên cứu âm lời" in *Đại Học* số 14 (3.1960) và 15 (5. 1960), Huế. (Bài này chỉ đăng dở dang hai số rồi ngưng).

3. "Các ngữ ở Việt Nam" Nghiên Cứu Việt Nam (tập san in ronéo), Huế, số 2 (1966). Bài này là một bài chỉnh biên lại một bài cũ đã in trên tập san *Văn Hoá Nguyệt San* (1961)

4. "Ngữ Giao trên đất Giao: I. Ngữ Giao Mường" *Nghiên Cứu Việt Nam* (tập san in ronéo), Huế, số 4 (1966) và số 5-6 (1967).

5. Ngoài ra, ông còn một bài viết đăng nhiều kì trên tạp chí Phương Đông do Lm. Hoàng Sỹ Quý chủ biên, khoảng 1972, phê bình quyển sách của Trần Kim Thạch (*Lịch Sử Thành Lập Đất Việt*) và Bình Nguyên Lộc (*Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*).

Chúng tôi cũng nhận thấy một phần thiếu sót khá lớn về những công trình nghiên cứu của giới ngữ học tại Hà Nội, trong đó có một số quyển đánh dấu những công phu tìm tòi của họ. Chỉ xin kể một số những tác phẩm quan trọng, thật sự có những đóng góp nghiêm chỉnh:

1. Nguyễn Kim Thản (1963-64) *Nghiện cứu về ngữ pháp tiếng Việt* (2 tập).Hà Nội: Nxb. Khoa Học Xã Hội.

2. Nguyễn Tài Cẩn (1975) *Ngữ pháp tiếng Việt - Tiếng - Từ - Từ ghép.* Hà Nội: Nxb. Đại Học & Trung Học Chuyên Nghiệp.

3. Cao Xuân Hạo (1975) *"Le problème du phonème en vietnamien"* Études Vietnamiennes No 40 (1975): Essais Linguistiques.

4. Hoàng Tuệ & Hoàng Minh (1975) " Remarques sur la structure phonologique du Vietnamien *Études Vietnamiennes* No 40 (1975): Essais Linguistiques.

5. Nguyễn Tài Cẩn (1979) *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt.* Hà Nội: Nxb. Khoa Học Xã Hội.

6. Cao Xuân Hạo (1985) *Phonologie et Linéarité.* Paris: SELAF.

7. Nguyễn Tài Cẩn (1995) *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt.*Hà Nội: Nxb. Giáo Dục.

Có một trường hợp thư tịch bị ghi trùng lặp: tài liệu số 184 và 192 chỉ là một.

Có khi lại ghi thiếu chi tiết chính yếu: tài liệu số 173 không phải là

Lời Nói Đầu, mà chính là một tập sách phiên lại tác phẩm nôm của Nguyễn Huy Hổ: Mai Ñình Moäng Kí, do Hoàng Xuân Hãn phiên âm và Nghiêm Toản chú thích.

Về tác phẩm của Lê Văn Lý, thiết tưởng cũng không là thừa để đề nghị tác giả bổ sung vào chi tiết liên quan đến tài liệu số 141 (*Le Parler Vietnamien*): quyển này có tái bản tại Saigon năm 1961, tác giả ghi ngoài bià là "có sửa chữa" nhưng thật ra không có sửa chữa gì ngoài mấy lỗi in. Tài liệu số 236 (*Sơ thảo ngữ pháp Việt Nam*) cũng nên bổ sung là bản in lần đầu ra năm 1968. Bản in 1972 chỉ là lần in thứ nhì.

Tài liệu 239 là bộ sách *Cơ Cấu Việt Ngữ* của Trần Ngọc Ninh, cũng là một đóng góp quan trọng trong lịch sử nghiên cứu tiếng Việt. Bộ sách này đã ra đến tập III: "Danh từ và Lượng số từ". Lửa Thiêng, 1974, 362 tr. Giáo sư Trần Ngọc Ninh cũng viết một bài nghiên cứu tựa đề là " Thương thảo về từ nguyên của hai tiếng *cái* và *con*." in trong tạp chí *Bách Khoa* số 373, 374 và 375 (1972). Trong bài nghiên cứu công phu này, giáo sư đưa ra một số kiến giải về hướng nghiên cứu ngữ học lịch sử tiếng Việt.

Ngoài ra tài liệu về ngữ tộc Nam Á là tài liệu số 298 chứ không phải 252 như đã ghi ở đoạn cuối trang 7.

Bên cạnh những công trình nghiên cứu, thảng hoặc tác giả có chêm vào một số bài tạp bút mới viết khoảng vài ba năm trở lại đây, liên quan đến các khiá cạnh của tiếng Việt. Chúng tôi có đọc qua một số bài, nhận thấy phần đông chỉ là những ghi chú nhanh, dựa theo nhận định thường nghiệm, chưa hẳn là những bài nghiên cứu khoa học. Thiết tưởng tác giả nên chọn lọc lại, để hoặc đưa riêng sang một mảng tài liệu khác, hoặc mạnh dạn cắt bỏ. Ngược lại, những bài viết ngắn của Phan Khôi về ngữ pháp tiếng Việt, đăng trên *Phụ Nữ Tân Văn* khoảng năm 1930 thì lại đáng được đưa vào Thư Mục này, vì hai lẽ: một là chúng được soạn ra trong khoảng thời gian mà những người quan tâm tìm hiểu tiếng Việt theo tinh thần và phương pháp mới chưa nhiều, hai là những ý kiến của Phan Khôi về tiếng Việt đã thể hiện tinh thần tìm hiểu sát hợp với tinh thần tiếng Việt hơn, so với một số tác giả đi sau ông như Trần Trọng Kim chẳng hạn.

Tác giả xếp thư tịch theo thứ tự thời gian. Thứ tự này cũng có cái lợi, là người sau có thể theo dõi sự phát triển của việc nghiên cứu. Tuy nhiên, chúng tôi nghĩ rằng người tìm hiểu tiếng Việt trong tương lai cần có một công cụ tra cứu nhanh để biết những chi tiết chính yếu mà đi tìm trong thư viện. Trong trường hợp như thế thì hai chi tiết cần yếu nhất vẫn là (a) tên tác giả, và (b) tên tác phẩm. Thư Mục của giáo sư Võ Long Tê sẽ hữu hiệu hơn nữa nếu được xếp theo thứ tự *a, b, c* và theo loại mục, chẳng hạn: Từ điển, Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp, Ngữ nghiã, Phong cách, Tâm lí-Ngôn

ngữ, Xã hội-Ngôn ngữ, Dân tộc-Ngôn ngữ, Giáo dục-Ngôn ngữ, Ngữ học lịch sử...

8 Giới thiệu tiếng Việt và chữ quốc ngữ cho bạn trẻ trong một giới hạn thời gian cuả khoá Đại Học Hè, tác giả đã phải hi sinh nhiều mặt giới thiệu khác cũng khá quan thiết đối với việc tìm hiểu tiếng Việt: ngữ nghiã học (semantics), ngữ dụng học (pragmatics). Ngoài ra, trong hoàn cảnh sống đặc biệt, một vấn đề thú vị đối với bạn trẻ tại hải ngoại như là hiện tượng song ngữ, và ngữ học đối chiếu, có thể cũng là những gợi ý tốt cho các bạn trẻ tìm hiểu chính ngôn ngữ cuả mình trong mối tương quan với một ngôn ngữ khác. Có lẽ cũng vì muốn tránh sa vào những tế toái cuả khu rừng ngữ học, tác giả đã chỉ tự nhậm vai trò hướng đạo, để giúp các bạn đọc một hướng làm việc. Mong rằng sau công trình dẫn nhập này, tác giả và các bạn trẻ trong Đại Học Hè sẽ còn tiếp tục tô điểm cho sinh hoạt nghiên cứu tiếng Việt và văn hoá Việt tại hải ngoại, qua những công trình khởi sắc tiếp theo.

ĐẶNG MI LỘC



VÕ ĐÌNH

THỦ ẤN HỌA?



Xin nói ngay, bài viết này không bàn về nghệ thuật tạo hình nói chung trong một khung cảnh văn học nghệ thuật, văn hóa chung chung. Bài này nhắm tới những ai đặc biệt tha thiết với nghệ thuật thủ ấn họa nói riêng. Tính cách trình bày về học thuật của bài viết này không quan trọng cho bằng tính cách... cổ động!

Có rất ít, quá ít nghệ sĩ tạo hình Việt Nam làm thủ ấn họa. Chúng ta chưa có những cuộc thăm dò chi ly và chính xác nên không thể biết rõ "ít" và "quá ít" là bao nhiêu. Chỉ e rằng môi trường, hoàn cảnh nghệ thuật Việt Nam ở hải ngoại cũng như ở quốc nội không phải là nơi thủ ấn họa có phương tiện để sinh sôi nảy nở phủ phê. Là người trong nghề, tôi tạm đưa ra vài lý do:

- Thủ ấn họa đòi hỏi thì giờ, lao động, và dụng cụ tương đối nhiều hơn là hội họa "suông" (vẽ tranh).

- Thủ ấn họa đòi hỏi một kiến thức về kỹ thuật dồi dào và nhiêu khê, ngay đối với cả những người đã là họa sĩ thực thụ. Thủ ấn họa không chỉ tùy thuộc vào tài năng và hứng thú như hội họa "suông."

- Mỗi thủ ấn họa là một phần của một toàn bộ ấn bản *(edition)*. Không phải chỉ là một tác phẩm duy nhất như bức tranh "suông." Mặc dù vậy, đem một thủ ấn họa ra bán, chẳng thu được bao nhiêu, nếu so với một họa phẩm "suông" thông thường.

- Những lý do trên đây là thứ yếu. Lý do sau cùng này mới là đáng ngại. Đó là thành kiến không tốt, rất sai lầm của đa số quần chúng. Thủ ấn họa không được coi trọng, không được lưu tâm.

Đó là một sự lạ, và một điều đáng tiếc. Đất nước ta há chẳng có một truyền thống thủ ấn họa lâu dài và đáng yêu đó sao? Đáng yêu đến nỗi một thi sĩ lớn của dân tộc, trong thời khói lửa kháng Pháp, đã viết những câu thơ tuyệt vời ca ngợi ngành mộc bản dân gian:

Bên kia sông Đuống
Quê hương ta lúa nếp thơm nồng
Bức tranh Đông Hồ, gà lợn nét tươi trong
Màu dân tộc sống bừng trên giấy điệp
(...) (1)

Mới đây thôi, một nửa thế kỷ sau những câu thơ đó, sau biết bao đau thương tan tác dân tộc đã phải chịu đựng, một nhà phê bình mỹ thuật người Việt ở hải ngoại, đã cất công viết cả một cuốn sách gần ba trăm trang về nghệ thuật tạo hình dân gian Việt Nam. Riêng cho tranh mộc bản, ông đã có những lời thắm thiết:

"Trải qua bao nhiêu thế kỷ, những bức tranh chất phác giản dị ấy đã là một phần máu thịt, một phần hơi thở nồng ấm và thân thiết của cuộc sống dân tộc" (2).

Bản thân kẻ viết bài này, một người cầm cọ thường xuyên, được cái may mắn sống những năm mười, mười một tuổi (1943-44) ở một "phường" trong thành nội cố đô Huế chỉ cách một con đường khu vực có nhiều cửa hàng, "xưởng" khắc gỗ. Liễn đối, hoành phi, tủ thờ, tráp, đôn... thứ gì cũng cần đến bàn tay rành nghề của mấy bác, mấy chú thợ trạm. Dao, đục, chàng, khoan, những lưỡi thép sáng ngời, "sắc như nước," chạm, khắc, đẽo, tỉa gỗ cứng cứ ngon lành, ngọt lịm. Mạt cưa, bào gỗ, vụn gỗ vung vãi đầy nền gạch, thơm phưng phức. Thằng bé mê tít.

Ai ngờ cái mê tít đó nó ám ảnh khôn nguôi. Mãi hai mươi năm sau (1964), đã trở thành một tay cọ chuyên nghiệp, tôi mới có cơ hội tìm tòi học hỏi thêm và, ngoài việc vẽ tranh, bắt đầu... làm mộc bản và triển lãm mộc bản của mình. Rồi hai mươi năm sau nữa, mùa thu 1984, một số chọn lọc từ toàn bộ tác phẩm mộc bản được một *gallery* ở Washington D.C. tổ chức trưng bày tại Đại học George Mason, Arlington, Virginia. Một cuộc





trưng bày bao giờ cũng để lại đôi ba kỷ niệm vui buồn.

Vui vì được lão hóa gia Tá Chi Trương Cam Khải (cụ mới tạ thế năm ngoái, thọ ngoài chín mươi) quá bộ đến cắt băng khai mạc. Vui vì ông bạn lâu năm Nguyễn Ngọc Bích đã có lòng viết và đọc một bài tham luận khá chu đáo (3).

Vui vì những bàn tay bằng hữu khác đã hỗ trợ với nhiệt tình thân ái. Tuy nhiên, đã có vui thì có buồn.

Tôi đang đứng tiếp khách, nghe có tiếng nói lớn sau lưng. "*Ai không biết chứ tôi, tôi không thèm mua đồ mộc bản mộc biếc này đâu! Có mua tranh thì tôi mua O-ri-gin kia!*" Tôi quay lại, kịp nhận ra đó là một người nổi tiếng giàu có trong vùng, được biết đến khá nhiều như một kẻ hào hoa, một "dân văn nghệ." Thấy tôi, người vừa nói liền quay mặt ra phía khác, vội vàng bắt tay, vỗ vai ai đó, rồi lẻn nhanh đi mất.

Tôi đứng, tái tê. Tôi không buồn vì sự dốt nát của con người "hào hoa" kia. Và nhất định không buồn vì ông ta tuyên bố "không thèm" mua "mộc bản mộc biếc." Buồn vì nghĩ rằng: một người có học, một người nổi tiếng "hào hoa," một người thường biết đến như "dân văn nghệ" mà còn có thái độ như vậy, thử hỏi...

Chúng ta nói nhiều, nghe nhiều về công việc bảo tồn và phát huy văn hóa. Chúng ta nói nhiều, nghe nhiều về tương lai nghệ thuật Việt Nam. Ôi, "*Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông.*" Ở nơi mênh mông, hương linh ông Nguyễn Bá Học ắt lấy làm thống khoái thấy câu văn của mình cứ được ghi lại, đọc lên, năm này qua năm khác, ở trong nước, ở ngoài nước, mà cứ hợp tình, hợp cảnh hoài hoài...

Cái sai lầm về ngôn ngữ của con người giàu có "hào hoa" kia không đáng bao nhiêu, có thể bỏ qua. Cái thành kiến sai lầm về nghệ thuật của ông mới là tai hại. Nếu ông cho rằng một bức tranh sơn dầu (hay sơn nước,

hay sơn mài) mới là một *nguyên bản* (một *original* - danh từ, một *original artwork* - tĩnh từ) còn một tranh mộc bản không phải là một nguyên bản, ông lầm to. Sự thể như thế này.

Tôi cầm cây cọ, chấm sơn, vẽ một cái gì đó lên một mặt phẳng (vải, giấy, hay gỗ...). Khi cho là vẽ xong, tôi ký tên, ghi năm tháng, lúc ấy mảnh vải, giấy, hay gỗ, v.v... đó là một nguyên bản. Nguyên bản như một danh từ *(Un orginal/An orginal)* hay nguyên bản như một tĩnh từ *(une oeuvre d'art originale / an original work or art)* mà đồng bào Việt thường cắt ngắn bớt thành ra *o-ri-gin.*

Bây giờ, nếu tôi dùng một phương tiện máy móc nào đó (như máy ảnh, máy Xerox...) tạo nên một hay nhiều hình ảnh bức tranh đó, những hình ảnh này là những bản sao, những phóng ảnh, những *copies,* hay *reproductions* của nguyên bản. Những hình ảnh này, dù tôi có ký tên tôi vào cũng không thể được coi như nguyên bản, hay *o-ri-gin* nữa.

Tuy nhiên, nếu tôi dùng một hay nhiều cách thức khác, và nếu những cách thức này tùy thuộc vào sự điều khiển và khéo léo của chính tôi (nghĩa là có sự chỉ đạo của trí óc và tâm hồn tôi), để tạo ra một hay nhiều hình ảnh tương tự, những hình ảnh sau này là những nguyên bản, những *originals* (4).

Tạo hình ảnh trên mặt gỗ, để sau đó in (ấn) lên giấy bằng tay (thủ), chúng ta có mộc bản *(woodcut)*. Dùng đồng, chúng ta có đồng bản (các loại *intaglio* như *etching, aquatint...*). Dùng đá, chúng ta có thạch bản *(lithography)*. Dùng lụa, chúng ta có la bản *(serigraphy),* v.v... Mặc dù khi in ấn các loại đồng, đá, chúng ta cần đến "máy" có sức ép mạnh hơn là sức người, các tác phẩm tạo nên vẫn được coi là thủ ấn họa vì chính con người đóng vai trò quan trọng, quyết định trong tiến trình in ấn.



Chúng ta có thể quay lui về với sự ngộ nhận của con người giàu có "hào hoa" đã gặp ở trên.

Nếu ông ta biết quan sát và thưởng thức tranh mộc bản, ông sẽ hưởng được biết bao nhiêu là



khoái trá trong nhiều lãnh vực khác nhau. Là một thư ấn họa, bức mộc bản đương nhiên được tạo ra bằng tay (chưa cần nói đến trái tim và khối óc) của người nghệ sĩ. Đó là ý nghĩa của chữ *thủ*. Còn lại hai chữ *ấn* và *họa*. Bởi vì có hình ảnh (họa) rồi mới nói đến chuyện in ra (ấn), cho nên ta hãy nói về *họa* trước.

Có thể nói không ngoa rằng nên xét nét họa trong một mộc bản như những *nét họa bằng dao* chứ không phải bằng cọ, hay bằng bút. Cứng cỏi hay mềm mại, phóng khoáng hay chi li, sắc cạnh hay ẻo lả, nét dao rõ ràng là chứng tích của bàn tay nghệ sĩ. Ngắm một bức tranh ("suông") người ta chỉ có nét họa bằng bút hay cọ. Nét họa bằng dao trong mộc bản đem lại cả một kích thước khác của sự giao cảm nghệ thuật.

Bức gỗ được khắc (họa bằng dao) rồi lại phải in ra giấy. In tay. Mà đã làm bằng tay thì những bản được in ra đều là những tác phẩm duy nhất. Cũng một đề tài, cũng một khuôn mẫu về hình tượng và mầu sắc, nhưng những bản được in ra không bức nào "giống như đúc" bức nào. Bàn tay người nghệ sĩ chỉ cần *ấn* nhanh hay chậm, mạnh hay nhẹ, quyết liệt hay phiên phiến, là đủ tạo ra những bản khác nhau. Người biết xem tranh sẽ thấy và thú vị cái sắc nét ở chỗ này, cái mờ ảo ở nơi kia, cái đậm đặc, cái nhạt nhòa ở đằng nọ... Chúng ta mới đề cập đến phương diện kỹ thuật, tức là hình thức. Nói đến nội dung thì không cùng...

Nói tóm lại, nghệ sĩ tạo hình Việt Nam, ở ngoài nước cũng như ở trong nước, cần lưu tâm đến ngành thủ ấn họa nhiều hơn. Chúng ta có truyền thống lâu năm riêng về mộc bản, nhưng không nhất thiết chúng ta phải khăng khăng ôm cứng lấy nó và hờ hững với các ngành kia của nghề thủ ấn họa nói chung. Phải chăng vì nghệ thuật mộc bản Nhật cổ truyền vốn đã đạt đến trình độ siêu đẳng cho nên nhiều nghệ sĩ Nhật đương đại hồ hởi nhảy vào các lãnh vực khác của thủ ấn họa? Người Việt Nam còn có cả một chân trời khoáng đãng: Hoặc phiêu lưu vào các ngành đồng bản, thạch bản, la bản, hoặc kiên trì với tấm gỗ, con dao, duy trì và phát triển nghệ

thuật mộc bản Việt Nam, đưa nó từ vị trí một thứ tranh dân gian mộc mạc, thô sơ, rất đáng yêu, lên một vị trí "cao" hơn. Vẫn có thể còn mộc mạc, còn thô sơ, và vẫn đáng yêu, nhưng cũng có thể phong phú hơn, huê dạng hơn, "thế kỷ hăm mốt" hơn...



VÕ ĐÌNH

BỊ CHÚ

(1) Hoàng Cầm, *Bên Kia Sông Đuống* (1946?)

(2) Huỳnh Hữu Ủy, *Nghệ Thuật Tạo Hình Dân Gian Việt Nam*, Hồng Lĩnh, 1993.

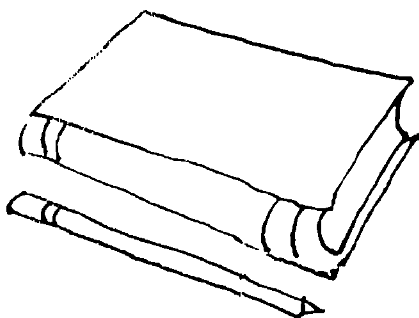
(3) Nguyễn Ngọc Bích, *Tranh Mộc Bản Việt Nam và Mộc Bản Võ Đình*, Hợp Lưu số 31, tháng 10 & 11 năm 1996.

(4) "*Trong lãnh vực mỹ thuật, thủ ấn họa được tạo ra với nhiều bản in trên giấy, hoàn toàn hoặc một phần lớn bởi chính người nghệ sĩ sáng tác*", Raph Mayer, *The Artist's Handbook of Materials and Techniques*, Third Edition, Viking, New York, 1970.



NGHI LÂM

NGÀY ..... THÁNG....



Vì vài lý do có ngoài ý muốn, Kim Thi tạm vắng mặt một thời gia.

Tuy nhiên, mục Ngày... Tháng... *vẫn được duy trì, do Nghi Lâm - một bút hiệu khác của nhà thơ Phạm Việt Cường - phụ trách.*

Bằng nhận xét tinh tế, và sự nhạy cảm của một thi sĩ, Nghi Lâm sẽ trình bày với độc giả mọi vấn đề liên quan đến văn học, nghệ thuật, thời sự, xã hội... đã và đang xảy ra trong chu kỳ giữa hai số báo.

TỪ "CINEMA PARADISO"...

Thời của những rạp chiếu phim nho nhỏ ấm cúng, có một hay hai "màn-ảnh-đại-vĩ-tuyến" trong một khu phố quen thuộc đã qua rồi! Cách đây nhiều năm, cuốn phim Cinema Paradiso làm nhiều người say mê, đã ném ra cái viễn ảnh u ám đó. Sự phát triển về kinh tế xã hội nói chung trong mấy thập niên qua đã góp phần làm thay đổi ít nhiều khung cảnh thưởng ngoạn nghệ thuật của công chúng. Các nơi chốn giải trí khiêm tốn và trước đây ngỡ là sẽ trường tồn của nhiều thế hệ dân chúng Hoa Kỳ nói trên đang dần dần bị xóa mất.

Hồi cuối tháng hai vừa qua, vào một ngày chủ nhật buồn bã, một số

người nặng lòng hoài cổ đã đến xem lần trình chiếu cuối cùng của hai rạp Alhambra và Royal trên đường Polk Street thuộc thành phố San Francisco. Rạp Alhambra gần Union Street có 1.135 chỗ ngồi, khai mạc năm 1926, là một trong những nhà chiếu phim cũ còn sót lại của thành phố. Một số khách xem phim bày tỏ sự xúc động. Có người rơi lệ, nhắc nhở những dịp xem phim với người thân vài chục năm trước. Có người đến rạp chỉ để được ngồi trong chốn lưu giữ kỷ niệm đó trong hơn tiếng đồng hồ lần cuối cùng mà không cần biết rạp đang chiếu phim gì. Có người đem theo máy ảnh, máy thu hình ghi lại khung cảnh nay mai sẽ không còn hiện hữu nữa.

Trong khi đó, cách đó tám block đường về phía nam, chỉ có 12 người lặng lẽ xem phim "Boogie Nights" trong xuất chiếu cuối cùng của rạp Royal 828 chỗ ngồi. Rạp bắt đầu chiếu phim cũng từ năm 1926, với kiểu trang hoàng thời thập niên 70 với tường sơn màu tím treo đầy tranh có nhủ quang sáng trắng trong bóng tối. Trong mùa đông giông bão vừa qua, gió mưa đã làm hỏng bảng đèn hiệu ngoài rạp, chỉ còn hai chữ RO nhấp nháy thay vì ROYAL càng làm nổi bật sự suy tàn.

Trong khi đó, số phận của các khu chiếu bóng drive-in ngoài trời cũng không sáng sủa gì hơn. Vào ngày 5-3, bốn màn ảnh còn sót lại của Union City Drive-In Theater sáng lên lần cuối với khuôn mặt của John Wayne và Dean Martin trong "Rio Bravo" trước khi bị phá hủy. Hơn 30 năm trước, vào mùa xuân năm 1966, các màn ảnh này đã khai trương lần đầu với phim "What's New Pussycat?" với một Woody Allen còn trai trẻ. Trên khu đất rộng lớn đó, một rạp hát với 25 màn ảnh sẽ được dựng lên ngay lập tức và sẽ bắt đầu hoạt động vào mùa thu này.

Trong thập niên 60, loại rạp hát này trở thành một thời thượng được dân chúng Hoa Kỳ ưa thích. Đậu xe trước một màn ảnh khổng lồ ngoài trời, đặt chiếc loa sắt nhỏ vào cửa xe, dựa ngữa ghế xe ra sau, thế là người ta có thể thưởng thức một cuốn phim mới nhất mà vẫn có thể trò chuyện, ăn uống, hút thuốc. Ngày nay tại một số nơi như rạp Capitol Drive-In ở San Jose, Coliseum Drive-In ở Oakland, Geneva Drive-In ở Daly City và Burlingame Drive-In vẫn còn hoạt động. Con số loại rạp này đã giảm sút gần như sắp bị mất hẳn.

Tuy nhiên kỹ nghệ trình chiếu phim đã thay đổi theo thời gian và thị hiếu con người. Các megaplex với 20, 25 màn ảnh hiện đại ngày nay che chở khách xem phim khỏi mưa gió lạnh lẽo, cung cấp chỗ ngồi êm ái, sử dụng âm thanh tuyệt hảo khiến cho người xem có cảm giác như đang dự phần trong chính cuốn phim. Khách xem có thể lái xe đến nơi rồi quyết định chọn phim xem sau cũng được. Giống như khi người ta vào một nhà hàng với thực đơn hàng trăm món ăn khác nhau để lựa chọn.

Dù cho cái không khí trong rạp khá ảm đạm, ghế ngồi không được thoải mái lắm, âm thanh tàm tạm, phim hay bị đứt giữa chừng... những rạp hát nho nhỏ nơi góc phố ấy đã từng là chứng nhân cho biết bao niềm vui trong quá khứ. Qua nó người ta thấy lại những kỷ niệm của những lần chung vui đoàn tụ gia đình; với bắp rang và nước ngọt trong tầm tay, cả nhà say mê nhìn lên màn ảnh. Thấy lại kỷ niệm của nơi hẹn hò lần đầu của một mối tình tuổi trẻ.

Những ngọn đèn néon màu sắc nhấp nháy ở khu phố đường Polk Street thuộc thành phố San Francisco suốt hơn 60 năm qua đã tắt mãi mãi. Có người thấy nó đẹp như chiếc cầu vồng trong đêm tối.

...... ĐẾN CÁC RẠP MEGAPLEXES MỚI

Hệ thống Century Theatre tự gọi rạp hát của họ là ghế ngồi đi vào thế kỷ 21. Như thể bạn đang ngồi trên một phi thuyền phóng vào không trung tương lai vô tận. Hay trên chiếc xe êm ái thần tốc lao đến một chân trời sáng lạng nào đó.

Kẻ thù sinh tử của họ là hệ thống rạp AMC gần đây vừa tung ra các megaplexes có nhiều chục phòng chiếu phim riêng biệt tại cùng một địa điểm, với những đặc điểm như ghế ngồi theo kiểu LoveSeat thật rộng rãi, với thiết trí đặc biệt để tầm nhìn người ngồi phía sau không bị che bởi người ngồi phía trước, chỗ duỗi chân rộng rãi và hệ thống âm thanh digital tuyệt hảo.

Từ lâu rồi, khán giả cứ quen thuộc với hình ảnh rạp hát có mái vòm tròn, chỉ chiếu một phim duy nhất trong vài tuần lễ liên tiếp. Rồi sau đó hình cầu này vỡ ra làm hai rạp nhỏ như những tế bào nhân đôi để phát triển. Rồi đến những multiplexes sau đó, với gần đây nhất là 8 hoặc 12 màn ảnh. Đó là lướt qua sự phát triển của hệ hống rạp Century Theatre hay United Artist những năm qua. Tuy nhiên, hồi tháng 9 vừa rồi AMC Entertainment Inc. đưa ra khái niệm một megaplexes với AMC Mercado gồm 20 rạp chia chung một mái nhà và parking lot trong một khu shopping mới gần Mission College ở Santa Clara, tiểu bang California. Không kể AMC 30 ở Ontario gần Los Angeles với cả thảy 30 màn ảnh, thì đây là rạp hát lớn nhất ở Northern California.

Lối cấu trúc megaplexes này là kết quả của sự tính toán khôn khéo. Người ta có thể thấy ngay là nó giúp làm giảm chi phí overhead căn bản, đồng thời giúúp cho người điều hành có thể xáo đổi phim trên các màn ảnh để thu thêm tiền. Và khi khán giả càng có nhiều lựa chọn hơn tại một địa

điểm rạp thì họ càng thích lui tới nơi giải trí thuận tiện đó hơn. Khách không cần phải check giờ chiếu phim trước khi đến rạp, họ cứ việc tới thẳng rạp hát, vì tin chắc rằng có khá đủ phim để mà chọn xem ở một nơi có đến 20 màn ảnh như vậy. Các phim hot đông khách có thể được chiếu vào các giờ xê xít nhau chút ít trên nhiều màn ảnh để khách chọn lựa, tránh nạn phải chờ đợi lâu mới xem được xuất kế.

Bên cạnh đó, để thu hút khách hơn nữa, rạp trang bị đầy đủ tiện nghi hơn, từ hành lang trang hoàng rộng thoáng xinh đẹp, có phòng chơi video game, bán nước ngọt, bắp rang và các thứ lĩnh kĩnh nhưng rất đắt tiền khác cùng hệ thống âm thanh SDDS Sony Dynamic Digital Sound tuyệt hảo hơn bao giờ hết. Mục đích là giúp cho khách đạt được sự hài lòng tối đa trong buổi xem phim.

Hệ thống AMC ở Santa Clara vừa cho xây dựng chỗ ngồi "stadium", với mỗi hàng ghế cao hơn hàng ghế trước mặt đến 4 feet, để cho tầm nhìn của khách thoải mái hơn. Trong khi đó, Century Theatres cũng vừa cho tái thiết lại các rạp mái vòm tròn cao rộng của họ và thêm người phụ trách đậu xe cho khách.

Hiện tượng xây rạp megaplexes trong vài năm qua ở khắp nước Mỹ đang giúp vực dậy một nền kỹ nghệ tưởng đã tàn lụi hai mươi năm nay - khi có người tiên đoán rằng VCR và TV sẽ thay thế cho phim ảnh chiếu ở rạp. Thế mà, dân chúng Mỹ đã tiêu 5 tỉ 9 đô-la cho các rạp hát năm ngoái, mua hơn 1 tỉ 3 vé là con số nhiều nhất kể từ thập niên 50 đến nay. Những cải thiện này đã tạo ra một bầu khí lễ hội nơi các rạp mỗi cuối tuần. Trọn gia đình có thể có mặt ở đó để xem các phim khác nhau ở cùng một địa điểm. Hệ hống AMC Mercado 20 khổng lồ cho biết số người dự xem trong từng xuất chiếu đã tăng lên 38 phần trăm so với các nơi chỉ có 14 rạp hay nhỏ hơn. Điều này quả là một hiện tượng cạnh tranh quan trọng vì từ trước đến giờ tại nhiều vùng trên nước Mỹ, hệ thống Century Theatres vẫn đứng đầu với tiền thu các phim mới chiếu.

Các nhà sản xuất và phân phối phim ảnh cũng rất thích sự bùng nổ về màn ảnh này. Hồi 1970 một phim mới ra lò mà được chiếu trên 1000 rạp trên cả nước là ghê lắm rồi. Ngày nay phim có thể được tung ra trên từ 2000 đến 3000 màn ảnh cùng một lúc.

Năm ngoái có một nhóm đạo diễn tài tử điện ảnh được thăm dò ý kiến cho rằng so sánh với tất cả mọi nơi khác trên nước Mỹ thì chính San Jose, chứ không phải Holywood, mới là nơi mà họ thích chọn để tung những cuốn phim mới ra để chiếu thử nghiệm nhất. Lý do không những vì dân chúng ở Silicon Valley có số người đi xem phim rất cao, mà trình độ nhận xét thẩm định của họ cũng rất sành điệu và có giá trị.

THẾ TIẾN THOÁI LƯỠNG NAN CỦA THƯ VIỆN

Sau hơn một năm kiên nhẫn chờ đợi quyết định của các viên chức phụ trách thư viện của Santa Clara County thuộc tiểu bang California, vào chiều thứ năm 26-02, một nhóm phụ huynh lo lắng thuộc nhóm KIDS (Keep the Internet Decent & Safe) có trụ sở đặt ở Gilroy, đã chuyển đạt trực tiếp đến giới chức thẩm quyền, những đề nghị nhằm ngăn ngừa việc con em họ có thể nhìn hình ảnh khiêu dâm ở các thư việc công cộng

Họ đã đứng chờ bên ngoài cuộc họp của ủy ban Joint Powers Authority - những người đang nhức đầu với trách nhiệm điều hành thư viện quận hạt được giao phó - tại Cupertino chiều thứ năm để đề đạt nguyện vọng riêng của họ. Họ có thể đứng chờ suốt đêm như thái tử Tất-Đạt-Ta lặng lẽ đứng suốt đêm đợi cha già cho phép lên đường tu tập!

Dĩ nhiên các tài liệu hình ảnh khích dục không phô bày lộ liễu trên các kệ sách. Nhưng các máy computer ở thư viện, cũng tương tự tất cả các phương tiện truyền thông on-line khác, có thể cung cấp nhanh chóng và dễ dàng tất cả mọi thứ mà người ta muốn tìm, trong đó có cả những Web sites giới thiệu và rao bán vô số các hình ảnh khiêu dâm vào bất cứ giờ nào.

Chính sự thay đổi trong cách thức truyền thông, cách ấn hành và phổ biến, cách sản xuất và quãng cáo các văn hóa phẩm ngày nay qua hệ thống các máy computer đã đặt thư viện vào một thế tiến thoái lưỡng nan đầy phiền toái. Thư viện có nên đặt filter (nhu liệu kiểm duyệt) để kiểm soát và ngăn ngừa việc sử dụng máy điện toán không? Có nên kiểm duyệt bưng bít các thông tin không thích hợp cho trẻ con để bảo vệ chúng trước làn sóng hình ảnh khiêu dâm không? Có cần các nanny rão quanh thư viện để trông chừng các em không? Filter hoặc không filter? Và sẽ thực hiện cách nào để làm vừa lòng cả hai quan điểm đối nghịch nhau về vấn đề nhạy cảm này?

Đây không phải là chuyện chọn lựa đơn giản và dứt khoát giữa trắng và đen nữa. Một mặt, những người cấp tiến chủ trương mở rộng phương tiện cho tất cả, đang gióng trống khua chiêng với ngọn cờ Tu Chính Án Thứ Nhất (First Amendment) trong hiến pháp Hoa Kỳ, bảo đãm quyền tự do về truyền thông cho mọi công dân. Dĩ nhiên vai trò và chức năng của thư viện cũng không thể cho phép mình tự giới hạn trong việc từ chối hay ngăn chặn cung cấp thông tin cho mọi người được.

Mặt khác, nên nhớ rằng tại rất nhiều thư viện, trẻ con là thân chủ chính và thường xuyên. Các phụ huynh đã được cảnh giác về chuyện đã có một số các em nhỏ dùng computer của thư viện để mon men vào thế giới porno đen tối kia. Do đó một số cha mẹ đang đòi hỏi thư viện phải đặt những software filter để bảo vệ con em họ ngay cả nếu cần, khi khi việc này

làm hạn chế đến cả công chúng người lớn. Họ đòi hỏi phải đặt tối đa những filters này và có biện pháp kiểm soát thật chặt chẽ nhưng cũng đồng ý để dành riêng một vài computer cho người lớn và cho trẻ em tương đối lớn với sự giám sát của cha mẹ kèm bên.

Sự bàn cãi về sử dụng filter hay không trước đây của Ủy ban JPA đã không đưa đến kết quả nào. Dĩ nhiên thư viện có thể có quyết định đơn giản về chuyện này ngay bây giờ nếu muốn. Tuy vậy thư viện nên nghiên cứu tất cả các biện pháp khả thi khác, bao gồm cả việc mở rộng sử dụng cũng như ngăn chận bằng filter và các kỹ thuật khác đối với trẻ em.

Thư viện cũng có thể chọn phương pháp dung hòa, đưa ra một công thức căn cứ trên sự chọn dùng computer nào, từ máy có filter ngăn chận tối đa cho đến mở rộng hoàn toàn, tùy theo từng cá nhân người lớn hoặc tùy theo cha mẹ của trẻ em.

Thư viện không nên trở thành một thứ cảnh sát thông tin và người sử dụng thư viện cũng nên xác định mức độ filter nặng nhẹ khác nhau để sử dụng. Hiểu biết và thông cảm để có thể dung hòa các khác biệt nhưng chưa hẳn sẽ đưa đến một quyết định làm hài lòng tất cả mọi người.

NHỮNG CHỖ HẸN CỦA THẾ HỆ TRẺ MỸ GỐC Á

Những cô cậu thanh niên đó gần như có chung một ngoại hình: tóc đen, mắt nâu, nhỏ nhắn, da vàng - những dấu chỉ của gốc gác một lục địa nhiệt đới khác cách đây nửa vòng trái đất. Họ đang nâng lên và uống cạn những ly Samuel Adams hoặc Remy Martin hoặc Elix, một thứ nước gừng không có chất rượu, trong tiếng nhạc heavy metal hoặc BB music xập xình chói tay tức ngực. Có đến khoảng gần 2000 thanh niên thiếu nữ như vậy đang tụ tập tại Gift Center khu vực warehouse tại San Fransico hôm thứ bảy tuần rồi, sau lễ trao giải Asian American Golden Ring, để nhìn ngắm người khác và để được người khác nhìn ngắm mình.

Những siêu-dạ-hội như trên đang trở thành một phong trào trong giới trẻ Mỹ gốc Á khắp vùng Bay Area. Bên cạnh việc nam nữ có nhiều cơ hội gặp gỡ nhau hơn, rất nhiều điều khác được thực hiện trong những cuộc gặp gỡ này. Họ có thể nhận được một công việc tốt, thỏa thuận một hợp đồng làm ăn hay nối lại một tình bạn cũ.

Những thanh niên thiếu nữ trong lứa tuổi bừng bừng lửa sống này, đa số sinh ra và trưởng thành ở Mỹ là một hế hệ hoàn toàn khác với các thệ hệ cha mẹ anh chị của họ. Họ đang hình thành một thứ văn hóa riêng trong

nhóm người đồng trang lứa. Bên cạnh mỳ cơm hủ tiếu cổ truyền, cơ thể họ còn có thể tiếp nhận nhiều thứ thức phẩm khác. Con số các cô cậu đang có mặt trong thế giới đại học tăng lên nhiều chưa từng thấy. Các cuộc tụ họp sinh hoạt của họ ban đầu tựa như các câu lạc bộ của sinh viên sắc tộc thiểu số trong trường. Dần dà các nhóm được duy trì và mở rộng thêm, ngày càng đông đảo, ngay cả sau khi họ đã học xong đại học, đã có việc làm ở những xó xỉnh xã hội xa cách nhau. Các hội đoàn khá đặc biệt này ngày nay đang là tụ điểm của cái cộng đồng thanh xuân đang phát triển khá ồn ào. Theo con số tổng kết trong năm 1997, ở Santa Clara County hiện đang có đến 58.300 thanh niên trong lứa tuổi 20, nghĩa là chiếm đến 16 phần trăm toàn bộ dân số Mỹ gốc Á trong quận hạt.

Chỉ trong vòng năm năm qua chỉ riêng ở Bay Area đã có đến hơn nửa tá câu lạc bộ như vậy xuất hiện và thu hút đông đảo hội viên. Các hội ít khi quảng cáo trên các phương tiện truyền thông, được biết đến chủ yếu qua truyền miệng hoặc e-mail mà thôi. Nổi bật nhất là M Society West, do Alan Tien, 28 tuổi, và hai người bạn thành lập hồi năm 1994. Hội viên hầu hết là các thanh niên Mỹ gốc Á đã học xong và có nghề nghiệp đàng hoàng trong vùng San Francisco Bay. Hiện nay nhóm đã có đến 400 người đóng hội phí, thường tổ chức các buổi ăn tối, đi trượt tuyết, các buổi hội thảo về nghề nghiệp hoặc các công tác từ thiện. Một số các hội khác như Asian American for Community Outreach, Abzolut, EURASIA, AACO, Club Asean... cũng quy tụ khá đông hội viên và sinh hoạt đều đặn.

Những con người không phải Mỹ 100 phần trăm cũng không phải Á 100 phần trăm, những người ở giữa hai nguồn văn hóa này đang cố gắng tìm ra lý lịch cho chính mình. Các đồng hương ruột thịt khác của họ gần như sống trong một môi trường khác dù đôi khi họ chia sẻ cùng dưới một mái nhà. Những người thuộc thế hệ trước, những bậc cha anh họ, mang hẳn một quá khứ khá phức tạp từ cố quốc sang mảnh đất của cơ hội này, thường gặp gỡ trong những sinh hoạt mà họ có thể trò chuyện với nhau bằng thứ tiếng mẹ quen thuộc của họ. Họ dùng tiếng Tàu, Đại Hàn, Việt, Nhật.... Ở đây các thanh niên nam nữ chỉ dùng tiếng Anh mà thội, dù rằng chỉ chừng vài năm trước đó, có người còn đang vật lộn trong một lớp giáo dục song ngữ nào đó. Nói chung là họ có nhu cầu riêng, có tình cảm và nhân sinh quan khác. Họ có tiếng nói và ngôn ngữ riêng của một cộng đồng nhỏ nhưng thuần nhất hơn. Họ chia sẻ những tính cách tinh thần mới mà cha anh họ không hề thám hiểm đến được. Và những bà mẹ đôi khi buồn rầu nhìn con cái đi xa và chuẩn bị từ bỏ mình.

Hội đoàn Mỹ gốc Á là chỗ tựa xã hội và tinh thần cần thiết cho họ. Bởi vì chính bản thân các thanh niên đang góp phần hình thành một nước

HOÀNG PHỦ CƯƠNG

về ngang

đò trôi
giòng
sàng khuya chày đập
đường mây về mưa
khuất hàng cây xanh lá đậm
về ngang đường con ngựa già

còn mơ không ngủ
không gặp sao nhìn ra được
nhờn nhờ tiếng hát karaoke

HOÀNG PHỦ CƯƠNG

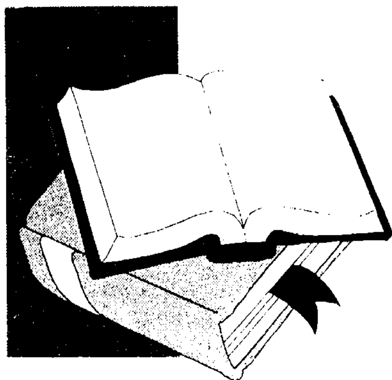
Mỹ trẻ trung này, trong thâm tâm họ, một lúc nào đó, cũng có thể cảm thấy lạc lỏng trong xã hội mainstream dù không quá rõ rệt như cha anh họ. Có ý kiến cho rằng việc tụ họp và tự tách rời ra như vậy là điều không tốt là "counter-melting pot", vì nó chỉ giúp làm bức tường phân biệt thêm kiên cố mà thôi. Tuy nhiên có lẽ ý kiến của Felita Wong thuộc nhóm M Society West nói hộ cho đám đông sôi nổi nhưng thầm lặng này:"Chúng tôi đều lớn lên như người Mỹ trắng. Chúng tôi thán phục Barbie nhưng vẫn có mặc cảm nhược tiểu. Rồi khi đến đây, wow, có những người có cùng một hoàn cảnh như bạn và bạn không cần phải giải thích gì hết về chính mình. Bây giờ thì chúng tôi cảm thấy hãnh diện là người châu Á."

NGHI LÂM



GIÁNG CHÂU

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI



DU TỬ LÊ, TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM, tập III. Nhiều tác giả. Bìa Đoàn Duy Hiệp, Tủ sách Văn Học Nhân Chứng xuất bản. Văn Nghệ phát hành. Giá 15MK.

Trước đây vài năm, nhà xuất bản Đời đã xuất bản *Du Tử Lê, Tác Giả Và Tác Phẩm* tập I. Nửa năm trước , Tủ Sách Văn Học Nhân Chứng cho ra đời *Du Tử Lê, Tác Giả & Tác Phẩm* tập II. Nay, tập III vừa được trình làng.

Có thể nói Du Tử Lê là một nhà thơ được đông đảo người viết nhắc đến nhiều nhất, ngay từ lúc còn sinh tiền. Những người viết này nằm trong mọi thành phần, mọi lứa tuổi. Từ nhà văn nhà thơ chuyên nghiệp, đến thầy thuốc, tu sĩ, nhà giáo; Từ những lão niên thất thập cổ lai hy đến những trung niên tứ thập nhi bất hoặc; rồi thanh niên, thiếu nữ đã, đang bước vào tuổi trưởng thành; và rồi nữa, các con, cháu vừa mấp mé dậy thì... Ai cũng yêu thơ Du Tử Lê, ai cũng ít nhất nhớ được vài câu thơ của Du Tử Lê, và ai cũng có điều muốn nói về thơ Du Tử Lê. Trong văn học Việt Nam, hiện tượng tương tự không nhiều, hay nếu có, cũng phải trải qua thời gian dài, năm ba mươi năm, hay thậm chí cả trăm năm sau, khi tác giả đã trở về đất. Với ảnh hưởng rộng lớn ấy, sẽ không thể được nếu muốn phủ nhận giá trị nội tại của tác phẩm Du Tử Lê, và chắn chắn sẽ còn nhiều cây viết nữa, trong tương lai, viếtvề thơ ông.

Cho nên, *Du Tử Lê, Tác Giả & Tác Phẩm* tập III hẳn chưa phải là cuốn sách sau cùng, mang chủ đề này.

TRĂNG GÓA, tập truyện Lê Minh Hà. Bìa Khánh Trường, Thanh Văn xuất bản, Văn Nghệ phát hành. Giá 10MK.

Tác phẩm đầu tay của tác giả Lê Minh Hà, hiện sống tại Đức.

Lê Minh Hà ra hải ngoại từ Bắc Việt Nam, vì thế hầu hết những truyện ngắn của chị đều lấy bối cảnh miền Bắc Việt Nam, hay cuộc sống cùng những băn khoăn, ray rức, tâm tình buồn vui của một lớp người tị nạn hiện đang sinh sống tại Đông Âu.

Tuy mới xuất hiện gần đây (truyện ngắn đầu tiên của chị đã được Hợp Lưu giới thiệu với độc giả chỉ trên dưới hai năm), nhưng Lê Minh Hà đã nhanh chóng gây được sự chú ý của giới cầm bút, nói riêng, người đọc hải ngoại, nói chung.

Bằng một văn phong trần tĩnh nhưng sâu sắc, Lê Minh Hà tạo được nhiều ấn tượng dài lâu trong lòng người đọc.

Rất tiếc, dù tác phẩm đã phát hành trên dưới nửa tháng, nhưng Hợp Lưu vẫn chưa nhận được bản in, trong lúc tòa soạn phải hoàn tất phần bài vở cũng như layout ngay, để còn mang đến nhà in cho kịp phát hành đầu tháng 4/98. Vì thế, chúng tôi không thể đề cập thật chân xác nội dung tác phẩm. Những dòng trên đây có được là nhờ chúng tôi đã đọc các truyện ngắn của Lê Minh Hà rải rác trên báo chí hải ngoại vài năm nay, và nhờ đã... coi cọp Trăng Góa tại nhà sách Văn Khoa.

NHÌN CÂY THẤY RỪNG, Đỗ Quyên. Bìa Khánh Trường, Văn Nghệ xuất bản. Giá 18MK.

Tập hợp nhiều bài phỏng vấn nhiều nhân vật thuộc mọi lĩnh vực.

Không hiểu do vô tình hay cố ý, tác giả đã không tập trung các bài phỏng vấn (chắn chắn còn nhiều nữa, chưa xuất bản) vào một chủ đề du nhất. Trong cuốn sách này, bên cạnh những nhà báo (Bùi Tín, Lương Châu Phước...), các nhà hoạt động chính trị (Hoàng Hoa Khôi, Lý Quí Chung...), nhà thơ, nhà văn (Đỗ Quí Toàn, Đỗ Kh., Khánh Trường...), luật sư (Bùi Chánh Thời...), nhạc sĩ (Phạm Duy), ca sĩ (Kiều Hưng)... chúng ta còn thấy nhiều nhân vật khá xa lạ.

Tuy nhiên, nhìn chung, cuốn sách khá hấp dẫn về mặt nội dung, nhờ ở những câu hỏi "nắm vững vấn đề" của người phỏng vấn, và nhất là qua những câu hỏi và câu trả lời này, độc giả sẽ có dịp tiếp cận với nhiều vấn đề, thuộc lĩnh vực văn.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ TRỞ THÀNH MỘT BẬC BỒ TÁT SÁNG RỰC KHẮP BỐN PHƯƠNG và TINH TÚY TRONG SÁNG CỦA ĐẠO LÝ PHẬT GIÁO. Phạm Công Thiện. Viên Thông xuất bản. Giá mỗi cuốn

10MK. Địa chỉ liên lạc: 1037 South Street, Long Beach, CA 90085. USA.

Phạm Công Thiện hiện sống với gia đình tại Úc châu. Nhưng mỗi năm ông thường sang Mỹ, "nhập thất" vài tháng tại một ngôi chùa nào đó thuộc tiểu bang California. Mỗi lần như thế ông đều viết xong một hai tác phẩm mới.

Từ gần chục năm nay, Phạm Công Thiện đã liên tục cho ra đời nhiều tác phẩm, đa số ít nhiều liên quan đến Phật Giáo. Hai cuốn sách chúng tôi đang giới thiệu nằn trong số này. Với một kiến thức Phật Giáo uyên bác cộng với một tâm hồn thi sĩ nhạy cảm và một cá tính mạnh mẽ, những tác phẩm này vẫn đủ sức lôi cuốn, dù đề tài Phạm Công Thiện đã chọn dễbị xem là "rất chán", nếu độc giả không mấy quan tâm đến tôn giáo.

MINH TRIẾT TRONG ĐỜI SỐNG. Darshani Deane (Nguyên Phong dịch), bìa Khánh Trường, văn Nghệ tái bản. Giá 15MK.

Bà Darshani Deane, nguyên là một nhạc sĩ cổ điển nổi tiếng, từng trình diễn tại 70 quốc gia trên thế giới, là một trong vài phụ nữ đầu tiên có bằng phi công, đã bay nhiều chuyến solo xuyên qua các lục địa, Bà cũng là người phụ nữ đầu tiên du lịch khắp thế giới một mình. Trên đường du lịch, bà đã làm nhiều công tác từ thiện, đã giúp đỡ rất nhiều cho những người cần giúp đỡ, từ vật chất đến tinh thần.

Bằng kinh nghiệm và "chứng ngộ" của mình, bà D. Deaneđã giúp nhiều người tìm thấy an vui trong đời sống, qua các bài thuyết giảng được tập hợp dưới tên *Minh Triết Trong Đời Sống*.

Một cuốn sách vẫn được xem như cẩm nang, hoặc la bàn định hướng cho đời sống tâm linh của con người.

ĐẠO & ĐỨC (Bản dịch mới trọn bộ Đạo Đức Kinh của Lão Tử). Đinh Sĩ Trang. Bìa Khánh Trường, Văn Nghệ xuất bản. Giá 20MK. Ngoài Mỹ thêm 3 Mỹ Kim.

Bản dịch Đạo Đức Kinh sang tiếng Việt, có thêm phần chữ Hán và tiếng Anh in kèm để tiện đối chiếu, với các lời chú giải, lời bình cùng thân thế, sự nghiệp và nguyên nhân phát sinh học thuyết của Lão Tử.

Một công trình biên soạn công phu, nghiêm túc, rất bổ ích và rất cần cho mọi lứa tuổi độc giả muốn tìm hiểu về một trong những học thuyết lớn nhất của Trung Quốc, mà ảnh hưởng của nó đến hôm nay vẫn còn sâu đậm.

GIÁNG CHÂU



VỚI VĂN HỮU VÀ BẠN ĐỌC



THƯ VĂN HỮU VÀ ĐỘC GIẢ

Đọc xong bài viết của tác giả Đoàn Xuân Kiên, tôi cảm thấy thật phấn khởi. Với một kiến thức rộng rãi, những lập luận sâu sắc cùng với lối hành văn mạch lạc, súc tích, tác giả đã nêu ra một vấn đề lớn mà tôi nghĩ nhiều người trong chúng ta đang rất quan tâm.

Tôi xin có một ít nnận xét.

Những lập luận của tác giả rất thuyết phục và có nhiều phần hợp lý. nhưng theo tôi, chưa đầy đủ. Khi đề cập đến giá trị của hai hệ văn hóa cũ và mới, tác giả đã nêu lên một khía cạnh của hai vấn đề. Cái hay của hệ văn hóa cũ và sự tiêu cực của nền văn hóa mới không được ông quan tâm tới. Ngoài ra, tác giả cũng như một số người viết khác đã tỏ ra thiếu sự "minh bạch" khi "vô tình" trộn lẫn và làm nhập nhằng hai yếu tố chính trị và văn hóa vào nhau. Tôi nghĩ, đất nước Việt Nam vào thế kỷ 21 không có sự chọn lựa nào khác ngoài việc hội nhập vào cộng đồng thế giới. Nhưng, Việt Nam chỉ có thể trường tồn và phát triển được bền vững trong một nền văn hóa mới khai phóng, (tôi tạm gọi là "nền văn hóa dung hợp") biết tỉnh táo chọn lọc và biết dung hòa những giá trị lớn của từng thời đại. Con người thường có khuynh hướng chuyển biến giữa hai thái cực, chẳng hạn như sự "đối đầu" giữa hai thế lực "cộng sản cực đoan" và "quốc gia quá khích". Trên phương diện văn hóa, văn học nghệ thuật, ta không thể vì sự thôi thúc theo trào lưu mới mà phủ nhận và chối bỏ hoàn toàn những giá trị tích cực trong hệ tư tưởng cũ.

NHƯỢC TRẦN (The NetherLands)

Lạc quan...

Quận Cam có lẽ là nơi báo chí Việt ngữđược xuất bản nhiều nhất tại hải ngoại. Đủ loại báo. Từ thấp đến cao, từ nhảm nhí đến đứng đắn, từ giải trí nhẹ nhàng đến chửi bới lăng mạ. Kinh khủng nhất là loại báo tôi vừa nhắc đến sau cùng. Đó là những tờ báo in ra chỉ để... chửi. Xa, rộng, là chửi chế độ CS ở quê nhà, chửi các đảng phái, tổ chức chính trị ở hải ngoại. Gần, là chửi từng cá nhân. Nói chung, bất cứ điều gì, người nào không làm các tay chủ bút đẹp lòng, đềucó thể biến thành mục tiêu của hòn tên mũi đạn bẩn thỉu. Chính những tờ báo này đã vô hình trung giết chết báo chí. Nó làm cho độc giả sợ hãi báo chí, nó biến đen thành trắng, biến cái đẹp đẽ mỹ miều thành cái xấu bẩn thiểu. Cũng chính điều này biến những người làm báo thành một loại người đáng sợ, và tệ hại hơn, đáng khinh.

Vài năm nay, tình trạng báo chí Việt ngữ tại quận Cam có vẻ đang dần dần đổi khác. Những tờ báo không chuyên nghiệp ít thấy xuất hiện, những tờ báo lấy tôn chỉ chửi bới làm trọng tâm cũng không được độc giả đón nhận ưu ái. Ngược lại, những tờ báo có tôn chỉ nghiêm chỉnh, có đường lối đàng hoàng càng lúc càng phát triển mạnh.

Hiện trạng ấy gián tiếp cho thấy trình độ của người đọc báo và người làm báo đã trưởng thành. Cái thời làm báo... "nói láo ăn tiền", và báo "nổ" (chuyện nhỏ bằng con kiến thổi to bằng con bò), báo "cuội" (đặt chuyện giật gân để câu độc giả), báo "đời" (chuyên gây phiền hà cho công chúng) không còn đất dụng vo. Ngày nay, với phương tiện truyền thông chính xác và nhanh chóng, cái thật cái giả bị phát hiện ra ngay. Người đọc cần cập nhật mọi hiểu biết đứng đắn, chứ không cần những tròvẽ rắn thêm chân. Vô ích và mất thì giờ.

Những điều vừa đề cập bên trên dành riêng cho báo tuần, báo ngày, hoặc bán nguyệt san, chỉ thuần tuý thông tin và giải trí. Cao cấp hơn, là những tờ báo thuộc lĩnh vực văn học, nghệ thuật, tôi cũng nhận thấy có nhiều đổi thay khích lệ. Thứ nhất, nhờ phương tiện ấn loát và nhờ các ông bà chủ bút chủ nhiệm chịu khó lưu ý hơn mặt hình thức, các tờ báo hầu hết đều dễ nhìn, bắt mắt, sáng sủa. Thứ hai, nội dung cũng được lưu ý hơn. Bài vở phong phú, nhất quán.

Người ta thường có một cái nhìn bi quan về tình hình báo chí sách vở hải ngoại, sợ rằng sẽ đến lúc nào đó không còn người đọc tiếng Việt và người viết tiếng Việt. Riêng tôi, về lâu về dài không biết thế nào, chứ hiện tại, qua thực trạng vừa trình bày, tôi lạc quan

.

NGUYỄN LIÊN
(Westminster, California)

HỢP LƯU TRẢ LỜI VĂN HỮU, ĐỘC GIẢ

Ông **Đinh Công H.** (Florida):

1) Cuốn sách ấy đã xong phần trình bày, nhưng bao giờ in thì còn phải đợi... cơ duyên. Năm trước chúng tôi đã có phương tiện, nhưng rồi một vài chuyện bất ngờ xảy ra, khiến cơ hội qua đi.

2) Nam và Bắc California vẫn thường có những triển lãm cá nhân hoặc tập thể của họa sĩ Mỹ gốc Việt. Khái quát thì chưa thấy có hiện tượng nào... "ghê gớm" (chữ của ông) cả.

3) Không dám ôm đồm nhiều. Chỉ với tờ tạp chí này, chúng tôi nhiều lúc đã cảm thấy... tất thở. Nếu "vẽ" thêm chuyện, chắc chắn sẽ phụ lòng mọi người thôi.

4) Chúng tôi cũng đồng ý với ông: già nua quá, nghiêm chỉnh quá trong cấu trúc và văn phong. Khi đã bước qua tuổi bốn mươi, mọi cái đã định hình, không thể thay đổi và không muốn thay đổi. Văn chương khó có thể trẻ trung khi đa số người viết đã bước qua lứa tuổi "tứ thập, ngũ thập".

Ông **Phan Liên** (Nouvelle caledonie): Chúng tôi không thể gửi nhanh bằng phương tiện Global Prioriy Mail được, vì nơi ông cư ngụ không nằm trong list của buu điện.

Ông **Ngô H.** (Cali): Báo gửi trong tiểu bang Cali sẽ đến tay độc giả trên dưới 3 hôm. Lần sau, nếu quá một tuần kể từ đầu tháng của chu kỳ phát hành, ông vẫn chưa nhận được, xin điện thoại, email, hoặc thư về tòa soạn, chúng tôi sẽ gửi bù ngay, vì nhiều phần trăm báo đã bị bưu điện ném vào hư vô.

Cô **Nguyễn Huỳnh Th. T.** (Cali): Trước đây, chúng tôi có ghi bên dưới sáng tác của các nhà văn, nhà biên khảo... ở nội địa hai chữ "trong nước". Sau này, nhận thấy làm như thế là vẫn còn bị vướng trong vòng "chấp trước" trong, ngoài, nên chúng tôi đã bỏ. Với chúng tôi, chỉ có nhà văn Việt Nam, viết bằng ngôn ngữ Việt nam, phản ảnh tâm tư tình cảm Việt Nam. Khác chăng là cái điạ chỉ cư trú. Thế thôi, và chỉ thế thôi.

Từ bao giờ mãi đến bây giờ, nhiều người vẫn xem HL ra đời và tồn tại xuất phát từ nhu cầu chính trị. Đó là điều đáng buồn. Nhưng biết làm thế nào bây giờ, khi mà sự ngộ nhận vẫn đầy rẫy quanh chúng ta, trên mọi lĩnh vực?



tạp chí sáng tác và nhận định

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

SUBSCRIPTION FORM

3 số / năm - 3 issues / year

Tên *Name*

Địa chỉ *Address*

Điện thoại *Phone*

Điện thư *Email*

Hoa kỳ và Gia nã đại *(U.S. & Canada)*	☐ US $20.00 cho một năm *(for one year)*
Âu châu *(Europe)*	☐ US $25.00 cho một năm *(for one year)*
Á châu và Úc châu *(Asia & Australia)*	☐ US $30.00 cho một năm *(for one year)*
Ủng hộ *Donation*	☐

Chi phiếu xin đề *(Check payable to):*	THƠ
Và gửi về *(and send to):*	TẠP CHÍ THƠ P.O. Box 1745 Garden Grove, CA 92842, USA

- **Delivery by first class and airmail**

tel. 714-530-6597 ▫ email: tctho@aol.com ▫ website:http: //www.vietbay.com/tctho

HỢP LƯU

P.O.Box 277 - Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 537-5229 - Email: tchl@aol.com

PHIẾU MUA DÀI HẠN HOẶC TÁI HẠN
(**Subscription or Renew form**)

Họ tên / Full name ________________________________

Địa chỉ / Address ________________________________

____

Điện thoại / Phone): ____________________ Email: ________________

Tôi đặt mua HỢP LƯU / I would like HOP LUU delivered to me:

☐ Một năm / One year. ☐ Hai năm / Two years

Bắt đầu từ số (Starting from issue #: ____________________

Mỹ & Gia Nã Đại (US & Canada):

Một năm / One Year:

• Hạng tư / Four class): ☐ US$40.00. Hạng nhất / First class: ☐ US$50.00

Hai năm /Two years):

• Hạng tư / Four class: ☐ US$78.00. Hạng nhất / First class: ☐ US$96.00

Âu châu (Europe):

Một năm / One year:

• Đường thủy / Surface: ☐ US$50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$70.00

Hai năm / Two years):

• Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$136.00

Úc, Á châu (Australia & Asia):

Một năm / One year:

• Đường thủy / Surface: ☐ US$50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$80.00

Hai năm / Two years:

• Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Airmail: ☐ US$156.00

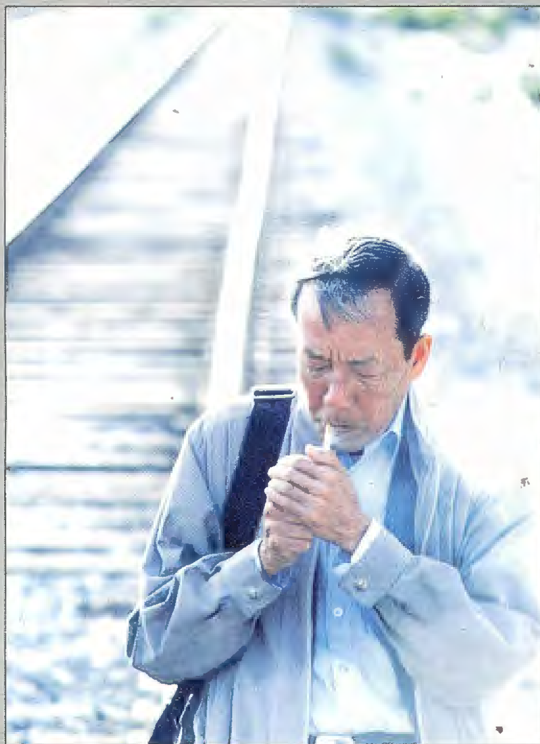
Trả bằng Mỹ Kim, ngân phiếu *(Mỹ)*, money order *(Gia Nã Đại, Âu, Úc, Á châu)* đề HOP LUU / Check (*US*), money order (*Canada, Europe, Asia & Australia*), in US funds, pay to HOP LUU

Thay đổi địa chỉ, xin cho biết trước và gửi kèm nhãn gửi báo cũ / Please let us know in advance when you change address & attach your old label.

Ghi chú / Note: Số báo đầu tiên và cuối cùng in trên nhãn gửi báo / The first and the last subscribed issues are printed on the label

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI

TƯỞNG MỘ
MAI THẢO



văn SỐ ĐẶC BIỆT • THÁNG HAI • 1998

Có thể mua trực tiếp với tòa soạn VĂN (Giá 8 Mỹ Kim, cả cước phí)
P.O.Box 89, Midway City, CA 92655. USA